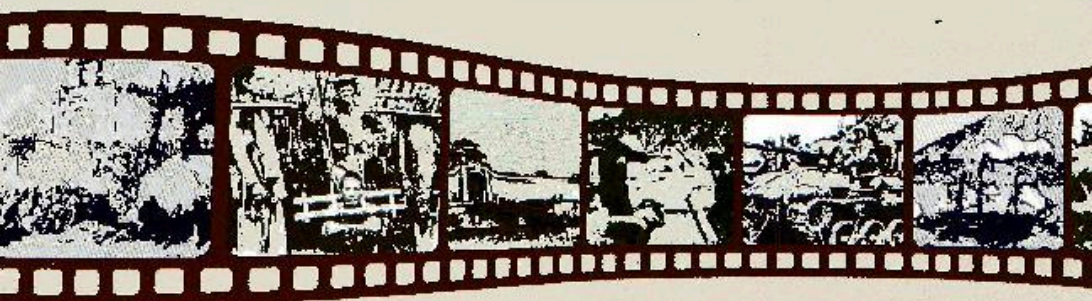


ĐÔNG HÀO - TRƯƠNG SỸ HÙNG - HÀN KHÁNH
(Biên dịch)

BỘ SƯU TẬP SỬ LIỆU
PHÁP **XÂM**
VIỆT NAM **LƯỢC**

1847 - 1887

(Bản dịch trọn vẹn Dương sự thủy mật)



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

BỘ SƯU TẬP SỬ LIỆU
PHÁP XÂM LƯỢC VIỆT NAM (1847 - 1887)
(Bản dịch trọn vẹn *Đương sự thủy mặt*)

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Bộ sưu tập sử liệu Pháp xâm lược Việt Nam (1847 - 1887) / Biên dịch:
Đổng Hào... - H. : Khoa học xã hội ; Công ty Tri thức Văn hóa Sách Việt Nam,
2018. - 232tr. ; 23cm

Bản dịch trọn vẹn Dương sự thủy mat

1. Lịch sử 2. Thời kì thuộc Pháp 3. 1847-1887 4. Việt Nam
959.703 - dc23



KXH0142p-CIP

- ✓ Những thư viện mua sách của Công ty CP Tri thức Văn hóa Sách Việt Nam (VINABOOK JSC) được biên mục chuẩn Marc 21 miễn phí.
- ✓ Dữ liệu được VINABOOK JSC gửi qua email nếu quý thư viện yêu cầu.

ĐÔNG HÀO - TRƯỞNG SỸ HÙNG
HÀN KHÁNH
(*Biên dịch*)

BỘ SƯU TẬP SỬ LIỆU
PHÁP XÂM LƯỢC VIỆT NAM (1847 - 1887)

(Bản dịch trọn vẹn *Đương sự thủy lục*)

Trần Đại Vinh (Hiệu đính)

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

VÀI NÉT VỀ TÁC PHẨM *DƯƠNG SỰ THỦY MẠT*

Trong *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm* của Trần Văn Giáp, do Thư viện quốc gia Việt Nam xuất bản năm 1970 cho biết:

Dương sự thủy mạt (洋事始末) 1 cuốn; không ghi tên tác giả; sách chép tay, giấy bản thường (28 x 16cm) 156 tờ, tờ 2 trang, chữ viết thảo xấu và nhiều chữ không đúng cách viết nên khó đọc.

Trước hết về hình thức, ngay đầu trang mặt sách, đề tên sách có chưa rõ "sách chép xong ngày 26 tháng 2 năm 1962, do Hoàng Hải chép", có đóng dấu, nhưng không nói chép từ sách nào hay từ tủ sách của người nào. Trang cuối sách (tờ 156) có ghi tên hai người kiểm duyệt: Nguyễn Khắc Xương và Nguyễn Tấn Minh. Việc kiểm duyệt làm xong ngày 8/3/1962. Cả hai người đều đỗ tú tài và làm thừa phái dưới thời Pháp thuộc. Việc kiểm duyệt tuy có vẻ cẩn thận, nhưng vẫn còn nhiều chữ chứa sai và chấm câu cũng vậy, không hoàn toàn bảo đảm.

Sách chép các việc người Pháp đến xâm lược đánh chiếm nước ta; chép các việc xảy ra từ năm Đinh Mùi, mùa xuân tháng 2, niên hiệu Thiệu Trị thứ bảy (1847) việc hai chiến thuyền Pháp vào Đà Nẵng. Phần chữ son ở đầu trang đã chưa không chính xác "thuyền người Tây đến nước ta lần đầu". Thân sách: từ tờ 1 đến 146 chép bắt đầu từ năm 1847 như đã nói trên. Tờ cuối (tờ 146) chép đến tháng 11 năm Đồng Khánh thứ ba (1887). Đoạn này chép các việc người Pháp đưa vua Hàm Nghi sang đây ở Angiêri, việc trợ cấp cho Hàm Nghi do triều đình Huế chịu trả và một vài việc về tổ chức Nha Kinh lược Bắc Kỳ.

Sau cùng từ tờ 147 đến 150 chép bản điều ước - bản dịch chữ Hán - giữa triều đình Huế và Pháp. Điều ước đề ngày 15/3/1874, gồm 22 khoản. Từ 151 đến 156 chép một bản điều ước khác - bản dịch chữ Hán - giữa triều đình Huế và Pháp đề ngày 31/8/1874, gồm 29 khoản.

Ngoài ra, ở trên đầu một số trang có tiêu đề bằng chữ son một số việc lớn chép trong sách:

Tờ 1: Việc chiến thuyền Tây đến nước ta trước nhất. Tờ 8: thời Tự Đức chiến thuyền Tây lại đến Đà Nẵng. Tờ 13: thành Gia Định bị hãm. Tờ 29b: thành lớn ở Gia Định không giữ nổi. Tờ 30: Nguyễn Bá Nghi được sung làm Khâm sai đại thần ở Biên Hòa. Tờ 40: chia cho ở từng nơi, bọn dân theo đạo Thiên Chúa và theo giặc - gọi là tù dân. Tờ 41: thành Biên Hòa bị hãm. Tờ 45: thành Vĩnh Long bị hãm. Tờ 47: gởi sứ thần bàn việc hòa giải. Tờ 48b: cắt cho Pháp ba tỉnh: Gia Định, Định Tường, Biên Hòa và hòa ước 12 khoản - cùng Pháp và Y-pha-nho ngày 9/5 năm Nhâm Tuất (1862). Tờ 50: tha bọn tù dân. Tờ 51: tạm mở Sứ quán Pháp ở Huế. Tờ 82: quan Kinh lược Nguyễn Chánh đóng ở đất Sơn Tây. Tờ 83: triệt bỏ đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc. Sung Nguyễn Hữu Độ làm Tỉnh biên (phó sứ). Tờ 86: quân Mãn Thanh đóng nhiều ở nội địa - giáp biên giới Trung Quốc và Việt Nam. Tờ 86: Trương Quang Đản dâng sớ xin đánh Pháp. Tờ 88: thư của Lý Hồng Chương gởi tới; thành Nam Định bị hãm. Tờ 94: quan quân nhà Thanh đóng nhiều ở Bắc Kỳ. Tờ 93: chiến thắng ở Cầu Giấy. Tờ 99: triệt quân thứ Bắc Kỳ về; quân Pháp kéo lại đánh Sơn Tây. Tờ 102: tướng Mi-lô (Pháp) đánh thua quân Thanh ở tỉnh Bắc. Tờ 103: quân Pháp đóng ở Tuyên Quang. Tờ 104: hòa ước 19 khoản, ngày 6/6/1874. Tờ 105: quân Thanh đánh thua quân Pháp ở Lạng Sơn. Tờ 110: Kinh thành Huế bị mất. Tôn Thất Thuyết đem vua Hàm Nghi chạy ra phía bắc. Tờ 114: Nguyễn Hữu Độ,

Phan Đình Bình từ Bắc Kỳ về kinh bàn với quân Pháp đón lập Kiên Giang quận công lên làm vua (Đồng Khánh). Tờ 122: Toàn quyền Pháp nghị ba điều lệ đem thi hành. Tờ 124: vua Đồng Khánh về kinh. Tờ 125b: sai Nguyễn Hữu Độ ra Bắc Kỳ bàn bạc mọi việc. Tờ 130b: đặt trường học chữ Pháp tiếng Pháp. Tờ 131b: bàn thêm bốn điều về trộm cướp. Tờ 135b: duyệt binh trước cửa Ngọ Môn.

"Sách *Dương sự thủy mạt* mới xem qua phần nhiều tương là trích lược ở bộ *Đại Nam thực lục*. Nhưng xem kỹ sẽ thấy sách này có ghi chép một số việc lặt vặt không có trong thực lục. Vậy ta có thể coi sách này là một bộ dã sử về thời quân Pháp mới xâm lược nước ta, tiếc rằng không biết rõ tên người biên soạn".

Trên trang mạng Văn hóa Nghệ An, thứ bảy, ngày 25 tháng 12 năm 2010 có đăng bài "Văn bản *Dương sự thủy mạt* và quan hệ của chúng với *Đại Nam thực lục*" của Vu Hướng Đông. Bài viết cho biết tác giả đã: "sang nghiên cứu ở Hà Nội mấy tháng, tôi lại có điều kiện tiến hành khảo sát văn bản của bộ sử liệu này và quan hệ của chúng với *Đại Nam thực lục*, nay xin nêu những kết quả đã khảo sát, mong được sự chỉ giáo của các nhà nghiên cứu.

1. Văn bản, niên đại và tác giả của *Dương sự thủy mạt*: *Thủy mạt* ra đời khoảng cuối thế kỷ XIX về sau, có lẽ chỉ được lưu truyền qua bản chép tay và các bản sao, chưa được khắc in, 3 bản đã biết đều không ghi họ tên tác giả, có thể do nguyên bản chép tay đã thiếu các phần tựa, bạt... nên rất khó căn cứ vào bản sao chép hiện còn để đoán định tác giả và niên đại cụ thể của sách. *Thủy mạt* chủ yếu ghi chép theo lối biên niên (...). Việc ghi chép sự kiện trong khoảng thời gian hơn 40 năm ấy, có khi lầy, có khi bỏ, có sự kiện tường tận, có sự kiện sơ lược. Từ niên đại kết thúc ghi chép sự kiện, chúng ta có thể sơ bộ biết được thời gian sách soạn xong là sau năm 1888.

Chúng tôi đã thấy có 3 bản *Thủy mặc*, tình hình cụ thể như sau:

Một là bản "Hoàng Hải" của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu VHv.2373, sao chép trên giấy trắng thông thường, gồm 156 tờ, vốn không ghi số tờ. Mỗi tờ 2 mặt, mỗi mặt 8 dòng, mỗi dòng từ 18 đến 20 chữ, dòng ghép rất nhiều, chữ viết theo lối thảo (...). Từ tình hình thời gian, họ tên người kiểm duyệt ghi ở cuối quyển đều dùng bút mực và kiểu chữ thống nhất với chính văn, nhưng nhận xét ở lề sách và sửa chữa ở chính văn lại dùng bút son, kiểu chữ cũng khác, thì thấy, nhận xét ở lề sách, sửa chữa chính văn và chấm câu có thể là do người khác làm. Thứ hai, từ dấu tàng thư đóng trên trang tên sách có thể biết, sau khi sao chép vào những năm 60 của thế kỷ XX, bản sao này sớm nhất có thể do Thư viện Khoa học xã hội thu giữ, sau chuyển đến Viện Nghiên cứu Hán Nôm lưu giữ, vẫn còn mấy dấu niên đại kiểm duyệt của đơn vị tàng thư, sớm nhất là năm 1967. Những dấu tàng thư và dấu niên đại này đã cung cấp thông tin cho người đọc. Sau khi khảo sát quá trình lưu truyền và thời gian của bản sao sách này, chúng tôi cho rằng, bản của Viện Nghiên cứu Hán Nôm có thể chính là nguyên bản bản Hoàng Hải mà Trần Văn Giáp đã thấy.

Hai là bản của Phòng Tư liệu Khoa Sử, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội cũ, (nay là Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn). Bản này ký hiệu là Hv.246, sao chép trên giấy kẻ ô dọc để in ván gỗ, lề giữa có 4 chữ "Long Cương tàng bản", trong lề giữa còn ghi niên hiệu các sự kiện xảy ra ở trang đó, như "Thiệu Trị năm thứ 7", "Tự Đức năm thứ 9"... Bản này viết theo lối hành thảo, chữ viết khỏe đẹp, thanh thoát, nhưng nét chữ không thống nhất, hình như không phải do một người viết. Toàn sách có 146 tờ, 292 mặt, mỗi mặt 8 dòng, mỗi dòng từ 21 đến 25 chữ.

Những điều ước, văn thư thương lượng giữa Việt Nam và Pháp, một số tên người, tên đất và chú thích chép ở bản này đều ghi bằng chữ nhỏ, xen vào giữa dòng. Trong sách có không ít chữ thông tục và chữ kiêng húy, như để kiêng húy Thánh Tổ hoàng hậu triều Nguyễn họ Hồ, dùng chữ "hư" thay chữ "thực", kiêng húy của Nguyễn Phúc Thì (vua Tự Đức), dùng chữ "thìn" thay chữ "thì"... Từ 4 chữ "Long Cương tàng bản" có thể biết, bản này do thư viện Long Cương, vốn là tàng thư của Cao Xuân Dục sao chép. Cao Xuân Dục là một học giả nổi tiếng, một vị quan ở hậu kỳ triều Nguyễn, có tàng thư rất phong phú. Để giáo dục thế hệ sau, ông đã thuê người sao chép số lượng lớn sách vở, có công hiến không nhỏ trong việc bảo tồn văn hiến cổ tịch Việt Nam. Bản này chắc là sách do ông thuê người sao chép. Bản này đã được học giả Trần Lê Hữu dịch sang tiếng Việt từ rất sớm (dịch xong ngày 20 tháng 10 năm 1964), hiện bản dịch cũng lưu giữ ở Phòng Tư liệu Khoa Sử của trường này, ký hiệu Vt.30. Nhưng đáng tiếc chỉ còn tập 2. Nếu còn tập 1, chúng ta có thể biết được nhiều thông tin và nghiên cứu tác phẩm này của ông và đồng nghiệp.

Thứ ba là bản sao của Viện Sử học, thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia (nay là Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam), ký hiệu Hv.418/1-2, sao chép bằng bút sắt, chữ viết khá đều đặn, rất dễ đọc. Bản sao này gồm 152 tờ, chú thích ngắn gọn, bằng chữ nhỏ viết xen vào giữa dòng, còn những văn thư thuyết khá dài giữa hai bên Việt - Pháp thì chép vào trong dấu ngoặc đơn, cuối sách chú rõ: "Chép theo nguyên bản của Thư viện Khoa học xã hội, ký hiệu VHv.2373". "Chép xong tháng 5 năm 1965", không thấy có thông tin họ tên người sao chép. Như vậy, bản sao này là chép theo bản của Thư viện Khoa học xã hội, cũng tức là bản Hoàng Hải, nhưng bản này lại không có

những nhận xét bên lề như bản Hoàng Hải. Điều này cũng có thể, từ một mặt khác, chứng minh cho suy đoán của chúng tôi về nhận xét và lời chú của bản Hoàng Hải có lẽ do người khác thêm vào. Đương nhiên, cũng không thể hoàn toàn loại trừ khả năng người sao chép đã lược bỏ lời nhận xét ở lề sách, xét từ thời gian sao chép, đây là một bản sao xuất hiện muộn nhất.

Mấy văn bản này đều có ưu điểm riêng. Lời nhận xét bên lề của bản Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (cũ) và bản Viện Nghiên cứu Hán Nôm, thực tế là những tiêu đề nhỏ, nêu ra những sự kiện quan trọng được ghi trong sách. Bản của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội còn dùng niên hiệu triều Nguyễn nêu rõ niên đại xảy ra các sự kiện ghi trong trang ở lề giữa sách; giúp người đọc tra tìm nội dung trong sách; nhưng bài sơ xin đánh của Hoàng Tá Viêm, nội dung rối rắm, khó hiểu, còn bản của Viện Sử học thì không có sai sót này, sử dụng tiện lợi hơn.

Trong 3 văn bản này, bản của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (cũ), cũng tức là tàng bản Cao Xuân Dục là văn bản xuất hiện tương đối sớm, còn bản Hoàng Hải và bản của Viện Sử học là bản sao, xuất hiện từ những năm 60 của thế kỷ XX. Chúng tôi cho rằng, *Thủy mặc* là trích biên từ bộ sử nhà nước của triều Nguyễn - bộ *Đại Nam thực lục* (dưới đây gọi tắt là *Thực lục*). Nếu vậy có thể suy đoán rằng, thời gian soạn sách này vào khoảng từ năm 1909 đến năm 1962, vì phần ghi chép về thời kỳ Tự Đức đến Đồng Khánh trong kỷ thứ 4, thứ 5, thứ 6 của *Thực lục chính biên* lần lượt hoàn thành vào các năm 1894, 1900, 1909. Rất có thể *Thủy mặc* được biên soạn thành sách từ đầu thế kỷ XX đến những năm 60 của cùng thế kỷ.

Chúng ta biết rằng, đầu thế kỷ XX là thời kỳ ý thức dân tộc và phong trào chống Pháp của Việt Nam dâng cao. Đúng trước

sự xâm lược của Pháp và ách thống trị thực dân, nhiều học giả và các bậc chí sĩ đã rong ruổi để lo cứu nước, vì thế có người chú ý tới "Dương sự" là lẽ tự nhiên. Chúng ta còn biết, Cao Xuân Dục mất năm 1923, rất nhiều bản sao chép của thư viện Long Cương được hoàn thành trước khi ông mất. Theo đó, chúng tôi có thể suy đoán thêm một bước là, *Thủy mật* được biên soạn khoảng hai mươi năm đầu thế kỷ XX. Nếu suy luận như vậy, thì có thể cho rằng Cao Xuân Dục có quan hệ mật thiết nhất với *Thủy mật* hay không? Thậm chí là người biên soạn nguyên bản chép tay? Nhưng chỉ vì là trích lục từ *Thực lục* nên không ghi tên?

2. Về những ghi chép ở quyển đầu của bản Đại học Tổng hợp Hà Nội: Trong nghiên cứu văn hiến cổ tịch, những tự, bạt, đề từ ở quyển đầu và những lời bình, lời phê, chú thích ở quyển giữa đều có ý nghĩa quan trọng đối với việc tìm hiểu biên soạn sách cổ và lưu truyền bản sao. Trong mấy văn bản của *Thủy mật*, ở quyển đầu của bản Đại học Tổng hợp Hà Nội (cũ) có 2 trang ghi chép mà ở hai bản kia đều không có. Những ghi chép này mang tính chất gì, có quan hệ gì với chính văn, có giá trị đối với việc tìm hiểu các bản sao của *Thủy mật* hay không? Rất đáng được chú ý".

Sau đó, Vu Hường Đông đã trích dịch hai trang, và khảo chú, so sánh chi tiết, nhằm tìm sự đồng dạng và khác biệt, rồi kết luận: "Đoạn ghi chép này nói về việc tuyển chọn nhân tài và ý nghĩa quan trọng của chúng đối với quốc gia, nhưng tôi cho rằng 2 trang ghi chép ấy hầu như không có quan hệ gì với chính văn của *Thủy mật*, rất có thể là đoạn văn chép lẫn vào, càng không nên cho là lời tựa của sách *Thủy mật*. Có người cho rằng, do thực dân Pháp xâm lược, triều đình họ Nguyễn rất cần tuyển chọn nhân tài để chống ngoại xâm, đoạn văn này chính là trình bày vấn đề tuyển chọn nhân tài, nên được đưa vào quyển đầu

làm lời tựa (Xem: Lư Tiểu Lợi, "Nghiên cứu bước đầu về *Dương sự thủy mật*", Luận văn nghiên cứu thạc sĩ Đại học Trịnh Châu năm 1995, chú của Vu Hướng Đông). Tôi không đồng ý cách nhìn này. Thứ nhất, rõ ràng 2 trang văn tự này có dạng tương tự quyển thi trả lời sách vấn trong khoa cử. Trên quyển thi đã nêu rõ người ứng thi là Nguyễn Huy Tuân, quê quán cũng đã nói rõ, "Hàn thập tứ hiệu" là số hiệu theo thiên tự văn của thí sinh. Xét từ việc chú rõ chữ xóa, chỗ móc... rất có thể là quyển chép lại để phòng ngừa nạn đổi quyển thi. Thứ hai, xét từ nội dung và cách thức hành văn, phần đầu của những ghi chép này có thiếu sót, phần giữa hình như cũng có thiếu sót, do đó không phải là một quyển thi hoàn chỉnh. Điều mà đoạn ghi chép này bàn tới là lựa chọn và sử dụng nhân tài, căn bản cũng không đề cập tới cái mà chính văn gọi là *Dương sự*. Thứ ba, đoạn văn tự này không thấy chép ở bản Viện Nghiên cứu Hán Nôm cũng chưa thấy có ai giới thiệu, cho rằng *Thủy mật* có lời tựa thì thiếu bằng chứng. Thứ tư, xét từ văn bản, chính văn sao chép trên giấy kẻ khung của "Long Cương tàng bản", còn văn tự ở quyển đầu lại sao chép trên giấy trắng không kẻ khung, hơn nữa phong cách thư pháp lại khác với chính văn. Cho nên, tôi cho rằng 2 trang văn tự ấy là do người ta đóng nhầm vào, không có mối liên hệ tất nhiên với chính văn.

Chúng ta đều biết, điển tịch Hán Nôm Việt Nam trong quá trình lưu truyền, phần lớn truyền lại bằng những bản sao, hiện tượng sao chép chung, đóng chung thường hay xảy ra. Từ khía cạnh chính lý văn hiến mà nói, hiện tượng này là không thể bỏ qua. Sao chung, chép chung, đóng chung tiện cho việc lưu giữ văn hiến, chúng có giá trị nghiên cứu riêng. Còn về 2 trang văn tự ở quyển đầu bản Đại học Tổng hợp Hà Nội (cũ), dù là chép chung, đóng chung một cách có ý thức, hay vô tình

đóng lộn vào, đối với việc nghiên cứu chế độ khoa cử triều Nguyễn, chúng có thể còn có giá trị, nhưng đối với việc nghiên cứu sách *Thủy mật* thì không có giá trị trực tiếp. Nguyễn Huy Tuân chỉ là một người ứng thi, có thể khẳng định, ông không phải là tác giả của *Thủy mật*, có thể cũng không có quan hệ trực tiếp với bản sao *Thủy mật* (...).

3. Quan hệ của *Dương sự thủy mật* với *Đại Nam thực lục: Thủy mật* ghi chép sự giao thiệp và xung đột Pháp - Việt, tức cái gọi là "Dương sự" ở Trung Kỳ triều Nguyễn. Trong lịch sử cận đại Việt Nam, cũng còn một tác phẩm quan trọng khác bao gồm nội dung ghi chép tương tự là *Thực lục*. So sánh 2 tác phẩm này, có thể giúp chúng ta nhận thức quan hệ giữa 2 bộ sử tịch đó, tìm hiểu giá trị sử liệu của *Thủy mật*.

Thực lục bắt đầu từ thời Minh Mệnh (1820-1840) do Sử quán triều Nguyễn không ngừng biên soạn, kéo dài mãi tới đầu thế kỷ XX; là một bộ chính sử của nhà nước, nó có nội dung phong phú, số quyển đồ sộ. Phần *Tiền biên* ghi chép giản lược lịch sử chính quyền họ Nguyễn ở Quảng Nam [chính xác là ở Đàng Trong - BT], là tiền thân của triều Nguyễn. Phần *Chính biên* thì ghi chép tỉ mỉ lịch sử thời kỳ thống trị của mấy đời quân chủ triều Nguyễn. Nếu tính chung toàn bộ phần *Tiền biên* và *Chính biên* của *Thực lục*, cũng như phần *Tiền biên* và *Chính biên* của *Liệt truyện* thì tổng cộng có tới 548 quyển. Sự kiện biên chép trong thời gian từ năm 1847 đến năm 1888 (cũng là năm khởi đầu và kết thúc của *Thủy mật*) lần lượt thấy ở kỳ thứ 3, thứ 4, thứ 5, thứ 6, phần *Chính biên* của *Thực lục*.

Thực lục căn cứ vào châu phê để biên soạn, đã phản ánh tình hình các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa triều Nguyễn, với nội dung đồ sộ, giá trị sử liệu rất cao. Về "Dương sự", *Thực lục*

cũng ghi chép rất nhiều, nhưng chỉ là một phần rất nhỏ trong khuôn khổ của bộ sử. *Thực lục* và *Thủy mật* đều đã ghi chép "Dương sự", vậy thì, những ghi chép về "Dương sự" ở 2 tác phẩm ấy có khác nhau gì không, có mối quan hệ nào không? Khi chỉnh lý *Thủy mật*, chúng tôi phát hiện số lượng, nội dung, thậm chí lối hành văn, cách dùng từ trong ghi chép sự kiện của *Thủy mật* đều giống với *Thực lục*. Rất rõ ràng, giữa 2 tác phẩm tồn tại quan hệ nhân tập. Chúng tôi cho rằng, quan hệ nhân tập này biểu hiện cụ thể là *Thủy mật* trích lục nội dung "Dương sự" ghi chép trong *Thực lục* mà không thể là *Thực lục* đã tham chiếu ghi chép của *Thủy mật*. Kỳ thứ 3 phần *Chính biên* của *Thực lục* hoàn thành năm 1877, khắc in năm 1879, do đó, ghi chép sự kiện về năm Thiệu Trị thứ 7 (1847) của *Thực lục* không thể lấy *Thủy mật* viết sau năm 1888 làm bản nền.

Chúng tôi đã chỉ rõ, *Thủy mật* là sưu tập sử liệu chuyên đề về giao thiệp và xung đột Việt - Pháp chép trong *Thực lục*. Qua so sánh thận trọng, có thể biết, "Dương sự" chép trong *Thực lục*, nội dung phong phú, nội dung về "Dương sự" ở các năm chép trong *Thủy mật*, tuyệt đại bộ phận đều có thể tìm thấy nguyên văn trong *Thực lục*, nếu có sai biệt, cũng là rất nhỏ, chủ yếu là khi trích lục, *Thủy mật* đã giản hóa về mặt văn tự. Còn nội dung về "Dương sự" một vài năm có chép trong *Thực lục*, lại không thấy ở *Thủy mật* thì có thể là do tác giả của *Thủy mật* có chọn lựa hoặc bỏ sót".

Sau đó, Vu Hướng Đông chỉ ra những sai khác về tên người, tên đất, thời gian và ghi chép một vài sự kiện giữa *Thực lục* và *Thủy mật*:

"1. Khác nhau về tên người như: tháng 2 năm Tự Đức thứ 16 (1863), *Thủy mật* ghi: "Sứ hai nước Phú-lăng-sa, Y-pha-nho

là bọn Phô-na, Pha-lăng-y-ca (Pháp soái kiêm sứ) đến kinh sư". *Thực lục* cũng ghi chép như vậy, nhưng, "Pha-lăng-y-ca" lại viết là "Pha-lăng-ca", "Pháp soái kiêm sứ" viết là "giải sư kiêm sứ". Lại như trận đánh ở tỉnh thành Sơn Tây tháng 10 năm Tự Đức thứ 36 (1883), *Thủy mật* ghi: "Đề đốc Tam Tuyên Lưu Vĩnh Phúc và Thống lĩnh quân Thanh Đường Cảnh Tùng don đốc Lưu Vĩnh Thanh ra thành nghênh chiến". *Thực lục* ghi là "Trương Vĩnh Thanh". Có 5 chỗ khác nhau như vậy.

2. Khác nhau về tên đất như: tháng 4, năm Tự Đức thứ 14 (1861), *Thủy mật* ghi: "Nay Gia Định, Định Tường đường sá đã tiện, Vĩnh Long, Biên Hòa địa thế trợ trợ cách trở". "Biên Hòa", *Thực lục* ghi là "An, Hòa", tức An Giang, Hà Tiên. Lại như tháng 2 năm Tự Đức thứ 15 (1862), *Thủy mật* ghi: "Văn Uyên biết (chúng) định gây mầm loạn, liền nghiêm lệnh cho quan Lãnh binh Tôn Thất, quyền sung Lãnh binh Nguyễn Đài, Lê Đình Cửu (đều phái đi trú đồn Vĩnh Long)...", "đồn Vĩnh Long" *Thực lục* ghi là "đồn Vĩnh Tùng". Có 9 chỗ khác nhau như vậy, có một số chỗ có thể nhìn ra là do *Thủy mật* viết sai.

3. Khác nhau về thời gian chép việc: Mực tháng 5 năm Tự Đức thứ 17 (1864), *Thủy mật* ghi: "Sứ thần toàn quyền Phan Thanh Giản trao đổi sắc văn với viên soái Pháp là Ha-ba-lý. Sứ Pháp đã trở về, bọn Phan Thanh Khoa dâng sớ xin chịu tội". Cùng nội dung này, *Thực lục* ghi vào tháng 6 cùng năm, tường thuật khá tỉ mỉ. Có 6 chỗ khác nhau về thời gian như vậy. Trong đó có 3 chỗ thời gian ở *Thủy mật* sớm hơn *Thực lục* 1 năm, tháng cũng không giống nhau; một chỗ số ngày khác nhau, đó là sự kiện tháng 10 năm Tự Đức thứ 36 (1883), quân Pháp tấn công cửa Bắc thành Hà Nội, quân giữ thành cầm cự với quân Pháp, *Thủy mật* ghi là "cầm cự nhau 4, 5 ngày", *Thực lục* ghi là "cầm cự nhau 17 ngày".

4. Khác nhau về tên quan chức: Năm Tự Đức thứ 29 (1876), *Thủy mật* ghi: "Cho viên soái Pháp là Lê-na đặt dinh thự ở bờ nam sông Hương của Kinh thành". *Thực lục* ghi: "Cho Khâm sứ Pháp là Lê-na...". Năm Tự Đức thứ 36 (1883), *Thủy mật* ghi: "Tá Viêm cùng bọn Tán tương Lê Tư Thứ đóng đồn ở ngoài cửa nam La thành". "Tán tương" *Thực lục* chép là "Tham tán". Chỉ có 2 trường hợp như thế này.

5. Khác nhau về số người chết và bị thương khi chiến đấu, về số lượng binh đông, dinh quân, thuyền chiến như: tháng 10 năm Tự Đức thứ 11 (1858), *Thủy mật* ghi: "Vua thấy trận này quân ta chết và bị thương ngang với giặc, nên miễn". *Thực lục* ghi: "Vua thấy quân ta bị thương (10 người), bị chết (22 người, 2 cỗ voi), nhưng quân Tây cũng chết nhiều (45 tên), nên miễn". Lại như tháng 3, năm Hàm Nghi nguyên niên (1885), *Thủy mật* ghi: "Bấy giờ soái phủ Pháp bàn trích 6 nghìn lính của tỉnh này, trao cho súng diễn tập để lúc cần sai đi tiểu trừ". *Thực lục* thì chép là "bàn trích 1 nghìn quân của tỉnh này". Những con số khác nhau như vậy có 8 chỗ.

6. Khác nhau trong ghi chép sự kiện như: tháng 4 năm Tự Đức thứ 12 (1859), *Thủy mật* ghi: "Gia Định thì số thuyền hiện đậu ít, mà ở xa ngoài biển, tiến sát thực khó". *Thực lục* ghi: "Gia Định thì số thuyền hiện đậu nhiều, mà ở gần mặt biển, tiến sát rất khó". Chỗ này ghi chép ở hai sách khác nhau rất lớn. Có những chỗ chỉ là sai khác nhỏ, như tháng 6, năm Tự Đức thứ 36 (1883), *Thủy mật* ghi: "Tháng 6 (ngày 16 tháng này Hoàng đế nước Anh băng), thuyền Pháp (1 to, 1 nhỏ) đi qua sông Hát Giang đến sông Nhật Chiêu". *Thực lục* ghi: "Ngày 6, thuyền Pháp (1 to, 1 nhỏ) đi qua sông Hát Giang đến sông Nhật Chiêu". Sai khác nhỏ của một vài sự kiện có khoảng hơn 10 chỗ.

Qua so sánh trên đây, có thể thấy, *Thủy mật* là trích lục chuyên đề về nội dung "Dương sự" ghi chép trong *Thực lục*, nhưng hai sách không hoàn toàn giống nhau, chỗ khác nhau, có thể là do trích lục sai, có thể là do người trích lục gia công giản hóa, có thể là do có căn cứ khác. Xét về mặt nội dung sử liệu chuyên đề về "Dương sự", *Thủy mật* vẫn có giá trị đáng được coi trọng. Trần Văn Giáp nói: "Vậy ta có thể coi sách này là một bộ dã sử về thời quân Pháp mới xâm lược nước ta".

Bộ sưu tập sử liệu *Thủy mật* còn rất ít được chú ý ở Trung Quốc, chỉ có Từ Thiện Phúc, dã sử dụng những ghi chép của sách qua bản dịch Việt văn. Cần nói rằng, *Thủy mật* có giá trị khi nghiên cứu lịch sử chiến tranh Trung - Pháp, lịch sử quan hệ Trung - Việt. Trích biên sử liệu *Thủy mật* có tính chất chuyên đề, tạo thuận lợi rất lớn cho những ai tìm hiểu sự giao thiệp và xung đột Việt - Pháp, với những tư liệu liên quan. Dù trong *Thực lục* đã ghi chép nhiều sử liệu, thậm chí nhiều nội dung hơn, thuyết phục hơn *Thủy mật*, nhưng *Thực lục* là một bộ sách của nhà nước, do triều đình nhà Nguyễn biên soạn, số quyển số tập rất đồ sộ, tra tìm rất bất tiện; còn *Thủy mật* chuyên chép "Dương sự", trong khuôn khổ không đến 10 vạn chữ, viết theo lối biên niên, tra tìm sử dụng tiện lợi hơn. Đối với các bộ sử đồ sộ, học giả Việt Nam xưa nay có truyền thống biên tập bản rút gọn kiểu "tiết yếu", "toát yếu". Như sau khi triều Nguyễn biên soạn bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, thì đã có *Việt sử cương mục tiết yếu*. Kiểu tiết yếu này là sự cô đọng, rút gọn toàn bộ nội dung của nguyên tác, nhưng kiểu trích yếu chuyên đề như *Thủy mật* đối với *Thực lục* này thì không thấy nhiều. Do đó, chỉnh lý xuất bản *Thủy mật* dù là đối với việc nghiên cứu văn hiến lịch sử Việt Nam, hay là đối với việc nghiên cứu lịch sử cận đại, đều là có ý nghĩa.

Ngoài ra, Vu Hường Đông còn dẫn liệu hai tài liệu nghiên cứu về *Dương sự thủy mật* ở Trung Quốc như: Đới Khả Lai, Vu Hường Đông: "Về *Dương sự thủy mật*, sử liệu chuyên đề Pháp xâm lược Việt Nam" (Tập san *Đông Nam Á tung hoành*, số 1, năm 1998, phát hành tại Nam Ninh), và Lư Tiểu Lợi: "Nghiên cứu bước đầu về *Dương sự thủy mật*" - Luận văn thạc sĩ tại Đại học Trịnh Châu, năm 1995.

Ghi nhận những nghiên cứu bước đầu của cổ học giả Việt Nam Trần Văn Giáp và những nghiên cứu mới của một người bạn Trung Quốc, đã quan tâm đến nguồn sử liệu Việt Nam, cộng tác với tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu một bản dịch trọn vẹn *Dương sự thủy mật* của nhóm dịch giả: Đông Hào - Trương Sỹ Hùng - Hàn Khánh, theo nguyên bản ký hiệu VHv.2373, hiện còn lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Dĩ nhiên, nhóm dịch giả có tham khảo phần nửa bản dịch tư liệu của cụ Trần Lê Hữu như Vu Hường Đông đã đề cập. Mặt khác, khi dịch theo bản VHv.2373 thì cấu tạo nội dung và hình thức văn tự *Dương sự thủy mật* khác nhau nhiều điểm, kể cả nội dung và dạng tự so với hai bản của Viện Sử học và Khoa Sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2018

TRƯƠNG SỸ HÙNG

ĐƯỜNG SỰ THỦY MẶT

(Bản dịch)

Năm Thiệu Trị thứ 7 (1847), mùa xuân, tháng Hai, [2]⁽¹⁾

Hai thuyền chiến của Tây vào bến Đà Nẵng. Có năm, sáu cổ đạo đeo chữ thập đi theo, đi lại ở nơi cửa biển. Quan tỉnh Quảng Nam xét chúng đến có ý kiêu ngạo, đem việc phi tẩu lên. Vua sai Tả Tham tri Bộ Lễ Lý Văn Phúc đi trước họp cùng quan lớn tỉnh Quảng Nam: Tuần phủ Nguyễn Đình Tân, Lãnh binh Nguyễn Đức Chung tùy nghi giảng thuyết. Nguyễn Đức Tập trước đã có chỉ về kinh, tạm cho ở lại cùng làm việc. Phúc đến nơi hẹn ngày với người Tây [3a] cùng họp. Đúng ngày đầu mục Lạp-biệt-nhĩ (Lapierre) đem đồ đảng mấy chục người mang gươm súng đi thẳng vào công quán, ngăn lại không được. Chúng đưa một quốc thư bằng chữ Hán, nhiều chỗ lời văn càn rỡ. Phúc không chịu tiếp nhận, đầu mục Tây quát tháo, để thư trên ghế rồi bỏ đi. Phúc bàn với Đình Tân: "Nhận thư có tội, đốt thư đi cũng có tội, chỉ bằng gửi về tâu". Phúc cùng về kinh chờ chịu tội. Vua giận vì làm mất quốc thể, sai lính cấm y gông Phúc ở Tả Đãi Lậu (ngôi nhà ở phía bên trái điện Thái Hòa để các quan ngồi đợi đến giờ vào chầu), giải chức, giao đình thần nghị tội. Phúc đi rồi, bọn giặc càng tỏ ra hách dịch; ngày thường [3b] lên bờ, ra vào thôn xóm.

Người vốn theo tả đạo thường đi lại nhòm ngó, ngầm đưa tin tức. Các thuyền đi biển của quân ta bị chúng kềm giữ ở cửa biển. Có năm chiếc thuyền đồng [Kim Ưng, Phấn Bằng, Linh Phượng, Thọ Hạc, Văn Bằng] ở kinh phái xuống chưa ra biển, còn đỗ trong vũng Trà Sơn đối diện với thuyền Tây; bọn chúng cũng sẵn đến cướp lấy dây buồm, ghìm giữ các thuyền này.

⁽¹⁾ Niên hiệu Thiệu Trị (1841-1847).

Chú thêm của Ban biên tập: Chú thích cuối trang của người dịch. Các chú thích bổ sung của Ban biên tập có ghi thêm chữ BT. Các số Ả Rập đặt trong dấu ngoặc vuông [] là số trang nguyên văn do chúng tôi thêm vào để tiện tham khảo. BT.

Thự Phó vệ úy Lê Văn Pháp, các Suất đội Nguyễn Tri, Nguyễn Quyển, Nguyễn Y, Lê Tần đều thả neo giữ chặt. Tin báo về, vua ngự điện Vô Hiển, sai Hữu Đô thống Mai Công Ngôn, Hộ Bộ Tả Tham [4a] tri Đào Trí Phú, linh ba vệ biên binh Vũ Lâm, Hồ Oai, Hùng Nhuệ, đi nhanh đến Đà Nẵng. Từ Tuần phủ trở xuống đều do Mai Công Ngôn điều động. Lại vì quan tỉnh phải ở cửa biển bàn bạc lo liệu, thể khó kiêm quản việc tỉnh, nên sai Tả Thị lang Bộ Lễ sung biện việc Nội các là Nguyễn Bá Nghi quyền lãnh Bố chính Quảng Nam. Phó vệ úy vệ Hậu, doanh Hùng Nhuệ là Nguyễn Nghĩa Thi quyền lĩnh Phó lãnh binh Quảng Nam; Phó vệ úy vệ Hậu, doanh Tiền Phong là Mai Điền bổ thụ làm Phó vệ úy vệ Nhì Hữu Bảo ở hữu quân, Cai đội Phạm Dũng thăng lên Thành thủ úy, sung làm Hiệp quản vệ Nhì Hữu Bảo ở hữu quân, theo Mai Công Ngôn đến đóng giữ Đà Nẵng; Cai đội Cẩm y Võ Khoa thăng Thành thủ úy sung Hiệp quản vệ Cẩm y và Phó vệ úy Ngô Độ theo Nguyễn Bá Nghi đóng giữ tỉnh Quảng Nam, Nguyễn Đình Tân, Nguyễn Đức Tập đều cách lưu theo Mai Công Ngôn, Đào Trí Phú gắng sức chuộc tội. Lại cho Thủy sư thự Chương vệ Phạm Xích, Binh Bộ thự Thị trung Võ Duy Ninh quản lĩnh bốn chiếc thuyền đồng đi tuần hải phận Trà Sơn để làm ứng tiếp. Nhân truyền chỉ cho Mai Công Ngôn, Đào Trí Phú rằng: "Người Tây như đã [5a] biết oai mà yên thì ta không nên động thủ trước. Ví bằng chúng tự gây hấn, lập tức đốc suất các thành đài và biên binh các hiệu thuyền với thuyền đồng từ kinh phái đến, trong ngoài cùng đánh, tiêu diệt hết không để sót. Mọi nơi ven vũng, phải tăng cường phòng thủ, không cho chúng tự vào hương thôn. Lại nghiêm cấm dân Gia-tô sở tại không được đi lại nhòm ngó, cho tuyệt tin tức". Vua lại hỏi các Cơ Mật đại thần rằng: "Thuyền Tây đến lớp này là ý thế nào? Bọn Mai Công Ngôn đi chuyến này, ý các khanh định liệu ra sao?". Đặng Quế thưa: "Bọn Tây di mong mọi

chẳng qua được thông thương và bỏ cấm mà thôi, chứ có lý đâu chỉ có [5b] hai thuyền mà dám từ xa lại gây sự. Đào Trí Phú đã quen biết tình giặc, nay cùng chúng nói chuyện giảng giải, tướng cũng không đến phải dùng binh. Nhược bằng chúng tự gây hấn trước, thì chúng gian ta ngay đánh tan không khó".

Hà Duy Phiên thưa: "Thuyền Tây không đáng lo, duy thuyền đồng của ta cứ cố thủ ở trong vụng mới đáng ngại".

Vua nói: "Nguyễn Đình Tần nắm không vững, cuống như hươu long tim, tuy tâu lên không khỏi hoang mang, nhưng cũng không thể không phòng bị".

Tháng Tư, đặt 7 đồn bảo Trấn Dương ở Quảng Nam. Từ khi Tây gây hấn, vua chú ý việc đề phòng miền biển, sai [6a] bọn Mai Công Ngôn ở Quảng Nam xem xét hình thế Trà Sơn, đắp thêm nữ tường ở các thành, đắp pháo đài, xây pháo môn; lại đắp thêm 7 thành đất ở mũi Diêu và trên dưới vụng Trà Sơn, sai các Lãnh binh Giáp Văn Tần, Mai Điền đồn đốc. Cấp sự trung Nguyễn Thuộc đi trước, kiểm soát thi hành; từ lãnh binh đến quản vệ và biển binh ở phủ, huyện đến làm việc lâu dài đều được thưởng trước một tháng tiền lương hưởng. Thành đắp xong, từ 1 đến 7 đặt tên là Trấn Dương.

Vua thường bảo mọi đại thần: "Trời sinh năm tài. Việc binh [6b] đặt theo thế đã từ lâu. Ngũ binh đời cổ, chưa có súng dùng, từ khi phép súng lập ra, ngũ binh tăng thêm một nửa, mà năm tài dùng đến ba. Chiến, không có trận mạnh, công, không có thành bền. Súng có thần uy rõ rệt khắp thiên hạ từ lâu rồi. Quốc gia ta bờ cõi rất rộng, các hạt miền Nam, đất liền với biển xanh, những cửa tấn Đà Nẵng, Thi Nai, Cần Giờ đều là đất quan yếu. Nay trong kho hiện trữ nhiều đồng, gang. Trẫm muốn đúc thêm 9 súng đồng hạng lớn, 9 súng gang hạng lớn, lại làm riêng

3 súng đồng thượng hạng: chia đặt ra các pháo đài ở bờ biển, [7a] truyền lâu dài về sau, để giữ vững việc phòng biển mà thêm nghiêm cẩn vô bị". Bèn sai một đường quan ở Bộ Hộ cùng Tá Phó đô ngự sử Viện Đô Sát là Phạm Thế Hiển đến Võ Khố hội đồng với bọn khâm phái thanh tra đương thứ là Nguyễn Quốc Hoan, Lê Đức, Giám lâm Nguyễn Danh Bị..., quật khai hầm chứa đồng, gang lên cân lấy được hạng đồng đỏ dùng làm nổi đồng 14 vạn cân, đồng phiến 17 vạn 7 nghìn cân, giao cho kho giữ riêng ra để chuẩn bị đúc; số hiện còn ở trong hầm cũng hội đồng cân kiểm lại, chiếu theo niêm phong cũ mà xếp đặt như phép đã định [7b]. Lại sai hai Bộ Binh và Bộ Công hãy đem họa đồ đại bác có chiều dài, chiều ngang, cỡ nòng dâng lên ngự lãm. Trước đem đúc thử súng gang không được, đổi ra đúc 500 viên đạn gang gọi là "chấn địa lôi" đưa cho các đài và đồn bảo ở Quảng Nam dùng.

Sau đó lại thông dụ các địa phương: Cuồng di Pháp-lan-tây, tội không thể dung tha, nếu còn quay lại, vô luận thuyền buôn, thuyền quân đến bến nào, thì sở tại lập tức phải đuổi đi, không được cho chúng buông neo. Tự trung, Gia Định là một cái cửa lớn ở Nam Kỳ, xa tiếp đến biên cương, gần tới ngay biển lớn; các cửa tấn Cần Giờ, Phú Mỹ, Tam Kỳ [8a] lại càng quan yếu, tinh thần phải nên xét tường tận hình thế, tăng thêm thành, đài, chia ra đặt thêm đại bác nghiêm phòng.

Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên Nguyễn Đăng Giai dâng sớ: "Giặc Tây giáo quyết đem tà giáo mê hoặc người. Nay việc Đà Nẵng đã như thế, xin từ nay quan thuyền của Tây phái đến đều phải đình chỉ, cố đạo Gia-tô đến nhất thiết cứ xử trị theo quốc pháp, không thể cứ khoan dung". Vua rằng: "Lời tâu ấy cũng có lý, nhưng nhân việc Đà Nẵng mà muốn đình chỉ hẳn đường biển, vị tất đã khỏi mang tiếng ta tỏ ra yếu, phương chi tà giáo

Gia-tô mê hoặc đã sâu [8b], cốt yếu là phải nhiều lỗi, dụ bảo cho họ cải ác sang thiện, nếu vợ gia hình pháp thì lại càng làm cho rối thêm"⁽¹⁾ [9a].

Năm Tự Đức thứ 9 (Bính Thìn, 1856) tháng Tám⁽²⁾

Một chiếc thuyền Tây vào vịnh Trà Sơn, cửa tấn Đà Nẵng, Quảng Nam, nói là chỉ đưa quốc thư yêu cầu thông thương mà thôi, rồi lại đi thẳng đến cửa Thuận An, Thừa Thiên, bỏ lại một cuộn giấy trên bờ biển - vì quan giữ cửa tấn không chịu nhận. Ngày hôm sau, lại đến cửa tấn Đà Nẵng, nói rằng việc đưa thư đã xong, nên đến đây đợi 7, 8 ngày, chánh phó sứ của chúng đến thương nghị, nếu không hòa, sẽ về triệu tập thêm nước Hồng-mao cùng đến, tất "xảy ra điều không hay". Việc tàu lên, vua đưa xuống cho Bộ Binh bàn⁽³⁾. Nghe báo thuyền đó vào vũng đã bắn phá các đồn bảo. Sau đó lại có Trần Trí vì không biết tiên cơ phòng ngự, giáng làm Phó vệ úy, Bồi chính sứ Nguyễn Huy Lịch chấp tay bàng quan, giáng làm Viên ngoại [9b]. Các quan, suất ở đồn lũy đều bị cách chức. Bèn sai Chương doanh Vũ Lâm Đào Trí thẳng đến Đà Nẵng giữ hai thành An Hải, Điện Hải, tùy cơ lo việc tiểu trừ, Chương doanh Long Vũ Trần Hoàng đến Quảng Nam gánh vác việc tỉnh.

Tháng Chín, sai Hồng lô sung các vụ Nguyễn Duy đến Đà Nẵng, hội đồng Đào Trí trừ biện công việc ngăn giữ Tây,

⁽¹⁾ Đoạn từ "Tháng Tư, đắp 7 thành đất chống Tây... càng làm cho rối thêm" không có trong *Đại Nam thực lục* (ĐNTL). Tuy nhiên, *Dương sự thủy mật* (DSTM) lại thiếu một đoạn bọn Tây bắn đắm quan thuyền và việc sung bổ các quan ở tỉnh Quảng Nam. Xem ĐNTL, bản dịch Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tập 6, tr. 983-985, 989-990. BT.

⁽²⁾ Niên hiệu Tự Đức (1848-1883).

⁽³⁾ Đoạn này DSTM ghi lược. Còn trong ĐNTL, sđd, tập 7, tr. 465-466, chép đầy đủ hơn. BT.

lại sắc đòi quan nguyên quán đạo Phú Yên Trần Đình Túc [về quán Đình gian] do Nguyễn Duy điều động⁽¹⁾.

Khi trước tàu máy Tây đưa thư ở cửa Thuận An, Cơ Mật Viện cho đem nguyên phong giao cho quan giữ cửa tấn Đà Nẵng, đưa trả tàu ấy và báo cho chúng biết rằng, họ làm như thế là vô lễ, ta không đáng nhận [10a]. Nhưng rồi thuyền ấy gây sự. Sau đấy lại đưa thư cho quan cửa biển - thuyền trưởng tên là Lê-liệu - xin đệ thư giao hảo thông thương. Quân thứ Quảng Nam ủy quyền cho người đến chất vấn, y tự nhận lỗi vì y là thuyền trưởng đi trước đệ thư thông hiếu. Còn như điều ước, quốc trưởng của y ủy riêng cho chánh phó sứ đến sau hội bàn. Những việc y làm không đợi hòa ước thành, xin riêng bồi thường sửa chữa đồn lũy. Đến nay lại có một thuyền buồm đến bỏ neo cùng với thuyền trước. Ta hỏi, họ xưng thuyền trưởng Cô-li-ê, cùng đi với chánh phó sứ ở Xiêm, thuyền này đến trước, chánh phó sứ không lâu nữa cũng đến. Vua thấy tình ý chúng khó lường, cho phái quân thêm đến đóng giữ.

Mấy ngày sau, thuyền máy của Lê-liệu thẳng tiến về phía đông.

Tháng Mười một, bề tôi ở quân thứ Trấn Dương là Trần Hoàng tâu có hai thuyền Tây, một vào trong vịnh, một thỉnh thoảng đến lại đi. Sai hỏi thì bảo là chánh phó sứ; không biết định mưu mô gì. Sắc xuống [10b] phải tăng nghiêm phòng.

Cử Thương biện tỉnh vụ là Trần Hoàng do hàm chương về lĩnh chức Tổng đốc Nam - Ngãi.

⁽¹⁾ Đoạn tháng Chín này *DSTM* cũng ghi lược. *ĐNTL*, sđd, tập 7, tr. 466-467, chép đầy đủ việc tăng phái nhân sự, binh lính. BT.

Năm Tự Đức thứ 10 (Đinh Tỵ, 1857), tháng Giêng

Các quan khâm phái trấn Tây là bọn Đào Trí tâu thuyền sứ Tây đến xin cho phái viên đến cùng bàn luận hòa hảo, y xưng là quan nhất phẩm của Tây, yêu sách được tầu về kinh được các quan nhất phẩm của ta hội bàn. Vua sắc xuống là cho viên ấy hết lòng trù liệu, đừng cơ nghi. Không cần phái thêm.

Sau đấy lại báo lên là hai chiếc thuyền đậu ở tấn Đà Nẵng trước đã sinh sự bỏ đi, xin để quân đủ phòng thủ, còn thừa rút về. Trên chuẩn y, nhưng dụ Đào Trí, Nguyễn Duy cùng với đốc thần Trần Hoàng, quan Bố chính mới Thân Văn Nhiếp, quan Án sát Lê Văn Phổ thân hành đến những đồn lũy kiểm tra và trù liệu [11a].

Tháng Hai, bọn Đào Trí làm sớ nói công việc trù liệu cần thiết: 1 bản xin đắp thành trên đỉnh núi đặt đại bác 20 khẩu, 1 bản xin từ thành An Hải đến chân Trà Sơn, từ thành Điện Hải đến cảng Thanh Khê đắp lũy cát, còn 2 thành đệ nhất và nhị bỏ đi. Sớ đến, chuẩn cho Đào Trí về kinh trình bày.

Tháng Năm nhuận, 1 thuyền máy của Tây lại đến vụng Trà Sơn bỏ neo, Khâm sai Tôn Thất Cáp tâu là thuyền Anh-cát-lợi.

Tháng Bảy, mùa thu, hai thuyền máy của Tây từ phía Nam lên đến Hòn La thuộc Quảng Bình bỏ neo, rồi chuyển đi đậu ở bến Ba Lạt Nam Định, mấy ngày sau lại đi.

Năm Tự Đức thứ 11, mùa thu năm Mậu Ngọ (1858), tháng Bảy

Mười hai chiếc thuyền Tây vào tấn Đà Nẵng, bắn phá mọi đài lũy. Sai tinh thần ở đây đem lính hạ ban⁽¹⁾ - hơn 2.000 - đến tiểu ngự. [11b] Tiếp đó hai thành An Hải, Điện Hải bị hãm,

⁽¹⁾ Lính hạ ban: lúc lính thuộc phiên nghỉ. BT.

sai Hữu quân Đô thống chương phủ sự, Thắng công nam là Lê Đình Lý làm Tổng thống, Tham tri Bộ Hộ Phan Khắc Thận làm Tham tán đem cấm binh - 2.000 người - ra chống. Nguyên đốc thần Trần Hoàng bị cách hiệu lực, bọn Phiên, Niết⁽¹⁾ giáng 4 bậc, lưu lại. Đại quân đóng ở xã Thị An huyện Hòa Vang. Cử Đào Trí quyền lĩnh Tổng đốc Nam - Ngãi. Tham tri Nội các Nguyễn Duy xin đi quân thứ Quảng Nam, vua cho. Sai trung quân Đoàn Thọ nâng dụ đi trước tuyên thị, và xem xét tình hình về phúc tấu.

Quân giặc vào xã Mỹ Thị, nhỏ rào gỗ phá đồn Thổ Sơn. Tổng thống Lê Đình Lý đại chiến ở xã Cẩm Lệ bị thương, quân ta bại. Phòng giữ đồn Hóa Khuê là Hồ Đức Tú đóng quân không tiến. Sai [12a] Tham tri Lưu Lượng đem cờ bài chạy thẳng đến cách chức Hồ Đức Tú giam lại tra hỏi. Lê Đình Lý được nghỉ quân vụ về điều trị thương, lấy Thống chế Chu Phúc Minh thay.

Lấy Kinh lược Nguyễn Tri Phương sung Tổng thống quân thứ Quảng Nam, Tổng đốc Định Biên Phạm Thế Hiển làm Tham tán đại thần, Chu Phúc Minh đổi làm Đề đốc.

Tháng Mười, mùa đông, thuyền Tây vào cửa sông Hàn, sông Nại Hiên. Đào Trí, Nguyễn Duy phục kích đánh cho thua chạy. Tám thuyền giặc lại xông vào sông Nại Hiên, Nguyễn Tri Phương cho Chu Phúc Minh, Phan Khắc Thận, Nguyễn Duy bắn phá, thuyền giặc hoặc bị gãy cột buồm, hoặc bị rò nước. Tiếp theo đó, các Hiệp quân các đạo Nguyễn Song Thanh, Phan Hữu Điển bắn lui quân Tây ở bờ biển Nam Thọ, [12b] bắt được 1 thuyền ván, giết 7 đứa, được vua khen thưởng.

Quân Tây bắn phá hai đồn Hóa Khuê, Nại Hiên. Hiệp quân Nguyễn Triều, Nguyễn Ngao cố sức đánh tử trận, đều được tặng cấp có sai biệt.

⁽¹⁾ Phiên: Ty Phiên, tức Ty Bố Chánh Sứ; Niết: Ty Niết, tức Ty An Sát Sứ. BT.

Chu Phúc Minh, Nguyễn Duy hàng ngày đi tuần, gặp quân giặc ở hai đồn Nại Hiên, Hóa Khuê, bắn lui. Vua cho chưa thắng được địch chưa vui. Kế đấy, quân giặc ước 700 tên vọt đến. Phan Khắc Thận, Nguyễn Duy đại chiến ở khoảng Hóa Khuê, Thạc Gián. Nguyễn Duy suýt bị bắt. Tri Phương, Phúc Minh không kịp đến viện. Vua thấy trận ấy số thương vong ta địch ngang nhau, tha cho. Sau đấy có tin báo quân giặc giữ thành An Hải. [13a].

Tháng Chạp, Tri Phương, Thế Hiển đắp đồn Liên Trì phòng bị. Quân Tây chia đường đánh vào Thạc Gián, Nại Hiên, bị đánh lui.

Tri Phương đắp lũy dài từ Hải Châu đến Phước Ninh, Thạc Gián. Ngoài lũy đào hồ chữ "phẩm", cắm chông nhọn, phủ cát, chia quân phục nấp ở thành Điện Hải.

Quân Tây chia 3 cánh lại đánh, quân phục nổi lên, quân giặc rơi xuống hồ, quan quân cứ nhè bắn, địch phải rút lui. Thương tiền khấp cả 100 quan.

Năm Tự Đức thứ 12 (1859), mùa xuân, tháng Giêng

Thuyền Tây vào Hải Châu, bọn thị vệ Hồ Oai bắn chìm 3 chiếc⁽¹⁾. Ngày hôm sau quân giặc lại chia quân tiến vào. Ba đồn Hải Châu đều bị vây hãm cả. Phúc Minh chạy vào đồn lớn Phước Ninh cố thủ, bọn Nguyễn Duy đến cứu [13b] đánh lui quân giặc. Quan quân chết trận nhiều. Vua cho là cũng có lúc được lúc thua, nên tha tội, duy Phúc Minh bị giáng tước hồi.

Mười bốn thuyền chiến của Tây đậu ở vụng Trà Sơn, Hòa Vang chuyển hướng vào Gia Định. Hai mươi thuyền chiến của giặc tập trung bắn vỡ pháo đài Phúc Thắng (Biên Hòa),

⁽¹⁾ ĐNTL, Đệ tứ kỷ, quyển XX chép rõ hơn: Thị vệ là Hồ Oai, Cai đội là Tôn Thất Thi, Anh danh là Nguyễn Nghĩa bắn chìm được 3 chiếc. BT.

lại bắn vỡ các thành đất Lương Thiện (Biên Hòa), Phúc Mỹ, Danh Nghĩa (Gia Định), vào Cần Giờ ngăn sông Nhà Bè (Biên Hòa). Rồi các đồn Tả Định, Tam Kỳ, Bình Khánh, Phú Mỹ, Hữu Bình (Gia Định) nối nhau thất thủ, giặc bèn tiến bức tỉnh thành Gia Định. Hộ đốc Vũ Duy Ninh phi tư đi các tỉnh cầu hội viện. Vua giáng dụ sĩ phu ứng nghĩa, lập [quân] đoàn luyện, hương dũng để phòng bị nghiêm ngặt [14a].

Quân giặc đánh hãm tỉnh thành Gia Định. Liên mấy ngày - từ 11 đến 14 - quân Tây đã bắn phá các đồn ở ven sông, thẳng tiến lên bờ sông phía tỉnh thành. Ngày 15 một toán quân bắn riết, đổ bộ vây đánh quanh thành.

Quân vỡ, thành bị hãm, Quyền đề đốc Trần Trí, Bồ chánh Vũ Thực, Lãnh binh Tôn Thất Năng chạy vào bảo Tây Thái, huyện Bình Long. Đốc thần Võ Duy Ninh chạy vào thôn Phúc Lý, huyện Phúc Lộc thất cổ chết. Sau đó Án sát Lê Từ - ở ngoài thành phòng tiểu - cũng tuần tiết. Tổng đốc Long, Trương Trương Văn Uyên - đến ứng viện ngày 14, ở ngoài thành - lập tức đem thuyền quân trở về Vĩnh Long, đem việc tâu lên. Trước vua nghe tin dịch đến bức thành Gia Định, đã cho Hộ Bộ Thượng thư [14b] Tôn Thất Cáp làm Thống đốc đại thần, Bồ chánh Quảng Ngãi là Phan Tĩnh làm Tham tán đến tiểu trừ gấp. Vừa đi được mấy ngày thành đã thất thủ. Lúc ấy sự thể ở Biên Hòa khẩn thiết, chuẩn cho bọn Tôn Thất Cáp lên đường; trưng thêm lính ở Bình Định, Bình Thuận, Khánh Hòa, mỗi tỉnh 500 quân đưa ngay đến Biên Hòa. Lại chuẩn Trương Văn Uyên hiệp đồng với tỉnh thần 3 tỉnh An Giang, Hà Tiên, Định Tường phòng thủ nơi hiểm yếu; phàm nhất thiết trưng binh, điều động đều do Cáp, Uyên lo liệu.

Tháng Hai, Trương Văn Uyên tự đem quân Vĩnh Long (1.300), Định Tường (800) cùng với Án sát tỉnh Lê Đình Đức đi trước

hội với bọn Trần Trí vừa đến đóng ở lũy Lão Sầm ở chùa Mai Sơn trong hạt Gia Định. Ngày mồng 2, [15a] quân Tây chia hai đạo đến đột kích, hai đồn tiền, trung đều vỡ, Uyển bị thương, được dẫn lui. Bọn Đình Đức đều về Vĩnh Long (quan quân chết 21 viên, giáng Uyển 4 cấp, lưu lại, bọn Đình Đức đều cách).

Quân Tây bắn phá vỡ thành Gia Định, thiêu hủy dinh sở, kho dựn, rồi rút lui, đậu ở hạ lưu đồn bảo Hữu Bình.

Trước đây, khi Gia Định thất thủ, người trong hạt là Trần Thiện Chánh - Tri huyện bị cách - Lê Huy - Suất đội thái hoi - tập hợp dân dưng được 5.800 người, khuyến dân chuyển nộp tiền thóc giúp lương, ngăn địch, giúp nguyên Hộ đốc Trần Tri chạy về đồn bảo Tây Thái. Vua được tin khen cho phục nguyên hàm đi theo quân thứ.

Quân giặc ước 600 tên, phạm vào Thạch Than - đất Quảng Nam - Phó vệ úy Phan Gia Vĩnh đem quân nghĩa dưng đánh; [15b] chúng lại sang đồn thượng Hải Châu, sau lại sang cả đồn hạ; Nguyễn Tri Phương sai Nguyễn Song Thanh tiếp ứng do Đào Trí, Tôn Thất Hàn đốc chiến đánh thắng. Vua khen thưởng, thăng chức hàm có sai biệt.

Quân Tây lại đến các đồn Thạch Than, Hải Châu, các viên quản suất luôn mấy ngày: 20, 21, 22 bắn lui. Vua dụ: "Quân thứ được trận luôn, nhân đây sớm bình được, là nguyện vọng tha thiết vậy". Quân Tây tấn công đồn Phú Thọ - do Tôn Thất Cáp mới đắp. Phan Tĩnh bị thương phải lui, giặc chiếm đồn giữa. Tôn Thất Cáp đốc lĩnh kinh binh kịch chiến, bắn chết rất nhiều. Quan quân cũng nhiều thương vong. Giặc bèn đốt đồn Hữu rồi lui.

Tháng Tư, mùa hạ, quân Tây chiếm giữ thành Điện Hải ở Quảng Nam. [16a] Liền theo lại báo 9 thuyền máy và 20 thuyền ván đến bức đồn Phước Ninh, Thạch Gián, tiếp sau lại chia cánh

tiến đến đồn Du Xuyên. Mọi đồn thượng, hạ Hải Châu, Phước Ninh, Thạch Gián đều bị hãm. Quan quân thua lui về cố thủ đồn Nại Hiên, Liên Trì. Quân hai bên thương vong rất nhiều. Việc tàu lên. Tri Phương, Thế Hiển đều bị giáng.

Lấy Án sát Vĩnh Long Lê Đình Đức làm Đồng chế ngăn chặn bọn dân xấu tả đạo Gia Định. Từ khi thành Gia Định thất thủ, bọn dân xấu ở nhiều tỉnh thừa cơ gây hấn, quấy rối và thám thính báo tin cho giặc, cần phải khu xử nghiêm thêm, cho nên mới có mệnh này. Còn dân xấu ở 5 tỉnh còn biết giữ phép, để cho tỉnh thần kiểm cổ [16b].

Lúc ấy, đình thần đều tuân dụ mật trình phương lược đối phó với Tây dương. Trong số đó có các quan Cơ Mật Viện Trương Đăng Quế, Phan Thanh Giản, Lưu Lượng nói chiến không bằng hòa, nhưng phải cố thủ rồi sau mới bàn. [Đại lược nói kẻ kia vốn cậy thuyền bền súng mạnh làm sở trường. Ở ngoài sóng gió mặt biển, thế khó tranh thắng với họ. Cái kế bây giờ cũng nên lấy giữ làm chính. Giữ vững rồi sau có thể nói đánh, cũng có thể nói đến hòa. Bằng không trước lo việc giữ, thì đánh đã không được, mà hòa cũng không đủ mong]. Đình thần Trần Văn Trung, Trương Quốc Dụng, Chu Phúc Minh, Lâm Duy Hiệp, Phan Huy Vịnh, Phạm Chi Hương, Nguyễn Xuân Hân, Nguyễn Hữu Thành, Nguyễn Luân, Lê Đức, Võ Xuân Xán cũng nói cái phương kế chống giặc, duy trì là hơn, lại nên nuôi sức nhon để đợi châm chước đối phó. Đại lược nói: Thói quen nước họ thường hay đem quân đi khiêu chiến nước ngoài, chống lại thắng thì dùng quân liên miên, kết nhiều tai vạ, thua thì họ trịch thượng đòi trái khoản bồi thường vô biên cho no cái sở dục của họ mới thôi. Họ và ta vốn không phải là láng giềng không thể thôn tính nhau. Chuyển này lại chẳng qua vì lợi động. Xét ra quân khách đến lợi ở thể nhanh, nay đã đặc chí ở Trà Sơn, lại đặc chí ở Gia Định,

[17a] vậy ta phải làm cái thế trì cứu. Và gần đây có việc đưa thư, song trong thư nói gì chưa dịch ra, nhưng trộm lấy ngụ ý mà suy, đại yếu chẳng qua hai thuyết:

1. Họ muốn lập phố xá ở Trà Sơn để kiếm lợi;
2. Tung người nước họ vào tuyên truyền tà giáo, thu tô lấy lợi.

Đấy đều là những điều ta không cho. Do thế mới vô cớ gây sự, mong cho được hẳn. Và thuyền sủng đều họ sở trường, người Thanh cũng bảo những đất bến tàu đậu ngoài biển, khó mà tranh thắng. Nay muốn quyết chiến với họ, chưa thấy cái cơ tất thắng, mà vạn nhất sai đi lại thêm hoang mang luống cuống. Lấy chủ đãi khách nên dùng kế trì cứu để đợi họ mỏi; vì có tín sứ đi lại sẽ tùy cơ châm chước đối phó, họ cũng không thể có sự hơn ta được].

Vua cho là phải.

Ngoài ra, bọn Tô Trân, Phạm Hữu Nghi, Trần Văn Vi, Lê Hữu Hiếu, Nguyễn Đăng Điều, Hồ Sĩ Tuấn thì chuyên nói đánh giữ (công thủ). [Đại lược nói: Quảng Nam, Gia Định, địa thế và địch tình đại đồng mà tiểu dị. Quảng Nam thì thuyền Tây hiện đến đậu nhiều mà vào sâu hẳn trong sông, còn dễ có cơ đánh úp. Ở Gia Định hiện đến đậu ít lại ở xa mãi ngoài khơi, ta khó mà tiến đánh. Vậy xin do bề tôi ở quân thứ Quảng Nam phòng bị nghiêm ngặt đợi họ vào sâu cùng đánh trên đất, rồi sau lần lượt tiểu trừ. Bằng ngay hòa với họ, thì phải bỏ cấm và thông thương: xây nhà thờ đạo, mở phố xá, rồi trăm sự giáo quyết, nham hiểm đều do một chữ "hòa" mà ra] [17b].

Bọn Vũ Đức Nhu, Phạm Thanh, Nguyễn Khắc Cẩn, Phạm Xuân Quế cũng có ý bàn khác: Vũ Đức Nhu xin tư cho bề tôi ở quân thứ Quảng Nam viết thư trách hỏi theo nghĩa lý

xem ý chúng đáp thế nào, bằng chỉ muốn thông thương như cũ đã xin hay xin bãi bỏ sự cấm đạo Gia-tô, mà tự lui thì giảng hòa cũng không hại; bằng quý quyết yêu cầu không mức độ, thì không đánh, không hòa, chỉ có cố giữ.

Phạm Thanh, Khắc Cẩn, Xuân Quế kể trình bày 5 điều, kể 2 điều, kể 8 điều, ý đều công thủ, nhưng chỉ lý thuyết mà không có phương lược, có điều đã làm rồi, hay làm không được. Viện thần bác đi cho là không thể dùng.

Vua đều bãi bỏ.

Lê Chi Tín, Đoàn Thọ, Tôn Thất Thường, Tôn Thất Dao, Nguyễn Hào thì chuyên nói hòa. Đại lược: Đạo dùng binh lấy thư nhân đợi kẻ nhọc, nay chúng thư mà ta nhọc, công thủ là việc rất khó. Hòa tuy là hạ sách, nhưng ngày nay chính là lúc nên nghỉ quân ngơi dân, nếu giằng dai hàng tháng hàng năm, sợ rằng có cái lo bất ngờ xảy ra. Nay kẻ kia muốn cầu hòa, thì chắc quyền nghi cũng không nên hoãn.

Vua bảo các người biết chiến thủ là khó mà không biết việc hòa lại càng khó vậy [18a].

Vừa lúc ấy Bùi Quỳ từ Bắc Kỳ đi việc công về bèn dâng lời: "Trộm nghe đình thần bàn hòa bàn giữ, nghị luận lung tung, cầm chèo, cầm sào, đều cố giữ sở kiến, sợ rằng chợt có nguy cấp, hỏi còn mong cùng thuyền cùng vượt được không? Xin cứ đọc đoán ở trong, định ra quy mô trước cho thống nhất ý chí mọi người".

Vua cho là lời nói tuy chương thẳng, mọi bề tôi nên lấy đây làm răn.

Quân Tây bức bán Bãi Cam [Bình Định] và pháo kích vào Hồ Cơ. Đóng giữ ở đây là Lãn binh Hoàng Thành, Tri phủ Nguyễn Hiến đốc quân bắn lui.

Tháng Sáu, Tây phái người đến bàn hòa, xin phái quan đến giao hội. Vua cho là hai quân đều đã có được thua, nên cũng nghiêm quân bàn hòa, sai Nguyễn Tri Phương chuyên biện công việc: nói hết các điều đính ước, đều tâu lên dọ mệnh.

Quân giặc đánh úp 6 thành Gia Định [18b] không được.

Lúc ấy, thuyền Tây đi lại nhiều ngoài biển. Phàm gặp tàu thuyền chiến và thuyền buôn của ta, đều bắn đốt hết. Có tin báo ở hải phận Trị, Bình bị thiếu 5 tàu chiến, 3 thuyền buôn.

Mùa thu, **tháng Bảy**. Đê chính thần Nguyễn Tư Giản cực lực nói không nên nghị hòa. Vua đem hỏi Cơ Mật Viện. Trương Đăng Quế, Phan Thanh Giản tâu bày:

"Tây phái đến sở cầu có 3 khoản: Hiện nay nó xin đất, quyết nhiên là không cho, khoản thông thương thì từ quốc sơ (bắt đầu triều Nguyễn) lại đây đã có định lệ, khoản đạo giáo, từ Trần - Lê đều thế, ra cấm ước để không được tự do. Bằng cho rằng lũ chúng thần để cho vua lo lắng, thì tự cổ Hán Văn Đế chẳng đã từng nghị hòa với Hung Nô à? Tống Chân Tông chẳng từng bàn hòa với Khiết Đan à?".

Vua bảo: "Ở ngoài không biết nên lời nói quá ư phần khích, cũng là thói quen của văn sĩ. Các khanh nói thế cũng không phải đạo thể rõ việc hòa thân của nước. Từ sau nên có một lời nói quyết hẳn đi". Vua cho thuyền Tây đi lại trên mặt biển, phòng biển không bằng phòng sông, bèn sai đặt súng đại bác phòng thủ ở chỗ ách yếu các địa phương.

Phạm Thế Hiến, Nguyễn Hiên đánh ở Phúc Trì, Liên Trì thua, quân Tây xông vào đồn Liên Trì, đồn hữu Nại Hiên rồi đi. Hôm sau lại phạm các đồn Nại Hiên, quân hai bên tiếp chiến. Suất đội Hồ Văn Đa, Đội trưởng [19b] Đoàn Văn Thúc, Lê Văn Nghĩa đem cánh quân mình trốn trước. Mọi quân đều vỡ,

quân giặc phóng lửa đốt giết [biên binh chết 52, bị thương 102 người, nhà dân bị thiêu 97 chúng, dân chết 10, bị thương 2 người]. Bọn Nguyễn Tri Phương xin chịu tội. Sai Phan Thanh Giản cầm cờ bài đến trước tập hợp mọi tướng sĩ, tuyên chỉ chém lữ Văn Đa ba tên để răn mọi người. Tri Phương, Thế Hiển, Nguyễn Hiền được cách lưu [tử thương được tặng tuất]. Dụ cho thứ thần xét ai dũng cảm tâu lên để thưởng và cất nhắc; kẻ nào lui trốn thì: đội trưởng binh lính sẽ do suất đội, suất đội do quản cơ, quản cơ do thứ thần, đều lập tức đem chém đầu trước hàng quân, rồi sau tâu lên.

Dụ từ nay các quan viên ở ngoài kinh từ tri huyện trở lên, ai có mưu hay kế lạ đều được mật tâu, do địa phương đề đạt lên. Quân dân sĩ thứ có tài [20a] năng tình nguyện theo quân lập công thì đến thượng ty xét thực cấp dẫn tâu lên. Những kẻ trăn ngôn hoặc úc đặc chấp nhặt, hoặc cơ sự rắc rối khó thực hành. Lại nhiều kẻ bảo người Tây dùng dân tà đạo dẫn dây nội ứng, xin khu xử cho nghiêm, thậm chí có kẻ xin giết hết.

Vua không nỡ, bảo lời nói quá đáng, bỏ đi.

Trương Đăng Quế, Phan Thanh Giản tâu:

"Người Tây lại chuyển này nguyên vì muốn mở phổ thông thương, nay tự xin hòa. Tình ý so ra bức thiết hơn, duy họ đã chiếm được tiện nghi, ta không nên cho ngay. Phương chi ở Đà Nẵng thì dụng ý cố chấp, ở Gia Định lại mượn lời cung kính. Việc còn nhiều lắt léo, hòa cục vị tất đã thành thực. Nay lại thấy báo họ đã chuyển cả súng đạn xuống [20b] thuyền, không biết đi đâu. Xin thông sức cho ven biển biết".

Vua đồng ý, nhân ngự chế một bài thơ bảo Đăng Quế [trong có những câu: Duy ngày nay nhiều việc cấp bách, chính là lúc này. Thà không đua Trương-tử, nên bắt chước cò Tạ-công].

Tháng Chín, vua thấy dân đạo nhiều kẻ thông đồng với Tây, bèn thông dụ mọi tinh thần Nam Bắc chiếu xem trong hạt những hào mục bên đạo vốn đầu xướng cho dân thì đặt phép giam giữ, chớ để lọt sót. Những trai tráng giáo dân khỏe mạnh vẫn yên phận thì thôi, bằng có ngóng mong thì phân tán mà trấn áp. Ở xã thôn không theo tà đạo mà thực có kẻ âm mưu khác thì lập tức sức binh dân ra sức nã, tài sản kẻ phạm được đem quân phân. Ai bắt được cổ đạo, đầu mục kiệt kiệt, chiếu theo từng việc mà khen thưởng hoặc cho quan tước để khuyến khích.

Mùa đông, **tháng Mười**, Nguyễn Tri Phương [21a] tâu nói:

"Quân của Tây dương dưới nước trên bộ dựa nhau, khó tranh thắng với họ, kẻ sách thủy chiến thực hành không tiện. Vả quân giặc súng ống đã tinh lại hay liều đánh, quân ta sợ, nhút nhát, thành ra thua, bộ binh cũng không bì với họ. Quân thứ ta chỉ có 3.200 quân mà thôi, trên từ An Sơn dưới đến Nại Hiên, các đồn ven sông bãi, suốt một dải quan yếu, các đồn chỗ nào cũng canh giữ đủ, thì không còn lính để đánh trận, rút bớt ra thì phòng thủ thưa ít. Thế giặc như vậy, giữ cũng chẳng rồi còn nói gì đánh. Nên chằm chước binh lực hiện tại, nhân đồn lũy hiện tại, đặt quân phục mà đánh, nghiêm phòng bị để đợi làm cái kế chống lâu. Điều hòa thóc ăn của dân, vận lương cho quân, theo sự cơ mà làm, mới là kế hoàn mỹ".

Vua phán: "Sợ giặc mạnh để lo về sau, toàn không thi [21b] thổ gì, còn mong gì làm nổi công việc. Đáng giao xuống đình nghị để chính danh tội, nhưng đã cách lưu, tạm để đấy". Bèn trách cứ cho chuyên liệu ba điều đánh, giữ, hòa, điều nào có thể lui được giặc thì cho đem thi hành, chớ bảo triều đình thiếu người, tự cố thủ đợi chết.

Tháng Mười Một, quân Tây bắn phá pháo đài Định Hải ở Quảng Nam, chiếm cứ đồn Chân Sáng. Đường cửa ải Hải Vân

bị nghẽn, sai Thống chế Nguyễn Trọng Thao sung Đề đốc quân vụ đem Phó vệ úy Nguyễn Hợp, Quản cơ Phạm Tần kén 300 quân Tuyển Phong đi chống đánh.

Nguyễn Tri Phương sửa đắp thành lũy, chia quân đóng ở các đồn.

Trước kia từ cuối hạ, Tây phái đến xin hòa, nhưng hẹn nửa năm bàn giảng. Rồi sau Tây yêu cầu nhiều quá, thứ thần Quảng Nam [22a] tranh biện không đi đến đâu, vua đã từng dụ khiến trách. Chúng lại tung quân lấn, cướp như cũ. Vua thấy hòa cục vị tất đã thành, thứ thần đã nói khó đánh, sợ hoặc để chậm và hỏng việc, nên có luôn mấy đạo dụ thứ thần:

Hoặc bảo rõ cách đánh dẹp, phòng giữ, hoặc bắt nghiêm cấm kẻ gian buôn bán với giặc để ngăn ngừa ám thông với nhau, hoặc nhắc lại những điểm trước, chỉ rõ thêm phương lược thủy chiến, hoặc ra lệnh đặt kế từ những con đường yếu lộ Câu Đê, Chân Sáng, đánh quấy rối hai thành An, Điện. Chính là lo giặc phản phúc mới định kế trước vậy.

Đến nay thứ thần lại tâu nói:

"Thế chưa thể đánh, nên trì cửu cố giữ để đợi thời". Vua bảo kế trì cửu cũng nên xét kỹ lợi hại, mới có thể nói lâu dài được; bèn lại dụ: nay phải xét rõ thế mà định kế, [22b] bớt lương quân, thải những lính ốm yếu gầy còm, phái thêm tinh tráng, cho đủ trên dưới 4, 5 nghìn. Vẫn lấy đánh để giữ, không nên chuyên một mặt giữ để giặc coi khinh.

Tháng Chạp, sai quân thứ Quảng Nam khám địa thế Quan Nam [Quan Nam ở trên hai đồn Câu Đê, Hóa Ổ] đặt đồn phòng bị. Nguyễn Hiền, Trần Đình Túc đóng ở hai đồn Câu Đê, Hóa Ổ đánh mở đường quan lộ Chân Sáng - Hải Vân.

Sai Binh Bộ Thị lang Nguyễn Hữu Thành đi nhanh đến cửa ải Hải Vân cùng với Nguyễn Trọng Thao bàn định để điều khiển việc chống đánh giặc Tây dương.

Cũng tháng ấy, đặt tỉnh tạm cho Gia Định. Trước đình nghị thành ấy đã bị người Tây tàn phá. Gần đây chỉ làm việc ở trong một đồn nhỏ [23a] quân thứ, coi không tiện; xin do tỉnh thần ở đây chọn đất đắp lũy đất, tạm dựng nha thự, kho tàng để làm nơi công sở. Đến nay tỉnh thần xin tuân nghị kiến thiết ở địa phận thôn Tân Tạo địa hạt phủ Tân Bình. Y cho.

Năm Tự Đức thứ 13 (Canh Thân, 1860), mùa xuân, tháng Giêng

Quân thuyền của Tây ở vũng Trà rút đi, chỉ còn lưu ở hai nơi Chân Sáng, Đà Nẵng [các đồn An Hải, Định Hải, Điện Hải, Trà Sơn, đều thuộc Đà Nẵng]. Dụ cho hai quân thứ Quảng Nam và Hải Vân xem xét kỹ địa thế, chỉnh đốn việc phòng bị.

Sứ Tây là Ba-du (Page) do quân thứ Gia Định đệ hòa thư 12 khoản:

1. Phú-lăng-sa với Đại Nam giao hảo vạn niên để nêu rõ đại nghĩa.
- 2 và 3. Họ có quốc thư đều vào bến Đà Nẵng, lên bộ đệ đến kinh.
4. Nước ta đã giao hảo với nước nào, nước Pháp cũng coi như nước anh em.
5. Những ngu dân bị họ thuê mượn đều xin khoan xá [23b].
6. Nguyên sứ của họ và nguyên sứ của ta đều áp ấn vào tờ hòa ước xong, binh thuyền nước họ lập tức rút khỏi cửa biển.
7. Người Gia-tô làm trái thì xét luật trị tội, yên phận giữ đúng phép nước thì không được bắt giữ xét hỏi và xâm phạm đến của cải.

8. Bắt được cổ đạo nước họ, xin tha giam giết, giao cho nước họ nhận về.

9. Thuyền họ đến các bến thông thương ở các cửa biển, quan coi của biển không được ngăn trở và hạch sách ngoại lệ.

10. Xin làm một tờ hòa ước với Y-pha-nho.

11. Xin cho cổ đạo của họ được đến giảng đạo cho các xã theo đạo.

12. Xin cho sứ quan nước ấy đến ở bờ biển lập phố thông thương.

Bề tôi ở quân thứ bắc bộ, chọn lấy 8 điều không quan ngại lắm, làm biên bản quyền nghi y cho. Còn ba điều [làm tờ hòa với Y-pha-nho, cổ đạo đi lại khuyến giảng, sứ quan mở hàng thông thương] không dám khinh suất cho vội. Người Tây liền sấn vào trong sông, nhổ cọc, lên bộ xem xét lũy, rồi lại dời đến đóng ở chùa Mai Sơn thôn Phú Giáo.

Vua được tin báo, lập tức mật dụ cho quân thứ Gia Định một mật tức tốc đánh đuổi ngay, một mật sửa sang chu đáo đồn lũy, quân lính, gia ý đề phòng; thông sức cho 6 tỉnh Nam Kỳ đến Quảng Ngãi, Bình Thuận [24a] huấn luyện sĩ tốt để dự bị gọi đến. Lại thông sức cho toàn 6 tỉnh Nam Kỳ các hào mục được mộ hương dũng chuẩn bị để phái đi.

Tháng Hai, sai Tham biện Các vụ Hoàng Văn Tuyển đem dụ đi nhanh đến quân thứ Gia Định, hỏi xem tình trạng. Vua cho quân giặc ở Hữu Bình ngày càng dây dưa lan rộng, thậm chí tướng sĩ quân thứ đóng đồn chặt, không hề ngăn đuổi. Lũ Tôn Thất Cáp cố ý muốn hòa, mọi việc đều rào đón che đậy, cho nên sai Văn Tuyển đến trước sức lại lần nữa, và hỏi xem ý kiến như thế nào, đến như có dây dưa không ổn, cần đi khắp hỏi xét rõ thể giặc, tình trạng quân dân đem tâu lên. Kịp khi Văn Tuyển đến nơi, trình bày tâu lên bốn điều, vua đều theo.

Quân giặc đến đốt các đồn Chân Sáng, Định Hải, lui giữ các xứ Trà Sơn, An, Điện. [24b] Vua đổi sai Đề đốc quân thứ Hải Vân Nguyễn Trọng Thao đi nhanh đến quân thứ Gia Định, làm Đề đốc quân vụ ở đấy.

Ra lệnh cho đình thần hội bàn hòa ước [11 khoản]. Bàn có nhiều chỗ dị đồng.

Vua nói: "Quân thứ quyền biện ra 8 điều, tựu trung có 3 điều, như điều người theo đạo ở nước ta không được tra nã và xâm phạm tài sản, thì tạm theo, nhưng số dân đạo vẫn giữ mãi con số ấy, già chết thì thôi, không được dỗ thêm người ngoài, trái thì sẽ xét trị không tha; điều nước ta bắt được cổ đạo, như xét ra không chiêu dụ người ngoài và làm việc phi pháp khác cũng sẽ tha không giam giết, nhưng giao cho nhận về, không được lưu ở, bằng có chiêu dụ người ngoài, can phạm phép nước thì trị tội không tha; về điều thông thương, ở nước ta không có hạch sách gì, [25a] tất nhiên xong việc mua bán rồi thì phải về, không được ở lâu, và đều phải tuân phép nước. Ngoài ra 5 điều không quan ngại lắm, tạm cho. Về điều cấp tờ hòa cho Y-pha-nho, chuẩn cho thống đốc quân thứ lượng cấp. Duy hai điều xin đặt quan sở ở bến và cho cổ đạo họ đi lại khuyên giảng cho dân xã, nói rõ cho thống đốc lấy lý bác đi. Nếu không theo, chỉ còn có đánh giữ mà thôi. Dứt khoát không có bàn nữa".

Tháng Ba, quân giặc đốt các đồn sở Trà Sơn, An, Điện, đem hết binh thuyền ở vụng Trà đi thẳng.

Dụ khiến thứ thần Quảng Nam nghĩ kỹ cách xếp đặt phòng thủ, và cả các địa phương có phòng biển phải thêm phòng bị nghiêm mật.

Đốc học Phạm Văn Nghị [tiền sĩ người Nam Định] trước xin đem hơn 300 thân biên binh đồng [25b] mộ được xin vào

bổ sung cho quân thứ Quảng Nam đánh giặc, đã được chuẩn cho đi. Lúc quân ấy đến kinh, vừa gặp thuyền Tây rút lui, vua không muốn phái đi Gia Định, bèn cho về cả, lại cho tiền bạc để khuyến khích.

Lĩnh Đốc học Nam Định Doãn Khuê [đồng tiến sĩ, người Nam Định, nguyên Đốc học Phạm Văn Nghị vào kinh, Doãn Khuê thay] cùng tất cả các quan giáo huấn phủ huyện làm tập mật tâu cực lực nói hòa nghị là trái.

Vua bảo bọn Trương Đăng Quế: “Công luận sôi sục như thế, thế làm thế nào?”.

Quế tâu rằng: “Ngoại hoạn tự cổ vẫn có. Một chữ hòa, tuy đời xưa có đem làm chỉ là quyền nghi nhất thời, không phải là đạo thường. Nay Tây bàn hòa, bầy tôi họp bàn, có kẻ nắm thường kinh mà không nhìn đến sự thế; có kẻ muốn quyền theo hoàn cấp mà tùy thế thay đổi. Hoàng thượng nắm giữa hai phái, [26a] vun trồng thích đáng, họ mà nghe theo, nhân đấy mà thành, việc không ngăn trở mà quốc thể tôn thì tuy quyền vẫn hợp đạo. Nay muốn tiểu trừ, thế chưa được, đuổi đi thì cơ cũng chưa tiện. Nhân họ xin, ta chúc lượng mà quyền nghi sao lại không được mà phải đòi co những lời eo óc vậy? Cứ như lời những người này đều bảo rằng không nên hòa, thì đánh giữ thế nào để có thể bảo vệ bờ cõi, điều lý như thế nào để có thể nghi quân yên dân. Còn hoặc có kẻ bỏ binh là dân nuôi lúc bình nhật để dùng vào lúc có việc, thì sau khi trì cự, sức ở đâu sinh ra, lương lấy ở đâu ra? Phương chi còn phải đề phòng sâu xa những điều chưa hiện ra, những mối lo bất kỳ. Gia như Cao Miên vốn vô sự đấy, thế mà rồi [26b] âm âm xuẩn động, sao không ngầm nghĩ kỹ vào đấy? Trộm xem những người nói, hoặc lấy dư luận ngoài chấp làm văn mình, hoặc theo việc lược bày ra phụ họa thành thuyết, tự trung thực là khẩn khoản, có gốc ngọn trước sau rành mạch

thật ra không mấy. Lũ chúng thần bắt tài không lấy gì thư được cái lo sớm muộn của Cửu trùng, tội chúng thần thật lớn. Trong một cái chợ ồn ào không kể xiết người nói, cãi vã ví von, quá không thể ngăn. Cứ như người ta nói, thì lũ chúng thần chỉ ngu không biết làm thế nào cho thôi được".

Vua nói: - Hãy tạm để đấy.

Vua thấy hòa nghị không thành, phó sứ Tây Đa-de⁽¹⁾ còn ở Hữu Bình [Chính sứ về Tây]⁽²⁾ lại có binh thuyền ở Đà Nẵng vào, thế dần dần cản bậy hơn, mà Nam Kỳ lại chẳng chịt đường thủy, rừng cây rậm khuất, thuyền máy biến hiện khó chống, nên ra lệnh cho đình thần ai có [27a] mưu sâu kế lạ, hoặc tình nguyện ra nơi quân thứ hiệp lực cùng làm trở hết sở trường, đều được cứ thực bày tỏ tâu lên. [Tháng này, quân Tây cho thuyền ván sấn vào giang phận sông Thanh Hà ở Gia Định, quan quân bắn chết một tên, bắt được một thuyền].

Sai Trương Đăng Quế, Phan Thanh Giản, Trần Văn Trung, Đoàn Thọ, Lâm Duy Hiệp, Phan Huy Vịnh lần lượt thay phiên đến Quảng Nam hội với thứ thần cùng bàn việc đắp thành lũy phòng bị.

Mùa hạ, **tháng Tư**, bọn Trương Đăng Quế lần lượt công cán Quảng Nam về phục mệnh.

Vua hỏi Phan Thanh Giản về việc lấp vụng tính liệu như thế nào.

Giản thưa: "Lấp đầy lòng vụng là việc rất khó, phải làm lâu vài năm hoặc giả mới thành công". [Lúc trước có kẻ bàn xin lấp vụng để củng cố bờ biển].

⁽¹⁾ Đại tá D'Ariès.

⁽²⁾ Thực ra Thiếu tướng Page đem binh thuyền đi theo Trung tướng Charner hợp với quân Anh đánh Trung Quốc.

Lại hỏi đồn lũy quả có kiên cố không?

Văn Trung thưa: "Hai thành An, Điện có thể giữ vững không ngại".

Đoàn Thọ thưa: [27b] "Hiện nay tu bổ đồn lũy, vật liệu, tro củi, quân sĩ phải tự kiếm cũng đến mấy tháng. Đến như lòng vụng vốn là bùn lầy, không như đất cát dễ cắm cọc, muốn lấp trước hết phải thí nghiệm mười trượng xem sự thể thế nào, nhiên hậu khởi công mới có thể được".

Duy Hiệp thưa: "Lòng vụng thể nước cuốn cuộn, cũng khó mà làm được".

Vua nói: "Nay nên trù liệu làm thế nào, để bọn chúng lại lần nữa, tất vẫn giữ được không ngại gì cả".

Thanh Giản thưa: "Lúc này có nhiều thể phòng thủ, mà ít lời giá ngự".

Duy Hiệp thưa: "Trước kia giặc đến đã bố trí rất cẩn mật, thể mà nhất đán bỏ đi, thì rõ cái thể Trà Sơn cũng không thể ở được, bọn chúng bằng có lại lần nữa, tưởng không cư trú lâu đâu".

Vua ngồi lặng hồi lâu mới nói:

"Nên đều bàn bạc kỹ với nhau mà làm, ngõ hầu mới giữ được khỏi lo lắng".

Liền sau đấy Đăng Quế với bọn thứ thần xin đình việc lấp vụng, chuyên ý nhân những chỗ hiểm yếu mà xếp đặt sự đề phòng. Vua theo. Lại thấy việc phòng thủ cửa Thuận An là cửa ngõ kinh đô, cũng sai lần lượt đi bàn với nhau, lượng định để quân phòng thủ.

Vua thấy thứ thần Gia Định lâu ngày không có công gì, lại chuyên ý bàn hòa, không có kế sách tự cường tự trị, bèn giáng

Thống đốc Tôn Thất Cáp làm Thị lang, Tán lý Nguyễn Duy làm Lang trung, văn sung chức Tham tán. Lê Tổ giảng làm Vệ úy, cải sung Tán lý.

Triệu Tổng thống quân thứ Quảng Nam Nguyễn Tri Phương, Tham tán Phạm Thế Hiển đem quân về kinh. Vua ủy lạo, lại cho Tri Phương đi rào đến bên giường, làm lễ ôm gối, cho một chiếc phong bì vàng trong đó có một chi sâm; lại triệu Nguyễn Thế Hiển, Tôn Thất Hàn cho mỗi người ba chi sâm, mở yến khao tướng sĩ, và thưởng bạc theo thứ bậc [28b] [thưởng về việc trước kia đã bắn chết 1 quan Tây, 4 lính Tây]⁽¹⁾.

Mùa thu, **tháng Bảy**, lấy Đông các Điện Đại học sĩ Tráng Liệt bá Nguyễn Tri Phương sung làm Tổng thống quân vụ đại thần ở quân thứ Gia Định, Tôn Thất Cáp đổi làm Tham tán, Phan Tĩnh đổi làm Tán lý. Trước kia vua mật hỏi Nguyễn Tri Phương, Phạm Thế Hiển về việc Gia Định hòa, đánh, giữ đẳng nào tiện hơn và phương lược xử trí thế nào, hai người đều nói chiến, thủ tiện hơn và trình bày những việc khẩn yếu, phải xử trí, vua cho là phải. Đến nay, vua bảo Tri Phương:

"Chủ sủy ở Nam Kỳ ngày nay không ai sánh bằng khanh, từ đình thần đến quân sĩ chúng khẩu đồng tử, không nên chối nhường. Còn như ở Quảng Nam, ví có việc cần kíp, khanh nên tiến cử ai cang đáng nối công việc".

Tri Phương tâu: "Giặc Tây gây chuyện, sự thế so với trước khó gấp năm ba lần, [29a] của dân, sức quân hao mòn đi quá hơn trước. Thần ở Quảng Nam, tự thẹn không ra công trạng gì, chỉ nghĩ phận thần tử ruổi rong chỉ đâu theo đấy, thần không dám từ. Còn như điều khiển miền Quảng Nam, Phan Thanh Giản,

⁽¹⁾ Viên quan bị giết lúc ấy là Trung tá lục quân Dupre Deroulède.

Nguyễn Bá Nghi ở lâu trong chính phủ, biết rõ quân cơ, tướng có thể cử được".

Vua bèn sai đi. Lúc sắp đi, Tri Phương mật tâu sáu việc, vua đều nhận theo. Lại dụ thêm rằng:

"Những việc ngoài biên, nhất thiết ủy cho khanh, khanh nên gia tâm tiểu dệp, làm cho miền Nam vô sự, giải mỗi lo sớm hôm của Trẫm. Trẫm vốn đã biết khanh trung dũng tài lược, duy tính cấp, chúng, từ nay nên xua đuổi đi; thâu nhận ý kiến nhiều người, khoan dung rộng rãi, mới mong thành đại sự".

Tháng Chín, binh thuyền Tây phạm đồn Phú Nhuận, quan quân bắn lui. Vua bảo: Nguyễn Tri Phương mới [29b] đến quân thứ, hiệu lệnh đổi mới, tướng sĩ theo mệnh, tuy là thắng nhỏ, cũng đủ rõ có kế hoạch phòng ngự. Thường Tri Phương và Tham tán, Tán lý, Tán tương mỗi người một ngân tiền hạng lớn nhỏ theo chức, những quan, suất, binh lính giữ đồn cũng đều được thưởng ký lục, bạc lạng theo bậc.

Tháng Mười Một, quân Tây bắn phá lũy mới ở Gia Định, quan quân đánh thắng, bắn chết, đâm chết gồm 132 tên. Từ Nguyễn Tri Phương trở xuống đều được phân biệt khen thưởng có thứ bậc.

Lấy nguyên Tổng đốc Định Biên, sung Tham tán quân thứ Quảng Nam là Phạm Thế Hiển đổi sung làm Tham tán đại thần quân thứ Gia Định. Vua nhớ đến lời Tri Phương lúc sắp đi có nói: Thế Hiển trước cùng đồng sự, vốn có kiến thức bổ sung cho những thiếu sót của thần, xin cử làm chức Tham tán, nên có mệnh lệnh này [30a].

Tháng Chạp, bốn chiếc thuyền Tây đến bến Bàn Côn [thuộc Vĩnh Long] bỏ neo ngoài khơi, liền sau lại năm chiếc nữa đến bến

Ngao Châu. Vua nghe tin báo, nói: “Hai bến kia không sâu rộng được như cửa biển, bọn giặc vốn lấy tàu làm nhà, như muốn quấy rối tướng cũng vì tất phải đến đây. Nay lại đem nhiều thuyền đến đậu, hoặc giả nhiều bè quý quyết, dương đông kích tây, cũng chưa biết chừng”. Bến sai bọn Trương Văn Uyển, Nguyễn Hữu Thành nghiêm sức cho mọi quan viên biển binh, dứng sĩ được phái đến từ trước phòng ngự ở các cửa biển lớn nhỏ, đều phải ngày đêm gia tâm phòng bị, không được coi thường.

Năm Tự Đức thứ 14 (Tân Dậu, 1861), cuối xuân

Quân Tây đánh vỡ đồn lớn Gia Định và tỉnh tạm⁽¹⁾. Quan quân lui về đóng ở Biên Hòa. Lúc bấy giờ thuyền giặc lại thêm 30 chiếc, hơn 1 vạn quân lên bộ chiếm những nơi đồi cao, [30b] bốn mặt chỉ vào đồn mà bắn, lại chia từng toán xông vào đánh giáp lá cà, bắc thang trèo lên lũy, quan quân hết sức chống giữ, thương vong rất nhiều. Suốt 2 ngày đêm [đêm 14 đến ngày 16] chống chọi không nổi, quân bên tan vỡ.

Tán lý Nguyễn Duy, Tán tương Tôn Thất Trí đều tử trận, Tổng thống Nguyễn Tri Phương cũng trúng đạn bị thương, bèn cùng Tham tán Tôn Thất Cáp, Phạm Thế Hiển lui về tỉnh tạm [ngày 17, 18, ước hơn 3, 4 trăm binh mã giặc tiến đến gần tỉnh tạm của ta, quan quân bắn nhau trong khoảnh khắc, quân Tây rút lui. Ngày 19, độ hơn 3.000 binh mã Tây chia làm hai đạo xông đến mặt sau và mặt trái tỉnh tạm bắn vào như mưa. Quan quân bắn lại độ một giờ, sức không chống nổi]. Người Tây lại đem thêm mấy nghìn quân, hàng ngày [17 đến 19] tấn công bắn phá. Quan quân sức không chống nổi, lại lui giữ Biên Hòa.

⁽¹⁾ Tức tỉnh lý tạm thời của Gia Định, ở thôn Tân Tạo, huyện Tân Long, phủ Tân Bình. BT.

Người Cao Miên và dân tá đạo đều nhân cơ hội quấy nhiễu. Tỉnh thần thự Tuần phủ Đỗ Quang, Bổ chính Đặng Công Nhượng, Án sát Phạm Ý đã đến phủ Tây Ninh [lúc ấy quân Tây bốn mặt truy tầm quan quân. Tỉnh thần do đường thượng đạo chuyển đi, đến ngày 27 [31a] liền đẩy liệu trong tỉnh hạt không thể đóng đồn yên, cùng dời tới Biên Hòa, đều dâng sớ xin chịu tội].

Trước mấy ngày, vua được tin từ Biên Hòa phi tẩu đồn lớn thất thủ, lập tức sai Tôn Thất Đình là Tán lý được phái chưa đi, đem 2.000 binh đi nhanh đến đàn áp. Lại chuẩn Hộ Bộ Thượng thư Nguyễn Bá Nghi làm Khâm sai đại thần đến khám xét tình hình kiêm điều khiển quân vụ, công việc xong về, tâu dõng mệnh.

Kịp khi sớ của thứ thần đến, mới rõ hiện tình ở ngoài trận [quân dụng khí giới đều hết sạch], vua cho thứ thần làm việc đã hỏng, nay bị thua to, khó có thể chuyên ủy, bèn phái thêm 2.000 lính kinh [nguyên đóng ở Quảng Nam] hợp với số lính phái trước [2.000] đều đến Biên Hòa phòng tiểu, cho Nguyễn Bá Nghi vẫn là Khâm sai đại thần thống lĩnh binh mới phái ấy, đổi Tôn Thất Đình làm Đề đốc; lại lấy Vệ úy quyền chương doanh Long Vũ là [31b] Nguyễn Thông thăng Chương vệ sung làm Phó đề đốc, Hình Bộ Thị lang Phạm Xuân Quế sung làm Tán tương, hội đồng các thứ thần cũ trừ liệu. Còn thứ thần và tỉnh thần cũ đều giao đình thần bàn xét chặt chẽ để nghiêm quân lệnh; nhưng trách nhiệm vẫn phải thu nhặt tàn quân, tùy cơ phòng ngự, ngăn cản mọi nơi ách yếu cho bọn giặc khỏi thông với nhau tìm cách lấn đất, làm sao bảo toàn được các tỉnh Long, Tường, An, Hà, Biên Hòa mới có thể chuộc tội. Lại mật dụ mọi địa phương nghiêm phòng dân đạo, chớ để cho chúng lấn trốn theo giặc.

Tháng Ba, ân chuẩn cho thứ thần, tinh thần Gia Định có tội lỗi phải cách giáng có thứ bậc. Lúc ấy đình thần tâu xin nghị quyết xử tội thất thủ đồn lớn [đối với thứ thần xin theo luật chủ tướng, không cố thủ, xét nghị Tổng thống Nguyễn Tri Phương, Tham tán Phạm Thế Hiển và Tôn Thất Cáp đều cách chức, ghép tội chém, giam đơi (trảm giam hậu), Tán lý Lê Tổ, Tán tương Hồ Hóa đều giảm một bậc, cách chức, cho theo quân].

Vua bảo rằng: Đình thần bàn xử các quan quân thứ, theo luật xét xử là phải [32a]. Duy nghĩ bọn ấy khó nhọc đã lâu, thực có lòng mong báo đáp nên xét tình giảm tội, bắt phải gắng sức về sau để bù tội trước. Nguyễn Tri Phương giáng làm Tham tri, còn tước bá là công bình Man trước, không nữ tước, cho vẫn được giữ, và cho thôi công việc để yên tâm điều trị, đơi khỏi vết thương sẽ tâu lên, có chỉ sau. Phạm Thế Hiển giáng làm Lang trung, vẫn làm Tán lý, Tôn Thất Cáp giáng làm Viên ngoại nhưng sung làm Tán tương, cho thống lĩnh số biên binh cũ thành riêng một đạo, chia ra đóng đồn hết sức trù định thu phục lại đất cũ. Còn công việc lớn thì vẫn do Nguyễn Bá Nghi tiết chế điều động. Lê Tổ, Hồ Hóa đều vào hạng suy nhụt vô tài, đều giáng làm Chánh đội trưởng suất đơi, đi theo quân hiệu lực, Đặng Công Nhượng, [32b] Án sát Phạm Ý cũng đều cách chức cho theo quân. Vua nói: Quân thứ có nhiều lính còn giữ không được làm cho tinh thần nhân dấy mà không chống nổi, tội có nhẹ nặng khác nhau, chỉ biết lui, không có thì thổ gì khác, thực phụ ơn trên, tạm xử theo nhẹ, đều cách chức, lưu lại và trách cứ phải tìm nhiều cách triệu tập binh dũng, khuyến nhủ quyên giúp lương quân, đặt kế hoạch thu lại đất mất. Nếu không thể sẽ cùng với mọi bầy tôi ở quân thứ đều sẽ theo luật trị tội rất nặng.

Người Tây đánh phá tỉnh thành Gia Định.

Hôm trước [mồng 7 tháng Hai], 2 chiếc tàu máy, 12 chiếc thuyền ván vào bến Sa Úc đình neo. Khi ấy linh Tổng đốc Nguyễn Công Nhân chưa đến, linh phủ Nguyễn Hữu Thành, Án sát Huỳnh Mẫn Đạt bàn bạc giao cho Phó đề đốc Đặng Đức đem binh dứng đến bảo Tân Hương, Đốc đồng Phó lãnh binh Bùi Đức xem xét cơ sự mà phòng bị nghiêm mật. [Có khoảng bảy, tám mươi tên Tây đem 3 thuyền ván chèo đến khúc sông có đồn bảo, cách rào độ hơn 400 thước đậu lại; lại độ hơn 60 tên lên bộ vào địa phận thôn Tường Khánh, cách đồn bảo cũng hơn 400 thước, đứng phục ở đấy, [33a] trong bọn có cầm cờ trắng. Thấy súng mình không địch nổi và cờ trắng không phải là màu tấn công, bọn Đặng Đức vẫn đóng vững quân không đánh. Lũ Tây liền đó đều về thuyền]. Mấy hôm sau [ngày 11], lại có thêm một thuyền máy đến cùng đậu. Mà ở hai cửa Tiểu, cửa Đại [các cửa trên đều thuộc Định Tường. Cửa Tiểu có Bồ chính Đỗ Đệ phòng thủ, cửa Đại có Lãnh binh Nguyễn Hoán phòng giữ]. Ở ngoài khơi đều có thuyền Tây đỗ [1 thuyền máy ở cửa Tiểu, 2 tàu máy ở cửa Đại]. Vừa lúc Nguyễn Công Nhân đã đến, lập tức phi tư cho đốc thần Long, Tường Trương Văn Uyển, yêu cầu đem binh thuyền đến ngay tức khắc hội tiểu. Lại tạm làm kế hoãn binh, phái người đến hỏi ý chúng đến là định làm gì [Hỏi: trước kia Tây đến Gia Định gây sự, Định Tường nguyên không liên can, lại như ở bến Sa Úc đây, từ trước thuyền Tây đi lại không thấy vào đỗ, nay đột nhiên vô cớ buông neo, vậy đến để tiến công hay là để thông hiếu, chủ ý như thế nào?]. Thuyền trưởng ấy đáp rằng: Nên có văn thư của quan tỉnh giao cho thuyền ấy đệ về nguyên súy ở Gia Định xét rõ mới có thư đáp. Tỉnh ấy bèn làm phong thư nói rõ cái ý hỏi trước, phái quân đem đệ giao. Rồi sau quan Tây ấy phúc đáp xét ra không có hảo ý. [Thư đến, thuyền trưởng ấy hẹn mấy ngày sau hể thấy cột buồm [33b] treo cờ trắng thì lại nhận thư của nguyên súy họ phúc đáp.

Ngày 18 tháng ấy, phái viên thấy cờ, y hèn lại nhận. Cứ lời tên quan Tây tự xưng hần là quan thứ hai, thừa lệnh quan thứ nhất hôm trước, phái đi đệ phúc thư, vậy quan tỉnh phải đến thuyền tiếp nhận, hoặc là hần đến tỉnh, hội đàm với quan tỉnh, giảng rõ ý trong thư, nếu không chỉ có đánh thôi, chứ không chịu giao thư. Lại đến thêm 2 chiến thuyền cùng các thuyền trước vào đậu cả ở địa phận thôn Tường Khánh. Công Nhân, Hữu Thành lập tức đem binh tráng đến đóng ở trạm Định Tây gần tỉnh để viện thanh thế cho bảo Tân Hương. Thuyền Tây đến sát bờ rào. [Tỉnh này cấm cọc rào ngăn sông ở khúc sông Tân Hương hai lần, ở khúc sông bảo Tỉnh Giang một lần]. (Quân Pháp) ở ngoài liền mấy ngày bắn vào [từ ngày 19 đến ngày 23], hai đồn bảo tả, hữu ngăn Tân Hương lần lượt sụt vỡ, quan quân bắn lại không địch được, lui giữ bảo Tỉnh Giang, Cai Gộc [ở mặt sau Tỉnh Giang] cũng đều tan vỡ, họn Đặng Đức chạy về trạm Định Tân, hội cùng bọn Nguyễn Hữu Thành. Văn Uyển cũng sai Án sát Nguyễn Duy Quang, Lãnh binh Tôn Thất Tuấn đem hơn 1.000 binh dũng [34a] lại viện tiểu. Công Nhân bèn về tỉnh trù liệu và ủy cho Nguyễn Hữu Thành đốc thúc chia nhau phòng bị. Bọn Hữu Thành tìm những chỗ đường sông nông hẹp ngăn lấp lại [dùng gỗ, đá và thuyền nhỏ] đặt quân phòng thủ ở ven bờ. Được 6, 7 ngày [25 đến ngày 30, mùng 1] dần dần ngắt đoạn được mà chống cự. Nhưng lòng quân kinh hãi, súng Tây bắn đến đâu là tan chạy ở đấy, chỗ ngăn lấp lại liền bị Tây đến khơi phá, quân Tây bèn tiến bức sát tỉnh thành [Hữu Thành, Đặng Đức vào thành, Bùi Đức cùng Nguyễn Duy Quang, Tôn Thất Tuấn đem quân Vĩnh Long ra bên, bên phía ngoài thành phòng giữ ngăn dường]. Lại có một chi thuyền (Pháp) [3 chiếc] bắn vỡ hai đồn ở cửa Tiểu, cửa Đại rồi cũng nối nhau tiến đến. Trước một ngày, Công Nhân đi bảo vệ Thủy Trường [ở giang phận phía tây, đằng sau tỉnh thành] thực hiện lối hỏa công,

bị thuyền Tây ngăn được [giữa đêm lấy 4 chiếc thuyền đựng đầy thuốc cháy, tư hỏa, phục binh hai bên bờ nhất tề nổi dậy đều bắn; chợt gặp một thuyền ván của Tây đi tuần sông, lính trong thuyền thuốc cháy tưởng là thuyền lớn, lập tức phóng hỏa, thuyền ván Tây móc kéo được thuyền thuốc cháy đẩy hết vào một ngòi nhỏ, mặc cho tự cháy]. Công Nhân lên được thuyền nhỏ [34b] đi chỗ khác. Mẫn Đạt cũng liền bỏ ra ngoài thành trốn lẫn. Hữu Thành, Đặng Đức bèn chạy thẳng vào thành đóng chặt cửa thành. Trong thành, kho lẫm, dinh thự đều bốc cháy, lính tráng tan trốn gần hết. Hữu Thành bèn đốt hành cung, cùng với Đặng Đức mở thành chạy. Bọn Duy Quang, Tuấn, thấy thành không giữ được cũng đem quân bản bộ về Vĩnh Long.

Từ lúc thuyền Tây mới vào đậu bến Sa Úc và mới quấy rối Tân Hương, vua lần lượt được tin báo, đều dụ bảo rõ sự việc cơ nghi và sức cho quân thứ phải hỏa tốc đến viện tiêu diệt, nhưng dụ, sức còn đang trên đường đi thì thành đã thất thủ, mọi việc đều không kịp. Đến khi Hữu Thành chuyển về trạm Biên Long làm sớ tâu lên tội [kể kèm thêm tình trạng Công Nhân thừa cơ trốn trước]. Vua chuẩn giáng Hữu Thành xuống Chủ sự, Đức xuống Đội trưởng, đều cho theo quân thứ giúp liệu, còn bọn Công Nhân [35a] sẽ xét xử riêng. Liền đây Công Nhân đến huyện Kiến Đăng dâng thư nhận tội [kể kèm thêm Hữu Thành không cùng nhau trù liệu].

Vua thấy những điều trình bày có khác nhau, cho là suy tị thành hồng việc, bèn chuẩn cho lũ tỉnh thần ấy đều cách chức tắt, xét xác thực nghiêm trị sau, và vẫn bắt lên về nguyên lý, triệu tập binh sĩ để mưu tính việc hiệu lực sau này. Lại ra lệnh cho các người ở ngoài kinh (tức là ngoài triều đình) đều trình bày cách trù liệu việc ngoài biên.

Mùa hạ, **tháng Tư**, lấy Trương Văn Uyển, Phan Khắc Thận, sung làm Phòng tiểu quân vụ, Đỗ Thúc Tĩnh, Nguyễn Túc Trưng sung làm Khâm phái quân vụ. Dụ họ rằng: "Lâu nay người Tây gây sự, Gia Định, Định Tường nổi nhau thất thủ, nên công việc phòng thủ khẩn thiết, triều đình đã từng chuẩn cho đình thần từ án quan trở lên đều đem ý điều trần, nay cứ các sở tiết thứ [35b] tâu lên, những điều trình bày đều tỏ ra biết phần khích, nhưng lấy dùng được thì còn ít. Tự trung có Hồng lô tự khanh Biện lý Binh Bộ sự vụ Đỗ Thúc Tĩnh, thự Thừa Thiên Phủ thừa Nguyễn Túc Trưng đều xin đi trước, nghĩa khí thật là đáng khen. Trẫm ở giữa chước lượng, cúi theo điều thỉnh nguyện để cho mạnh sĩ khí và an úy lòng dân. Vậy cho Đỗ Thúc Tĩnh vẫn giữ chức cũ, Nguyễn Túc Trưng đổi thự Hồng lô tự khanh, đều sung làm Khâm phái quân vụ; chuẩn cho bọn chương ấn Ngự sử đạo Kinh kỳ là Văn Đức Khuê, Tri phủ Tiên Hưng Lê Diên, Bang biện Diễn Châu điển bạ Nguyễn Ngọc Chấn, nho sĩ tỉnh Bình Định Lê Nguyên theo Nguyễn Túc Trưng đi đường trạm đến đóng quân ở Biên Hòa cho được chiêu mộ thêm lại dịch sĩ thứ từ Thừa Thiên đến Biên Hòa, ai dũng cảm có thể chiến đấu thì hợp lại thành [36a] đội ngũ cùng đi. Đỗ Thúc Tĩnh đem chỉ dụ đi nhanh rút đường đến Long, Tường, An, Hà, tuyên thị sĩ dân các tỉnh chiêu mộ nghĩa dũng, mà phải hiệp theo Tổng đốc Trương Văn Uyển, Tuần phủ Phan Khắc Thận bàn định việc quân. Cũng chuẩn cho bọn Viên ngoại lang ty Cẩn Tín là Trương Minh Lượng, tòng cửu phẩm Trần Văn Kế, cách viên (quan bị cách) Phan Trung (nguyên tên là Chính sau đổi) đi đường trạm đến nơi theo làm mọi công việc. Số quân của bọn Nguyễn Túc Trưng chiêu mộ được nhiều mà đã dùng rồi thì lập tức đi rút đường đến Long, Tường, hiệp cùng bọn Đỗ Thúc Tĩnh, theo Trương Văn Uyển, Phan Khắc Thận giữ vững bờ cõi, xét cơ mà tiêu diệt, hoặc chưa thể tiến trước được, thì hãy đóng ở Biên Hòa

đội chỉ sai khiến. Duy nay quân thứ Biên Hòa hiện có hai đạo, đủ để phòng tiểu, mà viện tiểu [36b] Vĩnh Long càng khẩn yếu hơn, lại là việc chính, như quân mộ được thấy ít sử dụng thì cũng cho đi lên đến Long, Tường hiệp cùng bọn Đỗ Thúc Tĩnh chiêu tập và phòng ngự. Hai khoản trên này, đằng nào tiện hơn, đều cho lâm thời tùy nghi mà làm, còn việc chi dùng tiền bạc khí giới, cho tùy tiện được lấy tại chỗ, quan địa phương sở tại nghiệm thực phải chi phát ngay, không được chần chừ, đợi sau này xét thực thu lại trừ đi. Hoặc sở tại quyền góp hay cho vay, cũng được sử dụng làm sao cho thỏa đáng, sau này tâu xin trên cấp cho mà trả, không nên mang đi theo, cho khỏi phiền nhọc. Chuẩn cấp cho Đỗ Thúc Tĩnh, Nguyễn Túc Trưng mỗi người một ấn quan phòng. Văn Đức Khuê, Trương Minh Lượng nếu có kế sách gì riêng, nên làm việc gì, phải tường hai viên kia đem thi hành, để tỏ dấu làm tin. Nay Gia Định, Định Tường đường sá đã nghẽn, Vĩnh Long, [37a] Biên Hòa địa thế cô lập cách trở, Tổng đốc Trương Văn Uyên, Tuần phủ Phan Khắc Thận đều có trách nhiệm giữ bờ cõi, đều cho giữ chức cũ sung làm Phòng tiểu quân vụ, được tùy nghi đi lại thương lượng mọi việc cho thỏa đáng; cần nên hợp chí đồng mưu, sửa sang khí giới, khen thưởng khích lệ kẻ trung dũng, tay còn tay xách quyết tâm giết sạch cừu địch mới mong giữ còn được bờ cõi. Đỗ Thúc Tĩnh, Nguyễn Túc Trưng cũng chuẩn cho được hiệp đồng bàn bạc cùng làm. Phàm binh lương các hạt cho tự điều động, viên biên cho được xếp đặt, huấn luyện binh tráng, quyền chi tiền lúa, đều được tùy nghi làm việc cho thỏa đáng. Đến như việc nên thưởng nên phạt, bất kể tướng sĩ ai có công, cho được phá cách khen thưởng, kẻ trốn lui cho chém đầu để nêu gương, nắm vững quyền hành để buộc phải thành hiệu! [37b] Trừ những việc quân khẩn cấp lập tức phải làm tập đệ tâu, ngoài ra mỗi tháng cho một lần tâu báo mọi việc đánh, giữ, trưng thu, điều động,

đòi thúc, đánh dẹp để trên được thấu suốt. Phàm mọi công việc đánh dẹp, tức khắc phải mật thiết với quân thứ Biên Hòa, đồng lời, tây kéo, luôn luôn quấy rối, khiến cho chúng mỗi vì bốn tẩu đối phó mà không dám mưu tính khác nữa. Các người: Đỗ Thúc Tĩnh, Nguyễn Túc Trưng đã khẳng khái biết phần khích, nên thể lòng Trẫm, đều trở hết tài mưu, làm sao điều khiển công việc tốt, khiến chúng sợ hãi, nghe hơi mà lui trốn, để thu phục được đất cũ. Như thế là các người nói và làm cùng khớp, tất được khen thưởng cất nhắc lên. Trẫm hàng ngày mong mỗi như vậy. Bọn Trương Văn Uyển cũng nên hiệp sức nhất tâm và sớm gắng mưu tính, chuông đỉnh, cờ áo, các phép thưởng công còn đủ đầy, Trẫm quyết nhiên không tiếc gì đâu. Các người nên cố gắng lên”.

Nguyễn Bá Nghi [38a] từ khi đến nơi tỉnh thứ, thấy đánh, giữ đều chưa tiện, đã từng xin ủy người đi giảng hòa làm kế hoãn binh, đến bây giờ lại đem sự trạng công việc hiện làm [đi lại hội đàm với Tây] tàu lên.

Vua lại dụ Bá Nghi hoặc có chủ ý gì khác cứ thẳng thần trình bày.

Bá Nghi tàu nói rõ sự thể Nam Kỳ chỉ còn hòa so ra có thể làm được, không thể sẽ sinh ra lo ngại khác [Đại lược nói: Thần vốn được nghe binh gia nói thuyền máy Tây chạy như bay, súng thì bắn suốt thành đá, có thể đánh xa hàng mấy mươi dặm, từ khi có thứ khí giới ấy, đánh đã khó đánh mà giữ cũng khó, thần nghe lòng còn chưa tin. Năm Thiệu Trị thứ 7, thuyền Tây đến bến Đà Nẵng bắn vỡ 5 thuyền đồng lớn của ta không đầy mấy khắc. Khi ấy, thần quyền lĩnh Bồ chính Quảng Nam được mục kích ở đấy, mới tin là thật. Ba bốn năm nay, quân ta không phải không dùng cảm, súng ta không phải không mạnh, thành lũy không phải không kiên cố, thế mà không thắng được là vì súng

ở thuyền họ bắn xa, đạn thuốc nổ dữ vậy. Nhưng các bề tôi ở quân thứ không lượng mình lượng người, cho nên cố cưỡng lại bấy lâu, đến nỗi ngày nay lại phải có thất bại này. Thần đến Biên Hòa xét thấy tình thế đều đã nguy bách, bắt buộc dĩ phải phải người đến tướng Tây trách hỏi, tạm làm kế hoãn binh, kỳ thực ngụ ý thấy công thủ đều không thể được, không hòa thì không sao định được cục diện. Vả trong số trước đã nêu ra mấy thuyết: rằng trừ một chước ấy ra, thần chỉ còn biết chịu tội, rằng hòa tuy có thua thiệt, nhưng sự thể Nam Kỳ còn có thể xoay trở, không thì thần không biết đợi tội chồn nào, rằng tình thế đã như thế, tuy nhiều quân cũng chưa dùng làm gì được. Thần nghĩ thế là vì người Tây thấy [38b] ta lâu nay lạnh nhạt đối với họ, bị các nước láng giềng chê cười, cho nên đem quân hiếp ta cho kỳ được hòa, cứ xem mỗi lần sứ đến đều trước tiên giảng hòa, thì cái thuyết hòa đáng nghiệm tin vậy. Lại nước ta bờ biển rất dài, mà từ khi gây binh đến nay, phàm binh thuyền lính thủy đều để không dùng đến, thế là binh lực đã tự giảm đi một nửa trước, duy cậy vào súng, lũy làm kế công thủ, mà việc công thủ lại càng rõ là khó làm. Như vậy bằng không hòa, họ tất không thôi, thần ngu lo đánh liên miên họa hại sẽ kết đầy, cho nên nói rằng "trừ một chước hòa ra, thần chỉ còn chịu tội" là như thế vậy. Lại kính xét khoảng năm Minh Mạng, Thiệu Trị đã tiểu binh nghịch Khôi và Xiêm La, Cao Miên. Đất Nam Kỳ nhiều sông ngòi, thủy binh ứng đáp với bộ binh, các hạng thuyền hải đạo, thuyền Ô, thuyền Lê, nhẹ nhàng nhanh chóng càng thấy thiết dụng, các súng đạn nặng đã có thuyền lớn chuyển từ kinh đến cho, còn nhất thiết các thứ gạo tiền, khí giới, thuyền bè thì lục tỉnh cung cả, lấy đâu có đầy, thừa thãi. Thế mà đem toàn lực như vậy trừ một tên Khôi, ba năm mới xong việc, dẹp một nước Cao Miên, cũng hai năm mới giảng giải xong. Ngày nay trong sáu tỉnh thì hai tỉnh Gia Định, Định Tường ở quãng giữa, trên từ sơn cước

dưới đến bến biển, họ đã chiếm cứ cả, 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên cách trở khó thông nhau, Biên Hòa hiện ở bên cạnh họ, sau lưng là rừng rậm rồi đến đất man, quả là địa thế đứt ngang. Như vậy bốn tỉnh ấy tuy đều có thuyền, nhưng đều khó đối địch với tàu Tây. Cho nên bảo rằng "tuy nhiều binh thuyền, cũng chưa thể đem dùng được" là thế. Hiện nay, người Tây đã chiếm giữ Gia Định, hòa hay không hòa, cũng đã thua thiệt đầy rồi, ví thử hòa mà họ vẫn giữ không chịu trả, thì thua thiệt chỉ có thế, mà Biên Hòa, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên còn là đường dịch lộ của ta, đường biển còn thông được để cứu những việc cần kíp trước mắt, đợi mưu tính về sau. Bằng cho là thua thiệt mà không chịu hòa, họ há ngồi yên sao, Nam Kỳ lục tỉnh sẽ tắt theo đây mà mất, buôn sông, vận tải biển cũng do đó hết đường. Cái điều đáng lo ấy thật là khó nói, thần không dám thêm lời. Cho nên nói rằng "hòa tuy có thua thiệt, sự thế Nam Kỳ còn có thể xoay trở, không thì thần không còn biết đợi tội ở chỗ nào" là như thế vậy. Ngày nay thế Tây [39a] và hiện tình 6 tỉnh như thế, phạm việc công thủ đều không thi thố được, đã không có cái thực của công thủ mà còn tỏ cho địch rõ, giục lòng tham của họ làm tăng thêm tổn hại, cho nên gần đây thần không đắp đồn lũy, giảm trưng thu binh lương, là vì thế. Đây là chủ ý của thần. Duy người Tây kia yêu cầu nhiều quá, thần thương lượng với họ kể đã bốn lần mà khí thế họ rất hăng, một mực xỏ tiếng Tây, thần lại cứ lược bày như lời gởi trước, cho là việc cắt đất bồi thường như thế thật có chỗ không tiện, không thể kham được, nên chưa dám phái người đi đệ trình. Viên quan Tây ấy bảo việc này thật cũng khó định. Và hẹn tuần nhật nữa lại họp thương lượng và phái người về trình bày. Cứ xem cách ăn nói khoản tiếp của họ cũng như mấy lần trước, không khác gì cả, đủ rõ không nhượng họ, liệu họ có không bách lẩn ta? Và đợi xem viên quan Tây ấy phúc đáp thế nào, sẽ tùy cơ liệu biện riêng. Ngày nay sự thế

6 tỉnh Nam Kỳ như thế, duy một chữ "hòa" so ra còn có thể làm. Nhưng việc hòa bây giờ thì cái khoản mất đất là thua thiệt trước đi rồi. Bởi vì họ cho là cái món họ đã từng chiếm được, một mục cố chấp, biện bác thực là khó. Ngoài ra tìm lời tranh cãi, hoặc giả cũng có tổn thiệt. Cúi mong trên quyết đoán mà thi hành để cứu quân dân từ Nam, Ngải trở vào khỏi khổ. Nhược bằng không dứt khoát mà cứ nước đôi, về phần thần thì sửa lời, đi lại giảng thuyết; quân thứ ở các tỉnh thì không dám trái ý trên, hoặc sai người lên đi chiêu dụ quân dân, hoặc sửa đồn đắp lũy làm kế đánh giữ. Kẻ địch xét thấy ý ta không thực, lại càng thêm bức hiếp, như thế là đánh không được, giữ không được, hòa cũng không được nữa. Thần ngu không biết sẽ xử ra làm sao được].

Thư tâu lên, vua nói: "Sự thế khó làm, đã thấu suốt cả rồi. Khanh có lòng với việc nước, nên hết sức cân biện cho tỏ rõ gió mạnh có cỏ cứng mới phải!" [39b].

Tháng Năm, vua cho bắt giải về kinh mọi quan viên thứ thần, tỉnh thần liên quan đến việc thất thủ Gia Định, Định Tường: Lang trung sung Tán lý Phạm Thế Hiển, Viên ngoại sung Tán tương Tôn Thất Cáp, Suất đội Lê Tổ, Hồ Hóa, cách hiệu Nguyễn Hữu Thành, Đặng Đức, Đỗ Đệ, cách viên Nguyễn Công Nhân, Huỳnh Mẫn Đạt, Nguyễn Mô, Bùi Đức, Phan Tĩnh, Hồ Quang, đều giải về kinh, kể cả nguyên Tổng thống giáng Tham tri Nguyễn Tri Phương giả hạn về Bình Thuận điều trị, đều giao cho đình thần phân biệt nghiêm xét nghị tội. Còn sổ biên binh quân thứ mới và quân thứ cũ đều thuộc quyền thống lĩnh trù liệu của Khâm sai đại thần Nguyễn Bá Nghi, Đề đốc quân vụ Tôn Thất Đình, Phó đề đốc Lê Quang Tiến, Hiệp tán quân vụ Thân Văn Nhiếp, Tán tương Trần Đình Túc. Lại cho bọn mới phái đến lần này là lũ Nguyễn Túc Trưng đều cùng bàn bạc

thi hành [Phan Thư, nguyên Phó lãnh binh, Hồ Quang, nguyên Đốc học, đi mộ dũng, cũng đều bàn trừ liệu việc quân].

Một chiếc tàu máy nước Y-pha-nho do thứ thần Biên Hòa nghênh tiếp, đệ lên một bức thư cầu hòa. [Thư nói xin cư trú ở một khoảng Đổ Sơn tỉnh Hải Dương, và lập phòng thuế tuần chinh ở cửa huyện Nghiêu Bang, Quảng Yên, mười năm sau sẽ giao trả nước ta. Nếu không y cho thì sẽ sinh sự ở Bắc Kỳ].

Thứ thần đưa thư trình lên. Vua bảo: "Chúng yêu cầu phi lý, không thể cho", sai trả lại thư. [40a] Tàu ấy liền từ bến Cần Giở, Gia Định đi ra khơi. Được tin, vua sai Cơ Mật Viện xét liệu xem chủ ý của bọn ấy. Viện phúc tâu: Cứ theo tin gần đây hoặc giả chúng sinh sự ở miền Cát Bà Quảng Yên, cốt chia thể lực ta, cho mạnh thêm lời nói. Bèn sai sở tại dự bị đề phòng.

Tháng Sáu, bệ tôi quân thứ Biên Hòa Nguyễn Bá Nghi giảng thuyết với tướng soái Tây, mật đem việc họ cầu hòa tâu lên [14 khoản, sẽ thấy ở sau, tháng 4 năm Tự Đức thứ 15].

Vua dụ rằng: Nguyễn Bá Nghi từ khi đi sai phái đến giờ chỉ thấy chủ ý bàn hòa, có lẽ vì không biết rằng muốn cẩn thận về sau phải suy nghĩ từ trước, nhẹ dạ nhận lời, đến nỗi càng khó thêm. Nay bằng không thi thố gì được nữa thì rõ Tôn Thất Cáp đã hỏng việc lúc đầu, Nguyễn Tri Phương thất sách ở khoảng giữa, bọn khanh lại vô tích sự về cuối cùng. Còn có thể gọi được là "chân tay tai mắt, vui lo tương quan" nữa sao? Ôi cái nghĩa vua tôi, [40b] không thể lọt ra ngoài vòng tròn trời đất, Trăm cây nhờ các người chính vào lúc này, mà bọn khanh mưu báo đáp cũng là lúc này. Vậy nên cùng nhau ra sức, sửa lời đẹp, đi lại thuyết phục, lấy thành mà cảm họ, dùng lý buộc họ, sao cho nhất nhất thuận tòng. Lại phải đi chọn chỗ núi rừng hiểm lánh, đặt thế thủ để tự giữ, chiêu tập nghĩa sĩ, khiến ai ai cũng vui

theo ta, ví phỏng có sai trái, cũng không đến nỗi thua lụn như trước. Đây cũng là diệu kế cho chóng thành hòa nghị. Bằng lại cứ khẳng khẳng bỏ việc chiến thủ, há còn có kế sách tốt nào nữa để mà chống lại? Vả Nguyễn Bá Nghi thông suốt mẫn cán, Tôn Thất Đình, Lê Quang Tiến dũng cảm hăng hái, Thân Văn Nhiếp siêng năng, ngay thẳng, khảng khái, Trần Đình Túc tài biện có thừa, Trầm đã xét rõ mà giao cho, lòng mong mỗi không phải ít. Các người nên hết lòng báo ơn nước, sớm tâu công lên, tất được ban trọng thưởng. Bằng vẫn không thể sửa lấp được cái lỗi của các quan quân thứ lần trước, thì đều là một hạng vô dụng, [41a] không mặt mũi nào trông thấy nữa.

Sức lại rõ một lần nữa cho mọi địa phương nghiêm ngặt chia ghép giáo dân [nam, phụ, lão, ấu, không kể chưa hay đã thôi đạo, đều thích chữ đem chia ghép, quản thúc nghiêm ngặt ở các xã thôn không theo đạo. Còn những kẻ đầu sỏ vẫn nghiêm giam như cũ. Chợt có người Tây đến, tức khắc đem lũ ấy giết hết].

Mùa thu, **tháng Bảy**, Khâm sai quân thứ Biên Hòa Nguyễn Bá Nghi xin chọn phái đến một quan lớn làm tổng thống. Vua không cho. Liền sau, Nguyễn Bá Nghi lại cùng bọn Tán tương Trần Đình Túc làm sớ tâu tình hình Biên Hòa đơn yếu không thể đánh giữ, giảng hòa lại không xong, xin rút bớt quân thứ, cho người đi cầu viện nước khác.

Vua thấy Bá Nghi chuyên chủ hòa, Đình Túc đồng bạn với hòa không xong, liền tìm ra một lối thoát làm phương tiện trút bỏ trách nhiệm của mình, vua bèn truyền dụ xuống khiển trách cả.

Tháng Tám, Phó quản cơ Gia Định là Trương Định [người Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi, con Lãnh binh Trương Cầm] chiêu mộ những người khỏe mạnh. Rất nhiều người theo; [41b]

thường chống đánh Tây rất đặc lực. Thụ Tuần phủ Đỗ Quang đem tin tâu lên, (Trương Định) được cất lên chức Quản cơ, liền sau được chuẩn chức Phó lãnh binh. Lần này Đỗ Quang vỗ về Trương Định mộ thành 6 cơ gồm hơn 6.000 người; Tri phủ Phúc Tuy Nguyễn Thành Ý, tùy phái Phan Trung, mỗi người đều mộ được 2 cơ, cộng 4.000 người. Lại còn đương tiếp tục mộ, kể có hàng vạn.

Tháng Chín. Nêu khen lòng trung liệt của những người ứng nghĩa ở Gia Định là cử nhân Phan Văn Đạt, hương thân Lê Cao Dững. Khi ấy Văn Đạt, Cao Dững mộ nghĩa đánh giặc, bị bắt không chịu khuất [Văn Đạt lớn tiếng mắng nhiếc, Cao Dững ngậm miệng lắc đầu không chịu uống thuốc mê] mà bị chết. Thụ Tuần phủ Đỗ Quang tâu lên, vua thương xót, cho truy thụ Phan Văn Đạt hàm Tri phủ, Lê Cao Dững (hàm) Suất đội chư quân. Đợi đến khi bình, sẽ chuẩn cho các xã nguyên quán lập miếu thờ, xuân thu hai kỳ đến tế để an ủi vong linh. Lại giao cho Sử quán nghiên cứu rõ sự trạng làm thành truyện để làm gương khuyến thần dân thiên hạ đời sau [về sau đổi miếu là từ (đền)] [42a].

Tháng Mười Một, quân Tây đến quấy rối xứ Suối Sâu ở Biên Hòa. Quân ta hai lần đánh úp bắt lui. Thương cho bọn Nguyễn Bá Nghi mỗi người một lần kỷ lục, nhân đây truyền dụ cho bọn thứ thần ấy hết lòng trù vạch, xếp đặt mọi công việc đánh giặc.

Quân Tây lại đến hai thôn Bình Thịnh, Bình Chuẩn, thuộc Biên Hòa. Phó đề đốc Lê Quang Tiến nhân đêm tập kích, địch thua, được trao chức Chương vệ, thưởng thêm một lần kỷ lục quân công. Bọn Nguyễn Bá Nghi đều được khai phục tất cả mọi chức cũ.

Người Tây đánh lui quân thứ Biên Hòa và chiếm tỉnh thành.

Từ khi Nguyễn Bá Nghi khâm sai thống lĩnh quân vụ đến đóng ở bên tả tỉnh thành Biên Hòa [xứ Tân Lại] để bảo vệ tỉnh thành, lấy chỗ kè đá khúc sông Long Đại là nơi phòng thủ cốt yếu, đường lương tiếp tế do hạt phủ Phúc Tuy, liên quan với các tỉnh Gia Định, Định Tường [42b] cùng nương tựa thanh thế. Trải 7, 8 tháng, có đến mười mấy lần sứ tầu, vua đều tham chúc lời bàn của mọi người nhiều lần đưa huân dụ xuống, chủ yếu đều cho hòa hảo là quyền nghi, công thủ mới là việc thực. Nhưng Bá Nghi thiên về hòa, không tu sửa việc phòng bị. Đến khi người Tây động binh, mới bắt đầu trưng binh thu lương. Bấy giờ người Tây đem binh thuyền cắt đứt đường Gia Định, Định Tường, lại đánh chiếm hai cửa biển Cần Giờ, Phúc Thắng, liền mấy ngày bắn vỡ chỗ kè đá [những ngày 15 và 16]. Quân thứ lui giữ phủ Phúc Tuy, thuyền Tây bèn nhân thủy triều lên tiến bức sát tỉnh thành [ngày 17], dùng đại bác bắn vào. Tỉnh thần Nguyễn Đức Hoan [Tuần phủ], Lê Khắc Cẩn [Án sát, nguyên tên là Cẩn], thế không chống được cũng lui giữ đồn mới Hô Nhĩ. Người Tây liền chiếm thành lại bức đến gần phủ Phúc Tuy bắn đánh. Bá Nghi lại lui vào giữ khoảng rừng Long Kiên, Long Lập ở phủ Phúc Tuy. Việc tàu lên, vua nghiêm trách cả thứ thần, tỉnh thần, [43a] liền lại gia ơn được cách, lưu chức, để mưu tính gắng sức chuộc tội; dụ phải giữ hiểm, đặt kế thủ, hết sức phòng ngự, chuyển bại thành thắng. Lại dụ thêm rõ một lần nữa cho Gia Định do Đỗ Quang, Định Tường do Đỗ Thúc Tĩnh, Biên Hòa trách cứ Nguyễn Đức Hoan, Lê Khắc Cẩn phải dốc sức khuyến khích mọi người từ phủ huyện tổng lý ứng nghĩa đều tự chia ra từng đạo, hết sức tập kích. Ai thu được một phủ hoặc một huyện mà tự giữ được, lập tức được thưởng thụ chức phủ huyện ấy, ai có thể đánh lui quân Tây, thu phục cả tỉnh thành thì chia đất phong vinh, đời đời nối hưởng. Cho đến kẻ binh dũng có công trạng thì xét lượng mà trao chức hàm, không công trạng cũng được

miễn sưu thuế. Mọi người đều hết lòng đuổi giặc, nơi nơi đều nổi dậy, chủ yếu không cho địch nghỉ ngơi, tất sẽ làm cho chúng không dám ở yên trên đất ta.

Khôi phục quan chức cho Nguyễn Tri Phương, Tôn Thất Cáp cho sung làm Đồng nhung quân thứ Biên Hòa.

Trước kia vua hỏi Trương Đăng Quế [43b] xin cho bọn Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Công Nhân lập công chuộc tội, ngô hầu cứu vớt được. Vua lại hỏi "Nguyễn Bá Nghi như thế nào?". Thưa rằng: "Bá Nghi đi chuyến này, chủ làm việc, hòa không xong, để ở đây cũng không được việc gì". Lại sai Đăng Quế cùng với đình thần bàn cho thỏa đáng. Họ liền phúc tâu: Tri Phương, Công Nhân nguyên là trọng thần, thân am hiểu trận mạc, ở triều không có ai hơn được. Vừa lúc việc Biên Hòa báo đến, đình thần lại xin theo như lời Đăng Quế. Vì thế, đặc chuẩn khai phục Nguyễn Tri Phương Binh Bộ Thượng thư sung làm Đồng suất Biên Hòa quân vụ; Nguyễn Công Nhân can những khoản nặng, do đình thần xin khẩn thiết, cũng được khai phục Quản cơ sung Đốc binh mà vẫn để cho thương biện quân vụ. Phàm nhất thiết tâu báo đều do Nguyễn Tri Phương, Tôn Thất Cáp cùng hội đứng hàm chúc làm sơ đệ lên. Nguyễn Công Nhân không được ký tên vào. Bọn Nguyễn Hữu Thành, Huỳnh Mẫn Đạt, [44a] Lê Tổ, Hồ Hóa, Đặng Đức, Đỗ Đệ, Bùi Đức, Nguyễn Mô [đều là quan viên tỉnh thứ bị can thất thủ] cũng giao cho bọn Nguyễn Tri Phương đem cả theo đi, xét rõ để tùy việc phân phái. [Đi chuyến này, vua dụ cặn kẽ hai ba lần, chuẩn cấp cho Nguyễn Tri Phương, Tôn Thất Cáp mỗi người một ấn quan phòng. Lại cấp cho Nguyễn Tri Phương 5 lá cờ quân lệnh, 5 thẻ tín bài để phòng dùng đến; cho mang theo 2 vệ quân cùng với hơn 2.000 quân phái đi trước đóng ở Khánh Hòa, hỏa tốc đi để mưu tiến thủ. Lại dụ Nguyễn Tri Phương trước đã được ban một thanh kiếm

"Thượng phương ngự dụng" hồi còn thái tử và một bộ nhung y, hiện nay vẫn còn, không nên ban cấp nữa, đặc biệt thưởng thêm cho Tri Phương ba áo kép hẹp tay màu bảo lam, 1 thắt lưng hoa đỏ; cho Tôn Thất Cáp 1 áo nhung, 2 áo kép hẹp tay bảo lam, 1 thắt lưng hoa đỏ, 1 thắt lưng màu tuyết trắng. Lại cấp cho Nguyễn Công Nhân 1 bộ quân phục cất sẵn, 1 thắt lưng sa trắng nhuộm lam. Lại cấp thêm cho Tri Phương 100 lạng bạc, Cáp 60 lạng, Nhân 30 lạng. Các viên quan hiệu lực chuộc tội đều được cấp lộ phí. Giao cho quan Hữu ty mở lịch xem giờ tốt khởi mã (lên đường). Khâm Thiên Giám xin chọn ngày 28 tháng ấy nói tốt, khởi mã được. Sai xem lại, cần được ngày rất tốt (thượng cát) xuất quân tất thắng, sẽ được thưởng, không được sơ suất, cùng cần xem kỹ bản mệnh đại tướng tốt hay xấu. Bọn Nguyễn Tri Phương tiến đến quân thứ Quảng Nam, bèn hội tề bọn thứ, tỉnh thần Đào Trí, Nguyễn Hiền lại trừ định việc đắp sửa thêm thành, đồn bảo ở cửa Đà Nẵng, [44b] đem sự thể tâu lên, rồi tiến xuống Nam.

Tháng Chạp [Trước kia có tên cổ đạo giặc biển Quảng Yên tên là Trường làm ngụy Mưu chủ, suy tôn tên Tạ Văn Phụng làm ngụy Minh chủ, có bọn đầu sỏ là lũ Lê Nhai Minh, mạo xưng là con cháu nhà Lê, phỉ Ước, phỉ Độ, sau lại liên lạc mật thiết với những thổ phỉ Hải Dương, Bắc Ninh, Sơn Tây, Tuyên Quang, Thanh Hóa, Nghệ An, tụ tập làm loạn. Lúc ấy bèn sai Hồng lô tự khanh tham biện đề chính Nguyễn Văn Hãnh sung làm Khâm phái Quảng Yên quân vụ, đi đánh].

Đồng suất Nguyễn Tri Phương, Phụ tể (quân vụ) Tôn Thất Cáp tiến quân đến Bình Thuận, lại đem những việc đã dò xét trước tâu lên, nghĩ xin ba điều.

Vua nói: "Tình thần điềm nhiên không tâu báo. Bằng không có hai viên ấy xét rõ tâu lên, triều đình căn cứ vào đâu

mà biết được! Hai việc: thay đổi đường dịch lộ và xử trí dân mọi (dân thiểu số) đều giao cho tỉnh thần thi hành. Còn một việc nói về tình hình Tây, chuẩn cho hai viên ấy trừ biện, để giữ vững hai đường ở Biên Hòa, nhiên hậu tiến hành”.

Trong tháng ấy, Nguyễn Bá Nghi ở quân thứ Biên Hòa lại lấy cớ lui quân tan tác, thể không giữ được, xin chịu tội. Vua bèn dụ hai quan kia đi nhanh đến xét kỹ, bàn với Bá Nghi cùng trừ liệu, sao cho thích hợp [45a] cơ nghi. Liền đấy, chuẩn cho đóng quân thứ ở Bình Thuận.

Năm Tự Đức thứ 15 (Nhâm Tuất, 1862), xuân, tháng Giêng

Bọn tỉnh thần Biên Hòa Nguyễn Đức Hoan thấy thể Tây cứ dây dưa lan mạnh, đồn Hô Nhĩ không thể giữ được, lại lui đóng ở thôn Thắng Hải thuộc Bình Thuận, quân biên dưng tan tác gần hết. Vua bảo rằng: Nguyễn Đức Hoan ở lâu Biên Hòa mà không trừ tính được tý gì, địch đến là chạy, bèn cho cách hỏi tịch, lấy Án sát Lê Khắc Cẩn, Thương biện Lê Hữu Hương cùng hộ phủ (cùng làm việc tuần phủ).

Hỏi tìm những người am hiểu tiếng và chữ Tây. Tỉnh thần Nghệ An, Lạng Sơn tâu có Nguyễn Trọng [người Nghệ An, nguyên đã đi Tây, nói chữ nước ấy có 27 chữ cái, cứ theo đấy chấp thêm vào nhau mới thành chữ khác], Nguyễn Văn Thự [là tù phạm giáo dân]. Ra lệnh cho đưa về bộ phúc xét.

Tháng Hai, giáng Nguyễn Bá Nghi làm Tham tri, sung làm Phụ tế quân vụ, hiệp với Nguyễn Tri Phương tham biện quân vụ Bình Thuận. Sai Phó lãnh binh Gia Định Trương Định kiêm lĩnh [45b] mọi đầu mục mộ nghĩa ở Gia Định. Trương Định đóng đồn ở xứ Gò Công [thuộc huyện Tân Hòa], thường ra đánh úp quân Tây. Nghĩa binh theo về rất nhiều. Lúc ấy thuyền đồng

của quân Tây đóng ở thôn Nhật Tảo. Quyền sung Quản binh đạo là Nguyễn Văn Lịch⁽¹⁾ sai Phó quản binh đạo Hoàng Khắc Nhượng, Nguyễn Văn Quang đều đem binh thuyền theo ven sông đến gần chỗ thuyền Tây, chia ra phục sẵn; tự mình đem 59 nhân viên quyết tử chia làm hai toán, giả trang làm thuyền buôn, đi thẳng đến thuyền Tây, nhảy lên trước đâm bốn lính Tây, những người cùng đi nhất tề nhảy sang hỗn chiến chém giết; lính Tây đâm nhào xuống sông, dứa chết dứa thoát. Những dứa còn sót lại chui xuống lòng thuyền bắn chống lại. Quang bèn hô 30 người phục sẵn lên tiếp chiến. Quản toán Nguyễn Học, hương thân Hồ Quang cầm búa sắt phá tàu Tây không núng, liền phóng hỏa đốt cháy tàu.

Thường thụ Lịch chức Quản cơ, bọn Quang hai mươi người chức Cai đội, đều được cho ngân tiền; thưởng chung cả binh lính 1.000 quan; [46a] bốn người bị chết được thưởng tuất gấp đôi, cho con hoặc cháu (gọi chú bác) được hưởng âm nhiều, miễn sưu thuế cho những nhà bị giặc đốt, ở thôn Nậu Thị. Tuần phủ Gia Định Đỗ Quang, lính phủ Định Tường Đỗ Thúc Tĩnh đều nói trận này rất là xuất sắc, cho nên mới thưởng hậu như vậy. Lại nói rõ những cử nhân thổ hào ứng nghĩa ở Định Tường, Vĩnh Long cũng giết được quân Tây, đánh đắm thuyền Ma-tà thì đều được thưởng phẩm hàm ngân tiền, kẻ bị chết được thưởng tuất gấp đôi.

Người Tây đánh chiếm tỉnh thành Vĩnh Long.

Từ khi Định Tường thất thủ, một tuần sau, người Tây tiện đường cho năm ba chiếc thuyền máy đi vào giang phận Vĩnh Long dò thám. Tỉnh thần một mặt nghiêm phòng, một mặt viết thư sai người đến hỏi, làm kế hoãn binh. Sau đấy thuyền ấy

(1) Tức Nguyễn Trung Trực.

đến thẳng giang thứ đồn Thanh Mỹ [từ đây trở xuống mọi đồn ụ đều do Vĩnh Long đắp phòng] báo rằng quan tỉnh thần đến mới tiện giao bức thư của chủ sứ họ gởi đến; bèn ủy cho Án sát sứ Nguyễn Duy Quang đi nhận, thấy lời trong thư không [46b] có ý khác, [thư nói lần trước họ hỏi hòa chỉ yêu cầu đất giáp Định Tường mà thôi. Nhưng nhân hòa cục chưa ổn, thì đồn lũy cùng định ước họ cũng mong được thông thương trên mặt sông lớn Tiền Giang, Hậu Giang. Nay binh thuyền ấy đi vào các nhánh của sông lớn cũng là sự thể tất nhiên, mong rằng chớ thấy thể làm lạ]. Ta cũng dùng lời lẽ phải đáp lại. Sau có đi lại mấy lần nữa, hỏi đáp cũng đại để như trước. Tỉnh thần đều lần lượt tâu lên. Vua đều cho là khéo xử.

Đến khi ấy [ngày 20], hơn 10 chiếc thuyền Tây kéo đến đậu phía thượng lưu đồn Vĩnh Tông, hơn 1.000 quân lên cạn đắp lũy. Văn Uyển biết chúng muốn quấy nhiễu, bèn nghiêm sức Lính binh Tôn Thất Tuấn, Quyền lãnh binh Nguyễn Thai, Lê Đình Cửu [đều phái đóng giữ đồn Vĩnh Tông], nguyên Lãnh binh An Giang Hồ Lục, Phó lãnh binh Ngô Thành, Trương Văn Thành [đều phái đóng ở đồn Thanh Mỹ] hết lòng phòng tiểu. Còn Văn Uyển với Bô chánh sứ Lê Đình Đức sửa soạn binh dũng để phòng tiếp ứng [khi ấy Duy Quang hiện đi hội tiểu Định Tường].

Người Tây luôn hai ngày [21 và 22] cả thủy lục bắn đánh các đồn lũy Vĩnh Tông, Thanh Mỹ. Quan quân chống đánh không địch nổi, kế tiếp nhau tan vỡ. Thuyền Tây bèn [47a] tiến thẳng vào giang thứ tỉnh thành dùng súng đại bác (xung tiêu đồng) bắn vào thành. Binh dũng nhiều kẻ bị tử thương, trốn tan cả. Bọn Văn Uyển liệu thể khó giữ, nhân đêm tối đốt cả kho tàng công thự trong thành, dẫn quân lui đến đóng ở đồn bảo Vĩnh Trị, nghe tiếp tin người Tây truy kích, lại chạy đến dừng ở huyện

Duy Minh, đem việc tâu lên. Vua cho là tỉnh này thể cô, đứt hẳn đường viện, sự thể không giống tỉnh khác, nhưng không biết chọn chỗ hiểm yếu đặt đồn làm thành cái thể không thể đánh bật được, mà chỉ chuyên dựa vào hai nơi Thanh Mỹ, Vĩnh Tông. Cái tội không biết liệu việc dự phòng thật cũng khó chối. Trừ Tôn Thất Tuấn đã từng bị cách lưu [can vào án thất thủ Định Tường], bọn Văn Uyển, Đinh Đức, Duy Quang, Lục, Thái, Thành, Đinh Cửu, Văn Thành, cho đến mọi người quản, suất đều cho cách lưu. Và bắt phải chọn đất đóng quân ngầm, chiêu tập binh dũng, thu thập khí giới lương thực, cùng làm thể ỷ dốc với quan quân tỉnh Định Tường, [47b] để lo toan gỡ lại sau. Lại sức cho quân thứ cùng với bọn tỉnh thần Gia Định, Định Tường Đỗ Quang, Đỗ Thúc Tĩnh nhân cơ dịp loạn làm mạnh thanh thế để giải cái nguy cấp cho An, Hà.

Tháng Ba, thổ phi hoạt động mạnh ở vùng Bắc Ninh.

Một người ở huyện Phượng Nhân (tỉnh Bắc Giang) nguyên là Cai tổng theo đạo Gia-tô, tự xưng là soái, bọn phi đạo bỏ trốn coi hấn là minh chủ. Lại liên kết với bọn giặc biển ở Quảng Yên, tập hợp được khoảng 1.000 tên xâm phạm tỉnh hạt Lạng Giang, lại xâm phạm các vùng thuộc huyện Yên Dũng, tiến vây tỉnh thành.

Mùa hạ, **tháng Tư**, linh phủ Định Tường Đỗ Thúc Tĩnh [người Quảng Nam, đồng tiền sĩ] mất, Thúc Tĩnh thấy Gia Định không giữ được, xin đi tuyên phủ tướng sĩ, tuyên dụ quân dân để mưu khôi phục, nhưng chí chưa đạt. Vua rất lấy làm tiếc.

Sứ nước Phú [từ tháng này về sau, căn cứ theo hòa ước, viết là nước Phú] Bô-na sai Xuy-mông⁽¹⁾ đi thuyền máy đến bến Thuận An [48a] [thuyền máy dẫn theo 3 thuyền ván với hơn 200 tên, thuyền có hai tầng, tả hữu chia đặt đại bác, ban đêm

⁽¹⁾ Trung tá hải quân Simon. BT.

chiếu hai ngọn đèn, đo biết được nước biển], đem thư bàn hòa, Phan Thanh Giản, Trần Tiến Thành tâu lên. Vua hỏi đình thần. Bọn Trương Đăng Quế đều cho thông sứ là rất phải.

Thư đến nói ba việc:

1. Sai toàn quyền⁽¹⁾ đến;
2. Bồi quân phí;
3. Đưa tiền trước 10 vạn để làm tin.

Vua bảo đưa bạc 500 lạng hay 1 nghìn. Đình thần xin gấp đôi số ấy.

Lâm Duy Hiệp xin đúng số lại xin cho sứ sang.

Đăng Quế tâu nói: "Thần thấy Lâm Duy Hiệp nói rất phải, không dứt khoát quyết định thì việc không có hện nào xong được".

Vua nói: "Tạm chịu khuất, tạm chịu phí mà cứu được quân dân, không mất đất đai, nên lắm. Chỉ sợ không thể thì việc quân lại nổi lên, rút cục không thành gì cả. Đến như toàn quyền, lâm thời có điều không thể nói được, theo họ thì có nước như không, đã chịu nhục mà đời đời chịu vạ; không theo thì người mình đã rơi vào tay nước họ vây giữ, sống chết ở họ. Chắc đâu đã được như "Trịnh công đi sứ nước Liêu". Giả thiết họ không giết, sai đưa về thì ta sẽ làm thế nào?". Đình thần lại xin như lời Lâm Duy Hiệp.

Lúc ấy Thanh Giản, Duy Hiệp xin đi, chuẩn cho sung chức Nghị hòa chánh phó toàn quyền đại thần, lại sai đình thần bàn định đại ý điều ước, vua xét định lại một lần nữa, rồi trao cho hai ông.

⁽¹⁾ Tức sứ thần có đầy đủ thẩm quyền để thương lượng với Pháp ở Gia Định. BT.

[Khi ấy, đình thần tâu nói việc nghị hòa đã trải ba, bốn năm nay chưa định xong, nay thư họ xin hòa tuy không nói rõ các điều mục, nhưng chủ yếu tướng cũng không ngoài 14 điều khoản họ xin năm ngoái. Có ba điều không quan ngại lắm trước ta đã y theo đúng nguyên ước, là thuyền Tây được thông hành trên các mặt sông từ Gia Định về phía nam và tây; tha cho tất cả các tù phạm bị bắt khi đánh nhau; không đắp đồn lũy phòng bị. Ba khoản ấy không quan ngại lắm, đã y như nguyên ước trước. [48b] Còn 11 khoản, thì về điều Đạo giáo được hai chữ “công hành”, chủ yếu là cho người theo Đạo được tùy tiện giảng tập, muốn truyền giáo tùy ý họ, muốn không được đặt ra pháp luật ngăn trở. Khoản này, ta đã từng đồng ý cho dân nước ta từ trước đã theo đạo ấy được giảng tập riêng, còn bỏ đạo hay không muốn theo, không bắt buộc. Một khoản về người Tây phạm tội, giao cho quan Tây xét xử. Điều này về lý cũng thỏa, duy có người nước ta có phạm pháp ở nơi nước họ cư trú buôn bán cũng phải giao cho quan ta xử trị, mới được là bình đẳng. Một khoản người Tây được đi lại công nhiên khắp trong nước, nhưng phải tuân điều luật đã thỏa thuận. Điều này lý định rõ người nước họ đã có chỗ cư trú thông thương rồi, ví có việc gì cần thương lượng thì đã có quan địa phương giải quyết thỏa đáng. Còn đi lại xứ khác, cũng không liên quan đến, bắt tất nhất khải đem thi hành lại. Một khoản về thuyền Tây buôn bán thủy sản nào tiện lợi đều do quan Tây cho mở mang. Điều này đã từng nghĩ cho nước ấy đã có chỗ buôn bán, được tùy tiện đi lại đậu ở đấy, còn ngoài ra các bến khác, nên đình chỉ. Một khoản về tiền bồi thường cho thân quyến hai ba người Tây đã bị giết, thì đã nghĩ cho là cái phí nhỏ, không đáng so kè, chỉ bức thư gửi đến không kê rõ số bao nhiêu nên hỏi cho rõ mà châm chước liệu biện. Về khoản nước Cao Miên từ nay về sau không nên bắt nước ấy sang sính lễ, thì đã định rằng Cao Miên nguyên là

thuộc quốc của ta, đến hay không đến, không có quan thiệp gì đến nước họ cả, nên không đem ra bàn. Về 6 khoản trên, họ có đề cập đến, thì cứ y theo điều bàn trước mà đáp biện, hoặc họ cố yêu cầu như thế nào cũng nên tùy nghi châm chước mà giải quyết. Duy còn 5 điều sau này: Giao toàn tỉnh thành và đất phụ cận của Gia Định, Định Tường; đóng quân ở Thủ Dầu Một của Biên Hòa; cho vị đại thần hai nước cư trú ở kinh đô; đòi bồi thường bốn vạn lạng bạc; nước Y-pha-nho xin ở một dải Đồ Sơn thuộc Hải Dương và lập sở thuế tuần chinh ở cửa huyện Nghiêu Phong, Quảng Yên, 10 năm sau sẽ giao trả cho ta. Năm khoản ấy trước sau họ đưa thư đến đều xin được đúng như sở cầu. Nay tất nhiên họ lại đưa cả Biên Hòa, Vĩnh Long ra đòi cắt để mong cho cái ước trước phải thành. Nhưng phụng nghị xét cho họ được quản trị cái thành cũ ở Gia Định mà họ đã lập đồn sở, địa giới rẻo sông hai huyện Tân An, Cửu An, [49a] Thủ Dầu Một ở Biên Hòa, đất ngoại phủ tỉnh thành Định Tường. Còn địa phận các hạt khác và toàn tỉnh Vĩnh Long đều phải giao lại cho nước ta quản trị. Đến như cửa biển ở kinh đô đã không phải là nơi buôn bán, mà chỗ họ mở phố thì đã có người trị sự mọi việc cũng đủ cang đáng, không cần phải thêm quan lớn; bằng họ cố nài thì nên đáp là Đà Nẵng vốn là đất kinh phủ mà họ thường đi lại đỗ trú rất ổn, nên để một vị quan của họ đóng ở đấy; về tiền quân phí, xin chước trả họ 100 vạn đến 200 vạn đồng là cùng; lại như Y-pha-nho cùng họ đến Gia Định đã lâu, họ thường vin vào đây yêu cầu quanh co hai khoản cư trú buôn bán ở Đồ Sơn, hay đặt sở thuế của họ ở huyện 10 năm, thì ta xét chước lượng cho họ một khoản là những người theo giáo Gia-tô ở Bắc Kỳ nghe nói phần đông là theo giáo nước ấy, ta tha cả cho cũng như điều khoản với nước Phú. Còn các điều khoản khác không nên đem bàn. Lại nói đến Gia Định, Định Tường trước đã bàn giao trả nước ta quản trị mà họ không nghe,

thì nên viện lệ Quảng Đông, quyền nghị xin chuộc về, họ đòi giá, cứ phỏng ước một, hai trăm vạn lạng bạc làm nhất định, nhưng ước hẹn đợi sau dần dần thảo luận mà trả hết, hoặc là tùy có thể trả mau. Bằng họ đòi giao toàn bộ 3 tỉnh, dứt khoát không theo. Trong khi giảng thuyết thì nên suy dò tình lý, tùy nghị mà biện bác gây gọn, làm cho họ bình tâm; lại phải nhớ kỹ giảm được phần nào càng tốt. Bằng không được thế, mới từ nông vào sâu nói đến những lý trên kia. Ngoài ra, những điều khoản nào chưa từng dự đoán đến, việc nhỏ thì chiếu lý mà bàn cho thỏa đáng, những việc trọng đại thì chiếu lý biện luận bác bỏ đi, họ nghe thì thôi, không thì thác lời đình hoãn để đợi báo về giải quyết cho hợp sự thể. Vua phê bảo rằng: "Một, khoản Đạo giáo công hành, quyết không cho; bắt dặc dĩ chỉ cho như trước đã xét: đến phải trình, ở phải có chốn, như Nam Kỳ một xứ Gia Định, Bắc Kỳ một xứ Nam Định hoặc Hải Dương mà thôi. Hai, khoản người Tây đi lại tự do ở kinh đô và trong nước cũng quyết không cho, về khoản Cao Miên tất đáp như trên kia, bằng họ cố yêu cầu thì cũng ưng cho, để bớt những điều vô ích, nhưng phải hẹn trước là nếu Miên phạm thuận thì trách cứ người Tây, không thì nước ta đem quân tiêu diệt. Người Tây cho lấy làm lạ, đến như địa hạt Gia Định, Định Tường, [49b] Biên Hòa, chỉ để cho một hai chỗ ở buôn bán không được, duy có chuộc mà thôi. Các điều khoản Y-pha-nho xin cư trú buôn bán, thu thuế, đều bác hết". Lại sai Cơ Mật Viện sao mọi thư trước sau của Tây và một bản trưng của đình nghị giao cho hai người mang theo cẩn mật, luôn luôn xem lại nhớ kỹ để tiện lâm thời ứng đối. Lại dặn lần này, nếu họ đưa những điều mới ra giảng thuyết thì cứ tùy nghị đáp lại, bắt tất đề cập đến thuyết cũ. Bằng họ giữ theo khoản nào ở thuyết cũ, thì chiếu điều bản mới tham chiếu những bản cũ mà ứng đáp sao cho cùng bớt đi được càng tốt. Phải nhớ kỹ thế. Đường xá xa cách chỉ trông vào bấy tôi giỏi

làm cho được như những lời đã phê nghị đây: Làm trái vượt thể thành ra hại nước, dứt khoát là không nên làm].

Lúc sắp đi vua rót ngự tửu cho uống, dụ thêm rằng đất đai quyết không thể cho, tà giáo quyết không được công hành.

Kịp khi hai người đến Gia Định, rồi cuộc lấy ba tỉnh Gia Định, Định Tường, Biên Hòa nhường cho Tây, lại chịu bồi ngân 400 vạn, [tính ước đến 280 vạn lạng], gồm cả dựng nhà thờ giảng đạo, mở hàng thông thương tất cả 12 khoản làm thành hòa ước, vừa đúng 20 ngày, đưa về tàu. [Tháng Ba, sứ nước Phú cho Xuy-mông đến cầu hòa, rồi lại về, tháng Tư lại đến yêu cầu đón sứ toàn quyền. Ngày 24, Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp phụng sứ đi thuyền Thụy Loan đến Gia Định. Ngày 9 tháng Năm định ước, ngày 11 gởi về, ngày 14 tới kinh].

Hòa ước 12 khoản có những khoản quan trọng sau:

1. Nước Nam phải để cho nước Phú và nước Y-pha-nho được đi lại tự do giảng đạo, và để cho người dân được tự do theo đạo.

2. Nước Nam phải nhượng dứt cho nước Phú 3 tỉnh Biên Hòa, Gia Định và Định Tường, phải để cho thuyền Phú được ra vào tự do ở sông Mê-kông.

3. Nước Nam không được mang binh khí, thuốc đạn đi qua các tỉnh đã nhường cho nước Phú.

4. Hễ nước Nam có giao thiệp với nước nào khác thì phải cho chính phủ nước Phú biết, và khi nào muốn nhượng đất cho nước nào khác thì phải tùy ý nước Phú có thuận cho mới được.

5. Người Phú và người Y-pha-nho được ra vào buôn bán tự do ở các cửa biển Đà Nẵng, Ba Lạt và cửa biển Quảng Yên.

6. Nước Nam phải trả tiền bồi thường quân phí 400 vạn nguyên, chia làm 10 năm, mỗi năm 40 vạn nguyên.

7. Nước Phú giao trả lại cho nước Nam tỉnh Vĩnh Long, nhưng quân lính vẫn cứ đóng ở tỉnh lỵ cho đến khi dẹp yên giặc già ở các tỉnh Gia Định, Định Tường thì mới rút về.

Vua nói: "Than ôi! Con đỏ của lịch triều có tội gì, rất đổi đau lòng; hai tên kia không những là tội nhân bản triều mà là tội nhân thiên vạn cổ!" [50a].

[Hòa ước 12 khoản đưa xuống đình nghị đều phúc tâu hai đại thần bằng lòng cắt đất, đền tiền, thật là không hợp, nhưng điều ước mới định xong, bằng đòi đổi bàn lại sợ họ đang hăng vị tất chịu nghe, xin chuyên trách cho hai người tới gần họ dần dần thương lượng mà chuộc cái lỗi trước. Và để đợi lúc đưa sứ trao thông tờ hòa sẽ nhân cơ châm chước bàn nữa. Lại xin trị tội vì thi thố không được gì cả. Vua nói: Biết đâu có hiền tài khác mà đổi hết cả đi được?]. Bèn cho Phan Thanh Giản lĩnh Tổng đốc Vĩnh Long, Lâm Duy Hiệp lĩnh Tuần phủ Thuận Khánh giao thiệp với Phú sớ để chuộc tội.

Tháng Năm, thuyền máy của Phú vào Đà Nẵng. Tổng đốc Đào Trí, Tấn tương Nguyễn Hiền xin lưu số lính hạ ban (lính đi đánh được trở về) để nghiêm phòng. Vua nói: "Một chiếc thuyền đến lúc này chỉ xem hư thực, cần không cấp bách, không trễ nải. Cho nên không lưu nhiều quân lại, cốt để nuôi lực lượng".

Tháng Sáu, phóng thích các dân xấu ở các hạt chưa bỏ đạo. Vì hòa nghị đã thành, nên bỏ điều cấm kia.

Lập đền thờ Quang lộc tự khanh Trần Xuân Hòa [cử nhân, người tỉnh Quảng Trị]. Mùa đông năm ngoái, người Phú tiến vào Định Tường, quan quân chia đường đánh lại. Thị độc học sĩ Trần Xuân Hòa quán đạo binh bị giặc bắt được, cắn lưỡi chết [Xuân Hòa trước kia là Tri phủ sung chức biện Định Tường binh bị đạo, đã từng đốc mộ nghĩa dũng, 6 lần phục kích giết quân Tây,

quân Ma-tà, được thưởng thụ “Thị độc học sĩ” và vẫn giữ chức trên]. Đến nay truy tặng “Quang lộc tự khanh”, lại sai tỉnh Quảng Trị lập đền mỗi năm xuân thu hai lần tế lễ [51b].

Mùa thu, tháng Bảy, bọn giám mục Y-pha-nho là Phong, Đức đệ thư của sứ nước Y xin được đi truyền giáo từ Hà Tĩnh, Nghệ An lên phía bắc. Đình nghị họp bàn nói trong hòa ước có cả tên sứ hai nước; nay không có thư của Phú sứ lại không có Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp hội báo, không nên cho. Bèn báo thư lại cho hai sứ, có nói rõ nên đợi sau khi hòa ước định xong, mở cuộc hiếu dụ rõ cho sĩ dân, rồi sau mới có thể được. Lúc ấy thân sĩ Nghệ, Tĩnh đều trình bày nói không muốn cho cổ đạo đến giảng đạo. Sai Hình Bộ Biện lý Lê Tuấn đi dụ họ.

Từ khi hòa thư đã thông, dụ cho Nam Kỳ nghỉ quân, điều Trương Định đi Phú Yên. Khi ấy mọi người dân ứng nghĩa ở Gia Định, Định Tường, Biên Hòa không chịu theo Tây, cứ hợp đoàn kết lại suy tôn Trương Định làm Đại đầu mục, trình bày xin xuất chinh. Đình thần cho là việc phía bắc đang khẩn, mà phía nam chưa có cơ hội, lại sai Phan Thanh Giản đến hiếu dụ. Trương Định lâu không đến nhận chức, bèn cách cả chức hàm [52a].

Nguyễn Tri Phương từ Bình Thuận vào châu.

Vua bảo Tri Phương: “Lần này có chỉ triệu về, khanh cứ hai, ba lần xin nghỉ, nay đương lúc lắm việc, thần tử phải nên hết sức”. Lại hỏi Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp đi hiếu dụ làm như thế nào?

Thưa rằng: “Thanh Giản, Duy Hiệp mọi người đều vâng mệnh trên tuyên thị uy tín, ai dám không theo, nhưng thần xem lòng người Nam Kỳ không chịu theo Tây là xuất từ nghĩa phần, thần cũng khó có lời nói với họ. Thanh Giản, Duy Hiệp lại bảo là hòa nghị đã thành có thể ngồi mà đến phú cường, thần cho là

sau khi đã hòa, của, sức ngày một hao dần, còn làm gì có phú cường". Vua nói: "Sao khanh không bảo thẳng". Thưa rằng: "Ý kiến bất đồng, cho nên tuy thương thuyết, cũng không chịu theo. Tuy nhiên, dị đồng khác nhau, tiểu thần chỉ cần lo cứu được việc nước thôi". Vua tiếp: "Hòa nghị thất là có lỗi của hai người, cho nên lưu hai người ở đây để xem rõ lại về sau. Nay khanh ở trong triều [52b] đề phòng được cố vấn, hoặc đi dẹp giặc phía bắc". Thưa rằng: "Nam Bắc đều theo mệnh. Nhưng đất Bắc Kỳ thần chưa từng dẫm đến, mong nhà vua cất đặt thế nào cho phải". Vua đáp: "Hãy nghỉ độ tuần nhật, xem rõ mọi sự, dự để thông suốt tình hình, có phương lược gì, nên bàn bạc với Đoàn Thọ, Trần Tiến Thành".

Tháng Tám. Đặt sứ quán ở phía nam sông Hương, trên giới phận Thủy sư. [Nguyên thủy quân còn cái nền cũ của trụ sở. Nay làm sứ quán vào đây, dự bị làm chỗ khoản tiếp sứ Tày].

Tháng Tám nhuận. Trước kia ở An Giang, tú tài ứng nghĩa Trịnh Quang Nghi giữa đường gặp 44 giáo dân trốn đi theo giặc, mở lời thuyết phục mãi họ không theo, Quang Nghi đem giết hết. Đến nay, Phan Thanh Giản xin làm tội.

Vua phán: Lúc bấy giờ chưa hòa nghị, đó là do nghĩa phần. Tha tội cho.

Tháng Chín, Phú sáy Bô-na đưa thư đến nói sự tình vua hai nước ký và áp ấn vào hòa thư, ước độ tháng Mười Một [53a] thì sai sứ đệ đến kinh, cung kính tới trước "vị tiền" (tức ngự tiền) nước ta dâng nộp, và làm lễ hồ giao cho. Vua cho hòa ước có nhiều chỗ bất tiện. Gần đây ta đã giao phó cho bọn Thanh Giản, Duy Hiệp hết sức từ đó mà chưa thấy được việc gì. Nay sáy họ đã vội đính hẹn hồ giao, không biết hai tên ấy trù liệu như thế nào?

Và hạn hồ giao là một năm, nguyên ước mình bạch như thế mà họ đã lật phất đi, những điều khác còn vin sao được. Lại "vị tiền dâng nộp" thật không phải lễ. Đây là những điều cần biện chính để ngăn lấp họ lần dần. Hội nghị cũng cho là sứ thần đưa mệnh với hai vua yết kiến nhau có khác, nước ấy sai sứ đệ thư, nước ta sai quan ra nghênh tiếp, mới là chính lễ, há đâu lại có cái lý vị tiền dâng nộp. Xin do bọn Thanh Giản, Duy Hiệp hay cùng họ biện bác yêu cầu y đúng cái hạn một năm để đợi mưa lấy về; bằng họ cố chấp, thì việc sứ giả tiến ngừng và triều kiến đều phải y theo điển lễ nước ta mới được. [53b] Xin sao lục cả những nghị thức tiến lui và nghi lễ triều yết để cho thương thuyết thỏa thuận mà thi hành. Vua theo.

Mùa đông, **tháng Mười**, Phan Thanh Giản nhiều lần dụ Trương Định, Định thề không đội trời chung với giặc. Nhân dân ứng nghĩa Lục tỉnh ở trong phạm vi Trương Định, đều vẫn chống nhau với Tây. Phú sủy chiêu vờ Định, Định không khuất. Thanh Giản lại xin ban sắc xuống dụ. Vua bảo thị thần rằng: "Nhân tâm như thế cũng là thêm giúp cho việc mưa thu hồi, há lại có cái lý cứ chăm chăm đi răn dụ người ta!" [54a].

Năm Tự Đức thứ 16 (Quý Hợi, 1863), mùa xuân, tháng Giêng

Phú sủy ủy phái đến báo sứ kỳ [tháng Hai] và về phúc tâu những điều khoản việc sứ cùng làm. Vua cho là những điều đã phác ra còn có chỗ chưa thỏa đáng, bèn sai Phạm Phú Thứ sung làm Khâm sai đại thần đến hội tề với bọn Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp cùng đi giảng thuyết, xong việc ba người đều đi nhanh về kinh trước, tiện sung làm tiếp sứ. Bọn Phú Thứ đến Gia Định hội bàn định lễ nghi với sủy ấy và đại thần nước Y-pha-nho xong, đi trước về tàu. Vua chuẩn y.

Tháng Hai, sứ hai nước Phú-lang-sa và Y-pha-nho là bọn Bô-na, Pha-lăng-y-ca⁽¹⁾ [sứ Phú kiêm cả] đến kinh sư, ở sứ quán mới trên sông Hương [từ bến Đà Nẵng đến bến Thuận Hóa các điều khoản cung đón yến tiệc hộ tống chiếu theo việc đón sứ Xiêm mà gia hậu hơn]. Sai thêm Chương phủ sự Trung quân là Đoàn Thọ, Binh Bộ Thượng thư Trần Tiến Thành, cùng với bọn phái đi cũ Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp, [54b] Phạm Phú Thứ đều sung làm Yến tiếp thương thuyết sự vụ, Quyền chương doanh Long Vũ Nguyễn Quang, Quyền chương doanh Kỳ Vũ Đặng Hanh, Biện lý Phạm Ý, Biện lý Hình Bộ Lê Tuấn đều sung làm phái viên hộ tiếp.

Chuẩn cho sứ hai nước Phú, Y làm lễ triều yết. Trước tiên hẹn cho những sứ thần ấy đều đưa quốc thư và các hạng phẩm tặng của vua nước ấy cho Hữu ty ta dâng lên, lại cung lĩnh quốc thư ta. Đến đúng ngày, vua ngự điện Thái Hòa, sứ thần lướt qua sân vào làm lễ chiêm cận xong, cho ăn yến ở sứ quán, trả tiền bồi thường [gồm 1 vạn 3 nghìn 4 trăm 10 lạng (thành 18.611 đồng)], tặng vua hai nước và sứ sứ trở xuống các thứ phẩm vật, theo thứ bậc.

Sứ hai nước Phú, Y về Gia Định, sai Phan Thanh Giản cùng đi; khi ấy sứ nói về lớp này giao trả Vĩnh Long, cho nên sai cùng đi giao nhận. Vua lại bảo Thanh Giản rằng: "Hòa thư đã nói: có hoãn cấp gì, họ cũng sẽ giúp; trước kia giặc biển miền Bắc từng mượn thuyền của Tây, miền Nam, Cao Miên ngăn trở nghe đâu cũng do viên tướng ấy chủ trương xui bầy. Nếu không có những việc ấy cần khéo thuyết [55a] hỏi họ tương trợ như thế nào? Đây cũng là một kế an biên. Lại như 3 tỉnh đã về họ rồi, cần bàn về việc đường trạm, ngõ hầu đường đi được đều nhau. Đến như ba cửa biển thông thương, sự lệ cũng nên định cho rõ ràng.

⁽¹⁾ Đại tá Palanca Guttierer, BT.

Trong vòng trên dưới một tháng xong việc, về kinh". Bấy giờ bàn thương thuyết cho dân tỉnh Vĩnh Long đi sung ở trạm Định Tường, dân Định Tường đi sung trạm Gia Định, dân Gia Định đi sung trạm Biên Hòa, để tiện đi được mau. Cho nên mới dụ đến việc ấy.

Tháng Ba. Bọn Đoàn Thọ, Phan Thanh Giản, Trần Tiến Thành thấy thương thuyết không công trạng gì, xin chịu tội, hạ xuống pháp ty bàn. Án dâng lên, phụng chuẩn cho Thanh Giản cách, lưu, Thọ, Tiến Thành, Phú Thứ giáng, lưu. Khi ấy Duy Hiệp đã mất rồi, truy đoạt cả chức hàm. Nguyễn Quang, Đặng Hanh, Phạm Ý, Lê Tuấn đều giáng, phạt có khác nhau. Lại đặc thưởng quan tiền cho Suất đội Hoàng Văn Thu biết giữ đúng phép [người Phú đi đêm, Văn Thu giữ ở cửa thành, không cho vào] [55b].

Mùa hạ, **tháng Năm**, sai Hiệp biện đại học sĩ Phan Thanh Giản, Lại Bộ Tả Tham tri Phạm Phú Thứ, Án sát sứ Quảng Nam Ngụy Khắc Đản đi sang Tây [Phan Thanh Giản làm chánh sứ, Phạm Phú Thứ phó sứ, Khắc Đản bồi sứ].

Vua cho đi là việc chuyên đối (ngoại giao) thực khó, người có đờm khí mới có thể được việc, sai đình thần kén sứ. Chọn đến Khắc Đản, Khắc Đản lấy có nhà có mẹ già xin đổi. Vua nói: "Đạo thần tử lấy công nghĩa là trước cả. Trẫm bảo tình thần Nghê An thăm hỏi mẹ khanh, mỗi tháng cấp cho tiền gạo". Rồi lại hỏi Thanh Giản rằng: "Nhất sơ đi thông sứ mưu tính lấy về, ý khanh thế nào?". Thưa rằng: "Tình thế họ, thần chưa thể biết kỹ và hơi vội, sợ chưa thể được". Vua nói: "Thế thì cho sứ đi ích gì! Thanh Giản còn chưa am hiểu kỹ, hướng chi người khác. Chuyến đi này đã định rồi, liệu thuyết thế nào cho được. Bằng họ không theo, thì nên lưu lại mà nói, cốt cho cảm động được họ.

Bằng đi không về không, hay đi không mà đến chết, có bổ ích gì cho nước. [56a] Và chỉ đem hai, ba việc quan trọng ra giảng thuyết, còn chẳng qua là sửa định lại một lần nữa mà thôi". Lại sai sửa đổi quốc thư, và lấy các thứ ngự dụng đem làm tặng phẩm rất trọng. Ngự sử Đặng Xuân Bảng tâu xin giảm bớt đi, Thân Văn Nhiếp cũng nói: "Nhược bằng không được, thì là phí không, việc may ra mà thành, thì sau làm thế nào? Xuân Bảng nói rất có lý". Trần Tiến Thành nói: "Nhất sơ thông hiếu mà không làm vui lòng họ trước thì không có lối thông thuyết". Trần Đình Túc nói: "Chuyến đi này vốn là kế lấy lại 3 tỉnh mà tăng tiến rồi. Xin chi thêm vàng bạc trong kho vua giao cho sứ thần trữ sẵn, cho tùy thương thuyết với họ, cốt mong cho được việc". Vua theo lời bàn Tiến Thành, Đình Túc. Lại hỏi Thanh Giản rằng: "Khanh trước chuyện bỏ 3 tỉnh, quả là quyền theo khinh trọng mà làm, hay có ý gì khác?". Thưa rằng: "Xét kỹ thời thế, không thể không như thế. Thần nay phụng sứ, thành hay không thành do ở nước Tây kia, thần chỉ biết hết tâm sức". Vua chảy nước mắt đoái [56b] bảo các bề tôi rằng: "Đất cát ấy, nhân dân ấy, Tiền triều mở mang để lại, nay phải nên đồng tâm vớt lại, chớ để ta xấu hổ, chớ làm cho ta lo lắng!". Lại dụ sứ thần: "Quốc thư nên đệ tới quốc trưởng, chớ để cho những kẻ dương sự làm lấp liếm đi. Đến đây, trước hết hỏi đến quan chuyên trách mà đưa cho và hội thuyết, không nên chuyên ủy cho thông ngôn, ngô hầu mới xong việc. Và đi sứ là thay mạng vua, đi sứ Thanh theo lễ Thanh, đi sứ sang họ theo lễ của họ [sứ họ đến nước ta chỉ làm lễ đứng cúi đầu], cẩn thận chớ có cúi lạy, đến nỗi nhục quốc thể".

Ba sứ thần bèn khâm mạng đến Gia Định, ở 9 ngày, rồi cùng sứ thần hai nước xuất dương.

[Mùa] thu, **tháng Chín**, thuyền Phú vào bến biển Bình Thuận, đo dò sâu nông, khiến quan ở Viện [Thương] Bạc đưa thư

cho Phú sớ nói từ nay có đi lại bến biển của ta, phải tường quan địa phương, cho khỏi sinh ra ngờ vực.

Năm Tự Đức thứ 17 (Giáp Tý, 1864), mùa xuân, tháng Hai

Sứ bộ đi Tây về đến kinh [57a].

Mùa hạ tháng Năm, Toàn quyền sứ thần Phú-lăng-sa Hà-ba-lý (Aubaret) đến kinh định ước. Sai Phan Thanh Giản sung toàn quyền chánh sứ, Trần Tiến Thành, Phan Huy Vịnh sung phó sứ hội thương. Lúc đầu sứ thần đi Tây [nói chuộc về ba tỉnh] về, đem tiến trình hai bức thư tục ước và sinh ý của sứ thần Phú, Y trao lại. [Mỗi thư đến 21 khoản. Trong thư tục ước có những khoản:

- Ta muốn chuộc ba tỉnh, họ cũng thuận nhường, nhưng nên cắt hẳn những chỗ nào cho nước họ quản hạt;

- Giao trả tiền chuộc trong ba năm, mỗi năm 50 vạn đồng, đầy ba năm rồi, thường niên đều trả 333.333 đồng;

- Ở ba cửa biển Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên, đều đặt quan lãnh sự cư trú;

- Dân Đạo được tùy tiện làm nhà thờ cầu lễ không được ngăn trở.

Trong thư sinh ý [Phú, Y như nhau] có khoản người nước họ đi lại buôn bán ở ba cửa biển kia, được tùy ý mua dựng nhà cửa điền địa, sau hoặc có thêm cửa biển khác cũng chiếu theo lệ ấy, nhưng nên mỗi cửa biển đều có một phố ở riêng biệt. Năm khoản trên so với nguyên ước, yêu cầu quá nhiều. Các điều khoản khác hoặc giống như tờ ước trước, hoặc có khác đi, đều không quan ngại lắm]. Bèn cho bọn Phan Thanh Giản sung chánh phó sứ, lại cho Phạm Phú Thứ, Nguyễn Khắc Đản tham dự liệu biện. Bọn Phan Thanh Giản tâu nói: "Việc sứ ngày nay,

duy cất đất, tiền chuộc, xin tuân theo cái khoản đã tính thành ấy, quanh co khuyên dẫn ngõ hầu cảm động họ; bằng họ không [57b] nghe, xin cứ vẫn theo ước cũ lưu lại sau này thông thả bàn lại. Ngoài ra, mọi khoản thông thương giảng đạo, xin nên châm chước nghe theo, để tỏ hảo ý".

Bọn Phan Thanh Giản lại tâu nói lần lượt giảng thuyết với Hà-ba-lý về hai khoản cất đất bồi tiền, họ cũng có châm chước, đến như khoản thứ 17, đặt lãnh sự ở kinh, họ cố chấp không chịu đổi, xin cứ ra một hai đại thần tài cán đáng đáng công việc này. Đưa xuống đình nghị, bọn thân phiên đại thần phúc tấu: Sự thể nhường vậy kể cũng khó mà nói, nghĩ kỹ cũng không kể sách nào khác. Toàn quyền là ba đại thần danh vọng ở triều không ai hơn lại đã từng làm qua công việc, xin trước như sau làm xong việc. Vua y cho. [Sau cũng lại vẫn theo tờ ước cũ].

Trả Phú-lăng-sa 40 vạn đồng tiền bồi thường như năm trước.

Bọn toàn quyền sứ thần Phan Thanh Giản cùng với Phú sứy Hà-ba-lý đem sắc văn giao lẫn cho nhau (hỗ giao). Phú sứ về rồi, bọn Phan Thanh Giản dâng sớ nhận tội. [58a] Nội các tâu xin đều chiếu theo không làm trọn chức vụ mà phân biệt xét định. Vua bảo đợi hồ giao xong, có sự gì không vớt vát được, sẽ luận tội cả một thể.

Năm Tự Đức thứ 18 (Ất Sửu, 1865), mùa đông, tháng Mười

Đốc thần Vĩnh Long Trương Văn Uyên mật đem những điều Phú sứy nói và tình hình ba tỉnh vào tâu. Vua nói: "Biên xa như trứng treo đầu gậy thực là khó giữ, bằng được người nào Tây vốn tin phục họa chăng mới yên được". Đoàn Thọ, Trần Tiến Thành cử Phan Thanh Giản; bèn sai Phan Thanh Giản do chức Hiệp biện đại học sĩ lĩnh Hộ Bộ Thượng thư sung Kinh lược đại thần 3 tỉnh [Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên].

Năm Tự Đức thứ 19 (Bính Dần, 1866), mùa xuân, tháng Ba

Phú súy phái thuyền đến Thuận An đệ thư nói 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên, địa thế cách treo lơ lửng không tiện cho ta, kẻ gian trộm đi lại, không tiện cho họ, xin cho cai quản cả đất ấy, tiêu trừ hết giặc biển cho ta, đình hết mọi khoản bồi ngân. Bèn sai bọn Phan Huy [59a] Vịnh, Phạm Phú Thứ đến sứ quán ban thưởng thăm hỏi, và vẫn thương thuyết cho vẫn giữ ước cũ. Lại tư cho Kinh lược thần Phan Thanh Giản đến Gia Định thương lượng với Phú súy.

Mùa hạ **tháng Tư**, Phan Thanh Giản lấy lão bệnh xin nghỉ. Vua quở rằng: "Thanh Giản đương chịu trách nhiệm, chưa làm được mệnh đã xin nghỉ, toan tính miễn tội lỗi, lấy cái kiến thức lão thành mà còn nói thế, định đẩy trách nhiệm cho ai. Ba tỉnh chưa lấy lại được thì chỉ có pháp luật mà thôi, đừng nghĩ đến được toàn quy, đã rõ ràng lắm rồi".

Năm Tự Đức thứ 20 (Đinh Mão, 1867), mùa hạ, tháng Sáu

Người Phú bức lấy ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Trước kia tháng Chín năm Tự Đức thứ 19, sứ Phú đến kinh lại cầu lấy đất ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên, vua sai Phan Huy Vịnh, Phạm Phú Thứ cùng đến sứ quán biện thuyết với sứ Phú. Sứ Phú nói bây giờ không thể giảng định nữa, sợ để những người ứng mộ ngày càng rộng càn [59b] bắt nhệ gây ra đánh nhau lôi thôi. Vua lại dụ trách Thanh Giản phải ra sức biện bác. Đến bây giờ, Phú súy đem nhiều binh thuyền thẳng đến bến tỉnh Vĩnh Long, [ngày 19 tháng 5] sai người đệ thư mời Kinh lược Phan Thanh Giản đến diện đàm. [Thư đại ý nói: Năm ngoái họ muốn nước ta nhường giao luôn ba tỉnh để tỏ hậu hảo ý lâu dài nhưng ý nước ta thấy có chỗ trở ngại, nên việc không xong, thành ra người trong Lục tỉnh thường quấy rối, nên lập tức

giao nhường cho họ, không thể thì quân sẽ tiến tới dưới thành làm tổn thương đến tình lân hiếu]. Thanh Giản lập tức đến thuyền ấy cùng họ biện thuyết, cuối cùng họ vẫn không chịu lọt tai; bèn khuyên họ chớ quấy rối nhân dân, và kho tàng, tiền lương hiện trữ đều vẫn để cho ta coi giữ. Sứ họ thuận nghe, một lát ra về, thì quân Phú đã theo sau bốn mặt vào thành rồi. Tên sứ ấy lại sai chia quân đi đến hai tỉnh An, Hà, việc làm cũng giống như ở Vĩnh Long [ngày 20 lấy An Giang, ngày 23 lấy Hà Tiên], bèn đem các quan ba tỉnh về cho ở cả tỉnh Vĩnh Long, lại phái hỏa thuyền đến bến Thuận An báo tin lên. Vua sai bầy tôi Viện [Thương] Bạc viết thư vào thương lượng và yêu cầu hộ tống [60a] các quan ba tỉnh về kinh. Thanh Giản tự thấy vô trạng, đã đem hiện số tiền lương ba tỉnh, chiếu khấu trừ vào số tiền bồi năm nay [100 vạn đồng], lập tức đưa cả áo triều bào, ấn triện, và đủ cả di sớ về nộp [Sớ thuật: Nay gặp lúc gian bĩ, hung, xú bắt đầu ngay trong cõi, yêu khí đầy rẫy ngoài biên cương, việc Nam Kỳ một sớm đến như thế, cơ hồ có cái thế không thể ngăn được. Thần tội đáng chết, không dám sống thừa để phải hổ thẹn với vua cha. Hoàng thượng thông suốt cổ kim, nghiên cứu rõ trị loạn, các bậc thân hiền trong ngoài, đồng tâm hiệp giúp, kính cẩn noi theo trời răn, vỗ về cứu vớt sự cùng quẫn của người, lo trước mưu sau, đổi dây thay vết cũ, thế lực còn có thể làm được. Thần đến lúc cùng đường tắc lối, không biết nói thế nào, chỉ biết ngựa mặt trông trời khôn xiết đoái trông mà quyền luyến vậy]. Liền không ăn mà chết. Mọi quan tỉnh khác đều được vị sứ ấy phái thuyền đưa về.

Năm Tự Đức thứ 26 (Quý Dậu, 1873), tháng Năm

Phú sứ trước đã từng chiếm 3 tỉnh Long, Giang, Hà, đến nay đưa thư xin lập ước mới. Đình nghị cho là đây không phải ý

của quốc chủ nước ấy, bèn vời Kinh lược sứ Bắc Kỳ Lê Tuấn, Tán lý Nguyễn Văn Tường về kinh đọi phái đi. Liền đẩy lấy Lê Tuấn thụ Hình Bộ Thượng thư sung Như Tây chánh sứ, Nguyễn Văn Tường, tạm cho hàm Tham tri, làm phó, Hồng lô Nguyễn Tăng Doãn sung Tham biện đi trước vào Gia Định hội thương cùng Toàn quyền Phú Du-bê-lê (Dupré) định hòa ước.

Mùa đông, **tháng Mười**, phái viên nước Phú là An-nghiep (Francis Garnier) đánh hãm thành Hà Nội. Trước kia An-nghiep muốn mở việc thông thương ngay, thường bị quan ta ngăn lại, lòng nuôi sẵn bất bình, bèn dự định ra điều ước [trong nói rõ công việc thông thương] đệ giao cho tỉnh ấy niêm yết. Quan ta vẫn đáp lại là chưa có triều mệnh, không ai dám làm một cách sơ suất vội vàng. Phái viên ấy phật ý, bèn đúng ngày mồng một tháng ấy đánh úp tỉnh thành. Quan quân chia ra các cửa chống giữ. Khâm mạng Nguyễn Tri Phương vội cùng con là phò mã Lâm [nguyên xin đi thăm] giữ cửa Đông Nam. Quân Phú đánh vỡ (cửa này) trước tiên. Lâm bị đạn chết. Tri Phương bị thương. Mọi cửa khác đều vỡ, thành bị hãm. Bùi Thức Kiên [thực đốc], Tôn Thất Trắc [Án sát] thoát chạy về phía bắc thành [61a] ẩn trốn [trú ở nhà thư lại Tô Phái, xã Nhân Mục, huyện Thanh Trì. Sau Cai tổng Đức bắt được Bùi Thức Kiên dẫn nộp. Phái viên Phú thưởng 100 quan tiền]. Người Phú bắt được lữ Phan Đình Bình [Khâm phái], Võ Đường [Bổ chánh], Đặng Siêu [Đề đốc], Nguyễn Đăng Nghiễm [Lãnh binh] cho xuống hỏa thuyền sai chở về Gia Định. Khi đến Gia Định, Phú sớ muốn đưa về nước Phú dâng công. Sứ thần Nguyễn Văn Tường ra sức cứu giải mới được miễn, nhân đó sau được giao về. Tri Phương vì bị thương, được lưu lại nguyên trú để chữa [quân Phú canh giữ]. Việc tau lên. Vua nói: Hôm trước thuyền của Phú sớ phái đến là do hảo ý, ta cũng không tính họ giả dối, cho được đến đậu ở tỉnh thành

Hà Nội để tỏ ý khoan đãi, không ngờ phái viên họ giáo quyết, đến để gây chuyện, thật là kinh ngạc, mà trong việc này tưởng không khỏi có Phú sáy dấn dồ. Bèn sai Thương Bạc viết hảo thư báo cho Phú sáy biết và tư cho sứ thần [hiện ở Gia Định] khéo giảng giải sao cho họ sức An-nghiep giao trả tỉnh thành, mới tiện cho việc định ước. Lại thấy rằng đây tuy là một chức bớt được việc, nói đỡ mối lo, xét hiện nay việc phòng bị khẩn yếu, vẫn sai Phan Đề mà gần đây đã có chỉ cho thự [61b] Chương vệ lĩnh Đề đốc Hà Nội [gần đây thấy 5, 6 chiếc thuyền Phú mới đến Đồ Sơn, phải nên phòng bị trước, chuẩn cho Đề hàm ấy, và chuẩn cho Trần Đình Túc sung khâm phái Hải Dương, điều quân mạnh ở Thanh, Nghệ đều 500, đi nhanh đến trấn áp và tùy cơ giảng thuyết, chưa kịp thi hành] trích quân kinh binh và lính Nghệ An, mỗi thứ 500 đem đi; lại lấy những người gốc Hà Nội là hiện lĩnh Phủ doãn Thừa Thiên Nguyễn Trọng Hợp làm Tán lý, Hộ Bộ Biện lý Nguyễn Phan, Nội các sung biện Bùi Ân Niên làm khâm phái đi nhanh đến Bắc Kỳ triệu tập dân binh, hội biện cho kịp việc. Gộp sức cả cho sứ thần ở mọi tỉnh đều trồng cột rào, chế tạo bè xích liền nhau ở những chỗ ách yếu đi lại trên đường sông, nghiêm chỉnh phòng bị. Vừa gặp lúc các tỉnh Nam Định, Ninh Bình tâu về kể lại: An-nghiep đưa thư nói hấn không phải có lòng chiếm lấy thành trì, muốn giữ hòa ước như trước, chỉ vì các quan sai phái cũ biện lý không khéo, đến thành như vậy, [62a] khẩn khoản mong triều đình chọn quan đến đây, hấn tức khắc đem tỉnh thành giao trả và cùng định thương ước. Vua cho là họ giáo trá, nói chưa đủ tin, nhưng muốn cho bớt việc, yên dân, nhân cơ hội châm chước ứng phó cũng không hại, bèn chuẩn đình thần kén cử viên có tài, lượng đặt quan tỉnh cho sung làm Thương biện. Bèn lấy Trần Đình Túc lĩnh Hà, Ninh Tổng đốc, Nguyễn Trọng Hợp lĩnh Tuần phủ, Đặng Văn Huân lĩnh Bố chính sứ, Trương Gia Hội lĩnh Án sát sứ,

Phan Đề lĩnh Đề đốc, Hoàng Đôn Điển lĩnh Lãnh binh, Nguyễn Đức Quế thăng thụ Phó lĩnh binh. Riêng khiển Trần Đình Túc với bọn Trương Gia Hội cùng giám mục Bình, lĩnh mục Đăng⁽¹⁾ [hai người này đều trú giảng đạo ở nhà thờ Hàm Long] đi trước đến Thống lý tỉnh ấy thương thuyết. Các người khác điều binh nối sau. Thế rồi quân Phú chiếm cứ phủ Lý Nhân, các huyện Gia Lâm, Hoài Đức, thế như tầm ăn. Vua nghe báo lại chuẩn Lê [62b] Thập sung Đề đốc quân vụ, Chu Đình Kế sung Tham tán đem 1.000 quân đi vội đến Ninh Bình trấn áp. Lại chuẩn Hồ Oai sung Tổng thống, Nguyễn Chính sung Hiệp thống đem binh đi trước đến nghiêm đóng ở núi Tam Điệp giáp giới Thanh Hóa, Ninh Bình, xem xét tùy cơ mà trừ biện. Nguyên tỉnh thần Hà Nội và khâm phái, khâm mệnh, vô luận còn mất đều chuẩn cách chức đợi tra xét. Lúc ấy chỉ dụ còn chưa sao lục đến, quan quân kinh phái đi mới đương ở trên đường, một khoảng Hà Nội rồi ren không định. An-nghiệp ngày càng càn rỡ, đều đã đặt quan lại riêng quản trị tỉnh hạt Hà Nội, lại vẫn đưa hịch báo mọi tỉnh phải mở các cửa bến, nhổ rào sông, niêm yết thương ước, mưu đồ tiến chiếm. Đoạn dời binh thuyền đến Hưng Yên, hỏi có nghe theo 3 khoản trên không. Tỉnh thần Nguyễn Đức Đạt [lĩnh Tuần phủ], Tôn Thất Phan lĩnh Án sát quyền nghị đáp lại nói: [hai cửa bến Mễ Đăng, từ khi có việc Hà Nội, [63a] gian đồ quấy nhiễu, bọn phái viên hiện đã lánh đi rồi; rào sông, trước tiếp được Khâm mạng tư có thuyền quý quốc phái đến, đã nhổ đi hơn 10 trượng, thuyền đi không trở ngại gì; điều khoản hiểu thị việc thông thương hiện đã niêm yết ở sở tại]. Người Phú bỏ đi chỗ khác. Ngày 14 tiến đến Hải Dương, đòi quan tỉnh thương thuyết. Quan tỉnh ấy nói chưa có triều mệnh, chưa dám hội.

⁽¹⁾ Giám mục Bình: Mgr Bohier; Lĩnh mục Đăng: Dangelzer. Theo: Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, tập 2, Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, năm 2000, tr. 290. BT.

Quân Phú bèn bức đánh tỉnh thành. Quan quân chống ngăn không được. Ngày 15, quân Phú sấn vào chiếm tỉnh thành. Lê Hữu Thường [nguyên quyền hộ Tổng đốc], Nguyễn Hữu Chính [Bổ chính], Nguyễn Đại [Án sát] thoát ra đóng giữ ở các huyện Gia Lộc, Cẩm Giàng.

Ngày 16, binh thuyền Phú đến Ninh Bình. Tuần phủ Nguyễn Thứ ra ngoài thành nghênh tiếp. Người Phú nắm lấy tay dẫn vào thành; đến cửa tiền liền nổ súng, lính trong thành sợ hãi, quan lính đều tẩu tán cả. Người Phú chia quân đóng đồn mọi đường thiết yếu. Nam Bắc quan báo không thông được. Phàm văn thư chuyển trạm đến Thanh Hóa, lập tức do tỉnh ấy ủy giao đường tắt để ra, thường có khi [63b] bị côn đồ đón cướp. Thuyền của Phú liền từ Ninh Bình dời hướng về Nam Định. Hộ đốc Nguyễn Hiền, Lãnh binh phái đến Nguyễn Văn Lợi, Thương biện Phạm Văn Nghị đón đánh ở đồn Độc Bộ, thua, lui đóng giữ hai huyện Phong Doanh, Ý Yên. Sáng sớm ngày 21, thuyền quân Phú ở trên sông Vị Hoàng, nổ súng bắn vào thành, cửa Đông thành vỡ. Người Phú bèn vào chiếm cứ thành. Không đầy tuần nhật, bốn tỉnh nối nhau thất thủ.

Vua thấy cảnh báo đến chông chất, lòng rất sốt ruột lo kíp sắc báo đình thần ở Viện [Thương] Bạc rằng:

"Đương lúc người Phú nghĩ say men trở tài, đã từng sức dạy mong cho đem hết mưu, tỏ hết trung, thể mà cầu thả hư ứng đến nỗi một sớm xảy ra đến thế, cố nhiên là tội của ngoại thần, nhưng Viện Bạc tham dự cơ yếu mà để ra như vậy, cũng không thể chối được trách nhiệm. Vậy trước hãy đều giáng 4 cấp, lưu, để tỏ pháp luật thi hành ngay từ gần, mà khích lệ người khác. Ninh [64a] Bình là đất hiểm yếu, yết hầu của Bắc Nam, lữ Thứ cam tâm bưng đem cho giặc, Nam Định phòng bị sơ sài, thành lớn bị chiếm trong khoảnh khắc, tỉnh thần hai tỉnh Ninh, Nam

đều cách chức. Tinh thần Hải Dương không đến nỗi quá nhảm như Ninh Bình, cũng đều cách chức, lưu, tất cả đều để riêng ra đợi xét bàn tội. Vậy nêu rõ cho mọi bầy tôi văn võ lớn nhỏ đều phải đồng tâm đồng lực, đều giữ hết chức trách mà tính đường báo đáp gỡ lại. Điều thông sức cho mọi tinh thần ở Bắc Kỳ, tình hiện còn, đều nên đánh giữ, bám chặt những chỗ hiểm yếu, chờ đi theo cái lối nặng kia; những tỉnh đã mất, đều đem hết sức ra lo toan thu phục bù lỗi trước. Mặt khác phái hai đại thần tổng thống, hiệp thống đến điều nghiên rõ, hễ ai hèn nhược lập tức tấu lên để trị theo chính pháp. Lại mật lệnh cho hai đại thần Tổng thống Tam Tuyên⁽¹⁾ Hoàng Tá Viêm, Tham tán Tôn Thất Thuyết trích ra 1.000 quân ứng giao cho những đề, lãnh giỏi việc quân đem đi lập tức đến đóng ở hạt phủ Từ Sơn [thuộc Bắc Ninh] hiệp cùng với Tham lý Vũ [64b] Huy Thụy, Tán tương Trương Quang Đản phòng ngự nghiêm mật thêm. Lại sai Hoàng Tá Viêm kiêm sung Tiết chế Bắc Kỳ quân vụ, thương đốc công việc phòng thủ mọi tỉnh, đợi Trần Đình Túc thương thuyết, khiến họ nghe lui đi càng tốt, bắt đặc dĩ có việc binh đao thì do Tá Viêm phi sức điều động quan binh mọi đạo cùng đánh dẹp".

Khi ấy, quan quân mới phái đi lục tục đến tỉnh Thanh Hóa vì đường Ninh Bình nghẽn, đều lưu lại đây đợi. Đình Túc đến đây cũng ngẫu nhiên bị bệnh, tinh thần Thanh Hóa tâu lên, bèn đổi Nguyễn Chính làm thự Hà, Ninh Tổng đốc sung Khâm sai phòng định thương ước toàn quyền đại thần [gần đây có chỉ chuẩn Đình Túc sung Khâm sai phòng định thương ước toàn quyền đại thần], đổi Đình Túc làm Tuần phủ Hà Nội, bệnh khỏi sẽ đi, đổi Trọng Hợp làm Bố chánh sứ Nam Định.

Vua lại bảo bầy tôi Viện Bạc rằng: "Thư ta gửi đã lâu, sớ họ điềm nhiên, sứ thần cũng không báo, thật hết trông mong.

⁽¹⁾ Tam Tuyên gồm các tỉnh: Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang. BT.

Nên làm thư ngay phái quan đem đến [65a] hội đồng sứ thần đưa đến viên sứ ấy mà trách hỏi tận mặt". Bạc thần đương nghĩ thảo, đình thần tâu nói: Sứ ấy từ trước đến nay hằng yêu cầu ta cho toàn quyền đến, là muốn cho hòa ước chóng thành, mà ta không chịu làm ngay như thế [Nguyên ta cố yêu cầu giao trả 3 tỉnh Long, Giang, Hà hay 1, 2 tỉnh mới chịu định ước, nên án sắc toàn quyền chưa phát giao], cho nên ngoài dùng lời nói khéo để hoãn đãi ta, trong ngầm sai gây sự để quấy ta. Nay tất muốn An-nghiep thôi tàn bạo, giải được nguy cấp cho Bắc Kỳ, không gì bằng trước hãy theo cái ẩn tình của sứ ấy mà thuận tình đi, ngõ hầu mới chóng xong việc.

Vua cho lời tâu là phải, bèn phát giao án sắc toàn quyền đại thần, chuẩn sứ thần Lê Tuấn làm toàn quyền [khi ấy Lê Tuấn nhân ốm còn lưu lại Gia Định chữa thuốc]. Nguyễn Văn Tường làm phó, để được định ước với họ. Sau đây, sắc án phát đến Gia Định, sứ ấy được tin thấy mừng. Sứ thần ta nhân cũng thương thuyết, bảo họ tuân ước tới nay có thể định được, xét việc ngoài Bắc hiện đang be bết, mong ở đây xử trí cho xong sớm, [65b] thì định ước mới tốt. Sứ ấy liệu là đã có toàn quyền, tất định được ước, bèn phi thư sức An-nghiep rút lui, cho quan ta vào thành cai trị, [thư có hai bản: một do hỏa thuyền đệ giao, một do đường bộ phát đi, hiện giao Nguyễn Văn Tường mang về tâu trình thì phát riêng]. Lại thương thuyết được, do Nguyễn Văn Tường đi cùng Thống sát Hoắc-đạo-sinh [một tên là Phi-lặc (Philastre)] đưa hỏa thuyền hộ tống bốn viên quan Hà Nội bị Phú phái bắt đưa về trước, đem giao trả. Thuyền đến Đà Nẵng, rồi đi đường bộ lên kinh đô. Phan Đình Bình về trước tâu rằng: "Thần theo sứ thần đến biện thuyết với Phú sứ, ông ta đã thuận nghe, phi sức cho An-nghiep giao trả tỉnh thành Hà Nội. Đến khi xuống thuyền lại được tin tức báo 3 tỉnh, lại bàn với

Hoắc-đạo-sinh yêu cầu hần báo thư riêng cho An-nghiệp lập tức tuân theo sớ lệnh, đem cả bốn tỉnh giao hoàn một thể. Thư của Phú sớ và thư thống sát hiện mang về cả đây đợi phát đi". Rồi Hoắc-đạo-sinh đến kinh, [66a] chuẩn cho nghỉ ngơi ở sứ quán, bọn Lê Bá Thận, Nguyễn Hữu Lập khoản tiếp ân cần, Hoắc-đạo-sinh mừng nói: "Ơn triều đình trọng thể như thế khôn xiết cảm tạ". Bọn Bá Thận nhân thương thuyết: Hiện nay sự thể Bắc Kỳ khác hẳn trước, đường Ninh Bình bị nghẽn, sợ thư quý sớ gởi cho An-nghiệp không đến sớm được, phiền thống sát liệu lý thể nào cho chóng tới mới tiện cho viên phó sứ đây cùng về Gia Định làm tờ ước. Hoắc-đạo-sinh hỏi từ kinh đến Hà Nội đi mấy ngày đường. Lê Bá Thận nói: "Đi bộ bất tiện, nay có tàu đến Đà Nẵng, xin cho đi tàu ấy ra ngay thì tốt hơn". Hoắc-đạo-sinh nói: "Chỉ sợ thuyền trưởng không chịu" [Nguyên thuyền ấy theo Sớ lệnh chỉ đưa sứ thần và viên quan kia về]. Liền đưa thư [thư của viên ấy và thư của Viện Bạc cùng gửi] hỏi rõ thuyền trưởng. Người này thuận nghe, lưu lại đợi. Bèn sai Nguyễn Văn Tường sung Khâm sai đại thần, hiệp cùng Hoắc-đạo-sinh đúng mùng một tháng sau [66b] lại đến Đà Nẵng đáp thuyền ấy đi Hà Nội giảng thuyết. [Lúc ấy vua muốn sai Phan Đình Bình cùng đi. Nguyễn Văn Tường nói khi ở Gia Định, nghe người Phú báo An-nghiệp ngờ Đình Bình kẻ vạch chỗ sở đoán của hần với Phú sớ, nên Phú sớ sức hần lui ra cho quan ta vào thành. Nếu Đình Bình lại đi, sợ An-nghiệp thấy lại sinh trở ngại. Bèn thôi]. Lại sức viết thư báo Phú sớ biết và thư giao cho viên thống sát làm bằng để tiện việc.

Tháng Mười Một, Tổng đốc mới của Hà, Ninh là Trần Đình Túc tuân dụ vội vàng lên đường trước cùng với Tuần phủ mới Nguyễn Trọng Hợp đến tỉnh thành Hà Nội. An-nghiệp phái người rước vào trong thành nghỉ ngơi. Hần liền đem việc

thông thương ra hỏi: “Việc ấy, triều đình trù liệu thế nào, không thấy toàn quyền đến hỏi biện, thành ra xảy việc như thế. Nay quan mới đã đến, có giảng định được không?”. Bọn Đình Túc đáp là chưa có toàn quyền, nhưng đã phụng mệnh chuẩn cho đi trước để hội bàn thu xếp về việc ấy. An-nghiệp nghe nói [67a] cũng hơi bình tâm, cùng nhau thương lượng châm chước. [Chỗ ở hai viên đốc, phủ lúc ấy, An-nghiệp cho quân lính vây giữ, người ngoài không được ra vào, những kẻ gian được An-nghiệp sử dụng, thấy hai viên đến, đứa nào cũng kinh lạ, mưu ngăn trở công việc, đêm ấy muốn khởi biến, có bọn khác ngăn lại, trừ trừ không phát ra, rồi thôi].

Nguyễn Hiệp biện đại học sĩ, lĩnh Lại Bộ Thượng thư, sung khâm mạng tuyên sát, đồng suất đại thần được cách, Nguyễn Tri Phương mất nơi trú thự trong thành Hà Nội [Trước nhân bị thương ở lại đây, đến nay tuyệt không ăn uống, người Phú lấy cháo, thuốc đổ cho đều phun nhổ đi, rồi mất vào ngày mồng 1 tháng ấy].

Quan quân đóng ở Hương Canh đánh úp, giết An-nghiệp ở ngoài La thành. Trước Thống đốc Tam Tuyên Hoàng Tá Viêm, Tham tán Tôn Thất Thuyết thấy tin Hà Nội cảnh báo, tàu chuẩn cho thống suất biển binh tiến đến hạt ấy xem cơ sự mà tiểu biện. Sau nghe tin bốn tỉnh liền nhau vỡ, tình hình địch rộng càn, bèn đòi Lưu Vĩnh Phúc đem cả đoàn về đội sai đi. Vĩnh Phúc tình nguyện hiệu lực báo ân, đóng quân ở xã Hương Canh [thuộc huyện Từ Liêm, các nơi dưới cũng thế]. Đến khi ấy tiến quân đến xã Yên Quyết, giáp cửa ô phía [67b] tây. Mồng 2 tháng ấy, quân của Lưu đến dưới thành khiêu chiến. Lúc ấy An-nghiệp cùng hội nghị với Trần Đình Túc ở trú thự, chưa kịp bàn định, chợt được báo có quân đến đánh, lập tức về điều bộ thuộc ra thành nghênh chiến; quân Lưu giả vờ thua chạy,

An-nghiệp thúc ngựa đuổi theo đến Cầu Giấy, quân Lưu đánh úp giết [trận này chém được 5 đầu: 1 quan Ba tức An-nghiệp và 1 quan Hai, 1 quan Một, 2 không có lon].

Vua xét thấy Lưu đoàn⁽¹⁾ dụ giết được An-nghiệp chỉ là một kế nhất thời đột xuất, bằng đường đường chính chính tranh thắng với họ tướng cũng khó giữ được lâu. Nay đang thương thuyết, đã dần dần có đầu mối, nắm bàn xử trí toàn cục tất không phải chuyện ủy cho quân ấy mà có thể làm được. Nên khiến triệt hồi cả về thượng du cho yên chuyện. Bèn dụ bảo Hoàng Tá Viêm, Tôn Thất Thuyết rằng: "Đương lúc hữu sự này mà biết cố vũ hàng quân, tạo thanh thế trước mới uy hiếp quân địch, đại cục nhân đây mà được thỏa thuận, thật rất vui mừng. [68a] Và nay việc quân ở trung châu đã thư, bọn người phải về đóng quân ở tỉnh Sơn Tây, nuôi uy nhuệ, đợi mọi tỉnh giao lại xong, liền phái đi đánh giặc Hoàng Sùng Anh, sớm đưa toàn hạt Tam Tuyên yên ổn tất cả, đến cơ hội ấy mới được tiện nghỉ ngơi, chỉnh đốn, trọn vẹn được cái công trước. Còn như đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc, cho các người khu xử cho thỏa thiếp, đợi khi việc yên rồi, luận công ban thưởng một thể".

Lúc ấy An-nghiệp đã chết, bộ thuộc đều nhụt khí nhưng trong lòng căm thẹn, còn muốn được như sở cầu mới thôi, vẫn cần định ước cho mau, bèn suy cử quan Hai lên chủ công việc. Viên quan Hai ấy nói với bọn Đình Túc rằng hần cũng vẫn giữ cái ý của An-nghiệp cũ, đợi việc khai thương bàn xong, tức thì đem các tỉnh giao trả. Bọn Đình Túc bèn tư ngay Hoàng Tá Viêm, Tôn Thất Thuyết [68b] triệt Lưu đoàn về giữ cõi, để họ khỏi ngờ, cho tiện việc định ước. Sau được phúc báo là chưa phụng dụ chỉ triệt binh, tướng ở ngoài chỉ biết mưu trừ giặc, như quả có dụ giáng giải, nên đưa phái viên đến trước quân thứ cho biết rõ,

⁽¹⁾ Chỉ quân Cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc. BT.

mới dám tin. Đình Túc bèn ủy Nguyễn Trọng Hợp, Trương Gia Hội đến quân thứ gặp mặt thương lượng. Bọn Tá Viêm, Thuyết thuận nghe, dừng quân lại, không hành động, lại dẫn lũ Trọng Hợp lập tức về thương thuyết nội nhật ba ngày phải xong mới được. [Lúc ấy, hai bên tuy cần định ước ngay, nhưng những điều khoản đưa ra như quan lại họ đã cất đặt vẫn lưu chức cũ, không được bãi bỏ, và từ Hát Giang đến cửa biển không được đặt thêm thứ quân nào. Đình Túc, Trọng Hợp không nghe, giằng co chưa quyết được]. Gặp quan Ba E-my của Phú phái từ Gia Định đến [Phú súy được tin An-nghiệp chết, liền phái E-my đi hỏa thuyền ra thay]. Ngày mồng 6 tháng này, bọn Đình Túc liền hội nghị với cả quan Phú cũ mới. Sai tạo một cái kim khánh lớn phát giao cho sứ thần tuyên ban Phú súy [sau súy bái lĩnh, có thiếp tạ giao sứ thần đệ tâu].

Chuẩn Trần Đình Túc vẫn như cũ lĩnh Hà, Ninh [69a] Tổng đốc sung Khâm sai phỏng định thương ước toàn quyền đại thần, Nguyễn Trọng Hợp vẫn lĩnh phủ, cùng Khâm sai đại thần Nguyễn Văn Tường định thương ước. [Khi ấy Nguyễn Chính chưa kịp đến, mà Đình Túc và Trọng Hợp có mệnh đã vội vàng đi nhanh đến Hà Nội trước, cho nên có mệnh ấy].

Lấy nguyên Hiệp thống Nguyễn Chính sung Bắc Kỳ kinh lược đại thần, nhưng chuẩn cho hãy ở lại Thanh Hóa để trấn áp bọn xuân động, đợi Trần Đình Túc thương thuyết xong sẽ đi.

Khâm sai Nguyễn Văn Tường cùng Phú Thống sát Hoắc-đạo-sinh đi thuyền đến Cửa Cấm, nông không vào được, bèn thuê thuyền nhỏ vào Hải Phòng, lại bị giặc biển quấy nhiễu quay về, vừa gặp được thư của quan Phú ở Hà Nội báo An-nghiệp bị chết. Hoắc-đạo-sinh và bọn quan thuyền đều đập tay phần hận, bảo Văn Tường rằng: Việc không xong rồi, nên phi báo súy họ, không thể lưu lâu. Văn Tường thấy họ phần

khí đương hăng, sợ hồng việc lớn, bèn thông thả nói rằng: "Việc Hà Nội, quý súy bảo là không [69b] tự bản ý, mà binh lực bốn thành nước tôi cũng không tranh giành nhau, thế là người hai bên đều không trái. An-nghiệp bị chết hoặc bởi bọn cướp khác, hoặc sĩ dân phần khích, việc chưa được rõ ràng căn cứ vào đâu mà vội báo. Phương chi nộp thành để mau định ước là lệnh của quý súy, thu thành rồi mới bàn hòa đó là mệnh của bản quốc. Bọn chúng ta đây chỉ tuân phụng mệnh lệnh ấy. Còn như Hà Nội giết An-nghiệp cũng như An-nghiệp đã giết Nguyễn Tri Phương, đều là sự bất ngờ, cũng không phải bọn chúng ta đã làm, chỉ đem những điều nghe đồn báo suông không những quý súy ở xa suy xét khó tường mà bọn ta đi chuyến này, thực cũng phụ lòng ủy thác nhiều lắm. Sao bằng phi thư về Hà Nội lập tức phái một tàu nhỏ đến tiện đưa ta đến nơi, như tuân mệnh lệnh trước hội biện được thì rất tốt, hoặc giả cần hỏi rõ duyên do An-nghiệp bị chết rồi sau báo về đầy đủ, há chẳng ổn hơn à?". Hoắc-đạo-sinh [70a] và thuyền quan nghe theo, lập tức phi thư cho Hà Nội biết làm theo. Gặp thuyền Đề-say-di đi lên Bắc về, Hoắc-đạo-sinh lại muốn dời sang thuyền ấy, cho đem thuyền Đát-tờ-di⁽¹⁾ mình đang ngồi về báo. Văn Tường lại bàn: "Quý thuyền đã đi lại trở lại, sĩ dân được tin, tất bắt chước như Hà Nội đã làm, ai cấm ngăn được. Sợ rồi ra tổn thiệt lại nặng hơn nhiều, bây giờ biết thưa lại với quý súy ra sao. Nay nên sai thuyền Đề-say-di ra khơi đón dẹp giặc biển, còn thuyền ta đang ngồi đây, nên tiến ngay vào Hải Phòng, bọn ta đến Hải Dương trước giao trả thành ấy, yết thị hiểu dụ sĩ dân để tỏ rõ hòa, tín, rồi sau tiến lên Hà Nội giao hết mọi thành, và hỏi rõ nguyên do việc An-nghiệp chết, báo cả về một thể, mới gọi là tính xong cả mọi việc". Hoắc-đạo-sinh thuận nghe, bèn đứng ngày mồng 6

⁽¹⁾ Theo: Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, in lần thứ 7, Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2000, tr. 291, đó là 2 chiếc tàu Decrès và D'Estrées. BT.

thăng đến Hải Phòng [Vừa gặp 20 chiếc thuyền giặc biển, quan thuyền ấy sức bắt nộ tất cả khí giới mới tha cho sống về, hiện thu được súng đồng 25 cổ, còn đại bác và đạn được đều đắm xuống sông. Đến khi ra khơi, các thuyền ấy đều bị thuyền Đề-say-di đón đánh đốt sạch]. [70b] Tiến đến thành tỉnh Hải Dương, ngự Tổng đốc tên là Trương, thợ rèn, người theo Đạo [do An-nghiệp mới đặt] mưu bắt Văn Tường để phá công việc, Văn Tường dò biết, mặt thương lượng với quan Phú giả đưa hấn xuống giam giữ ở hỏa thuyền, rồi phi thư cho Bắc Ninh, Hưng Yên trích quân và đòi hợp lính tỉnh lại cộng được hơn 1.000 đội sai phái. Định ngày 12 giao nhận tỉnh thành, quyền đặt quan viên quản trị để đợi tàu kén chọn người đến thay. Ngày 15 thuyền đến tỉnh Hà Nội thương nghị, trước hãy giao Nam Định, Ninh Bình. Phú quan cũng thuận, bèn thương lượng ủy Trần Đình Túc quyền lĩnh Định Yên Tổng đốc, Nguyễn Trọng Hợp lĩnh Ninh Bình Tỉnh vụ, để tiện cùng quan Phú giao nhận. Văn Tường đem đủ việc tâu lên, vua khen là biết tùy cơ khéo liệu, lại chuẩn cho hội đồng với Hoắc-đạo-sinh tùy việc mà thu xếp cho hợp với thời thế. [Trần Đình Túc đã quyền lĩnh Tổng đốc Định Yên, chức Phòng định thương ước toàn quyền đại thần lại giao Nguyễn Văn Tường chiếu nhận định ước] [71a].

Lúc ấy Văn Tường cùng Hoắc-đạo-sinh trú ở Hà Nội cùng với quan Phú thương nghị [quan Phú nhiều kẻ ngờ Hoắc-đạo-sinh ăn hối lộ], ba ngày mới xong; bèn thương lượng ủy cho Bộ chính Trương Gia Hội [khi ấy tân (Tuần) phủ Hà Nội Nguyễn Trọng Hợp đi nhận Ninh Bình cho nên giao Gia Hội] đúng ngày 25 giao nhận tỉnh thành, đều nhất luật về quan ta quản trị. Quan Phú ra ngoài thành lui về chỗ cư trú ở Hải Dương, Hải Phòng, chỉ lưu tham biện Lê-na (Renard) [quan này do Phú sủng mới phái đến thay Hoắc-đạo-sinh] với 40 tên lính đóng ở phố Bình Chuẩn

ngoài thành để đợi đốc biện việc buôn. Viết thư giao nhận 4 tỉnh thành đã xong, tất cả công việc đều đã vào mối. Duy lương giáo thù nhau vẫn chưa dẹp yên, bèn tư cho các tỉnh thần phải gia tâm kiểm chế, hiểu dụ, sao cho cùng yên ổn. Rồi định ngày quay thuyền về. Còn thương ước đợi về Gia Định cùng định một thể. [Sau thấy 4 tỉnh mới thu hồi, cần xử trí nhiều khoản, chuẩn Nguyên Văn Tường cùng Hoắc-đạo-sinh thương lượng cho thỏa đáng, khỏi sinh ra trở ngại khác. Rồi sau mới có thể về] [71b].

Tháng Chạp, lấy Nguyễn Trọng Hợp làm Hộ lý Định Yên tổng đốc [Trần Đình Túc chuyển về Hà Nội].

Khi trước người Phú đã lấy Hà thành lập tức chia quân qua sông sang bắc chiếm giữ phân phủ Thuận Thành, khiến phi đảng giữ. Thị giảng sung Tán tương Trương Quang Đản đóng đồn ở trên đất Đông Ngạn, nhân đêm tối qua sông Triêm Đức tập kích lấy lại được thành, sức cho thương biện phủ ấy là Nguyễn Đông thủ giữ, lại chuyển ngay về chỗ đóng cũ. Sau đây bọn phi lại dẫn quân Phú đến tranh, Quang Đản thân đốc binh dũng, liền mấy ngày đánh nhau với quân Phú, đều được, quân Phú chết 2, bị thương 2 đứa, bắt và chém hơn 150 tên phi. Tỉnh thần tâu lên. Đến nay thường thăng Thị giảng học sĩ vẫn để sung Tán tương.

Vua thấy việc đã bình, truy nhớ Nguyễn Tri Phương một nhà tuần tiết, dụ chuẩn cho nguyên đại thần Nguyễn Tri Phương được cho 3 cây lụa hoa, 3 tấm vóc màu, [72a] 10 tấm vải trắng, 1.000 quan tiền để lo liệu công việc tổng táng, cho tỏ rõ cái ý đền công, nhớ người cố cựu. Nguyễn Lâm được tặng Binh Bộ Thị lang chiếu theo hàm mà cấp tuất, lại cho riêng 300 quan tiền, để làm gương cho người trung nghĩa [sau đình nghị Nguyễn Tri Phương cách bỏ hết chức hàm, mãi mãi còn cái án trăm hậu, phụng chuẩn gia ân khai phục được Binh Bộ Tả Tham tri, được giữ nguyên tước bá, không bị đoạt].

Năm Tự Đức thứ 27 (Giáp Tuất, 1874), mùa xuân, tháng Giêng

Thông sát Phú Hoắc-đạo-sinh với Khâm sai Nguyễn Văn Tường từ Bắc Kỳ về đến sứ quán. Vua thấy Hoắc-đạo-sinh đi chuyến này cũng có lòng vì ta, sai cả Viện Bạc đến thăm hỏi, đặc biệt cho một đạo sắc dụ để biểu dương công lao tài cán [Nguyên theo Văn Tường tâu đã ủy cho Nguyễn Hoàng dò thấy ý viên ấy muốn được một đạo sắc dụ khen, giữ làm của báu để đời, cho nên đặc biệt ban cho để họ thỏa thích] và thưởng một chiếc kim khánh cùng các thứ kim tiền, ngân tiền, vải vóc ngũ sắc nam bắc. Quan Hữu ty vâng chỉ, đem tuyên ban.

Phú thống sát Hoắc-đạo-sinh và Phó sứ Nguyễn Văn Tường cùng Lê Tuấn và Phú [72b] sớ định ước. Hòa ước mới [gồm 27 điều] đã xong.

Vua thấy hòa nghị Bắc Kỳ đã thành, thưởng Phú sớ một kim tiền hạng rất lớn và thưởng khắp quan lính ở thuyền Tây phái đến, ngân tiền ngân bài theo thứ bậc, giao cho sớ Phú chuyển cấp. Lại thấy Nguyễn Hoàng và linh mục Bình, linh mục Đặng cũng có nhiều bổ ích trong dịp này, đều hậu thưởng cho họ để bù công lao.

Tháng Hai, linh Hình Bộ Thượng thư sung Như Tây chánh sứ Lê Tuấn mất ở Gia Định.

Tháng Sáu, sai Hình Bộ Thượng thư Nguyễn Văn Tường, Thị lang Nguyễn Tăng Doãn đều sung Giảng định thương ước toàn quyền đại thần, lại đi Gia Định cùng với Phú sứ hội định thương ước.

Mùa thu **tháng Bảy**, Phú sớ sai tham biện đem thư cùng Phó sứ Nguyễn Tăng Doãn cùng đến [73a] nơi trong thương ước bổ sung thêm mở phố buôn ở Hà Nội, đặt lãnh sự. Vua cho.

Thương ước [cộng 29 điều] thành.

Năm Tự Đức thứ 29 (Bính Tý, 1876)

Chuẩn cho Phú súy Lê-na đặt trú thự ở bờ nam sông Hương, ngoài Kinh Thành, giáp với địa phận trại thủy quân, sai bề tôi ở Thương Bạc biên giao cho sứ ấy, bảo họ ký biên nhận cho có bằng cứ.

Năm Tự Đức thứ 35 (Nhâm Ngọ, 1882), mùa xuân, tháng Hai

Phú súy phái tàu binh ra Bắc phao tiếng là để đuổi quân Lưu Vĩnh Phúc và bảo vệ buôn bán. Nguyễn Lập mật tàu về. Vua cho phái viên nước Phú muốn mưu lấy Bắc Kỳ, chỉ mượn tiếng đuổi Lưu đoàn, thâm ý thực không thể lường, phía ta cũng phòng bị trước. Vua sai mật sao tờ tư của Nguyễn Lập phát giao cho các tỉnh [Ninh Bình trở ra Bắc] biết, nhân sắc rằng: "Phàm mọi việc cần thu xếp khéo, chớ để động hình [73b] lộ tích, như có thể ngầm tiêu lặng đối được càng tốt; bằng họ dám ngang nhiên, việc đến cùng không được nữa, đều tùy việc nên làm, để giữ trọn được trách nhiệm giữ đất".

Sai Lại Bộ Thượng thư Nguyễn Chính sung Bắc Kỳ Kinh lược sứ, Hộ Bộ Tham tri kiêm quản Đô Sát Viện Bùi Ân Niên sung Phó sứ. Khi ấy, Phú phái binh thuyền đến Hà Nội, lòng người kinh náo. Thống đốc Hoàng Tá Viên xin kén một viên đại thần uy vọng đem theo lính kinh sung làm kinh lược đến đóng ở tỉnh Sơn Tây, đốc sức việc dẹp yên ngoài biên, khẩn tấu giặc Khách, để mà trấn áp. Vua theo lời xin ấy, nên có mệnh trên. [Lại phái Hộ Bộ Tả Thị lang Nguyễn Thành Ý đi Gia Định biện thuyết với Phú súy, nguyên ủy về Lưu đoàn phải trái thế nào và sự lợi hại ở Bắc Kỳ].

Tỉnh thần Hà Nội, Sơn Tây, bọn Hoàng Diệu, Nguyễn Đình Nhuận, Hoàng Hữu Xứng mật bày kế sách dự phòng,

nói hình thế Bắc Kỳ bên tả từ Ninh Bình suốt lên Mỹ Đức, Sơn, Hưng, bên hữu [74a] Bắc, Thái ra đến Đông Triều ngoài biển đều có sơn phận hiểm yếu có thể giữ được, tự ta nếu biết kinh lý kỹ hơn, làm mạnh thượng du để bảo vệ trung châu, bọn kia tiện ở nước mà không tiện lên núi, thì cũng biết là khó mà không dám động. Lại xin sắc Thống đốc Hoàng Tá Viêm về trú ở hạt Sơn Tây, đặt đồn đóng quân, để làm mạnh vững cho cuộc phòng thủ ở trong; nhất thiết mọi việc phòng bị cần thiết do chư thần ở tỉnh, đạo hết lòng cùng liệu biện. Vua thấy những điều xin đây đều quan hệ là dự phòng trước, lục cho các quân thứ, các tỉnh tuân theo mà làm. Ở tỉnh Sơn, đã sai lũ kinh lược Nguyễn Chính mau đến đóng ở thành Sơn cùng với Tá Viêm bàn bạc làm việc. Tá Viêm tùy chỗ mà di trú để tiện thông tin tức, và cần tuân chuẩn mau đưa Lưu đoàn dời xa hẳn đi.

Ba chiếc hỏa thuyền của Phú bỏ neo ở gần núi Nê [thuộc tỉnh Ninh Bình], nhân dân lo sợ. Tỉnh thần Phan Đình Bình tâu nói: Hình thế Bắc Kỳ, tỉnh của thần là địa đầu, quân [74b] chỉ có hơn 300, phòng bị đơn sơ, xin tạm lưu lính thú cũ hợp với lính tỉnh, để thêm chống đỡ. Trên cho.

Tháng Ba, sai bề tôi hai tỉnh Hà Nội, Hải Dương bàn bạc mỗi tỉnh ủy một quan lớn văn, một quan lớn võ đóng giữ tuần phòng ở ngoài thành. Khi ấy, Phú phái thêm binh thuyền đến Hà Nội, và lần lần đến đỗ neo ở cả giang phận tỉnh Đông, tỉnh Nam và Ninh Bình, nhân tình náo động. Vua thấy quân bọn kia ở ngoài, mà quan quân ta đều ở trong thành, sợ tin tức ban đêm khó thông được với nhau, nên mới ra mệnh ấy. Lại khiến tỉnh thần đưa tín ước đến trách phái viên nước Phú. Cũng sai bề tôi ở Thương Bạc đem hiện tình chất vấn sứ Phú ở kinh. [Lúc ấy Bạc thần đến biện thuyết với Phú sứ, họ bảo cứ để tự nhiên mới khỏi sinh hấn. Lại nói Hà thành sợ không yên, tạm phải chuyển

quân về. Vua bảo: Lòng độc của họ đã lộ rõ. Than rằng: "- Việc đã ở vào thế đối chọi, không dự phòng thì rơi vào thuật của họ, dự phòng mà không đương nổi cũng vô ích, chỉ còn trông vào kẻ hào kiệt chuẩn bị mà không hình tích, có động cũng đối phó được ngay, là tốt nhất. Không thể lấy lời nói mà truyền"] [75a].

Thống đốc quân thứ Tam Tuyên Hoàng Tá Viêm thấy Hà thành đương nào động xin rút quân ở quân thứ Thái Nguyên về. Vua cho là rút hết quân về, sợ bọn phỉ lại tụ tập, và thêm lộ tiếng tăm, ra lệnh cho Tá Viêm cứ yên tâm dẹp bọn phỉ, và giục Kinh lược sứ Nguyễn Chính đi gấp đường đến Sơn Tây cùng xét cơ bàn việc.

Truyền lục chỉ bàn công việc phòng thủ bảo cho mọi tỉnh thần, thứ thần ở Bắc Kỳ. Lúc ấy các tỉnh Bắc Kỳ nhiều người hoang mang [Ninh Bình tàu thuyền Phú đi lại bao nhiêu chiếc không rõ đích xác. Nam Định tàu xin tăng việc đắp lũy, đặt súng trên đường sông. Trương Quang Đản triệt quân thứ về Bắc]. Vua bảo bề tôi Viện Thương Bạc rằng: "Các khanh tự mình đảm đương công việc ấy, nên như thế nào?". Thưa rằng: "Trước đã sai hai tỉnh Hà, Đông thương ủy quan to ra ngoài đóng là cũng giao cho phòng giữ chỗ xung yếu. Nay xin ở trong thì dự bị quân lính khí giới, ở ngoài thì mật kết thân hào, đoàn kết con em, làm sự thì trong ngoài tựa nhau, có nhiều phương ràng địch. Đến như các khoản đắp坎, nên đình lại cho khỏi bị ngờ mà chịu theo". Vua rằng: Họ cậy có thuyền làm đầu. Mọi tỉnh như đều mật [75b] dự bị im lặng được, vì có nổ bùng ra ở một tỉnh nào, thì chọn ngay chỗ nông hẹp nhất trên đường sông thuyền họ hay đi lại, lập tức đem lấp đầy, thì trong ngoài không thông được, không nhân đây còn đợi gì? Duy làm được là tại người. Sao cho hợp thời nghi là được, không nên hoảng mà sai lẫn. Nhân sao lục ra để bảo.

Người Phú đánh hãm thành Hà Nội. Tổng đốc Hoàng Diệu chết. Khi ấy binh thuyền Phú phái đến thêm ở bến Cơ Xá, hàng ngày khiêu khích [bọn Phú phái ban ngày mang súng đi lại ngoài thành, nói phao lên vào đóng trong thành]. Diệu nghiêm chỉnh phòng bị. Phú phái muốn phải triệt di hết. Diệu không chịu. Sớm ngày mùng 8, người Phú ủy người đệ chiến thư. Diệu ủy Án sát Tôn Thất Bá ra ngoài thành thương thuyết. Bá vừa ra khỏi thành, quân Phú đã bắn ngay. Diệu cùng Tuần phủ Hoàng Hữu Xứng chia đường đốc thúc quân lính chống đánh rất lâu, quân ta và quân Phú đều có thương vong. Chợt kho thuốc đạn nổ cháy, quân ta rối loạn, quân Phú bắc thang trèo lên thành. Thành bèn hãm [76a] [chống nhau từ giờ Mão đến giờ Thìn thì hãm]. Diệu chạy tắt lẩn trong đám loạn binh một mình đến trước đền Quan Công [ở bên ngoài bức tường ngăn trong thành] thất cổ dưới cây lớn. Đề đốc Lê Văn Viên, Bố chánh sứ Phan Văn Tuyển, Lãnh binh Lê Trực, Phó lãnh binh Hồ Văn Khương, Nguyễn Đình Đường (còn gọi là Xế) đều chạy. Lúc địch leo lên, Hữu Xứng liền chạy hỏi Hoàng Diệu không biết ở đâu bèn vào tà giai ở hành cung, bị quân Phú bắt giữ ngay [Phú phái muốn dùng lễ dụ, Xứng không chịu khuất, mắng lại, họ cũng không chịu giết đưa về giữ ngay ở Phú thụ cũ]. Đoạn rồi Phú phái đón Bá về [Bá chạy trú ở xã Nhân Mục] giao tình thành. Bá vào cùng Hữu Xứng hết sức bàn nên quyền nhận [Lúc ấy, Hữu Xứng đã nhịn ăn thành bệnh. Bá mới vào, Hữu Xứng đuối đi. Bá lại khóc tỏ bày lợi hại. Hữu Xứng lại nghĩ không quyền nhận sợ lại tăng khó khăn, nhân cũng gương dậy theo, nhưng bàn để Bá chuyên nhận, rồi hội hàm tư riêng Hoàng Tá Viêm, Nguyễn Chính và mọi tỉnh bên xem thế có thể thừa cơ, nên làm được thì cứ làm, chớ ngại vì đã nhận thành. Và đem sự việc tâu lên xin chịu tội].

Quân Phú vẫn đóng giữ ở hành cung.

Vua thấy Hà thành đã xảy ra chiến sự, Nguyễn Chính mà cùng đóng với Tá Viêm thì sách ứng điều động đều có chỗ không tiện, ra lệnh Nguyễn Chính về chọn Mỹ [76b] Đức hay Nho Quan mà đóng để có thể kiềm cố cả tiểu lẫn phòng, phàm công việc gì đều tự hỏi thương lượng với nhau.

Sai nguyên Tổng đốc Hà, Ninh hưu trí Trần Đình Túc sung Khâm sai đại thần đi tàu Phú thắng đến Hà Nội thương nhận tỉnh thành; Tĩnh biên phó sứ Nguyễn Hữu Độ làm phó. Lúc trước Lê-na nói với Thương Bạc là tỉnh thần Hà Nội nghi tất sinh sự, tướng nên có người đến điều đình cho ổn. Vua thấy Hữu Độ từng đã giao thiệp, sai sung làm khâm sai để đi cùng thương giảng. Chưa đến nơi, thành đã mất. Lê-na lại gọi thư cho Thương Bạc nói Phú-lãng-sa vốn muốn hòa hảo chóng thành, xin phái một vị biện đốc đáp tàu họ đi nhanh giao nhận tỉnh thành. Bề tôi Thương Bạc tâu lên. Vua thấy Đình Túc đã am luyện, cử làm khâm sai mà để Nguyễn Hữu Độ làm phó, rồi đều làm quyền đốc phủ đi trước tùy nghi chiêu nhận. Lại lấy Biện lý Binh Bộ Hoàng Hữu Thường, lĩnh Bồi chính sứ, sung biện các vụ Vũ Nhự làm Thương biện cùng đi chiêu phủ hiểu thị.

Lúc ấy, Phú phái từng nói giao [77a] trả thành Hà Nội, nhưng quân Phú vẫn đóng lại [lại hủy phá cửa thành, bỏ súng chuyển đi chỗ khác]. Thống đốc Hoàng Tá Viêm, Kinh lược Nguyễn Chính, Bùi Ân Niên dâng sớ xin đánh. Đại lược nói: “Binh thuyền Phú phái đến chuyển này bội vi hãn điều khoản hòa ước. Các quan tỉnh Hà hỏi đến thì thác là để đuổi (Lưu) đoàn (quân Cờ đen). Kịp khi các quan đặt phòng bị trong thành, tức thì đến công phá, rồi lại nói giao trả, ai vạ ai thắng đã rõ ra cả mọi nước, trở lại quy lỗi cho đốc thần cũ, và chúng tuyên ngôn hể chỗ nào phòng bị tất sẽ đến gây hấn. Khinh nhờn đến như thế, ai chẳng đau lòng! Từ khi họ cầu lợi đến nay, cứ 10 năm lại đổi ước, cứ mỗi kỳ

thay đổi thì đem binh đe dọa, đánh chiếm thành, lại trả thành đều hồng hách uy hiếp để thỏa lòng tham muốn. Xét ý họ muốn tăng đặt thương vụ ở sông Vị Hoàng, tỉnh Nam (Định), ở Bạch Hạc tỉnh Sơn (Tây), khiến ta không còn chỗ nào phát triển được. Mọi tình sợ hãi thuận theo thì lấy phăng, hơi có phòng bị cẩn thận thì nỗ lực đánh cướp; không lấy hết toàn hạt Bắc Kỳ [77b] không thôi. Ý đã lộ hết rồi, ví cứ từng lúc y theo họ trái ước, cũng có thể tạm thời yên, chỉ sợ cứ sa dần vào trong thuật của họ, không khỏi để nhà vua nhọc nhiều, lo lắng. Lũ thần xét kỹ tình thế, thấy nên đánh một trận rồi sau hòa, mới có thể át được lòng lang sói của họ. Nghĩ xin do Thương Bạc biện bác bề rõ lẽ công bằng phen này. Họ quả muốn hòa thì binh thuyền đóng ở nhà Thương Chính không được vi ước, muốn mở thêm đường buôn bán, gặp trở ngại gì phải do ta châm chước dàn xếp, và đền phí cho tỉnh thành Hà Nội, lại không được yêu sách khoản gì khác nữa. Họ mà nhất nhất thuận nghe là rất tốt, không thì được một vài việc, mới có thể hòa hảo như trước. Bằng họ mỗi việc đều chiếm trích thượng hồng hách, lũ thần trong nhờ uy đức, cổ vũ quân dân, kẻ giữ xin hết sức kiên cố, kẻ đánh chia đường hợp công kỳ cho tiểu quét lớn lao, rửa sạch được lỗi trước" [78a].

Vua nói: "Sao không ngay từ lúc nghe tin Hà thành có sự, lập tức vây mà đánh khiến cho chúng biết gờm lại. Nay đã giao trả, đánh tắt trái về mình, lại ngăn cơ hội, không sớm yên được. Lại đánh tắt phải dùng quân họ Lưu, càng gây thêm giận, khó mà giảng giải, sợ lại càng sinh ra chuyện khác, thành ra phòng mà không thể đề phòng xiết. Hiện nay cần chỉnh đốn thanh thế, xem họ có đòi hỏi quá đáng hay không, việc bồi thường vừa phải thì thôi, không thể sẽ đem binh chống lại, đến lúc ấy là tự họ gây ra, khó cưỡng lời chối trách".

Khâm sai Trần Đình Túc, Nguyễn Hữu Độ tâu nói: "Từ khi Phú phái vô cớ gây chuyện, những tỉnh đạo ở quanh gần như Sơn (Tây), Bắc (Ninh), Mỹ Đức, lâm thời đã không biết từ xa làm vận ứng, việc xong đã mấy tuần cũng không thấy có cử động gì đáng kể, ai nấy đều giữ quân để tự vệ, đến nỗi thành trước không [78b] có quân ngăn, sau lại không biện chính rõ ràng. Hà Nội công tư riêng chịu thiệt thòi, mà khí thế bọn kia càng kiêu. Bằng ta cứ im lặng không biện chính minh bạch thành ra sự thế gì, sợ sau này họ lại vọng động như thế, sẽ lấy gì mà đợi? Xin nhà vua tự quyết đoán tài định, hoặc chuẩn y lời đình thần, các thần xin [đình thần xin tuân chuẩn biện thuyết cho ra lẽ chính, các thần xin đem toàn lực quốc gia đánh giết hết] hoặc phái người đến trước nước họ hay sù y họ, trách hỏi về các lỗi chiếm thành giết người, nên có cách xử trí thế nào cho công việc thân thiện của hai nước ghi rõ thành điều ước, mới có thể hòa hảo dài lâu được". Vua nói: "Cứ như lời tâu, cho việc đóng quân không tiến là không phải. Có lẽ quan quân thứ tâu nói lấy đánh làm việc chính, mà không theo việc làm của các người, hoặc bọn người thấy việc xem ra khó khăn, cho nên nói lời này để tránh trách nhiệm. Vâng mệnh sai đi, há nên như thế. Bọn người lại muốn tiến quân, không những ngăn trở sự cơ, mà [79a] còn muốn đổ lỗi cho triều đình vậy. Trẫm rất không bằng lòng. Và việc không thể tốt cả hai mặt, mưu quý ở vạn toàn, đi sang nước họ thì xa không kịp, trách hỏi sù y họ thì thư gửi đi rồi còn chưa thấy phúc đáp. Cơ đến nên ứng biến nhanh, há lại đợi thông thả. Phương chi có phái bộ họ ở đây cùng với các người gần gũi, thì nên trách, nên biện thế nào sao không đoán định, mà lại xa xôi đợi Bạc thần, sù y sứ sao có thể tới ngay việc được. Nay giao cho thống đốc theo lệnh trước dời ngay Lưu đoàn về Thái (Nguyên) cho họ khỏi viện ta trái, các người thì hãy hoãn nhận thành,

mà đi ra phủ huyện ngoài thành đều chiêu biện để yên lòng dân, lại đưa thư cho phái bộ họ, trách cho biết nhân tâm sĩ khí công phần rất sâu cũng khó giải quyết gương, và sớm nghe lui đi thì dân chúng mới hả giận, tinh thần mới dám nhận thành; hoặc họ đòi quá mức cũng nên trừ định thế nào để cho nén đi được mà [79b] không lo khác nữa. Phái làm hết trách nhiệm không được nắm nước đôi mà mê hoặc mọi người".

Thấy quân Phú ở Hà thành chưa rút hết, Thương Bạc thần xin đưa thư Phú sớ ở Gia Định mong xử trí giúp. Vua theo.

Trú kinh Khâm sứ Lê-na gởi thư đến nói về việc phòng bị Thuận An, lời rất ngang chướng. Thương Bạc thần tâu lên.

Vua nói: "Những điều họ nói họ làm như thế còn có thể tin sao được! Phòng bị là việc thường của một nước, sao lại có thể bắt người ta bó hết tay không làm gì mới là măn ý? Không lạ gì hể các tỉnh để phòng họ đều muốn triệt đi hết, thì để người ta còn làm gì được. Có lẽ đem một chữ hòa trước sau để nhảm ta ư?". Sai Thương Bạc trách hỏi biện bác với họ, lại lấy thư đưa đình thần duyệt, dụ họ rằng: Đã từng nguyện đồng tâm lực làm việc giữ vạn toàn không lo ngại thì nên như thế nào để làm trọn được lời nói ấy. [80a] Phái mưu toan mau, tất làm cho tiêu tan trở ngại, để đền đáp thần và người.

Đình việc dập lũy và tăng quân ở Thuận An. Sau khi Hà thành mất, cửa Thuận được phòng bị khấn. Phú sớ nhiều lời ong tiếng ve trách móc, mà nhiều người cả trong kinh lẫn ngoài dâng thư xin đánh [Ngoài thì thống đốc, kinh lược, đốc, phủ Hải Dương, kinh thì Vũ Văn Đức, Phạm Đình Thực đều có mặt tấu]. Tôi thần Viện Thương Bạc là bọn Trần Tiến Thành cho là những điều nói kia so với thời thế chưa được hợp sách, mà khoản phòng biển hiện chưa kiên cố, tu sửa thêm cũng vị tất hoàn bị,

tỏ cho người ta rõ bề ngoài, chỉ thêm nghi ngờ mà bắt bẻ. Xin đình việc đắp lũy mới ở Thuận An và triệt hết biên binh và phái về kinh chuyên việc huấn luyện, quân cũ cũng do Hải phòng huấn luyện. Đến như các loại hòm gỗ, bè nổi cũng đều chiếu theo thường lệ mà sửa chữa, để nuôi binh lực ta mà vừa để cho chúng không thể lường tính được. Vua theo lời tâu [80b].

Mùa hạ, **tháng Tư**. Khoa đạo Lê Doãn Thành tâu nói: "Nước Phú cùng ta giảng hòa đã thành ước hẳn hoi. Nay vô cớ đánh tỉnh thành quấy rối mặt phố, cùng ta là thù địch. Bọn Thống đốc Hoàng Tá Viêm, Tỉnh biên phó sứ Trương Quang Đản đã không biết dự phòng trước lúc xảy ra, tiếp đó lại không biết tức tốc đi tiểu phạt, lại chần chừ trông ngóng ngồi để mất sự cơ. Kịp nghe tin giảng hòa trao trả, mới làm sớ tâu xin đánh. Bọn Kinh lược Nguyễn Chính thân cầm cờ mao tiết, phạm mọi việc đều được tiện nghi hành động, đương lúc giữa đường nghe tin báo, lại liền đi tắt thẳng lên Sơn (Tây), xin tướng xin quân rồi rít, chưa nghe thấy có một thực hành gì. Xin đều giao cho đình nghị để răn về sau này". Vua đồng ý với lời tâu. [Liên sau đây, nghị chuẩn bọn Hoàng Tá Viêm đều giáng 4 cấp, lưu].

Cho tể Tổng đốc Hà, Ninh Hoàng Diệu, và cấp 1.000 quan. Vua nói: "Hoàng Diệu tận trung tử tiết, hơn vượt hẳn bọn thường. Trẫm rất thương tiếc. [81a] Sai tỉnh thần Quảng Nam cho tể một đàn, gọi là chút ít an ủi trung hồn, cấp tiền 1.000 quan để nuôi mẹ và chi nhu việc tang".

Sứ Phú xin bỏ việc cấm gạo. Thương Bạc thân tâu lên. Vua bảo họ đến ở lâu, dân gian bị hại nhiều về sinh kế, không biết mùa màng lúa ruộng thế nào, mà bỏ cấm, sai phúc cho sứ ấy biết thế.

Khâm sai Trần Đình Túc tâu nói: "Hiện nay 3 tỉnh Sơn, Nam, Bắc hoặc quân Lưu đoàn dần trận, củ kết nghĩa dững, cạn lấp

đường sông, đưa khắp lời hịch, hoặc với người Thanh đến làm chông nhọn đặt bẫy. Tuy cái trách nhiệm giữ đất nên như vậy, nhưng đem quân ô hợp mà chống lại cái thế như vọ dũ đang hăng, dựa vào cái thành vài trượng mà đương với súng mạnh xa mấy mươi dặm; họ mà sinh sự, 3 tỉnh ấy quyết không chống giữ được. Tư đến bàn việc cự thù, thì hoặc khẳng khẳng cho là việc do thống đốc, hoặc là chưa nhận được triều mệnh. Gần đây Sơn Tây và kinh lược sứ [81b] tự lấy tiền lương dư làm tiếp tế, đều là những việc làm cho họ sinh nghi, không những chỉ một khoản thương thuyết, tình của thần khó cảm động được họ, mà ra mặt chống người ta trước, họ vị tất không đem cái việc lấy tỉnh thần trước đây mà mưu luôn ba tỉnh ấy. Xin thu hồi cái mệnh trước, bớt cho thần bốn chữ "Khâm sai đại thần", trách cứ cho chuyên làm việc tỉnh. Còn như công việc Bắc Kỳ xin chuyển cho Hoàng Tá Viêm, Nguyễn Chính đồn đốc, để thống nhất hiệu lệnh mà mong cho được việc tốt". Vua dụ rằng: "Người đi phái đã gần một tháng, chỉ có nhận cái thành nguyên đã giao rồi, ngoài ra không thuyết được một việc gì, nay muốn thác lời để tránh trách nhiệm, vâng mệnh xuất sai, mà lại như thế, đạo thần tử ở đâu? Người phải lập tức giảng thuyết cho họ đem hết quân ra ngoài thành, tiện cho quan quân ta sửa sang lại, và quan phái ấy ra khỏi thành rồi thì binh thuyền của họ đi ở thế nào cho lòng người khỏi ngờ, hòa hảo mới dài lâu được" [82a].

Lúc ấy Phú phái hể nói tất đòi đuổi Lưu đoàn đi, mở đường buôn bán, họ mới chịu rút quân. Vua đã lần lượt dụ Hoàng Tá Viêm làm ngay. Lại khiến Nguyễn Hữu Độ đi nhanh đến chỗ Tá Viêm đóng quân và các tỉnh Sơn, Nam, Bắc trách phải dời quân Lưu đoàn đi, giải tán ngay binh丁, không được trù trù nước đôi rồi đến hòng việc. Tá Viêm không tuân dụ ngay, phúc tâu lại nói: "Khâm sai đại thần giao nhận chưa xong mà thương thuyết cũng không được gì, xét rõ tình trạng, họ giao trả tỉnh thành

vốn không phải thực ý. Nay đã nắm được các quan khâm sai trong tay, họ bèn tha hồ muốn đòi gì thì đòi. Ví ta nghe họ, đuổi hết quân Lưu đoàn, binh dừng, mọi tình bỏ không phòng bị, thế có thể tràn đi được, thì họ còn lần hoạnh thế nào. Như nay ta còn dùng Lưu đoàn, phòng bị cũng hơi chặt, thế chúng chưa tính được thì yêu sách nhiều khoản như thế. Xin sắc xuống cho Thương Bạc thần cùng với Khâm sứ họ biện thuyết, khiến họ triệt thoái binh thuyền, ta [82b] sẽ giải binh dừng. Ví họ cố vin có bảo hộ thương sở, thì giao trách do khâm sai thần, cam kết cho thương sở không ngại, thần cũng xin đứng ra đảm bảo bọn Lưu đoàn không dám làm trái. Bằng họ đem cố đường thông thương trở ngại ra nói, xin nêu thuyết giảng là phải nên nghị định chương trình trước có minh văn hẳn hỏi từ chỗ quan nhà Thanh ở nội địa tri chiếu mới hợp sự thế". Lại nói thêm: "Toàn hạt Bắc Kỳ, duy miền thượng du Sơn Tây, đường sông hơi nông, dân tâm còn thuần, có thể là đất chống chọi. Nay bằng tuân dụ đem đòi hết quân Lưu đoàn về Thái, còn thần thì về Thục Luyện. Lâm sự sợ khó ứng phó. Sơn thành mà dao động lại thêm khó khăn hơn. Xin nên tuân dụ trước, lượng xét đưa vào chỗ nào thỏa đáng, mới hợp với sự cơ hiện nay". Vua khiển trách rằng: "Tội trái mệnh thật không chối cãi được. Có phải tự cho là tướng ở ngoài có lúc mệnh vua đến không chịu à? Lại không biện bạch rõ phải như thế nào đuổi hết địch, [83a] chỉ trừ trừ nước đòi, không đoái hoài đến ở trên lo lắng, khổ nhọc, thế mà còn có thể yên tâm được ư?". Bèn chuẩn Tá Viêm tuân dụ tức tốc về Thục Luyện, dời hết quân Lưu đoàn về Thái đi hội tiểu giác Khách; bọn Bảo Thắng cũng lập tức sức hiểu cho dời đi chỗ khác. Việc làm cho xong sớm để khỏi nói phiền sinh sự.

Bọn Khâm sai Trần Đình Túc thương thuyết vô hiệu, đều phải giáng, lưu.

Tháng Năm, lệnh trời giải các tỉnh thần Hà Nội [Tuần phủ Hoàng Hữu Xứng, Bố chánh Phan Văn Tuyển, Án sát Tôn Thất Bá, Đề đốc Lê Văn Trinh, Chánh lãnh Hồ Văn Lễ, Phó lãnh Nguyễn Đình Canh, Lê Trực] về kinh đợi án. Dụ rằng: "Lúc Hà thành có việc, Hoàng Diệu thể chỉ cố giữ, có chết không hai, mọi bầy tôi ở cùng thành chính nên đưa sức liều chết mới hợp cái nghĩa "chí thân". Thế mà tận trung tử tiết duy chỉ có một mình Hoàng Diệu, lũ Lê Văn Trinh đều là quan lớn một tỉnh, tham sống sợ chết, [83b] bỏ thành chạy trốn, Phan Văn Tuyển lại trốn trước tiên lên mãi Sơn Tây, thật nhút nhát vô tài quá đáng. Hoàng Hữu Xứng tuy không ra khỏi thành, mà không biết cùng với thành còn mất, Tôn Thất Bá ra ngoài thương thuyết, lại cùng họ kính nhường khéo thoát. Bọn đại thần ngoài biên cương lúc lâm nạn lẽ nào lại như thế, lập tức đều bị thi hành cách chức, trời giải về kinh xét rõ, để nêu tỏ điển hiển. Còn Phòng thành, quản, suất, phủ, huyện, thông, kinh đều nhất luật giao đốc, phủ thần mới xét rõ tâu lên".

Tháng Mười Một năm Tự Đức thứ 36, chuẩn Hoàng Diệu liệt thờ vào đền Trung Liệt. Bọn Xứng đều bị cách hiệu lực, Tuyển cách trả về dân tịch chịu sai phái⁽¹⁾.

Chuẩn Kinh lược Nguyễn Chính, lượng đem ít binh đi nhanh đến gần chỗ Hoàng Tá Viêm đóng, tìm chỗ đóng quân, đi lại thương lượng minh xác với Tá Viêm lập tức tuân lời chuẩn mới đây, mau làm cho xong việc dời Lưu đoàn đi, cho việc thương giảng dễ thành. Tá Viêm lại nói: Người Phú đến lần này, tính dối trá khôn lường, mà thành Sơn [84a] quan hệ nặng nhẹ cho toàn kỳ, ví phỏng thành Sơn mất đi, không phải chỉ toàn kỳ lung lay, mà đột nhiên dùng đến quân, không còn có chỗ để quân nữa. Nay xin tuân chuẩn làm khẩn ngay việc dời Lưu đoàn đi,

⁽¹⁾ Đoạn này đúng ra phải thuộc năm Quý Mùi, 1883. BT.

còn thành Sơn xin do kinh lược thần đóng lại chiều cổ để giữ cho khỏi lo ngại. Vua chỉ thị lại rằng: "Dời Lưu đoàn đi là việc khẩn không thể không dời, mà cũng đi Thái, Tuyên hoặc về Thục Luyện đánh phi như trước thôi. Và tạm ẩn tích, xem họ còn giở trò trống gì tùy mà ứng phó, cũng không phải muộn, mà trái cũng khó đỡ cho ta. Xét rõ lợi hại hoãn cấp, không thể không thể. Bằng đánh không ra đánh, hòa không ra hòa, giằng co nước đôi, không ngày nào xong, mà trái đều về ta. Người lấy lời gì mà cãi? Còn ngầm giúp Sơn, Hưng là trách nhiệm của người, nay lại muốn dùn cho kinh lược đẩy sao? [84b] Có lẽ nào đại thần lại nên dụng tâm như thế? Và hai tỉnh có mất, người chịu trước, kinh lược là thứ, không còn trốn vào đâu được. Nhưng chỉ giữ chết một thành, sao bằng tiến lui không phương hướng, ai có thể dòm biết được. Duy có tự người khéo ứng biến mà thôi".

Hoàng Tá Viêm điều động Đoàn dững chia ra đóng các hạt Tuyên, Thái và Đà Giang [thượng du Sơn Tây], còn mình tự về đóng ở đồn Thục Luyện. Lưu Vĩnh Phúc xin về Bảo Thắng, liệu lý việc nhà. Vua chỉ thị cho Tá Viêm rằng: "Về Bảo Thắng, người cũng nên hết lòng thương lượng giao ủy, chọn đất dời đến cho yên ổn, khiến sớm được yên cư sinh sống, không để sót hại sai".

Tháng Sáu, Phú phái xin đặt đồn ở sông Bạch Hạc, Sơn Tây, ta không nghe.

Lúc ấy, Thống đốc Hoàng Tá Viêm thấy việc dời quân Lưu đoàn đi khó khăn, xin giao Quyền tuần phủ Hà Nội Nguyễn Hữu Độ khu xử [nói Nguyễn Hữu Độ có đi lại với Vĩnh Phúc, và có chu cấp]. Vua khiến sao lục đem hỏi quả có thể không, và trù nghĩ như thế nào, phúc tâu ngay. Hữu Độ tâu nói: Lưu đoàn vốn tính ngang cứng, trước [85a] đã dụ chuẩn đi bảo đoàn ấy nên dời về Thái tiểu giác Khách, hấn bảo "phạm việc gì cũng chỉ tuân hiệu lệnh thống đốc". Khiến dời về Thái đã khó, hướng chỉ

dời về Bảo Thắng càng khó. Và như thống đốc chúc trọng danh vọng lớn, Vĩnh Phúc theo đòi dưới cột cờ từ 10 năm nay, còn bảo là không ân ý đủ tin, thì thần đây mới tiến lên, uy vọng còn nhỏ, đi lại với y chưa đầy một tháng, có ân ý gì mà cảm động được y. Vậy xử trí Lưu đoàn xin do thống đốc tuân chuẩn liệu biện thỏa đáng để cho việc được thủy chung.

Dụ rằng: "Nguyễn Hữu Độ nguyên cùng Quang Đản đều sung Tĩnh biên phó sứ với Thống đốc Hoàng Tá Viêm cùng làm việc. Gần đây nhân việc Hà thành khẩn chuẩn chuyển về quyền Phú, nay tức lại điều về phó sứ cũ cùng đóng với Viêm. Nghiêm trách cho ba viên chánh phó sứ ấy hết lòng xử sao cho khéo. Dứt khoát không để dùn trách nhiệm". [85b].

Mùa thu, **tháng Bảy**, bấy giờ nước Thanh nghe tin Hà thành ta có chuyện, Lương Quảng, Văn Nam đều phái nhiều quân tụ tập ở rẻo biên thủy nội địa [giáp Tuyên: hai phủ Lâm An, Quan Hòa; giáp Cao: châu Quy Thuận; giáp Lạng: Long Châu; giáp Quảng Yên: châu Liêm, Kinh]. Sai quan Văn Nam Tạ Kính Bưu đem trước ba doanh đến Quán Ty [thuộc huyện Trấn Yên, Hưng Hóa], mà các đạo cũng báo sẽ đi nhanh ra khỏi cửa quan đóng trấn áp. Dân gian Bắc Kỳ phao đồn người Thanh lại tranh lấy Bắc Kỳ; và kẻ tự thù. Phủ thần Hưng Hóa, Nguyễn Quang Bích tâu lên. Vua nói: "Đem cái lòng tiểu nhân mà đo bụng người quân tử, lẽ nào người Thanh lại làm cái cử động bất nghĩa ấy". Nhân đem văn của quan Đốc Quảng Đông gửi đến báo cho các bề tôi gia tâm khuyên hiếu sĩ dân không được nghi hoặc phi lý. [Thư nói việc quân nước Pháp⁽¹⁾ lần thành Hà Nội đã do Thống lý các quốc vụ sự Vương đại thần (nhà Thanh) tâu lên: Đại hoàng đế xuống chiếu khiến các đốc, phủ ở Điền Úc gia tâm phòng giữ, và do Vương đại thần gặp mặt hỏi sứ thần Pháp ở (Trung) Hoa,

⁽¹⁾ Đến trang 85b này, *DSTM* mới dùng chữ "Pháp" thay cho chữ "Phủ". BT.

báo cho biết. Việt Nam trước thuộc Trung Quốc, nghe tin quân Pháp đánh chiếm thành Việt, có trở ngại cho giao nghị của hai nước; phải do sứ thần Pháp chuyển về ngoại bộ nước Pháp biết cái nghĩa như thế, cốt sao toàn vẹn được cái nghĩa bang giao. Lại do đại sứ Thanh triều ở nước Pháp là Tăng đại thần⁽¹⁾ chiếu đầy đòi Ngoại bộ nước Pháp bắt quân Pháp ở Việt lui ra khỏi thành trì Hà Nội, để củng cố tình hữu nghị. Đó đều là Thiên triều quyền luyện nghị đến phen giậu không lúc nào ngơi. Trừ khi tùy thời lại hỏi thêm nước Pháp biện nghị thế nào và đợi tiếp được nước Pháp trả lời chước [86a] lượng xử trí, sẽ nên cùng nhau chiếu hỏi mà tra xét đối chiếu]. Tỉnh thần các nơi ra sức khuyên dụ sĩ dân không được làm điều phi lý gây nghị kỵ. Lại cho là quân Thanh có đến ta là chủ, nên tùy nghị khoản tiếp dò xét, sao cho đắc thế, chớ để mất lòng họ. [Khi Hà Nội thất thủ, vua Thanh lập tức dụ cho mọi nha môn quân phải có trừ cách phòng biên, Tổng đốc Trực Lệ kiêm thông thương sự vụ, đại thần Trương Thu Thanh nguyên Tổng đốc Lương Quảng tâu nói: "Xem cái hiểm ngầm của người Pháp, Nam Kỳ của Việt Nam đã giao đi rồi, Bắc Kỳ cũng khó mong giữ còn, mà người Pháp còn do dự xét kỹ, không dám ra nuốt chiếm ngay, cố nhiên do địa phương Bắc Kỳ đất hiểm trở lại gai góc, lực họ hoặc khó mà thắng ngay, và cũng lo là vô cớ khởi tranh, sợ bị Trung Quốc trách nghị, cho nên bắt Việt Nam trói buộc quanh quẩn trong điều ước thông thương, thừa cơ nắm lấy chỗ sơ hở, buộc là vi phạm ước, ép phải làm điều ước, tức là có thể ngầm thu về cái sự thực là được đất, mà ngoài tránh được cái tiếng cướp nước; họ không có thể tới phạm vào Trung Quốc, ta cũng không có lý tìm gây hấn trước với họ. Đây là cái mưu của Pháp rất xảo quyết, mà Trung Quốc phải mưu ở Việt Nam cũng không thể hoãn được. Tổng lý nha môn Vương đại thần nghĩ cái lo về Pháp ở Việt Nam ngày càng sâu,

⁽¹⁾ Túc hầu tước Tăng Kỳ Trạch, đại sứ Trung Quốc tại Paris. BT.

mà nghĩ kế thêm quân giúp cứu viện chưa có, phen giậu toàn bị cuốn đi thật đáng lo. Riêng các tỉnh Bắc Kỳ chỗ nương tựa của nước ấy, thực là bức bình phong che cho Điền Úc (Văn Nam, Quảng Đông). Trong tháng Ba, Pháp đem quân đánh phá Đông Triều, ngay tháng sau Pháp lại vội đem thành trì giao trả Nam quan, quý quyết biến trá, ý không thể lường được, thực sợ họ lại đem cái khôn chiếm cứ 6 tỉnh Nam Kỳ cũ cũ thay đổi hòa ước mới thu Bắc Kỳ trên tróc bàn tay, bức Việt Nam vào chỗ phải theo. Việc quả đến như thế, nhân đó đối ứng vào lại càng khó. Ngày nay cái kế sách phòng biên của Trung Quốc, duy có sai quân phòng thủ của Văn Nam, Quảng Đông giữ ở ngoài biên giới, vẫn lấy tiếng là trừ thổ phi ở Việt, để mưu tiến lên, tức làm chỗ cho quân ta đóng giữ, hoặc khỏi phải lo quân Pháp lấn dần. Tóm lại, Pháp đã chú ý đến sông Hồng (tức Nhị Hà) Bắc Kỳ, ta càng cần phải giữ cả bốn cõi, đề phòng [86b] trước việc xảy ra. Việt Nam khó có thể tự mưu, Trung Quốc tất không thể tự nhảm!". Vua Thanh bèn dụ bọn Quyền (tổng) đốc Quảng Đông Dụ Khoan, Tuần phủ Quảng Tây Nghê Văn Úy, Tổng đốc Văn Nam Lưu Trường Hựu điều chỉnh đồn, kén lựa quân thủy bộ chia khắp nơi ách yếu, xa làm thanh viện cho đoàn Bảo Thắng, dừng chỉ làm cái kế đóng cửa quan tự thủ].

Pháp phái nghe tin quân Thanh tụ tập đông, cũng đưa thêm binh thuyền đến, và cùng tiến lên đầu ở Sơn, Hưng, Bạch Hạc [mỗi nơi 2 chiếc]. Hoàng Tá Viêm lại phi báo đòi Vĩnh Phúc về Thục Luyện, và sai đi Hưng, Thái với các toán dũng luyện đều về đóng gần tỉnh Sơn.

Sắc cho thống đốc cùng hai phó sứ tỉnh biên, các đạo binh Tam Tuyên, Bắc, Lạng, Thái, hễ có quân Thanh đến đóng gần, đều báo bọn thuộc hạ im lặng để đợi, không được động càn, xem hai bên họ cử động thế nào phi tấu về ngay.

Vua thấy Hà thành đã giao, không còn việc gì thương thuyết, chuẩn Trần Đình Túc bớt nha khâm sai đi, chuyên làm việc tỉnh.

Tháng Chín, quan (nhà) Thanh Hoàng Quế Lan thống lĩnh 12 doanh quân phòng Tả giang, Tả lộ chia đóng các hạt Lạng, Bắc, Cao, Thái, [87a] Triệu Ốc thống lĩnh 5 doanh quân phòng Hữu giang, Hữu lộ, chia đóng bên trong cửa quan và hạt Tuyên, Thái.

Chuẩn Hà, Ninh Tổng đốc Trần Đình Túc theo như cũ về quê hưu trí, Thị lang sung Tỉnh biên phó sứ Nguyễn Hữu Độ đổi sang Hộ lý Hà, Ninh Tổng đốc. Hữu Độ dâng sớ xin từ [nói rằng đến Hà thành cùng đóng với họ, bị họ kiểm chế, đóng trong thành tất gây cho họ ngờ. Xin kén trọng thần tài cán sung thay, cho thần vẫn về đồn Thục Luyện, cùng đóng với Hoàng Tá Viêm, bàn trù việc biên cho làm trọn những điều đã mưu tính]. Vua nói: Rất cần người, người đã quen việc lại khéo ứng phó, không thể từ, cần tùy việc làm cho hợp, chớ sơ suất để nhảm lẫn. Sai lập tức tỵ chức.

Tháng Chạp, sai Hình Bộ Thượng thư Phạm Thận Duật sung Khâm sai đại thần thị lang gia hàm tham tri, Nguyễn Thuật làm phó đi công cán Thiên Tân nước Thanh; Biện lý Hộ Bộ Nguyễn Phiên sung khâm phái đi Quảng Đông để đệ tìn báo. Từ khi Hà thành có sự, ta đã đưa thư các quan đốc tỉnh (Quảng) Đông: Dụ [tên là Khoan], Tăng [tên Quốc Thuyên] mong [87b] liệu định ổn thỏa giúp. Đến khi ấy, Tăng đốc ủy gọi Thương cục Đường Đình Canh, tỉnh thuộc Mã Phục Bôn, Chu Bình Lân cùng với vị ở Yên (Bắc Kinh) phái đến Đường Cảnh Tùng [chủ sự tiến sĩ xuất thân phụng mật chỉ đến nước ta dò xét] cùng về để hỏi hiện tình và bàn những việc nên làm [có nói: Súc đánh chưa chắc đã có thừa, lý luận may ra có thể giải quyết]. Đã phái Thuật sung khâm sai đi cùng với quan Thanh đến trình quan đốc Quảng Đông,

mong chuyển đạt giúp. Liền lại tiếp được tin điện của tướng Lý Hồng Chương, yêu cầu hai ba người nước ta đến Thiên Tân để hỏi rõ và thương nghị về việc nước Pháp. Bèn sai bọn Phạm Thận Duật đệ quốc thư đi. [Nước Thanh được tin Hà thành thất thủ, tức khiến Lý Hồng Chương thương giảng với Công sứ Pháp Bảo-hải⁽¹⁾, Bảo cũng muốn thuận theo, viết thư về nước họ xét định. Cho nên Lý Hồng Chương có tin điện này. Đến tháng 2 năm sau, bọn Thận Duật đến Thiên Tân, thì Pháp đã có thư sang không chịu điều đình, và vin vào tờ hòa ước Giáp Tuất có câu "Nước Đại Nam có quyền tự chủ, không phải tuân phục nước nào" mà không cho Thanh nhận nước ta là thuộc quốc. Lại rút sứ Bảo-hải về mà cho Đức-lý-cổ⁽²⁾ sang Thanh thay. Liền sau lại thâm thù về việc quan thủy sư là Lý-hoa-lợi (Henri Rivière) chết ở Cầu Giấy, lý luận càng khó lọt. Lý Hồng Chương lại đưa thư cho khâm sứ ở Anh là Tăng Kỳ Trạch bảo liên ước với các sứ Anh, Nga, Phổ giảng giải công việc này, nhưng chưa có tin về. Đến tháng Tám, vừa được công ước mới của các nước trong có khoản nước Thanh cũng không được dự vào việc nước ta, họ bèn vin cớ ấy để trút trách nhiệm. Nguyễn Phiên trú ở Quảng Đông, thì tổng đốc Quảng Đông cũng sợ người Pháp tức giận, nên mấy lần Phiên đến cầu yết kiến, đều thoái thác có bệnh không tiếp. Thế là [188a] đến mùa đông năm ấy đều lục tục trở về].

Năm Tự Đức thứ 36 (Quý Mùi, 1883), mùa xuân, tháng Giêng

Pháp phái từ Ninh Bình đến động Từ Thúc [huyện Nga Sơn, phủ Hà Trung, Thanh Hóa] vãng cảnh. Tỉnh thần tâu lên. Vua sai tư cho tỉnh Ninh Bình lần sau họ có đi như thế, nên khéo nói để ngăn lại.

(1) Tức Bourée, Công sứ Pháp ở Bắc Kinh. BT.

(2) Tricou. BT.

Nguyên thấy binh thuyền Pháp đến thêm nhiều, mà bên Thanh mới phái đến hiện chỉ có ba doanh, đi lại thăm dò. Trương Quang Đản dâng sớ nói: Pháp phái tăng thêm binh thuyền sẵn vào ngặt hơn trước, bên ta há điềm nhiên chịu thế, mà đợi người Khách ở xa đến à? Việc binh cũng chậm mất. Nghĩ cần chỉnh đốn ngay những thứ ứng chiến, ngô hầu mới tránh được lâm sự bó tay. Xin mật sắc cho Thống đốc Hoàng Tá Viêm điều ngay Lưu Vĩnh Phúc đưa đoàn về Sơn hợp trú, hậu thêm quân. Chuẩn Lương Đình Tú sung làm Tiểu sứ Cao, Thái, chiêu mộ một nghìn quân cứng mạnh, chuyển xuống đóng trấn áp chỗ giáp giới [88b] Bắc, Thái, làm cho họ thu mạnh lui về càng tốt. Ví có gây khích ở Nam, Bình do Kinh lược Nguyễn Chính đốc hai tỉnh xem xét cơ sự mà chống giữ, Phó kinh lược Bùi Ân Niên thương đồng với tỉnh Đông đem quân đến đánh Hải Phòng của họ, hai đạo Sơn, Bắc tùy thế đánh giáp. Tỉnh nào có việc, mọi tỉnh cũng đều làm như thế. Lại xin văn từ bổ chính, võ từ đề lãnh trở xuống, như có người nào nhút nhát ngăn trở, chuẩn cho Tỉnh biên kinh lược chánh phó sứ trích tên ra, cùm lại tham tấu lên, hay đem chém, để nghiêm quân lệnh. Vua theo, nhân chỉ thị xuống cho rằng: Quyền nguyên sớ tới việc thích đáng tùy mà làm, không thể vạch đại khái ra cả. Cầu được việc mà thôi.

Kinh lược phó sứ Bùi Ân Niên, đốc thần Bắc Ninh Trương Quang Đản cho hạt Bắc cùng với Đồn Thủy của Pháp bách cận quá, mật tư tỉnh Lạng thương lượng với Hoàng Quế Lan chọn phái đến 1, 2 doanh phụ trú ở tỉnh Bắc, [89a] Lương Quy Chính, Nguyễn Cao, Trần Xuân Soạn ở đồn Nhã Nam lượng trích ra số quân thứ và toán dũng Cao, Lạng về tỉnh chia ra đóng giữ. Ân Niên xin vẫn lưu lại đóng ở tỉnh Bắc trấn áp cùng với Quang Đản trừ liệu công việc phòng bị. Vua thấy tỉnh Bắc hiện tại ở tỉnh thứ đã có nhiều người, mà tỉnh Đông là nơi xung yếu, chưa có ai

bàn bạc giúp, bèn khiến Ân Niên chọn nghiêm đóng chỗ nào trung độ, lâm cơ có thể tùy ứng, tiện bàn với kinh lược thống đốc châm trước ứng phó, cốt cho kịp việc.

Tháng Hai, tỉnh thần Hà Nội tâu nói ở tỉnh thành quân Pháp chưa rút, hơi động là bị bó buộc trói tay, xin cần tính lối khác khéo xử, ngõ hầu gặp việc mới đối phó kịp. Vua nói: Hà Nội bỏ cả thành cũ để mặc chúng hoành hành, mà đóng cả ở đấy thì cũng quẫn bách, nên cùng nhau thương lượng chia giao đi nơi khác. Còn thừa thì lưu lại ở trong tỉnh thành tùy cơ cho làm việc khác [89b].

Đốc thần Định, Yên Vũ Trọng Bình tâu dò thấy quân Pháp đóng thêm ở Hải Dương 500 tên, đóng thêm Hà Nội hơn 1.000 tên. Vua mật dụ rằng: Tuân chỉ thị mà làm việc cho khéo. Chớ có tự hoang mang rối trí.

Kinh lược phó sứ Bùi Ân Niên xin chiêu mộ lính khỏe mạnh, tinh tráng chọn lấy 1.000 chi lương, để sai phái đi. Vua cho.

Thự lý thông thương đại thần nước Thanh Lý Hồng Chương đưa thư đến hỏi việc nước Pháp [trước đã từng đánh điện giục, sau đây lại gửi tiếp thư nói: "Việc quý quốc với nước Pháp giao thiệp, bản thư về (Thiên) Tân, xem việc sau lại có phong văn, đã chuẩn cho bộ Lộ Lương Quảng sao bảo quý quốc, trước sau đủ thư gửi sang, gặp Pháp quốc trú Hoa cử công sứ đến Tân, đối diện hỏi và thương lượng, nghĩ nên bàn bạc thỏa đáng tìm đường lối tốt có lợi cả hai nước. Duy Nam Bắc cách xa quá chưa rõ hiện tình như thế nào. Quý quốc là phen giầu của Thiên triều đã hơn hai trăm năm rất là cung thuận. Tổng lý Các quốc sự vụ Vương đại nhân và bản thư gặp việc quan hệ đến, thâm ý nguyện khu xử giúp cho thỏa đáng, vậy nay y theo tin điện trước phái ngay đại thần đến Tân để mật hỏi cặn kẽ, tiện xem xét rõ cơ sự đặt phép điều đình với công sứ nước Pháp"]. Sai làm thư

đáp lại. [Thư nói đã sai sứ có đủ thư nêu rõ các khoản, lại nói cả mọi tình tiết quân Pháp đưa thêm binh thuyền đến nói là để hết sức làm xong việc Lưu đoàn, để thông thương Vân Nam, và bắt Nam quốc chịu họ bảo hộ, và làm đồn kho ở Hà Nội, Hải Dương, xin chuyển lên các nha môn Tổng lý rõ xem xét cơ sự khu xử giúp, cho họ phải nghe theo rút lui].

Đốc thần Định, Yên Vũ Trọng Bình lại xin lấp ngăn đường sông. Vua nói: [90a] Trước vì họ mới giao trả Hà thành, hòa chiến chưa định, không thể không triệt phá đi. Nay họ đã thêm binh thuyền thì kế sách của mọi tình tự bảo vệ không thể để chậm. Vậy Nam Định, Hưng Yên, Ninh Bình có đường nhỏ, sông nhỏ thẳng đến tỉnh thành, thế có thể lập phòng thì cho được làm ngay, tất kiên cố được.

Pháp phái tàu binh đánh tỉnh thành Nam Định [ngày 18]. Tỉnh thần chia quân chống lại. Người Pháp bắn suốt ngày nhưng không thể hạ được thành. Ngày hôm sau, thuyền Pháp theo sông Vị Hoàng nổ súng bắn vào thành, còn quân bộ sẵn vào cửa Đông. Tổng đốc Vũ Trọng Bình, Bố chính Đồng Sĩ Vịnh ở trong thành ngăn giữ. Đề đốc Lê Văn Diêm, Án sát Hồ Bá Ôn ra ngoài thành đánh quyết liệt với giặc, cầm cự được từ giờ Mão đến giờ Ngọ. Lúc ấy Kinh lược Nguyễn Chính đóng ở xã Đặng Xá (huyện Mỹ Lộc) không đến viện. Lê Diêm bị trận vong. Bá Ôn bị thương. Quan quân tan vỡ. Thành bèn hãm. [90b] Việc tâu về. Vua nói: Chúng mưu tính lấy hạt (Nam) Định, các người đã biết rõ ẩn tình, từ lâu trù liệu phòng bị, lại đã chuẩn cho Kinh lược Nguyễn Chính đem quân đóng cùng nhau mưu giữ. Thế là người mưu sự rất nhiều không phải ví như Hà thành hoang hốt và lẻ loi trống rỗng, các người chịu ủy trách như thế cho là cửa vua xa muôn dặm ư? Và đợi sẽ cử người đi xét nghĩ [sau giao Kinh lược Nguyễn Chính xét sự trạng phúc tấu].

Khi Pháp phái đem binh thuyền đến quân thứ Nam Định, Bùi Ân Niên, Trương Quang Dần điều động binh dũng các đạo phái đến đóng ở bờ sông các miền Gia Lâm, Văn Giang, Đông Ngàn, tùy thế mà trấn áp, rồi dâng sớ nói: "Hiện nay binh trận mọi đạo đều đã nghiêm chỉnh, nghĩ nên trước tiên khởi sự ở chỗ chúng đóng tại Hà Nội, may nhờ uy phúc nước nhà, có thể sẵn đến nhử được cái Đồn Thủy của chúng, một thì phái quân chiếm giữ lấy, một nữa thì chọn lấy mấy đạo binh luyện đi nhanh như phép rút đất, xuống cứu viện Nam Định, [91a] ngõ hầu đuổi kịp cơ sự". Chợt tin tỉnh Nam báo đến, vua nói: "Tình thế tỉnh Nam so với trước đã khác hẳn. Cứ theo Hà Nội báo về, quân Pháp hiện đang mưu quấy rối hạt người, tỉnh người, tướng sĩ binh dũng hiện đã tụ tập đông đủ, như chúng có phạm đến, lập tức sẵn đến tiêu diệt ngay, không để chúng đắc chí, và tự thương lượng với Thống đốc Hoàng Tá Viêm hiệp lực".

Khâm sứ Pháp trú kinh Lê-na hạ cờ khâm sứ về nước.

Hỏa thuyền Pháp [1 lớn, 1 nhỏ] tiến đến đỗ ở bờ nam cửa Lục, quân Pháp lên núi làm nhà dựng cờ. Vua được tin, sai tỉnh thần tư cho lãnh sự Pháp ở Hải Phòng thương lượng bắt thuyền ấy rút đi ngay không được làm như thế hại cho hòa hảo, chịu trái lỗi.

Viện Thương Bạc tâu xin sai Kinh lược Nguyễn Chính chọn đất nghiêm đóng, và tự thương lượng Thống đốc Hoàng Tá Viêm tùy cơ thu phục thành Nam Định, nghiêm sức thân sĩ phủ huyện đoàn kết dân xã phòng giữ, [91b] buộc bọn giặc giữ chết trong thành, không được lẩn ra, mới có thể tính kế thông thả thực hiện. Vua nói: Trước đến nay thân sĩ đã từng nguyện đoàn kết ứng phó để bảo vệ, sao đến nỗi không mưu toan trước để cho chúng được nhàn rồi, rồi được Lũng lại ngóng Thực, dây dưa lan rộng, khó chống lại, sĩ khí quả đã ngày càng tan rã.

Nguyễn Chính đã chuẩn cho chọn chỗ đóng quân làm thành viện cho tỉnh thần, đến nay cũng không thành công trạng gì, giáng bốn cấp, lưu, tất phải thu phục tỉnh thành mau chóng để chuộc tội trước.

Lấy Chương vệ quyền chương doanh Hùng Nhuệ Tạ Hiện đổi lĩnh Đề đốc Nam Định. Nam Định thất thủ, Tạ Hiện xin gấp đường về ngay, cử kết thân hào, chiêu mộ thủ dũng, thu phục tỉnh thành mong báo ơn trên. Vua chuẩn cho theo đường trạm đi ngay, đổi lĩnh chức ấy.

Quân Pháp sang sông sấn vào chỗ đóng quân ở Gia Lâm khiêu chiến. Hôm ấy [ngày 19], Bắc đốc Trương Quang Đản đem quân đến ngay đồn đốc. Kinh lược phó sứ Bùi Ân Niên cũng đem quân đến theo cùng với quân thứ ở đây [92a] cùng bắn đánh. Quân Pháp lui giữ Dốc Gạch. Sáng sớm hôm sau [ngày 20], Pháp phải thêm quân lại đến. Binh dũng bên Bắc thứ chẹn những chỗ ách yếu nấp bắn, quân Pháp vừa đánh vừa lui. Đến chiều, quân Pháp tiến thẳng lên trên đê bắn loạn xạ, binh dũng ta tiến sát ác chiến, hai bên thương vong tương đương nhau. Quang Đản với Tán lý Lương Quy Chính thêm quân chia chi tiếp ứng, Ân Niên dẫn quân kể đến. Thương biện Nguyễn Cao, Lãnh binh Hồ Văn Phấn cũng đều dẫn quân đến chi viện. Quân Pháp chống địch không nổi, thu quân, chạy thẳng về Hà Nội. Việc tâu lên. Vua nói: "Người Pháp vô cớ bội ước, đã gây việc ở hai tỉnh Hà, Nam, lại chia quấy hạt, tỉnh thứ của người biết cổ lệ binh dũng, ba lần giao phong không chút sợ nhụt, khiến chúng phải lui giữ sào huyệt, thật là đáng khen, nên cố gắng hơn nữa, đồng tâm nhất lực, giết hết tụi chúng bắt kẻ đầu sỏ, sao cho quét sạch đất ta mà làm mạnh quốc uy. Hoàng Tá Viêm chỉ giữ trọng binh [92b] đóng ở thành Sơn. Thành Định thất thủ đã không nghe biết, nay đến lượt chúng quấy hạt Bắc, cũng không biết

phải một quân đến ngay tiêu diệt, thật trái với quân luật và đạo làm tôi. Lập tức cách lưu để nghiêm quân lệnh”.

Tháng Ba, mật dụ bọn Hoàng Tá Viêm, Nguyễn Chính: Yên biên lập công là ở lương tướng ba quân dựa đầy mà mạnh mẽ, địch theo đầy mà sợ hay càn. Các người từng đương tiết chế, hiện giữ tiết mao, về quyền không phải không to và quan trọng. Viêm thì bảo vạn toàn quyết thắng, Chính thì bảo khiến cho họ không dám nhìn thẳng. Nói sao mạnh thế mà rồi từ lâu rụt rè không thấy có thi thố gì. Nguyễn Chính chuyên phòng một đạo làm ý dốc cho thành Định, kịp khi chúng đánh thành, chỉ nói phi tư, phi sức, phải đi ngăn, phải đi phòng, không chịu dời đi một bước, đến khi [93a] thành ấy thất thủ, lại lùi về Vụ Bản để xa hẳn tầm tích, giữ thân hay giữ nước ư? Sao mà im lặng đến thế? Hoàng Tá Viêm, binh dũng đều xưng là quân cứng mạnh, mà trước kia báo tiến về đóng hạt Hà, không thấy tiến đến, chúng mưu quấy hạt Bắc, lại không thanh viện, việc làm như thế định cho việc binh là trò bỡn ư? Cho mệnh vua cũng không đáng chịu ư? Sao mà để hổ thẹn đến như thế! Có những bày tôi như thế, còn trông nhờ gì nữa! Vốn là phải lập tức làm theo quân pháp, tạm nghĩ cổ nhân cũng nhiều khi tự khuyên cố gắng vỗ cánh, mà Trẫm cũng không đến nổi ít ân, các người nên trù tính kỹ, làm cho khéo để nguôi công phần, mạnh quốc uy. Bằng vẫn chậm trễ, nhằm lẫn như trước, tất nhiên can quân pháp, chớ bảo rằng cảnh báo muộn.

Kinh lược thần Nguyễn Chính xét rõ xong việc thất thủ Nam Định, tâu về. Dụ rằng: “Nguyễn Chính làm hỏng việc như thế, có lẽ nào lại khoan nhẹ được, bèn giáng làm “Quang lộc [93b] tự khanh” gia sung Tán lý, theo Thống đốc điều động. Cờ mao tiết do Thống đốc thần dâng thư về nộp. Hoàng Tá Viêm trừ trì bất lực, giáng làm Tổng đốc. Bọn tinh thần ấy là Vũ Trọng Bình,

Đồng Sĩ Vành và bọn khâm, quản, suất chống giữ đều cách chức, phát sung ra tiền khu hiệu lực chuộc tội, hơi nhụt lui lập tức dùng chính pháp. Đề đốc Lê Văn Diễm liều mạng ở cương trường tiết dũng đáng khen, gia tăng hàm Đô thống, liệt vào đền Trung nghĩa làm gương cho võ thần đánh giặc tận tiết. Bát phẩm Nguyễn Bân là một kẻ sĩ trong hạt, trước đã quyên giúp được thưởng hàm, đến nay có việc, lại biết đem quân mộ vào thành, đi theo quan tỉnh chống giữ, bị chúng bắn chết, cũng là đáng tưởng lệ, truy thụ Tu soạn, liệt vào đền làng thờ, hàm Ấn sát".

Hồ Bá Ôn bị thương, vẫn tạm lánh trong tỉnh, được chuẩn cấp 30 lượng để trị thương, nhưng không được bao lâu thì chết. Lại vì tỉnh thành tuy chưa thu phục [94a] nhưng không nên để hoang phế lâu nên chuẩn thụ Tuần phủ Hà Tĩnh Tôn Thất Trường làm Hộ lý Định, Yên Tổng đốc. Bố chánh, lãnh binh cũng đều chọn bổ cho đủ người, sai đi ngay chọn đất trú đóng, làm việc. Vua cũng phủ dụ rằng: "Sao các người không biết tự nghĩ, noi theo gương các bậc hào kiệt trước đây mà ra sức phấn đấu. Trẫm không nói lẫn nữa".

Hồ Bá Ôn thọ nạn, do xuất môn gian khổ, chuẩn truy tặng "Quang lộc tự khanh".

Vũ Trọng Bình cách chức, hồi kinh chờ nghị xử. Đến tháng Mười Một năm ấy, án dâng lên, cũng tuân theo dự trước cho cách chức nhưng vẫn làm việc để chuộc tội, cùng với Nguyễn Bân, người Nam Định, con của Ấn sát Lạng Sơn Nguyễn Mậu Kiến.

Kinh lược phó sứ Bùi Ân Niên cải sung Tham tán, hoặc chia ra đạo riêng, hoặc cùng làm việc với Hoàng Tá Viêm, tương thông ủy biện, Ân Niên cho là mình cùng thống đốc ý kiến không hợp, xin cho chuyên sung đạo riêng, cùng với Tổng đốc Bắc Ninh là Trương Quang Đản trừ tính đánh giặc, hoặc quân vụ có nhiều người thì xin về triều đợi tội. Hoàng Tá Viêm cũng bị liên đới

theo Bùi Ân Niên xử lý việc quân chưa thành thạo, chiếu triệu hồi kinh đới chức, nhưng chuẩn cho Ân Niên hồi kinh sau, nhận quản luôn đạo quân của [94b] Hoàng Tá Viêm sẽ giao cho Ân Niên, nhưng chỉ chưa đến thì Hoàng Tá Viêm đã giao quân và quân lệnh cho Bùi Ân Niên.

Bổ chính Quảng Tây nhà Thanh là Từ Diên Húc ra khỏi cửa quan đóng quân để trấn áp [95b].

Thanh thống lĩnh Hoàng Quế Lan đến đóng phủ Lạng Giang, điều phái Quân đới Trần Đắc Quý đem quân tiến đóng huyện Yên Dũng. Bang đới Diệp Phùng Xuân tiến đóng tả ngạn sông Đáy Cầu, Thống đới Vi Tri Lễ tiến đóng Hùng Lâm để làm thanh ứng cho nhau. Thứ thần tỉnh Bắc thương lượng với Quế Lan qua sông chọn chỗ đóng nghiêm. Đoạn Quế Lan nói chưa tiếp minh văn của thượng quốc, chưa dám hội nhau cùng làm. Nhưng chiếu địa hạt tỉnh Bắc [96a] giáp sông lớn gần liền ngay sào huyết bọn địch thì hai sông trước sau tỉnh thành [sông Triêm Đức, sông Nguyệt Đức] chính nên phòng giữ ách lại, cần mộ nhiều Khách dũng để chuẩn bị phái đi, lại phái cả một toán dũng Cao Lạng đến đóng gần quân doanh. Nếu chúng có đi theo sông Nguyệt Đức đến, sẽ phái riêng quân doanh cải trang đi tiểu giúp, còn như đường Từ Sơn, Gia Lâm, do nước ta tự liệu lấy. Đới bắt nhật tuân lệnh tuần phủ Quảng Tây đến, lại dời gần đến tỉnh thành hợp trừ liệu toàn cục. Ân Niên, Quang Đản đem đủ mọi việc ấy tâu lên. Vua nói: "Đại Thanh đã lo chúng sinh sự, thống lĩnh ấy đã đóng ở Lạng Giang, không từng qua sông, cái ý đủ rõ. Rốt cuộc việc ta, ta nên tự làm lấy. Giao cho thứ thần tỉnh thần các người cố lệ tướng sĩ, nên tự phần chí cho hết đạo làm tôi, chớ có chuyên cậy vào người mà thành trễ nải. Nhưng họ đã về đóng gần cũng nên tiếp khoản an ủi tử tế, [96b] và tuyên ngôn là quân Thanh lại giúp, để làm thanh thế".

Tĩnh thần Thanh Hóa tâu, Pháp phái muốn đến cửa Chính Đại yết sức triệt bỏ tuần ty. Lần ấy có linh mục Phát Diệm Trần Lục viết thư nói Pháp phái đến Ninh Bình khám 2 cửa Trì Chính, An Phú, lại đến cửa Chính Đại bái yết. Vua cho Thanh Hóa không phải thuộc Bắc Kỳ, đó là thuộc ý riêng Trần Lục a theo, khiến Đình Bình trách Trần Lục, thuyết với Pháp phái thôi đi. Lại sai tỉnh Thanh tùy cơ châm chước làm việc, sao cho được việc tỉnh mà việc nội phòng cũng không thể sơ suất.

Thống đốc Hoàng Tá Viêm tâu nói: Phái viên từ Yên Kinh là Đường Cảnh Tùng đến [Cảnh Tùng chuyển trước từ kinh về Hải Phòng lên bộ đi mỗi tỉnh Bắc Kỳ tra thám tình hình ngoài biên, sau đấy tư về], cùng nhau nghị luận thấy nhiều nghĩa khí bàn định việc quân tình rất là có lý. Lại nữa Lưu Vĩnh Phúc đồng hương với viên ấy rất là kính trọng nhau, ví được viên ấy ở đây thì mọi việc đều có thể làm nhanh chóng. Xin tư sang Tổng đốc Quảng Đông giữ lưu viên ấy lại giúp việc quân, tướng cũng có thể [97a] tư trợ một phần. Vua theo. [Sau Thanh triều chuẩn y].

Mùa hạ, **tháng Tư**, Khâm phái Gia Định Nguyễn Lập tâu xin đánh giặc không nên trách cứ văn thần quá. Viện thần tâu nói: Xung phong hãm trận là võ thần, mà trù liệu vạch kế điều độ là việc văn thần, có lẽ nào có thể nói khác đi để kẻ nhát sợ được tạ khẩu. Vua cho là phải.

Chương thủy sư Pháp Vi-ê [một tên là Lý-hoa-lợi] ủy người đến phát mãi gạo hiện trữ ở Chiêu Thương Cục Hải Dương và đánh thu mọi thuế xuất nhập khẩu về thuốc phiện sống, thóc gạo.

Thuyền Pháp đánh đuổi phái viên ngồi thu thuế quan ở Mễ Sở Hưng Yên.

Quan quân thứ ở Sơn Tây đại phá quân Pháp ở Cầu Giấy [phía tây, ngoài cửa ô La thành Hà Nội]. Bấy giờ Hoàng Tá Viêm

điều binh dũng quân thứ Sơn (Tây) và Lưu đoàn về đóng liên quân ở phủ Hoài Đức [thuộc Hà Nội], khiến Lưu đoàn [97b] đem đội ngũ ra khiêu chiến. Quân Pháp không chịu ra. Chợt có báo Chương thủy Pháp kiểm điểm quân súng mưu đi đánh úp. Vĩnh Phúc bèn chia đoàn dũng đi phục trước. Sáng hôm ấy [ngày 13], Chương thủy sư Pháp Vi-ê đem hơn 600 quân đến thẳng Cầu Giấy. Quân phục nổi dậy, cùng nhau đánh giáp lá cà. Tả dục Dương Trứ Ân bị trận vong, Hữu dục Ngô Phượng Điển bị thương. Đoàn dũng hơi lùi. Vĩnh Phúc và Hoàng Thủ Trung chạy thẳng ra xông vọt lên, hết sức đánh trong làn đạn, quân Pháp thua chạy, truy kích chém Vi-ê ở cửa ô [và 1 quan Ba, 1 quan Hai, quân Pháp chết 20 tên, trọng thương 60 tên, bị thương nhẹ rất nhiều]. Tin được báo về. Vua cả mừng, thưởng Vĩnh Phúc thăng thụ Đề đốc, cho mũ áo chánh nhị phẩm, thưởng thêm một tấm kim bài "Trung dũng". Hoàng Thủ Trung (Tuyên úy đồng tri, chánh lục phẩm) thăng thụ Tuyên úy sứ [tòng tứ phẩm] lĩnh Lãnh binh, thưởng một kim bài tía "Thượng công". [Ngô Phượng Điển phong ngự đồng tri, tòng lục] [98a] thăng thụ Tuyên úy phó sứ lĩnh Phó lãnh binh. Trích bạc lạng, sâm quế cấp cho điều dưỡng, đặc cách thưởng thêm 1.000 lạng. Lại thưởng chung cho dũng đoàn ở hàng trận 2.000 quan tiền. Thống đốc Hoàng Tá Viêm [nguyên cách, lưu] điều độ được việc, chuẩn cho khai phục nguyên hàm, gia thưởng hai cấp quân công. Dương Trứ Ân [tòng bát phẩm bách hộ] trận vong, truy thụ Tuyên úy phó sứ, tặng thêm Phó lãnh binh quan. Ngoài ra đều tặng tuất có thứ bậc.

Lãnh sự Pháp đưa thư xin trả xác chết [Pháp Chương thủy sư và quan Ba, quan Hai], không cho, sai quân thứ Sơn (Tây) tạm quản dợi xét.

Khi ấy quân thứ Bắc dò nghe biết quân thứ Sơn đã chuyển xuống đường phố Hà Nội tham chiến, Bùi Ân Niên, Trương Quang Đản lập tức phái binh dùng sang sông hội tiểu. Lại sai binh dùng đóng ở nhà đèm đặt đại bác trên đê sông Nhị, suốt ngày bắn sang [binh thuyền Pháp cũng có thiệt hại]. Đoạn rồi, binh dùng quân thứ Sơn triệt về chỗ đóng cũ [phủ Hoài Đức], [98b] gặp lúc nước hè lên mạnh, bèn đèm những cỗ súng chuyển về đặt ở bờ sông Triêm Đức, và đồng thời điều quân phái sang sông trước trở về chỗ đóng cũ [trú thứ Gia Lâm] nghiêm phòng. Việc tâu lên. Vua nói: Làm sao đã triệt rút quân về, thảo nào mấy ngày nay mong tin được mà không thấy. Tiểu giặc duy còn hai quân thứ các người. Các người đều nên nghĩ kỹ, thế nào cho xứng mới phải.

Bổ chánh sứ Quảng Tây Từ Diên Húc từ Lạng Sơn đến Bắc Kạn. Tham tán Bùi Ân Niên đến yết kiến đèm thương thuyết tình hình Bắc Kỳ. Diên Húc kể rõ sang chuyển này là để cứu ứng nước Nam. Duy mùa xuân năm nay Lý tướng (Lý Hồng Chương) điện trách Pháp sứ Bảo-hải (đóng ở Thiên Tân) rằng [nước Nam là phiên thuộc cũ nước Thanh, đã hòa rồi sao lại phạm đến đất của nhau], Bảo-hải xuất trình tờ hòa ước [trong có câu vốn là nước tự chủ] bảo không can thiệp gì với Trung Quốc, cho nên Trung Quốc giờ giúp ngấm là chính. Tóm lại không để họ tạ khẩu được. Bằng quả phạm đến nhau thật thì không thể không theo đuổi chiến tranh. Nay hãy cấp [99a] gươm súng giúp Lưu đoàn, lại khuyên họ phải gắng sức tiểu giúp. Ân Niên dâng sớ nói Bổ chánh Từ Diên Húc sang chuyển này thực có ý viện trợ nước ta, xin sắc xuống cho bộ thần mang thư đến úy lạo, khuyên họ hết sức mưu tính. Bèn sai viết quốc thư ra úy lạo.

Khâm phái kiêm Lãnh sự ở Gia Định Nguyễn Lập về quán dưỡng bệnh. Lại lấy Hộ Bộ Tả thị lang Nguyễn Thành Ý đi thay.

Tháng Năm, Bô chánh sứ nước Thanh Từ Diên Húc với Thống lĩnh Hoàng Quế Lan, Triệu Ốc đem quân đến thành tỉnh Bắc. Từ Húc phái chủ sự Đường Cảnh Tùng đem quân mạnh [200] đến chỗ Lưu đoàn đóng trừ liệu việc. Lại giao úy Quế Lan, Triệu Ốc đi Từ Sơn xem xét tình thế, chia quân ra đóng đồn [từ tỉnh thành đến Đáp Cầu 5 doanh, Yên Dũng 1 doanh, Lạng Giang 1 doanh]. [99b] Diên Húc sang sau mấy ngày tìm hiểu nghe ngóng tin tức, lại muốn trở về Long Châu. Ân Niên đem lễ vật đến khoản tặng [lợn, gạo, rượu, chè, quả], thương lượng rằng: Quý đại nhân sang lần này, phụng dụ rõ ràng [vua Thanh dụ chuẩn bảo vệ Bắc Kỳ], mong hết sức mưu tính giúp cho. Vua nói: Bô chánh Từ Diên Húc sang chuyến này là phụng đặc sai bảo vệ toàn kỳ, lời dụ đã rõ ràng thống suất các quan lớn các doanh đến gần tỉnh Bắc, không những địch đã nghe rõ, các thứ, các tỉnh của ta cũng cùng trông cậy. Thế mà mới đến chưa thấy một chút công trạng gì đã vội muốn về Long (Châu), sao mà cứ canh cánh lo về đường sá như thế, làm uổng người ta mong mỏi thì sao? Các người nên gia tâm thương thuyết luôn cùng viên ấy xem xét cơ hội mà ra sức làm. Nhưng rồi Diên Húc vẫn về Long Châu, chỉ để Quế Lan, Triệu Ốc đóng lại.

Quân Pháp đã thua. Pháp phái đóng ở Hà Nội lại ủy người về Gia Định vét đem tăng binh thuyền ra Bắc Kỳ. Khâm phái Nguyễn Thành Ý tâu tin về. Vua xuống dụ rằng: [100a] Hoàng Tá Viêm, Lưu Vĩnh Phúc, sau một trận được, không nên để lâu, nhân đây mà tính mau đi, lại để cho giặc có thì giờ rảnh, mưu chiêu viện thì đến ngày nào mới dứt bỏ được, lật đổ được thuyền, bắt chúng bay đi xa tít, mà lấy lại được hai thành, thỏa lòng mọi người mong. Và cái thế cười hổ đã rõ rồi, ta không đánh chúng, chúng cũng tính ta, đi trước là thắng, nên đồng tâm lực nhân khẩn tiến mưu đi, khỏi phí sót thời cơ. Trẫm duy

ngày đêm mong mỏi. Lại sai tư mọi tỉnh thứ đều nhân thể ra sức đi mưu tính nhanh, lại tư khâm sai trú (Thiên) Tần, khâm phái trú (Quảng) Đông báo bẩm lên Lý tướng và quan đốc trừ liệu vạch kế sớm cho khỏi sinh ra việc khó khăn thêm.

Tháng Sáu [ngày 16 tháng này, Dục Tông Anh Hoàng Đế băng hà], thuyền Pháp [1 lớn, 1 nhỏ] chạy thẳng vào Hát Giang, đến giang phận Nhật Chiêu [thuộc Sơn Tây]. Viên huyện Phúc Thọ Tôn Thất Hoàn, Bang biện Nguyễn Hội, Quyền lãnh binh Đặng Văn Ấn ngăn bắt chết một lính Pháp, [100b] thuyền Pháp bèn lui, đều thưởng kỷ lục có bậc, thưởng khắp binh dũng 100 quan tiền.

Khâm phái Gia Định Nguyễn Thành Ý về kinh. [Tháng trước Pháp súp ủy người báo Thành Ý nói phái viên triều đình từ trước đến nay công việc không thấy được gì cả, bằng cứ lưu ở đây sợ có hại cho Lục tỉnh, nên lập tức rời khỏi địa hạt Sài Gòn. Thành Ý bèn sức nha thuộc và binh lính cứ ở lại, đợi xét biện, còn mình với Phó lãnh sự Trần Doãn Khanh đáp hỏa thuyền lui về]. Chuẩn cho đổi thự Binh Bộ Hữu Tham tri.

Tháng Chín [Từ tháng này đến tháng Chạp thuộc vua Kiến Phúc]⁽¹⁾

Toàn quyền Pháp Ha-ra-măng (Harmand) đặt công sứ ở tỉnh Ninh Bình đóng bách ngay tỉnh thành. Sứ ấy triệt phủ thành mới của Yên Khánh, các hạng súng đạn tiền thóc, kho tàng và sổ sách văn thư đều bị thu hồi về trụ sở chúng. Kho tàng ở tỉnh chúng nghiêm canh không cho chi phát, sức dân phải

⁽¹⁾ Sau khi vua Tự Đức mất, triều đình Huế lần lượt đưa Dục Đức lên ngôi (làm vua chỉ được 3 ngày, từ 20 đến 23/7/1883), Hiệp Hòa (làm vua được 4 tháng, từ tháng 8 đến tháng 11 năm 1883), rồi Kiến Phúc (ở ngôi được 8 tháng, từ tháng 12/1883 đến tháng 7/1884). BT.

khai sổ đình điền, đảm trách thu thuế dân; tiền lương ở kho cũng nhận giữ cả, ngày càng tỏ ra ngang ngược. Phủ thần [Bổ chính liên Hộ lý] Tôn Thất Uy thấy không kham nổi cùng đóng với họ, bèn tâu xin được cùng với chánh phó lãnh binh thừa cơ ra ngoài đóng, thu tập hạt dân. Vua chuẩn [101a] phủ thần lượng xét đất mà đóng cùng với nha Sơn phòng tùy thế mà chống giữ.

Tháng Mười, dụ khiến Thống đốc quân thứ Bắc Kỳ [trú Sơn Tây] Hoàng Tá Viêm, Tổng đốc Ninh, Thái kiêm quân thứ Trương Quang Đản, Đề đốc Ngô Tất Ninh, Lê Văn Hổ, Nguyễn Văn Tru, Tán lý Lương Quy Chính, Tán tương Nguyễn Thiện Thuật đều triệt về kinh. [Khi trước, từ sau ngày quân Pháp đánh chiếm Hà thành, các doanh đoàn nước Thanh đều chia đóng ở mọi tỉnh biên giáp nội địa và hai tỉnh Sơn, Bắc làm thanh viện cho toàn hạt ta. Mùa thu này, thuyền Pháp đến đánh cửa Thuận An hiệp phải hòa, đã nhiều lần khiến mọi tỉnh thứ triệt rút binh dừng đi, mà mọi tỉnh thứ thần còn đóng chung bạn với quân Thanh. Đến nay toàn quyền Pháp Ha-ra-măng hai lần đưa thư cho Khâm sứ trú kinh Sâm-pô, nói trước họ định đánh quân Thanh, xin bảo quân ta không được thông với quân Thanh, bằng còn lưu giúp quân Thanh là trái mệnh triều. Lại kể rõ các thứ tỉnh thần Sơn, Bắc yêu cầu đều đem nêu rõ cách chức. Khâm sai Nguyễn Trọng Hợp gần đây cũng từng nói chọn điều họa lấy cái nào nhẹ hơn, xin triệu Hoàng Tá Viêm về kinh, để mặc quân Pháp tự làm, mới mong bớt việc. Cơ Mật Viện thần cũng tâu xin chấp lý, phúc lại bác đi, nhưng chuẩn triệt Tá Viêm về kinh cho họ hết nói. Cho nên xuống dụ triệt bãi về].

Tháng ấy, quân Pháp đến đánh Sơn Tây, quân doanh đoàn nhà Thanh vỡ, bèn chạy vào tỉnh thành. Thống đốc Hoàng Tá Viêm về đóng ở Thục Luyện. Khi ấy quân Pháp mấy lần đến đánh tỉnh thành này, doanh đoàn đều đánh lui. Đến bảy giờ

thêm hơn 7.000 quân, [101b] 15 chiếc hỏa thuyền lớn nhỏ, xe máy trăm cỗ súng, chia hai đường thủy bộ từ Hà Nội tiến đến thành Sơn. Đề đốc Tam Tuyên Lưu Vĩnh Phúc với Thống lĩnh quân Thanh Đường Cảnh Tùng và Đốc đối Lưu Vĩnh Thanh ra ngoài thành nghinh chiến. Quân Pháp thủy bộ nương nhau tiến giao công ở ngoài tỉnh thành, từ giờ Mão đến giờ Dậu, lính doanh vẫn được, bắn chết nhiều, quân Pháp mạo hiểm giữ các chỗ Phù Sa và Phú Nhi, quân doanh nghiêm giữ trong vòng thành. Ngày hôm sau, quân Pháp ra sức đánh cửa Bắc vòng thành [giáp sông]. Doanh đoàn giữ thành, bắn chết càng nhiều, gắng nhau 4, 5 ngày. Quân Pháp chuyển đánh các cửa Tây Bắc thành, thủy bộ, đại bác đều bắn vào. Doanh đoàn và quân thứ nhiều thương vong. Giờ Thân, Vĩnh Phúc đem quân ra thành tiếp chiến hồi lâu, quân Pháp lui mấy dặm. Hốt nhiên lúc giờ Dậu, phía tây bắc doanh đoàn [102a] kinh hãi chặt mở cửa thành mà ra, mọi quân đều vỡ. Cảnh Tùng, Vĩnh Phúc cùng tỉnh thần Nguyễn Đình Nhuận ngăn cản không được. Quân Pháp nhân thế vào thành. Quân Thanh, Lưu đoàn về đóng ở Hưng Hóa. Tá Viêm cùng bọn Tấn tương Lương Tứ Thứ đóng quân ở ngoài cửa Nam vòng thành bị quân Doanh luyện xông ngăn lối, bèn về đóng ở Thục Luyện. Tổng đốc Sơn Tây Nguyễn Đình Nhuận, Bố chính Nguyễn Văn Giáp, Đề đốc Nguyễn Đặc sau đây cũng tìm đến chỗ quân thứ. Tá Viêm liền tư thương với Cảnh Tùng đem bốn doanh chuyển sang đóng ở Bắc để tiện vận lương, lưu ba đoàn của Vĩnh Thanh phụ giữ Hưng Hóa, phái các quân của Lưu đoàn chuyển đi chia địa giới đóng giữ hai phủ Lâm Thao, Vĩnh Tường [thuộc bên tả Hà Nội, Sơn Tây]. Tỉnh thần Sơn Tây đem mọi người đồng sự chia đi đốc thu binh lương để đợi ứng biến. [Bấy giờ Tuần phủ Quảng Tây Từ Diên Húc đã đến Lạng Sơn đốc tiểu. Tá Viêm cũng định chỉnh điểm lại quân sĩ, chuyển sang Bắc Ninh hội thương. Trước hãy đem việc tâu lên,

và đem việc thành không giữ được nhận lỗi. Vua nghiêm khiển, nhưng dụ khiển tới hạt Sơn yên vỗ quân dân] [102b].

Tháng Chạp, Toàn quyền Pháp Đức-ly-cổ [Lý-cổ thay Ha-ra-măng về nước] đến sứ quán làm lễ triều yết. Chuẩn cho Cơ Mật Viện, Thương Bạc thần hội đồng làm thư đưa cho Lý-cổ nghị xử về hòa ước 27 khoản mà Ha-ra-măng đã làm ra trước, có nhiều chỗ không kham nổi, và việc các công sứ đi ra Bắc tranh xử cưỡng ép làm cho sĩ dân không yên [Hà, Đông, Nam không toàn giao, lại gây sự ở 3 tỉnh Ninh Bình, Quảng Yên, Hưng Yên, 3 tuần phủ, hoặc bị bắt, hoặc bị giết hại, giam quan tỉnh, đánh quan phủ, trách nã để độc, tư sức phủ huyện đợi chi, phá hủy súng đạn, vận của cải đi, bắt khai sổ đình điền, để đến nổi quân thần sĩ thứ trung nghĩa, hoặc uống thuốc, hoặc tự trầm xuống sông, hoặc mang ấn ra thành truyền hịch khởi binh đánh Pháp, hoặc giết Pháp phái đến. Bọn còn đồ nhân đây làm nhiều điều tổn hại, đều là vì toàn quyền mà ra], gọi thư cho Lý-cổ nghị xử, sao cho hợp phép công để xây dựng hòa hảo dài lâu. Lý-cổ đệ thư xin vào triều yết và lĩnh tờ hòa ước đã áp ký hồ giao, xem có điều gì nên đổi xin đưa về Giám quốc nghị định. Bèn chuẩn cho áp dấu Quan phòng toàn quyền đại thần, giao cho Lý-cổ một bản. Lý-cổ cũng áp dấu Quan phòng toàn quyền đại thần giao cho ta một bản, đều lưu lại hồ sơ, đưa thư Giám quốc đợi sau thương lượng giải quyết. Lý-cổ liền đi Bắc rồi [103a] về nước.

Khâm sai Bắc Kỳ Lại Bộ Thượng thư Nguyễn Trọng Hợp, Phó khâm sai Công Bộ Thượng thư Trần Văn Chuẩn đều thấy thương thuyết vô công trạng, tâu xin nhận lỗi, chuẩn cho đều về kinh giải chức ở yên nhà đợi.

Khâm sứ trú kinh Sâm-pô (Champeaux) qua thư đến nói Đức-ly-cổ ra Bắc thương đồng với Pháp sứt sứt cho mọi công sứ đều đã yên tĩnh giữ phận, phạm việc quan việc dân mọi tỉnh

đều không dự đến; duy từ khi bọn khâm sai Bắc Kỳ Nguyễn Trọng Hợp, Trần Văn Chuẩn trở về, họ không vui làm việc, để thành mọi người đều hoài nghi, trộm cướp nổi lên tứ tung, xin phái quan có tài cán đến ngay xử trí, cho kịp yên ổn sớm. Phụ chính thần tâu cho là lời nói cũng gần hợp lý. Bèn sai Công Bộ Thượng thư Đoàn Văn Hội sung Khâm sai đại thần, Tham tri Hoàng Hữu Thường làm phó, Lại Bộ Lang trung Lê Cơ sung Tham biện ra Bắc Kỳ khu xử hiểu dụ cho yên [103b].

Năm Kiến Phúc nguyên niên (Giáp Thân, 1884)

Khâm sai Pháp trú kinh Sâm-pô về nước, Ba-dô sang thay; khiến đưa người hộ tiếp đến sứ quán. Ba-dô dâng thư cung chúc [yên, thịnh, hòa hảo lâu dài]. Chuẩn đều thưởng kim ngân tiền và các hạng xà cừ, phu cách.

Tháng Hai, Pháp sứy Mi-lô (Millot) đến đánh bại quân Thanh hiện đóng ở tỉnh Bắc, bèn vào tỉnh thành. [Công việc phòng yên mọi tỉnh thượng du trước kia, Pháp sứy giao cho khâm sai ta phái người đi làm; rồi rút binh thuyền ở hai tỉnh Hà, Đông chia làm hai đạo: đường thủy do các sông Nghĩa Trụ, Lục Đầu, Thiên Đức, Nguyệt Đức; đường bộ do các huyện Siêu Loại, Quế Dương, Gia Lâm, Thuận Thành; hơn 40 chiến thuyền lớn nhỏ, hơn 200 cỗ ngựa. Sáu, bảy nghìn quân, đem đủ súng đạn, trong tháng này tập trung vào đánh hạt tỉnh Bắc. Quân Thanh có 10 doanh chia khắp thành tỉnh Bắc, bốn mặt nghiêm giữ. Thống lĩnh Triệu Ốc ở ngoài thành. Hoàng Quế Lan đóng ở trong thành. Trên kỳ đài dinh Đốc bộ kéo cờ hiệu Đại Thanh. Mọi cửa thành nghiêm khóa đều nắm vững trong tay. Đốc tuần tỉnh ấy Trương Quang Đản tuân dụ đứng trung lập, hiện đem quân tùy thứ của mình trước ra đóng ở huyện Tiên Du. Ngày mồng 10, quân Pháp tới phóng bắn vào đồn doanh quân Thanh, cướp được 7 đồn

của Trần Đắc Quý, Đông Mẫn Tuyên, đồn Phù Lương, Thuận Lương. Ngày 13, Đề đốc Tam Tuyên Lưu Vĩnh Phúc đem quân doanh từ Hưng Hóa đến Bắc, đồn trú chưa xong. Đến sáng ngày 15, quân Pháp giao chiến với quân Thanh ở địa hạt Quế Dương, chưa phân thắng phụ, đúng trưa quân Pháp phóng khí cầu sang phía quân Thanh, rồi lập tức thu quân về thuyền; đến chiều, quan Pháp vụt tung quân lại ra đánh ào, quân Thanh bị thương vong nhiều, chống địch không nổi, tức thì kể cả quân hiện đóng trong tỉnh thành Bắc đều tan vỡ tẩu tán lui về Thái Nguyên, Lạng Sơn, Lưu đoàn cũng lui về Hưng Hóa. Quân Pháp bèn chỉnh đội ngũ sẵn vào thành. Bố chánh Nguyễn Tu, Án sát Nguyễn [104a] Ngọc Chấn và các thuộc viên đều kéo ra ở ngoài xã dân quanh thành. Đốc thần Trương Quang Đản từ Tiên Du nghe báo liền đem quân nguyên tùy thứ về tỉnh, đến nơi đã thấy quân Pháp vào chiếm giữ thành, nhân đóng lại huyện Yên Phong, làm sơ đầy đủ tàu lên. Thế rồi ở trong hạt, nơi nơi đều xuân động. Phủ huyện không thể kiểm chế được. Đốc thần ấy bèn chuyển quân tùy thứ cũ đến hai phủ Lạng Giang, Đa Phúc đi tuần dẹp. Lúc ấy Khâm sai đại thần Đoàn Văn Hội ở Hà Nội cũng ủy người đi thám báo về tàu. Chuẩn nguyên Bố chính Nguyễn Tu, quyền biện Tổng đốc, Án sát Hà Nội Nguyễn Xuân Duẩn, quyền biện Bố chính, Giám lâm Trần Hữu Văn, quyền biện Án sát, cho kịp thời vỗ yên. Nguyên đốc Trương Quang Đản và nguyên mọi thứ thần ở tỉnh đều cho về kinh đợi chỉ].

Quân Pháp đã vào tỉnh thành Bắc Ninh, bèn chia hai đạo: một đạo đến phá hủy mọi thành trại ở đồn Nhã Nam; một đạo rất nhiều binh mã hơn đến Thái Nguyên. Bấy giờ bọn Lưu đoàn và thống lĩnh nhà Thanh Triệu Ốc đã về Hưng Hóa, Lạng Sơn, duy Doanh đời Trần Đức Triều 5 doanh còn ở lại tỉnh thành, giao chiến chốc lát, cũng lui về Hưng Hóa. Thủ úy của thành

Nguyễn Quang Khoan bị đạn chết, tinh thần bèn dời ra trú ở dân gian. Tháng ấy, quân Pháp vào thành, đốt hết ba cửa thành và các văn thư, kho tàng, đem hết mọi thứ vàng bạc tiền, đồ gang, thiếc, đồng tải về tỉnh Bắc. [104b] Do thế cả một khoảng Thái Nguyên bị Đoàn doanh, quân lưu tán dầy xéo. Đến giữa tháng 5 năm ấy, quân Pháp mới chia quân đến đóng. Được tin báo chuẩn cho tại quân nguyên Án sát Hà Tĩnh Dương Danh Lập quyền biện Tuần phủ tỉnh ấy, lĩnh Bồ chính Vũ Giốc, Án sát Triệu Đức Vọng đều vẫn giữ chức cũ. Nguyên Tuần phủ tránh về Thanh Hóa Trần Quang Huân về kinh đợi chỉ.

Tháng Ba, quân Pháp đánh chiếm tỉnh thành Hưng Hóa.

Tháng ấy binh thuyền Pháp tập trung đông ở thành Sơn [hơn 7.000 quân, rất nhiều hỏa thuyền lớn nhỏ, và nhiều súng lớn] tiến đánh Hưng Hóa. Tổng đốc Văn Quý nhà Thanh là Sầm Dục Anh cho chiến trường Hưng Hóa không thể ở được, yết sức lui thống lĩnh Đinh Hòe, Mã Trụ về giữ nội địa. Tổng thống Hoàng Tá Viêm từ đồn Dao Phương, lại về Thục Luyện. Thự Tuần phủ Nguyễn Quang Bích thấy đại binh dò di sợ ngại, thương lượng xin Lưu đoàn đem bản bộ đến hộ vệ. Quân Pháp đã đến tỉnh thành. Tinh thần dời đóng ngoài thành. Lưu đoàn cùng đánh với Pháp không địch nổi, [105a] bèn theo đường phủ Lâm lên mạn ngược. Quan quân cũng đều tan chạy. Quân Pháp bèn vào thành chia ra đóng, phá hủy mọi đồn ở Thục Luyện. Việc tâu lên, chuẩn Hồng lô tự khanh nguyên lĩnh Ninh Bình Bồ chính quyền Tuần phủ Nguyễn Văn Thi thay làm quyền Tuần phủ tỉnh này, nguyên lĩnh Bồ chính tỉnh này Bùi Quang Thích vẫn giữ chức cũ; nguyên Án sát Sơn Tây Lê Ngọc Uẩn đổi sung làm Án sát tỉnh ấy. Tinh thần, thứ thần Sơn Tây Hoàng Tá Viêm, Lương Tư Thứ, Ngô Tất Ninh, Nguyễn Đình Nhuận cùng với bọn Nguyễn Quang Bích đều về kinh đợi chỉ.

Tháng Năm, quan quân Pháp đến đóng Tuyên Quang. [Tháng Ba trước nguyên Lãnh binh Lưu đoàn Hoàng Thủ Trung đem 2.000 quân dưng từ Hưng Hóa lui về vào tỉnh thành ấy bắt Tuần phủ Hoàng Tường Hiệp đem an trí ở phủ An Bình, cướp hết kho chứa, sổ sách công đem đi. Án sát Nghiêm Niệm giả bệnh, Bố chánh Lê Văn Duyên trốn về Hà Nội. Đến khi ấy quân Pháp thương lượng phái binh thuyền đưa Văn Duyên vào đóng tỉnh thành ấy, lại đòi Nghiêm Niệm ra cung chúc cũ].

Tháng ấy, Toàn quyền đại thần Pháp Ba-đức-nô (Patenôtre), Giám đốc Lê-na (Rheinart) đến định tờ ước mới. Sai Hộ Bộ Thượng thư Phạm Thận Duật sung [105b] Khâm sai toàn quyền đại thần⁽¹⁾, Công Bộ Thượng thư Tôn Thất Phiên làm Phó toàn quyền đại thần, Tham tri Chu Đình Kế, Thị lang Lương Thành đều sung hộ tiếp để lâm thời thù ứng. Đến bấy giờ Ba-đức-nô đem lính tùy phái đến sứ quán, đưa sắc thư kính thăm của nước ấy tâu đặt lên. Chuẩn Thận Duật, Phiên đem sắc thư đối so, truyền chỉ ủy đáp, thương định hòa ước gồm 19 khoản.

[Khoản 1: Nước Đại Nam tự nhận nước Đại Pháp bảo hộ. Do thế nước Đại Nam có cùng ngoại quốc nào giao thông, thì nước Đại Pháp che chở giúp đỡ công việc. Cùng người dân nước Đại Nam có cư trú ở nước ngoài, nước Đại Pháp tất phải bảo trợ.

Khoản 2: Quân Pháp trú đóng lâu dài ở cửa tân Thuận An, từ cửa tân ấy suốt lên đến kinh thành, mọi đồn lũy, mọi công sự phòng bị ở ven sông, nước Đại Nam phải một lượt triệt bỏ đi hết.

Khoản 3: Địa giới nước Đại Nam từ giáp Biên Hòa Nam Kỳ trở ra đến giáp tỉnh Ninh Bình Bắc Kỳ, quan viên mọi tỉnh đều làm chức việc trị dân như cũ. Trừ các việc thương chính và tạo tác cần có quan Pháp

⁽¹⁾ DSTM chép thiếu Nguyễn Văn Tường, Thượng thư Bộ Lại, kiêm Phụ chính đại thần. BT.

quản trị ra, những việc thường khác mà có nên dùng quan bác vật hay người Pháp, thì dùng làm quản đốc.

Khoản 4: Từ giáp Biên Hòa đến giáp Ninh Bình, trung gian mọi tỉnh, trừ bến Thi Nại đã mở buôn bán rồi, nay hai bến Đà Nẵng thuộc Quảng Nam, Xuân Đài thuộc Phú Yên, phải nên tăng mở buôn bán. Ngoài ra mọi bến từ nay về sau xét ra có lợi ích thì cùng hội nghị bàn khai thương thêm, nước Đại Pháp cũng đặt quan ở những chỗ khai thương thêm. Các quan ở nơi ấy đều nghe theo mệnh lệnh của Trú kinh khâm sứ đại thần.

Khoản 5: Trú kinh khâm sứ đại thần của nước Đại Pháp chuyên giữ [106a] việc bảo hộ nước Đại Nam, giao thiệp với ngoại quốc, không can dự vào việc chính trị các tỉnh trong giới hạn ở khoản 3. Khâm sứ đại thần ấy lại được vào diện tấu Hoàng đế nước Đại Nam. Khâm sứ ấy ở trong kinh thành có quân Pháp tùy tùng.

Khoản 6: Các tỉnh Đại Nam từ giáp Ninh Bình trở vào Nam, tỉnh nào có việc cần kíp, nước Đại Pháp nên đặt các quan công sứ hoặc phó công sứ, đều theo lệnh của Trú kinh khâm sứ đại thần. Tỉnh nào có công sứ hay phó công sứ thì cư trú ở trong tỉnh thành ấy, gần ngay chỗ quan tỉnh cư trú. Công sứ, phó công sứ ấy có quân Pháp hoặc quân Nam theo hầu.

Khoản 7: Công sứ nước Đại Pháp đặt ở tỉnh nào Bắc Kỳ cũng không có dự làm mọi việc dân chính ở tỉnh ấy; các quan tỉnh ấy vô luận là phẩm hạng nào, cứ cai trị hạt dân như cũ, duy quan Pháp kiểm xét viên quan Nam nào nên đổi cách, có xin đổi cách thì lập tức thi hành đổi cách.

Khoản 8: Bất luận hạng viên chức nào nước Đại Pháp như có việc gì nên tư báo với nước Đại Nam thì do công sứ Đại Pháp tư báo mà thôi.

Khoản 9: Nước Đại Pháp sẽ lập một đường điện báo theo duyên lộ từ Sài Gòn đến Hà Nội, chuyển do quan Pháp đảm nhiệm. Số tiền

được lợi về khoản này, nước Đại Pháp sẽ trích một phần cho nước Đại Nam tiêu dùng, vì nước Nam có phần nhường đất đủ để xây dựng nhà cửa phòng làm việc cư trú cho nhân viên điện báo.

Khoản 10: Mọi người ngoại quốc ngụ ở nước Đại Nam từ giáp Biên Hòa đến giáp Ninh Bình và cả địa hạt Bắc Kỳ đều chịu nước Đại Pháp xử đoán, như người Nam với người ngoại quốc, hay người ngoại quốc với ngoại quốc, có việc gì kiện nhau đều do quan Đại Pháp phân xử.

Khoản 11: Nước Đại Nam từ giáp Biên Hòa đến giáp Ninh Bình, quan bố chính chiếu lệ thu thuế nộp về triều đình Đại Nam vẫn y như cũ, không có quan Đại Pháp kiêm cổ đến. Còn như ở địa hạt Bắc Kỳ thì các quan công sứ hợp cùng quan bố chính tổng mọi sổ thuế, mỗi tỉnh thu riêng cho tiện kiểm soát sổ thu và sổ chi dụng. Thu xong, Đại Pháp và Đại Nam hội đồng chuẩn định chi phí các sổ công nhu, các sổ tiền kẽm bao nhiêu, chỉ còn bao nhiêu nộp về kho kinh triều đình nước Đại Nam.

Khoản 12: Các sở thương chính trong nước Đại Nam tái lập lại đều giao quan Đại Pháp chuyên biện. Những sở thương chính nên mở thì chỉ ở duyên hải cùng đất biên giới mà thôi. Các sở thương chính [106b] từ đây về trước, các võ quan Đại Pháp đã làm thế nào, ngày nay nước Đại Nam cũng nên thôi hỏi đến. Còn như điều lệ các sở thương chính và thể lệ mọi thuế ngoại ngạch và lệ cấm mọi thuyền không được vào bến khi có bệnh dịch khí, thì trong nước Đại Nam kể cả các sở Bắc Kỳ đều y theo điều lệ 6 tỉnh Nam Kỳ.

Khoản 13: Trong địa hạt Bắc Kỳ và các nơi khai thương nước Đại Nam, người Pháp và người nước Pháp bảo hộ đều được đi lại buôn bán, mua đất mở hiệu tự nhiên dễ dàng. Lại về khoản mọi giám mục, linh mục giảng dạy giáo dân đã từng định ước ngày 15/3/1874 (tức tháng Giêng ngày 27 năm Tự Đức thứ 27) [khoản thứ 9], nay Hoàng đế nước Đại Nam cũng phê chuẩn y điều ấy.

Khoản 14: Nếu có người ngoại quốc muốn vào trong nước Đại Nam làm việc gì, phải xin tờ thông hành ở Trú kinh khâm sứ đại thần, hay ở quan tổng thống Gia Định rồi đem tường với nước Đại Nam phê áp hai chữ “đã trình”, mới có thể đi được.

Khoản 15: Nước Đại Pháp tự hứa từ nay về sau nguyên bảo trợ Hoàng đế nước Đại Nam toàn hảo và quan tâm đến việc trừ thù trong giặc ngoài, do đấy nước Đại Pháp chiếu xem ở trong nước Đại Nam, hoặc ở Bắc Kỳ, chỗ nào cần kíp, nên đóng quân, thì đem quân đến đóng để bảo trợ.

Khoản 16: Trừ những điều đã định trong ước này, ngoài ra Hoàng đế nước Đại Nam cai trị trong nước như cũ.

Khoản 17: Nước Đại Nam còn thiếu nước Đại Pháp số tiền (tức khoản nợ nước Y-pha-nho) sẽ nghị định riêng thảo luận trả sau. Nước Đại Nam không được vay nợ nước ngoài.

Khoản 18: Sau này quan hai nước hội đồng phân định giới hạn các nơi khai thương, định chỗ đất nhượng ở trong chỗ khai thương và nghị định việc đặt đèn biển vọng đăng (hải đăng) ở duyên hải nước Đại Nam từ giáp Biên Hòa đến giáp Ninh Bình, cùng địa hạt Bắc Kỳ, cùng định lệ thuế khai mỏ, lệ thuế dùng tiền bạc: hội đồng định chia rõ các sở thương chính và lệ thuế tạp, thuế điện báo và chia các thứ thuế chưa liệt vào khoản 11, trích giao cho nước Đại Nam nhận dùng. Tờ ước này đệ về đặt lên triều đình Đại Pháp và tiến dâng Hoàng đế Đại Nam phê chuẩn để hồ giao.

Khoản 19: Tờ ước này thay thế cho các tờ ước đã ký ngày 15 tháng 3, ngày 30 tháng 8, ngày 23 tháng 11 năm 1874 Tây lịch. Khi nào hai bên như muốn đổi lại nghĩa lý gì trong tờ ước này [107a] thì cứ ở bản chữ Pháp làm chính. Hai bên toàn quyền đại thần đã ký áp ấn vào tờ ước này làm bằng].

Tờ ước này lập tại kinh đô nước Đại Nam vào ngày 13 tháng Năm năm Kiến Phúc nguyên niên, tức ngày 06 tháng 6 năm 1884 Tây lịch, có Phụ chính đại thần Nguyễn Văn Tường, Toàn quyền đại thần Phạm Thân Duật, Phó toàn quyền đại thần Tôn Thất Phiên đều ký tên vào.

Ngày hôm ấy lập tức hội đồng đem ấn phong cũ của nước Thanh nấu tan ra.

[Khi ấy Toàn quyền Pháp cùng Khâm sai Lê-na thương lượng rằng nước Đại Nam không cần giữ cái ấn phong cũ của nước Đại Thanh, chỉ có quốc thư giữ của nước Thanh mới dùng đến, ngoài ra không dùng gì cả. Nay nước Nam đã nhận nước Pháp bảo trợ, không phải là phiên phục của nước Thanh nữa, thì cái ấn Thanh đến ngày hồ giao phải giao cho nước Pháp. Hai ba lần biện thuyết, đều đòi tất phải như thế. Văn Tường lại thương lượng không thể thì chỉ nên nấu tan thôi, họ cũng thuận nghe, nhưng phải lập tức làm ngay cùng với ngày hồ giao, không thể thời họ tắt giao quan võ chiêu biện, mà các lý châm chước trong ước cũng đình lại cả. Bèn chuẩn sai Thân Duật hội đồng với họ, áp dụng nghị thức nhận lưu, rồi lập tức đem ấn ấy đến sứ quán nấu tan, đúc thành một khối bạc].

Việc xong, Toàn quyền ấy lại lấy Giám đốc Lê-na làm Trú kinh khâm sứ [thay Ba-dô]. Đến khi sứ ấy về, lại chuẩn đem thư và những tặng phẩm đệ sang sứ quán đáp tặng quốc trưởng nước ấy, và vị sứ ấy, quan ấy đều được tặng phẩm theo thứ bậc.

Quân Pháp giao trả các Thông bảo của Hà Nội (trước quân ấy chiếm giữ).

Quân doanh Thanh đánh bại quân Pháp ở cầu Quan Âm Lạng Sơn, thu phục đồn Bắc Lệ. Trước kia quân doanh Thanh từ Bắc về Lạng, nước Thanh dụ nghị [107b] xử rõ ràng [dụ nói

Từ Diên Húc giữ chế ở Lạng Sơn không biết tiến lên đốc biện đến nỗi Bắc thành không giữ được, lập tức về kinh, giao bộ bàn xử, Hoàng Quế Lan, Triệu Ốc đều cách chức đợi xét. Trần Đắc Quý thất thủ đồn sông Phú Lương, Quan Mẫn Tuyên sợ nhất không tiến, lập tức đem chính pháp trước quân làm gương. Ngoài ra các doanh đều phân biệt xét rõ nghị xử riêng]. Đối sai Tuần phủ Phan Đình Tân thay lĩnh Tuần phủ Quảng Tây đốc biện quân vụ, vào giữa tháng Tư xuất quân cùng với Tổng đốc Văn, Quý Sầm Dục Anh hiệp đồng trừ liệu, khiến Thống lĩnh Tô Nguyên Chương thụ Đề đốc Quảng Tây thống lĩnh cả 17 doanh của Vương Đức Bằng [Bổ chính]. Phương Hữu Thắng, Hoàng Xuân Nguyên chia ra đóng Nam Quan và mọi nơi Lạng Quang, Quan Âm, phòng ngăn tiểu diệt. Nguyên Tuần phủ Lạng Sơn là Xuân Oai tâu xin cho nguyên Tán tương Đông thứ Nguyễn Thiện Thuật ra thương biện việc ứng tiếp. Thế rồi, Đề đốc Tạ Hiện, Ngự sử Phạm Huy Quang, nghĩa dân Hải Dương tất cả 18 người đem quân dừng đến tỉnh Lạng, tuần phủ ấy lại tâu xin hoặc cho sung ứng tiếp, hoặc sai đi dẹp, đều lệ thuộc vào doanh Thanh. Sau nước Thanh lại dụ quân Pháp lại [108a] nghị hòa trước, bàn định tờ ước, chuẩn cho đều tạm thời yên tĩnh, chớ khai quân trước. Đến sơ tuần tháng này, bảy, tám trăm quân Pháp sang sông Quan Hóa [cách cầu Quan Âm 8, 9 dặm] nổ súng. Doanh dừng bèn đều hết sức đánh, đại thắng địch bắt được 1 quan Tư, 2 quan Hai, hơn 2.000 quân⁽¹⁾, hơn 100 quân ma-tà và lấy được áo mũ lừa ngựa rất nhiều. Còn chết đuối dưới sông Hóa vô kể. Quân Pháp lui giữ Bắc Lệ. Tán tương quân vụ, do quan Thanh cấp, Hoàng Đình Kinh cùng với quan viên lệ thuộc đốc nghĩa dũng đánh lấy lại Bắc Lệ, bắt được 1 quan Hai,

⁽¹⁾ Có lẽ DSTM chép nhầm. Sách *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1918)* của Dương Kinh Quốc (Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2001, tr. 140) cho biết trận này quân Thanh chỉ bắt được 20 lính Pháp. BT.

1 quan Một, chém đầu 6, 7 lính, lại phái nghĩa dũng đánh lên núi Thiên Cầu chém hơn 50 tên, giải nộp cả doanh Thanh. Quân Pháp bèn lui giữ dưới đường Bắc Cản gần 10 dặm.

Công sứ Pháp ở Hải Dương thương lượng lấy 600 tên lính tỉnh giao cho tỉnh ấy chi lương [108b] huấn luyện. Lính đốc Hà Văn Quan tâu về. Viện thần tâu nói quân ta mà chịu quan Pháp chi lương, về sau sai phái có còn chịu cho ta dùng nữa không, nên thương thuyết như họ có ý tốt thì phái quan đến phối hợp luyện tập, lương tháng do ta chiếu cấp cho ổn thỏa. Chuẩn cho như lời tâu mà thương lượng.

Tháng Sáu (Giáp Thân, 1884) [tháng này về sau thuộc niên hiệu Hàm Nghi]

Trú kinh khâm sứ Lê-na với các quan viên đồng trú tiến dâng sớ mừng tấn quang và một cỗ ngựa kiệu ở điện Thái Hòa, bỏ mũ làm lễ lần đầu. Lễ xong, truyền chỉ ban cấp có thứ bậc. Sứ ấy lại yêu cầu cho quan quân họ vào đóng ở đài Trấn Bình, cũng cho.

Tháng ấy, trú Bắc Thượng thư Pháp Sinh-bích xin triệt bỏ tỉnh binh chỉ để lính lệ tuần thành, phu trạm và mọi việc mộ binh để kén chọn, thuê dân làm việc. Tỉnh thần Hà, Hải, Nam, Bắc đem việc tâu, chuẩn cho tỉnh thần thương lượng lại châm chước ứng theo [109a].

Khâm sứ Pháp trú kinh kiêm Bắc Kỳ Toàn quyền đại thần Lư-mi-ô (Lemaire) đến thay cựu sứ Lê-na về nước, nhân làm lễ triều yết, ban cấp cho kim ngân tiền có bạc.

Tháng Chạp, Pháp sứ Mi-lô đánh bại quan quân Thanh ở đồn Đống Hoàn, vào đóng trong tỉnh thành (Lạng Sơn). Trước kia Pháp sứ đại chinh quân súng kể có hàng nghìn từ Hà Nội tiến lên cùng mọi đạo đồn trú Bắc Ninh hợp nhau lại

cùng tiến công, cướp liền được ba đồn, thẳng vào cướp đồn đại doanh Đồng Hoàn. Mọi quân doanh Thanh tan về thượng du. Tinh thần ấy dời ra đóng ngoài thành. Quan Pháp bèn vào thành chia ủy cho phó sứ giữ, rồi về. Việc tau lên, sai bọn nguyên tinh thần Lã Xuân Oai đều về giữ chức cũ [109b].

Năm Hàm Nghi nguyên niên (Ất Dậu, 1885), tháng Hai

Triệt bỏ cổ đại bác ở trên Kinh thành (Huế) chỉ về sứ quán. Tháng trước Khâm sứ Pháp Lư-mi-ô thương lượng rằng hai nước đã hòa rồi thì mọi súng đặt chỉ vào trụ sở của sứ ấy nên hội đồng mà xét triệt bỏ đi. Vua đã chuẩn cho Thần cơ thống chế Tôn Thất Phê, Kinh thành Đề đốc Nguyễn Hữu Ngoạn cùng với bọn quan đề đốc lãnh binh Pháp hội xét. Đến khi ấy Pháp phái dẫn lính leo lên Bắc đài của Kinh thành đóng đinh khóa mọi miệng súng [gồm 45 cổ], lại đòi triệt bỏ mọi chỗ từ bên tả nửa (pháo) đài Nam Xương đến bên hữu (pháo) đài Bắc Trung và ở toàn đài Trấn Bình. Đình thần, Cơ Mật Viện hai ba lần thương lượng xin không được, bèn cũng phải nghe theo bỏ đi cả.

Quân doanh Thanh đánh thua quân Pháp ở thành Lạng Sơn. Tháng Chạp trước, Pháp sủy thống binh Mi-lô đánh bại doanh Thanh, vào đóng trong thành ấy, lưu phó thống binh ở lại giữ, rồi về Hà Nội. Vua đã chuẩn Cơ Mật Viện phái quan đem các thứ kim [110a] khánh, ngà voi, độc kiếm, kim ngân tiền đến tặng. Đến khi ấy doanh Thanh đánh bại quân Pháp, lại vào đóng tỉnh thành, phó thống binh bị thương, lui về Hà Nội, viên thống binh ấy đóng ở Hà Nội cũng trở về nước họ. Các thứ tặng phẩm đến nơi, Thượng thư Pháp phái Sinh-bích cho là lần trước nguyên phái quan lớn, lần này lại phái thuộc viên, xin từ không nhận; bèn sai Phạm Thận Duật, Hoàng Hữu Thường đến sứ quán trước, nhờ Toàn quyền khâm sứ Lư-mi-ô giải bày thăm hỏi ủy mọt.

Quan quân Pháp hủy góc đông nam thành Hải Dương [năm, sáu trượng], xây thêm thành gạch [vuông bảy mẫu] làm trại lính, lại đưa thêm 2 tàu lớn chở theo 5.000 lính Á-rập, 300 ngựa đến, chia đi phòng biển tỉnh ấy. Lại thương lượng với tỉnh ấy bắt giúp 6.000 phu tráng và cho một viên quan tỉnh hội đồng coi đốc, hàng ngày cấp tiền gạo, chỉnh lý việc phòng biển, lấp hào ao, sửa đường sá. Tỉnh thần tâu lên, sai châm chúc ứng theo [110b].

Thống nhiep Pháp La-lô-di-ê (Lalausier) đem quân đến Nha Thương Chính Bình Định, lấy hết bạc thuế [12.633 đồng. Lại bảo từ sau thuế thương cảng người Thanh, thuế nha phiên đều do người Pháp chuyên thu nhất luật như Đà Nẵng]. Liền lại đem quân đi tất đến đài phòng biển, đóng đinh khóa mọi miệng súng [gồm 67 cỗ]. Còn bao nhiêu súng nhỏ, dao sắt, đạn dược và số bạc thuế hiện còn lại ở kho cộng 13.500 đồng 20 xu lấy hết mang đi. Việc tâu về. Vì vậy đình thần quan lại, Nha Thương Chính Bình Định và đề đốc phòng biển, tư cho trú kinh công sứ biết liệu biện.

Tháng Ba. Pháp súy đặt 2 vệ lính tập ở Hà Nội. Bấy giờ Pháp súy thương lượng rút lính ở tỉnh ấy lấy 6.000 quân, giao súng nhẹ cho diễn tập, chuẩn bị lâm thời phái đi tiểu, cấp cho lương bổng từ quân suất đến binh lính, có cả áo khổ. Sau các tỉnh Bắc Kỳ cũng lần lượt lượng số đặt như vậy.

Pháp phái bắt thự đốc Hải Dương Hà Văn Quan, vây nhà đề đốc [111a] và trụ sở lãnh binh, lấy sạch kiểm ấn quan phòng, giấy tờ và mọi thứ bạc kho, đồ ký quý vật của tỉnh, rồi đem Hà Văn Quan xuống tàu giải về Gia Định. Việc tâu về, khiến Cơ Mật Viện tư Khâm sứ Lư-mi-ô biết mà liệu biện. Sứ ấy phúc cho biết là súy họ Cô-ra-suy (De Courcy) ngờ đốc thần ấy thông đồng với quan dũng Thanh, và các thứ đã lấy sẽ giao trả.

Mùa hạ **tháng Tư**, Khâm sứ Pháp Sâm-pô đến thay Lư-mi-ô về nước và đưa thư lại nói hai nước Pháp - Thanh giảng hòa ở Yên Kinh. Tháng ấy tờ ước áp ký hồ giao đã xong, xin tư cho mọi tỉnh Bắc Kỳ biết. Lại đưa thư riêng nói quan khâm sai nhà Thanh đã đến Hà Nội trước, quan Pháp phái quân hộ tống lên mọi nơi thuộc tỉnh Tuyên Quang thông báo rút quân. Giữa đường đến khoảng hạt Hưng Tuyên bị đạo quân của nguyên Bồ chánh Sơn Tây Nguyễn Văn Giáp đón đánh, trong số đó có người tử thương, xin chiếu luật mưu phản đại nghịch mà nghị xử và thông sục cho mọi người biết. [111b] Chuẩn sai tư cho biết và xét việc Nguyễn Văn Giáp xem có quả thể thì làm án trị tội, để tránh khỏi sự gây ra lời nói phao [Nguyễn Văn Giáp sau trốn tránh không biết ở đâu].

Tháng Năm, Pháp sứ Đô thống Cô-ra-suy kiêm quản mọi đạo quân nước Pháp hiện đóng ở Nam Bắc sung cả toàn quyền đại thần, lúc mới đến Bắc Kỳ lập tức viết thư do Khâm sứ trú kinh báo cho triều đình biết. Đến khi ấy đem rất nhiều binh tướng từ Bắc Kỳ đến cửa Thuận An. Sai quan hộ tiếp đô thống đến sứ quán.

Bấy giờ Viện Thương Bạc tâu nói hiện nay nước ta với nước Pháp có nhiều công việc giao thiệp cần thương giảng, xét ra nên viết quốc thư cho sứ đi trước sang đô thành nước ấy úy thăm vị giám quốc, nhân tiện đem những sự việc trước sau họ làm không hợp và những khoản khó kham trong ước ra thương giảng lại xin châm chước. Nhưng chưa biết nước họ có thuận nghe không, [112a] xin hãy viết quốc thư do khâm sứ gửi về giám quốc ý nghĩ thế nào trả lời sang sẽ liệu biện sau. Lúc ấy mới sai viết thư đề đạt về giám quốc nước Pháp [sau nhân xảy ra việc, nước Pháp thôi không thấy phúc đáp].

Ngày Đinh Mão tháng ấy. Kinh thành có sự⁽¹⁾.

Tôn Thất Thuyết đem vua phụng ba Cung⁽²⁾ ra phía bắc. Trước kia Pháp sứ Cô-ra-suy đến sứ quán xin đặt quốc thư làm lễ triều yết, nhưng trước tiên yêu cầu Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết cùng đến sứ quán hội thương. Thuyết thác bệnh ốm không đến. Văn Tường một mình cùng đi với Phạm Thân Duật. Sứ ấy không nghe, cố mời Thuyết. Thuyết sợ đến có thể có biến, cuối cùng vẫn không chịu đi. Ngày thường lấy quân Phần Nghĩa đến tự vệ, lại nghiêm sức cho mọi doanh quân kiểm chỉnh súng ống khí giới. Văn Tường và đình thần cho là như thế cũng làm thanh thể phòng bị thôi. Đến đêm 22 tháng ấy, Thuyết mật chia quân mọi doanh vệ làm hai đạo, một đạo giao cho em là Trị phòng Tham biện Thôn Thất Lệ cai quản [nguyên ở sơn phòng, Thuyết gọi về], nửa đêm qua sông Hương hợp cùng bọn đề đốc, hiệp lý thủy quân đánh úp tòa sứ. Thuyết tự mình với bọn Chương vệ Phần Nghĩa Trần Xuân Soạn làm một đạo đánh úp doanh trại quân Pháp ở phía nam đài Trấn Bình. Nguyễn Văn Tường không được biết. Thuyết chia cắt xong, bèn đứng đầu canh tư [tức sang ngày 23] nổ súng bắn đài Trấn Bình trước, tiếng súng chấn động. Quân Pháp cố thủ trong vách ẩn nấp đợi sáng, chỉ thỉnh thoảng bắn một, hai tiếng đại bác. Thuyết nhận được tin ủy báo quân Pháp ở đài Trấn Bình đã bị súng ta bắn chết hết rồi, đại bác kia ngờ là ở thuyền Pháp ngoài đài Trấn Bình bắn lên đó. Thuyết lại khiến chuyển đại bác của ta lên trên thành bắn trở vào tòa sứ [cũng có một hai chỗ vỡ]. Quân đạo Tôn Thất Lệ cũng bắn vào đốt cháy một dãy nhà ở gần tòa sứ.

⁽¹⁾ Chỉ sự kiện Thất thủ kinh đô Huế, 23 tháng Năm Ất Dậu (05/7/1885). BT.

⁽²⁾ Cũng gọi là Tam cung, gồm Từ Dũ Hoàng thái hậu - mẹ vua Tự Đức, Lệ Thiên Anh Hoàng hậu Vũ Thị Duyên và bà Học phi Nguyễn Thị Hương - vợ vua Tự Đức. BT.

Sáng ra, quân Pháp thủy lục đều tập hợp đem xe lẫn đại bác lên trên đài và ở trên sàn tàu cùng bắn liên hồi, tiếng nổ ầm ầm như sấm, đạn bắn ra bay rơi xuống làm bị thương chết rất nhiều, lại rơi vào cả mọi dinh điện trong Hoàng thành, cũng có cái thùng đổ. Quân Pháp [113a] lại chia toán lấy súng tay sấn vào bắn bừa, hai đạo trong ngoài của ta tan vỡ. Trong thành náo loạn. Nguyễn Văn Tường xin vua và ba Cung giá hạnh ra Khiêm Cung tạm trú [khi ấy Nguyễn Văn Tường đã vào Tả Vu tức khắc xin mở cửa Hòa Bình đến chỗ Thuyết điều khiển xem xét, biết là tất thua. Lại vào Tả Vu tâu xin xuất hạnh. Trong lúc thắng thốt, chỉ chọn được hai quả ấn "Ngự tiền chi bảo" và ấn kiềm "Văn lý mật sát" và các thứ vàng bạc cất giấu mang đi theo]. Lấy Hữu quân Đô thống Hồ Văn Hiến phò xe đi. Giờ Thìn ngày hôm ấy, mới theo cửa Tây Nam ra. Văn Tường vâng ý chỉ ba Cung lưu lại xin hòa, lập tức đi tắt vào nhà thờ Kim Long. Thuyết ra sau, gặp xa giá, bèn một mình hộ chuyển đến Trường Thi [ở xã La Chủ] nhân đưa đi bắc hạnh. Thự Hiệp biện đại học sĩ Phạm Thận Duật, thự Tham tri Trương Văn Để cùng Trần Xuân Soạn, Tôn Thất Lệ đều hộ tống. [Bấy giờ tùy giá chỉ có loan giá và quân lính hầu hạ linh tinh độ trên dưới một trăm, ngoài ra lính mọi doanh về sau khi thua đều lập tức tìm đường tan về nguyên quán]. Giờ Ngọ mới đến Văn Xá nghỉ lại. Thuyết lấy mệnh vua lược kể hiện tình xuất hạnh thông hịch thiên hạ Cần Vương chuyển tư cho Nam Bắc tuân biện. Rồi vua và ba Cung [113b] ngự giá đến đóng tạm ở hành cung Quảng Trị. [Sau đây thự Hậu quân chương phủ Nguyễn Hanh, thự Đô thống Ngô Tất Ninh, thự Tả quân Đình Tử Lượng, Công Bộ Tham tri Tôn Thất Phiên, Biện lý Trần Khánh Tồn, Hiệp lý Cao Hữu Sung, Phủ doãn Nguyễn Đình Dương, Toàn tu Phạm Phú Lâm cũng đều lục tục đến hành tại]. Đương lúc ngự giá đã đi ra, quân Pháp lên Kỳ Đài treo cờ tam tài, tiếng súng vẫn còn nổ vang. Quan lại quân dân tranh nhau

tìm cửa ra, tự giẫm xéo lên nhau bị thương, chết cũng nhiều. Quân Pháp bèn đốt hai bộ Lại, Binh [hai bộ do Thuyết, Tường đã ở] và mọi doanh trại, khí giới đạn dược, khói bốc ngút trời [hai ngày đêm không tắt]; chia quan giữ mọi cửa thành trong ngoài và các sở cung điện, kho lẫm. Ngày ngày phát gạo kho thuế, bắt nhân dân còn ở lại trong thành và ở ngoài vừa vào đi sửa đắp các trại lính làm nơi trú đóng và nhật chôn, hỏa táng những người trận vong. Xác chết đầy rẫy ngoài đường. Trong đô thành nơm nớp sợ hãi. Ngày hôm ấy, Văn Tường vào nhà thờ Kim Long lập tức thương thuyết với giám mục Lộc⁽¹⁾ cùng đi đến sứ quán trần tình với đô thống Pháp khổ công thương thuyết xin giảng hòa. Đô thống cũng nghe, [114a] dặn phải rước mau vua và ba Cung trở về hành tại.

Ngày 24 giao hội đồng hòa hảo hai nước và cùng thông báo Nam Bắc. Văn Tường lại ủy Binh Bộ Thị lang Phạm Hữu Dụng đến hành tại, đem hiện tình nói với Thuyết tâu và xin nghinh giá tâu vua biết. Hữu Dụng bị Thuyết ngăn không được tâu.

Ngày 27, vua hạnh giá đến Sơn phòng tỉnh Quảng Trị. Do thế bây giờ lòng người náo sợ kinh hoặc không biết theo đâu. Riêng một hạt Thừa Thiên có được Văn Tường hiện giảng hòa, và hết sức ra hiệu lệnh phòng dẹp, tạm nhờ đó được yên, ngoài ra mọi tỉnh hạt Nam Bắc, côn đồ cũ hợp lại, trộm cướp nổi ra, lương giáo bình nhật thù nhau, nay tàn sát lẫn nhau, nơi nào cũng có. Đô thống Pháp lại buộc Văn Tường phải triệu tập quan lại, đòi bắt lính về, hiểu thị cho mọi chỗ Nam Bắc lương giáo không yên và cấm tiệt mọi trộm cắp, hạn trong hai tháng phải yên ổn.

Tháng Sáu, vua ở Sơn phòng Quảng Trị, ba Cung ở lại hành cung. Tuần phủ Quảng Trị Trương Quang Đản đã bàn [114b] với

⁽¹⁾ Tức Giám mục Caspard. BT.

Lương Thành cho là thành (Quảng) Trị gió bụi, nghĩ xin ba Cung hồi loan và đã tư cho Nguyễn Văn Tường biết liệu biện. Văn Tường được báo lập tức đưa thư cho Khâm sứ Pháp Sâm-pô thương tường Đô thống Cô-ra-suy nghĩ thế nào cho hợp trả lời lại cho thi hành. Tháng ấy [ngày mồng 2], bèn tấu đệ, trước hãy xin ba Cung hồi loan về Khiêm Cung để yên định chí mọi người, bèn ủy Biện lý Trương Như Cương, Tôn Thất Niêm đến đợi nghinh giá. Ba Cung chuẩn như lời tâu, bèn hồi loan về Khiêm Cung. Tôn Thất Thuyết ủng giá còn ở Sơn phòng Quảng Trị dựa mệnh vua dụ thiên hạ Cần Vương, lại dò đường trạm chuyển về kinh đưa dụ riêng cho Văn Tường. Đấy đều là những việc trước ngày mồng 7 tháng ấy.

Ba Cung ra ý chỉ chuẩn Thọ Xuân Vương Miên Định nhiếp chính việc nước. Phàm mọi việc đều tâu đạt ý chỉ ba Cung mới tuân hành.

Bấy giờ vua ngự giá bắc hạnh đến đóng ở Bảo Đài [giáp hạt Quảng Bình], sau lại ngự về phủ thành cũ Cam Lộ [Thuyết đem giá đến Bảo Đài, nghe quân Pháp đậu tàu ở bến Nhật Lệ, lại đem vua chuyển về sơn phòng [115a] để theo đường thượng đạo. Ngày 11 tháng ấy, xa giá đến phủ cũ ngừng lại đóng ở đấy]. Liền ngự đường thượng đạo, theo đường Mai Lĩnh đi bảo Trấn Lao đến Bàn Cạn dừng lại.

Tháng Bảy, quân Pháp đóng áp bến Đà Nẵng, Quảng Nam [gồm 150 lính ở trong đồn Điện Hải].

Vua ngự giá đến Hàm Thao [gần phía bắc sông Khung, cách Sơn phòng Hà Tĩnh 7 ngày đường], sắc cho tỉnh phòng Hà Tĩnh vận lương mở đường, nghinh giá đến sơn phòng tỉnh ấy kịp khi giá đến phòng, nghe đồn nói có quân Pháp đến, Thuyết lập tức đưa vua đi nơi khác.

Đô thống Pháp Cô-ra-suy bắt Thái phó Cản Chánh Điện Đại học sĩ lĩnh Lại Bộ Thượng thư sung Cơ Mật Viện đại thần, Kỳ Vũ quận công Nguyễn Văn Tường, cùng với Hộ Bộ Thượng thư sung Cơ Mật Viện đại thần Phạm Thận Duật cho giải xuống tàu đưa về Gia Định [đô thống ấy thấy Văn Tường đã từng kháng cự nước Pháp, lại cùng Tôn Thất Thuyết sung làm Phụ chính, sau lại đốc xuất quan quân hốt nhiên gây ra việc đánh nhau]. Thuyền Pháp chở Văn Tường đến Gia Định, rồi đưa cả Phạm Thận Duật, Lê Đính⁽¹⁾ [bố Thuyết] cùng chở về nước Pháp. Thận Duật giữa đường mắc bệnh chết.

Tháng ấy, Đô thống Pháp Cô-ra-suy, Khâm sứ Sâm-pô đưa thư đến nói trả lại ngôi vị Hoàng đế Đại Nam [115b] như trước, giao trả thành trì, đồng thời rước ba Cung về nguyên cung điện, quan lại mọi nha lục bộ vào thành cư trú làm việc như cũ. Ba Cung dụ chuẩn mọi tỉnh Nam Bắc lấy quân Pháp chia phái đi đóng áp. Khi ấy Kinh thành còn cần sửa sang lại, quân mọi tỉnh còn đơn sơ, đô thống Pháp cùng khâm sứ đại thần thương nghị từ Quảng Nam đến Bình Thuận, từ Quảng Trị đến Thanh Hóa, lượng xét theo lớn nhỏ mà phái quân thuyền chia đi đóng áp, để yên dân cư, còn như quan tỉnh trị dân làm việc như thường đợi Kinh thành giao xong, kén quân sung ngạch, quân Pháp sẽ tự triệt về, xin dụ hiểu thị cho dân biết, khỏi để người ngờ vực. Cho nên có lời chuẩn ấy.

Tháng Tám, mùa thu, Nguyễn Hữu Độ [nguyên Hộ lý Hà, Ninh Tổng đốc, nghe báo về kinh. Quan Pháp thương lượng xin vâng ý chỉ thăng cho Võ Hiển Điện Đại học sĩ sung Cơ Mật Viện đại thần vẫn để sung Kinh lược sứ Bắc Kỳ] [116a] cùng Phan Đình Bình [nguyên lĩnh Định, Yên Tổng đốc mới, vâng ý chỉ thăng Hộ Bộ Thượng thư, sung Cơ Mật Viện đại thần], từ Bắc Kỳ

⁽¹⁾ Chính tên là Tôn Thất Đính. BT.

về cùng quan Đại Pháp thương định hiệp với Tôn Nhơn (Phủ), đình thần tâu đặt ba Cung, rước dựng Hoàng nhị tử Kiên Giang quận công vào nối ngôi hoàng đế, sai sửa quốc thư đưa đến đệ về Hoàng đế nước Đại Pháp [Thư nói hai nước giao hảo đều nhờ hậu ý bảo hộ; lại xin biểu dương quý Đô thống đại thần Cô-ra-suy làm Bảo hộ quận vương, Khâm sai đại thần Sâm-pô làm Bảo hộ công, kính cẩn sai sứ đưa lễ để làm rõ lại cái hảo cũ]. Quan Pháp giao trả 2 vạn lạng bạc, 2 vạn quan tiền đồng [Bấy giờ nước ta (hoàng tộc và đình thần) mới về thành, quân Pháp trích trả số tiền ấy cung tiến Đại Nội chi dùng. Còn như thương khổ vẫn do lính quan Pháp canh giữ, mỗi khi chiếu xét cần cấp bổng lương tiền gạo, trích ra giao quan kho nhận giữ chiếu phát] và vâng đem hai tôn điện Long An, Hiếu Tư cùng với sứ quán giao trả.

Thân hào Quảng Nam kết làm Nghĩa hội [Sơn phòng sứ Trần Văn Dư đứng chủ] tụ tập dân chúng bách giữ tỉnh thành. [Tuần phủ Nguyễn Ngoạn, Bố chính Bùi Tiến Tiên, Án sát Hà Thúc Quán đều chạy trốn]. Quân Pháp mang quân đi đuổi. Bọn Nghĩa hội bèn tan đi các phủ huyện, cùng với giáo dân tàn sát lẫn nhau. Thân hào Phú Yên [116b] cũng khởi quân chiếm giữ tỉnh thành. [Bố chính Phạm Như Xương bị bách giam. Án sát Hoàng Côn, Lãnh binh Nguyễn Văn Hanh trốn tránh]. Phó đô thống Pháp phái quân thuyền thu phục, thương lượng phái các quan bố chánh và án sát mới cùng đi kiểm nhận thành trì làm việc [chuẩn Hộ Bộ Thượng thư Tán lý Lương Xuân Huyền lĩnh Bố chánh sứ, Nội các thị độc Cao Đệ lĩnh Án sát sứ].

Khâm sứ Pháp Sâm-pô về nước [sứ vụ do Phó đô thống Ba-duy-đam quyền biện. Vua cho là mọi đại thần Pháp đều có chân tâm bảo trợ, đã biểu dương Đô thống Cô-ra-suy làm Bảo hộ quận vương, Khâm sứ Sâm-pô làm Bảo hộ công. Đến nay lại biểu dương Phó đô thống Ba-duy-đam làm Bảo quốc công,

quan bảy lon Tham tán đại thần Hoa-nê là Dục quốc công, Lại Bộ Thượng thư Sinh-bích làm Vệ quốc công. Lại tặng năm đại thần trên mỗi người một kim bài].

Năm Ất Dậu, mùa đông, tháng 10, niên hiệu Đồng Khánh

Phó đô thống Pháp tự thương lượng ở phía nam Ngự Bình và bên chùa Thiên Mụ [117a] đều có khoảng đất trống xin lập trường bắn ở hai nơi ấy để cho lính đến học tập. Vua cho. [Lại sai từ Thanh Hóa trở vào nam đến Bình Thuận, kén chọn lính tập là chiếu theo điều ước mới định vậy].

Quan Pháp chọn một quan lớn thuộc Võ ban sung Đề đốc cai quản các quan võ giỏi lại giúp nước ta dạy quân lính tập luyện. Bấy giờ phó đô thống tâu nói thời Thế Tổ Cao Hoàng Đế ta, quý quốc đã phái Đề đốc Cô-li-vi-ê (Ceulivier) lại trước giúp đỡ ta. Viên ấy đã làm ở trong nước ta những gì nơi nơi đều còn cái công trước kia mà giúp ta giàu mạnh. Bèn thân dẫn Đề đốc Ba-đi-sô (Bardisau) và hơn 40 viên quan coi lính tập vào làm lễ triều yết ở điện Cần Chánh. Vua chuẩn Cơ Mật Viện đem cấp một kim khánh cho quan đề đốc để tỏ rõ hảo ý.

Mọi phủ huyện Nghệ An cũng khởi quân [nguyên Đốc học Nguyễn Xuân Ôn, phòng sứ Lê Quang Nhạ là chủ]. Đề đốc Pháp đem quân tiến tiểu, thường được luôn. Ban cấp cho một kim khánh, một kim tiền [117b] và chuẩn Cơ Mật Viện viết thư đến úy tặng. Khi ấy hạt tỉnh Quảng Bình [mọi phủ huyện Quảng Trạch, Quảng Hóa, Bố Trạch thân hào khởi sự, dựng các hiệu cờ khởi nghĩa Cần Vương [thủ xướng nguyên Tri phủ Nguyễn Phạm Tuân]. Chuẩn sai viện thần hội thương với phó đô thống Pháp nghị cách trừ ngay, một mặt tư các tỉnh thương lượng với quân Pháp đóng ở đây hiệp tiểu, không cho dây dưa lan rộng].

Quan quân đại Pháp tiến đến đánh Sơn phòng Hà Tĩnh. Lê Thuyết⁽¹⁾ lại đưa vua Hàm Nghi lui về thượng du Quảng Bình. Tỉnh thành cũng thu phục lại. Bấy giờ Thuyết phụ giá vua Hàm Nghi đến Nha (Sơn) phòng, lấy chiếu thư triệu thân hào hạt Tĩnh, chia đặt quan lại đóng đồn ngăn mọi chỗ xung yếu làm kế lâu dài. Ngày 16 tháng ấy, quân Pháp từ Nghệ An do đường sông tiến phá đồn Trúc Lâm, bèn thẳng đến Nha phòng. Thuyết lại đưa vua về Bến Vây [thuộc về chỗ ở của thổ tuần Quảng Bình Trương Quang Thủ], thầy trò đều tan chạy. Thuyết liền lưu vua ẩn nấu ở đây, rồi tự mình với lũ Xuân Soạn đều đi Bắc. Các quan viên tỉnh Hà Tĩnh [118a] mới đặt ra nghe Nha phòng không giữ được, bèn đem đốt hết dinh thự kho tàng rồi tìm chỗ trốn tránh.

Tháng Chạp, phó đô thống Pháp thương thuyết rằng hiện tỉnh Quảng Bình chưa yên; lại nghe tin vua Hàm Nghi trú ẩn ở xã Thanh Hà phủ Quảng Trạch tỉnh Quảng Bình, mà đang lại phân tán lan rộng, quan phủ huyện nhiều kẻ khiếm tránh, tất phải có đại thần trọng vọng đến kinh lược trước mới mong chóng yên được. Bèn chuẩn sai Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Lại Bộ Thượng thư Phan Đình Bình đi làm kinh lược Quảng Bình.

Đô thống Pháp toàn quyền đại thần Cô-ra-suy về nước, Tham tán Vay-da-nê (Warnet) thay quyền làm việc [118b].

Năm đầu niên hiệu Đồng Khánh (Bính Tuất, 1886), mùa xuân, tháng Giêng

Vua ngự điện Thái Hòa nhận lễ châu mừng. Phó đô thống Pháp là Ba-duy-đam đem hơn 5.000 quan quân Pháp đến làm lễ khánh hạ. Lúc bấy giờ Phó đô thống Pháp thương rằng: Vãng mệnh

⁽¹⁾ Tôn Thất Thuyết. BT.

triều đình Pháp đến bảo hộ nước ta, lâu nay tình nghĩa khăng khít, duy hai bên chia cách⁽¹⁾ chưa đủ để tỏ lòng giao phu.

Nay kính vâng Hoàng thượng nhân mùa xuân đi vãng cảnh thăm thú, thấy nhân dân đều được mừng vui thịnh vượng, quý đại thần xin đem hết quan quân vui vẻ chúc mừng để tỏ lòng tôn kính và lại khiến cho nhân dân nước ta đều biết lòng thành của nước bảo hộ. Vua chuẩn y lời thương để tỏ ý tốt đến lúc xa giá đi ra, quan quân Pháp và quan quân ta đều đi theo hầu. Nghi vệ đổi mới, những người đi xem không ai là không có lòng cảm khái tích kim (xưa nay).

Viên Quyền đô thống ở Bắc Kỳ là Vi-ê, thăng Chánh đô thống chuyên xét các công việc Bắc Kỳ và việc cả nước ta.

Chuẩn cho Nguyễn Hữu Độ sung làm toàn [119a] quyền đại thần, Nguyễn Thuật làm phó toàn quyền đại thần đệ hòa ước, khoáng ước qua sứ quán, giao cho Quyền khâm sứ Hách-tô. Lúc bấy giờ Đô thống Bắc Kỳ nói rằng: 19 khoản hòa ước tháng Năm năm Giáp Thân, Khoáng ước 4 khoản tháng Giêng năm Ất Dậu chưa được giao lại cho nhau. Nay ủy cho viên Quyền khâm sứ hội đồng với các quan nước ta phải đến ngay sứ quán để giao lại cho nhau. Nền mới giao Bộ Lễ kiểm tra lại các công việc nên làm, lấy ngày 20 tháng này, sai hai vị đại thần vâng sắc chỉ đi qua sứ quán làm lễ hồ giao. Khi việc xong rồi tặng cho viên sứ hồ giao các phẩm vật.

Nước Pháp tặng cho vua một cái "Nhất hạng bội tinh" và Nguyễn Hữu Độ một cái "Nhì hạng bội tinh". Chuẩn định kiểu mẫu bội tinh và thể thức khâm văn. Lúc bấy giờ quan quyền khâm sứ viết thư lại nói rằng: Về khoản tặng thưởng cho các quý quan, các nước thường lấy bội tinh vàng bạc làm quý,

⁽¹⁾ Nguyên văn: "đường liêm phân cách". BT.

ai được tặng thưởng cũng dễ mang theo. Ý quan đô thống muốn nước ta cũng làm như thế để hợp với tính tục, [119b] rồi đem các kiểu mẫu của bội tinh và khâm văn do Viện Cơ Mật tâu trình lên. Viện Cơ Mật bàn rằng những lời đề nghị của quan đô thống đều đã thỏa hợp, duy thể chế trong lòng cái sao tròn so với các nước có khác, xin đổi làm hình cái thuẫn. Và lại tặng phẩm có tôn ty, công có lớn nhỏ khác nhau, nên chia ra hai hạng văn, võ, mỗi hạng lại chia ra năm bậc khác nhau để có phân biệt. Xin thứ quý đại thần xét phúc và nhờ thuê thợ đúc chế để đủ khi lâm thời tặng thưởng. Còn như quý quan giúp việc được thưởng kim khánh và kim tiền bao nhiêu nhờ quý khâm sứ phúc xét để tiện đối lấy huy chương, khâm văn cho trọng sự thể. Còn các bội tinh do quý quan tự mua lấy không cần phải cấp lại. Các quan nước ta ai được ban thưởng cũng nên đối dùng hạng bội tinh ấy để tỏ rõ thống nhất và tiện giao tiếp, vua y theo lời bàn tâu ấy của Viện Cơ Mật.

Từ khi đấy về sau, viên đô thống lại y theo lời thương tư ấy và định ra kiểu mẫu và 11 khoản điều lệ. Vua chuẩn y cho theo lời thương mà thi hành.

Viện Long Tinh⁽¹⁾ có điều lệ như sau: Hễ những người có lòng tốt giúp đỡ Hoàng đế nước ta để làm những việc [120a] có lợi ích cho nước nhà đều nên ban thưởng. Viện Cơ Mật xin đặt Viện Long tinh để phòng khi tặng thưởng cho những người có công trạng. Đặt ra những điều lệ như sau:

1. Viện Long Tinh của bản quốc là để ban thưởng cho các quan văn võ có công.
2. Viện Long Tinh do Hoàng đế nước Nam tự nắm quyền.

⁽¹⁾ Tên đầy đủ là Đại Nam Long Tinh Viện, do vua Đồng Khánh cho thành lập vào tháng 02/1886. BT.

3. Phàm những người được thưởng Long tinh chia ra làm 5 hạng: bên văn: hạng nhất gọi là Khôi kỳ long tinh, hạng nhì gọi là Chương hiền long tinh, hạng ba gọi là Biểu đức long tinh, hạng tư gọi là Minh nghĩa long tinh, hạng năm gọi là Gia thiên long tinh; bên võ: hạng nhất gọi là Trắc dị long tinh, hạng nhì gọi là Thù huân long tinh, hạng ba gọi là Tinh năng long tinh, hạng tư gọi là Tướng trung long tinh, hạng năm gọi là Khuyến công long tinh.

4. Đại Nam long tinh làm hình ngôi sao có tám cánh. Trên hình ngôi sao có khắc hình cái mũ của Hoàng đế, ở trên mũ vẽ hình con rồng màu lục chân cắm lên trên mũ để làm chỗ đeo, ở giữa hình cái thuẫn khảm màu lam khắc 4 chữ "Đồng Khánh Hoàng đế" khoảng trống ở 4 bên khắc hình mặt trời và mây, như thế thức sao mây ở trong kim triều, ngân tiền, đều dùng vàng. Ở xung quanh hình cái thuẫn đều khảm một điều chỉ đỏ viền lam, ở trong và ngoài điều chỉ này đều thêu hai sợi chỉ vàng.

5. Long tinh hạng 5 bằng chất bạc, Long tinh hạng 4, 3, 2, 1 đều bằng chất vàng. Hạng 4 và hạng 5 đường kính 4 phân (dưới này đều dùng thước dây) hạng 3 trở lên đường kính 6 phân.

6. Tặng thưởng cho các quan văn võ đều dùng năm hạng Long tinh ấy.

7. Dây đeo Long tinh, quan văn thì dùng sắc lục, quan võ thì dùng sắc trắng, hai bên đều dùng màu vàng lửa, giữa rộng 3 phân 5 ly, hai bên đều rộng 7 ly.

8. Phàm những người được thưởng Long tinh hạng 4 và hạng 5 đều mang ở trước ngực về phía bên trái, dây đeo thì chỉ hạng 5 không có hình hoa tường vi, hạng 4 có hình hoa tường vi, dây hạng 3 thì lớn hơn, hạng dây này mang ở cổ, thông xuống trước ngực, hạng nhì là một cái bài tròn, bài ấy rộng 9 phân. Tám tia hào quang toàn dùng chất bạc khảm ngọc thạch, giữa lòng hình cái thuẫn cũng như hình long tinh.

Đeo phía bên phải ở trước ngực, lại mang thêm một cái Long tinh hạng 4. Dây tua của hạng nhất, [120b] như quan văn thì ở giữa dùng màu lục có vàng, còn quan võ ở giữa dùng sắc trắng đều lớn hơn hạng 4, dây tua hai bên đều dùng sắc vàng lửa, đầu mỗi giáp chỗ đeo Long tinh rộng 7 phân, mang ở vai bên phải thông xiên xuống hông bên phải, lại ở phía trái trước ngực, mang thêm một cái bài tròn bằng bạc. Bài này y như thể thức của hạng 4. Chỉ có Hoàng đế mới được mang Long tinh hạng nhất, còn mang thêm một cái Long tinh hạng nữa. Các quan viên khác không được dùng lệ ấy. Tự trung dây tua từ vai bên phải đến nách bên trái, đây là nói về quy thức khi mang Long tinh của các quan viên, còn như cách đeo mang của Hoàng đế nên dùng cách nào cho đẹp mắt thì sẽ theo lúc mà sửa đổi.

9. Các hạng Long tinh chỉ do Hoàng đế ban thưởng. Khi nào những người đáng được ban thưởng đều do quan đại thần các bộ sở tâu xin.

10. Hễ những người được thưởng Long tinh, Bộ Lễ phải tư trước cho biết, sẽ ban cấp cho chế văn sau nhưng phải kê biên các số hạng chức hầu cận của những người được thưởng để lưu chiếu.

Còn hình thức khâm văn của huy chương ở trên mặt vẽ rồng, khắc 4 chữ "Đồng Khánh Hoàng đế", ở dưới phía ngang khắc năm chữ: "Đại Nam Long Tinh Viện", bên phải bên trái vẽ nghi trượng nước Nam, mặt sau vẽ hình bội tinh, về trung tâm bên phải viết đoạn chế văn như sau:

"Thừa thiên hưng vận, hoàng đế chiếu viết: Mỗ quan tính, danh hữu tâm ư trăm, cấp trợ ích quốc gia đặc thưởng mỗ hiệu (như văn nhất hạng Khôi kỳ, võ nhất hạng Trác dị...) Long tinh, dĩ chương dị sủng khâm tai". (Nghĩa là: "Vâng trời mở vận Hoàng đế nói rằng: [quan nào họ tên gì] có lòng với trăm và giúp ích cho nhà nước, đặc cách thưởng cho Long tinh hạng... [như bên văn Long tinh hạng nhất hiệu "Khôi vĩ", bên võ Long tinh hạng nhất hiệu Trác dị...] để tỏ ơn riêng. Kính trọng vậy thay").

Ở hàng tiếp đó viết những chữ: "Viết tại điện... ở kinh đô nước Đại Nam", ở hàng kế tiếp viết "niên hiệu", sau hết viết: "Trung duyệt Lễ Bộ Thượng thư ký". Lấy ngày thành lễ "hổ giao" chuẩn cho viết quốc thư (đại ý lược thuật lại lễ hổ giao đã xong, tưởng từ đây tình bang giao ngày càng thân mật).

Sắm sửa lễ vật kính tặng Hoàng đế nước Đại Pháp và các quan văn võ Pháp ở Bắc Kỳ, sai quan đại thần Nguyễn Hữu Độ ra Hà Nội tỏ ý [121a].

Viên Quyên khâm sứ đưa thư nói rằng: Quý quan đô thống thương định về việc đánh thuế chở gạo cứ 100 cân tây đánh thuế 1 quan tiền tây (tính theo tiền nước ta từ 1 quan 3 mạch đến 2 quan, tùy theo giá bạc cao hạ). Với thuyền Pháp chở gạo về nước Pháp các sở quản trị của nước Pháp thu thuế, cứ mỗi cân 7 mạch tiền tây. Còn như các thuyền chở bán ở trong nước ta từ cửa biển này đến cửa biển khác thì khỏi phải thuế. Viện Cơ Mật tâu lên được Hoàng đế chuẩn y, sai thông lục cho các tỉnh tuân làm.

Tháng Hai, Phó đô thống Pháp Ba-duy-đam trở lại Bắc Kỳ, chuẩn cho Viện Cơ Mật đem sắc phong cáo trực⁽¹⁾ bài vàng và các phẩm vật ra tặng.

Tháng Ba, tặng bội tinh cho giám quốc nước Pháp và các quan văn, võ cộng 112 cái. [Tặng vị giám quốc nước Pháp một cái hạng nhất "Khôi kỳ bội tinh" và một đạo khuê văn đóng ấn Hoàng đế. Tặng thưởng các viên quản lý các bộ của nước Pháp sung vào Viện Thương Bạc như sau: Thượng Long tinh hạng nhất cho quý chức đô thống sung thượng thư Bộ Binh, quý chức phó nguyên soái sung làm công việc thủy sư và các việc thuộc địa Ở quý chức, quyền sung Bắc Kỳ đô thống Vì quý chức,

⁽¹⁾ Cáo trực là một đạo sắc viết trong giấy cù vẽ rồng và cuộn vào một trục gỗ.

các quý chức Phó tổng lý Viện Bội tinh đều được thưởng hạng Nhất. Ngoài ra tặng 10 cái hạng hai, 50 cái hạng năm. Quý đô thống trước nghĩ thưởng cho Phó đô thống Ba-duy-đam Long tinh hạng ba, Khâm sứ Hách-tô hạng bốn, còn Khâm sứ cũ là Sâm-pô không có. Nhưng viện thần nghĩ 4 viên ấy đều có công lao, xin cải thưởng cho Ba-duy-đam hạng nhì, Hách-tô, Sâm-pô và Lê-na đều tặng hạng ba).

Đại thần nước Pháp là Pôn-be (Paul Bert) đến làm Toàn quyền⁽¹⁾ nước ta.

Các quan ở Viện Cơ Mật tâu rằng: phong tục ở các nước Đông Tây, phần nhiều hay chuộng danh tiếng, vì vậy những người học rộng biết sâu, hễ đến nước nào, nếu được dự vào chức thanh yếu, đều lấy làm vinh quang. Nay ông Pôn-be du lịch khắp các nước, văn học ưu trường. Cứ lời trình bày của các phái quan nói rằng chiếu theo tục các nước, nếu được dự vào hội văn học, như chức Hàn lâm chẳng hạn, thì quý đại thần coi trọng hơn là cho mấy vạn bạc, xin nên làm như thế. Hoàng đế nghe vậy mới chuẩn cho mời ông Pôn-be làm "Hàn Lâm Viện Trục học sĩ", vị ẩn sĩ ở Nam Trung là Trương Vĩnh Ký (người Gia Định, cùng đi đến với quan toàn quyền) làm "Hàn Lâm Viện Thị giảng học sĩ" [122a].

Mùa hạ, **tháng Tư**, quan Toàn quyền Pháp là Pôn-be đến kinh làm lễ triều yết, Hoàng đế Việt Nam thưởng cho một cái Long tinh hạng nhất.

Khâm sứ Pháp là Đinh-long (Dillon), biệt phái Khâm sứ cũ là Hách-tô (Hector) lại làm công việc khâm sứ. Quan Pháp bàn chọn chia quân bộ xứ Bắc Kỳ làm 4 đạo:

⁽¹⁾ Lúc này, Paul Bert là Tổng trú sứ Trung - Bắc Kỳ. Chúng tôi giữ nguyên bản dịch. BT.

[Hà Nội, Mỹ Đức với phía hữu ngạn sông ở tỉnh Sơn Tây làm đạo thứ nhất (6.260 người, trong đó: sung vào đạo lính tỉnh, kinh lược và công sứ 1.260 người, lính tập 5.000 người).

Nam Định, Ninh Bình làm đạo thứ hai (6.890 người, trong đó: 2 tỉnh và 2 công sứ 1.890 người, lính tập 5.000 người).

Bắc Ninh và hữu ngạn sông làm đạo thứ ba (7.520 người, trong đó: 2 tỉnh, 2 công sứ và đóng đồn ở Tuyên Quang là 2.520 người, lính tập 5.000 người).

Hải Dương, Hưng Yên làm đạo thứ 4 (6.860 người, trong đó: 2 tỉnh và 2 công sứ 1.860 người, lính tập 5.000 người). Cộng 27.530 người].

Vua nghĩ trong Nam ngoài Bắc lâu nay chưa yên, từ Quảng Nam vào Nam đã lựa sai quan khâm sai giao cho được tiện nghi làm việc, cũng đủ để vỗ yên rồi, nay muốn ngự giá đi ra miền Bắc, trước đến Hà Nội, kiểm điểm quân lính lương thực, rồi trở về Thanh Hóa, lần lượt đánh dẹp để nhứt động uy thanh. Mới sai Viện Cơ Mật đánh điện cho quan toàn quyền biết để chuẩn bị nghênh tiếp, được quan toàn [122b] quyền trả lời rằng: thành quách Hà Nội đã bị dỡ phá xin Ngự giá nghỉ chân ở Thanh Hóa mới được ổn trọng, xứng đáng là nơi để vương ở. Vua liền sai Viện Cơ Mật trù liệu các công việc nên làm. Các bộ nha phải chiếu theo công việc của mình phải làm mà chuẩn bị trước.

Đến nay quan toàn quyền đại thần đến kinh bàn với Viện Cơ Mật trước ra đóng nghỉ ở Quảng Trị, Quảng Bình chờ xem nên chuyển đi tỉnh nào sẽ liệu trù sau.

Mới xuống dụ thân chinh chuẩn cho Cổ mệnh lương thần, Cần Chánh Điện Đại học sĩ, Bảo quốc lương thần sung Cơ Mật Viện đại thần nhưng sung Bắc Kỳ Kinh lược đại sứ, Vĩnh Lại bá

Nguyễn Hữu Độ sung làm chức Ngự tiền thống soái quân vụ đại thần.

Lễ Bộ Hữu Thị lang, Tham tán Cơ Mật Viện vụ Nguyễn Hoàng sung làm chức Phụ tế quân vụ đại thần, Chương vệ Nguyễn Hữu Văn, Thừa phủ Tôn Thất Bá sung làm chức Hộ giá đại thần.

Thị lang Bộ Hộ là Nguyễn Vĩ [123a] sung làm Tham tán quân vụ, Tá lý Bộ Công là Phạm Ngọc Thọ sung làm Tán tương quân vụ, Chương vệ quyền trưởng doanh Tiền Phong là Lưu Khắc Trung sung làm Đề đốc quân vụ, Phó chương vệ là Lê Quang Chi sung làm Đề đốc quân vụ.

Tôn Nhơn Phủ Hữu Tôn chính Hoài Đức công là Miên Lâm sung làm chức Lưu kinh thân thần, Tiền quân đô thống phủ chương phủ sự sung thị vệ đại thần là Tôn Thất Xy, Hiệp tá Đại học sĩ lĩnh Thượng thư Bộ Hình là Đoàn Văn Hội, Hộ Bộ Thượng thư Nguyễn Thuật, Lễ Bộ Thượng thư Chu Đình Kế, Công Bộ Thượng thư Hoàng Hữu Thường đều sung chức Lưu kinh đại thần.

Quan Ba khâm phái toàn quyền đại thần Pháp là Ba-lê-tu-tê sung làm chức Ngự tiền trực hậu, quan Ba My-lê sung làm Đề đốc quân vụ, đem quân Pháp đi theo hầu.

Tháng Năm, quan toàn quyền đại thần Pháp muốn sửa ba khoản điều lệ, tư cho Viện Cơ Mật phúc xét. Viện Cơ Mật [123b] xét các khoản đều đã thỏa hợp, duy chỉ châm chước sửa đổi lại một đôi chi tiết nhỏ, tâu chuẩn thi hành.

Điều 1: Cấm chở súng ống thuốc đạn.

a. Phàm súng đạn đại bác, điều thương và tất cả những đồ gì thuộc về binh khí đều không được chở vào địa phận bản quốc.

b. Phàm các quan người Pháp trú ở bản quốc làm công việc bảo hộ và người buôn Pháp phải có giấy chứng nhận của công sứ và phó công sứ mới được chở vào. Nhưng trong văn bằng phải nói rõ người chủ chở hiện trú ở đâu, chở những vật liệu gì? Mỗi hạng bao nhiêu? Do tình nào chở đến?

c. Trừ những người được phép chở và thế lệ được chở như đã nói ở khoản b trên, còn ra ngoài hễ ai chở đồ binh khí và đồ cấm vào biên giới nước Nam thì vật hạng đều bị tịch thu vào kho và người phạm pháp thì chiếu luật trị tội.

Điều 2: Hễ làm việc ích chung thì quan được đem ruộng đất công hoặc tư sung làm việc công.

a. Khi nào ở quan có xây dựng gì về việc ích chung mà cần phải lấy ruộng đất công hoặc tư để làm, sau khi đã được chuẩn ý, hoặc đã có hội đồng quan Pháp nghị định mà được quan đại thần Pháp y rồi, thì ruộng đất công tư ấy được sung công, nhưng phải chiếu theo giá tiền hiện thời mà trả lại cho nguyên chủ.

b. Thế lệ trích lấy ruộng đất tư để sung công thì do quan Toàn quyền Pháp xét định.

Điều 3: Chuẩn định quyền hạn và chức vụ của viên Kinh lược Bắc Kỳ.

Toàn hạt Bắc Kỳ, đất rộng dân đông, lại ở xa kinh đô, có nhiều công việc phiền khổ. Cần phải đặt một viên quan lớn ở Hà Nội, giao cho quyền lớn, tùy tiện làm việc, mới mong nhanh chóng. Nên đã chuẩn cho đặt chức "Kinh lược đại sứ" ở Bắc Kỳ.

Từ nay tất cả các công việc ở Bắc Kỳ đều chuẩn cho viên Kinh lược thay triều đình làm việc. Duy trong hòa ước đã có xét định các khoản về quan Kinh lược, quan Pháp và các quan chức Nam triều thì quan Kinh lược không được sửa đổi.

Lại quan Kinh lược đã được chuẩn cho quyền "tiện nghi hành sự" thì những công việc gì đã làm xong xuôi rồi, hoặc có nghị định làm việc gì đều phải tâu về cho Hoàng đế biết để hợp thể chế. [124a] Điều này phải biên vào trong lời dụ để trọng sự thể.

Quan Toàn quyền Pháp đưa thư nói rằng: một nửa số vàng bạc sẽ giao lại cho nước ta, còn một nửa chở về Pháp để đúc thành bạc đồng, dùng để cấp lương cho lính tập hai năm và phí tổn làm các công việc.

Nam triều chuẩn cho Thị lang Bộ Hộ là Hồ Lệ, Hộ lý Nội vụ là Nguyễn Huệ, hội đồng với các quan Pháp kiểm nhận rồi cùng nhau ký vào bản lưu chiếu.

Quan Pháp trả lại kho tàng ở Huế cho Nam triều. Sai thống soái đại thần là Nguyễn Hữu Độ hợp sức với lính Pháp tiến đánh tới các sơn phận tỉnh Quảng Trị, vua mới ban cho Nguyễn Hữu Độ lá cờ Phi Long đốc thúc ba đạo quân cùng với quân Pháp tiến lên, mấy ngày liền lấy được các đồn lớn của quân phi: Đồn thứ nhất, tục gọi là Khe Cây Giang, đồn thứ hai, tục gọi là Khe Chứa, đồn thứ ba tục gọi là Khe Đò Phủ, thu được lương thực khí giới rất nhiều. Bọn phi nghe phong thanh chạy trốn, Nguyễn Hữu Độ và quân Pháp trở về hành tại.

Vua chuẩn thưởng cho các quan quân Pháp long bội tinh và tiền bạc khác nhau. Lúc bấy giờ quân Pháp cũng có [124b] nhiều người bị thương, bị chết. Vua nhân lúc đi chơi, tư đến thăm viếng an ủi.

Quan Toàn quyền Pôn-be tư nói rằng: Ngày tháng 7 năm ngoái, quan Đô thống Ra-xy có định ra sáu khoản điều ước mới, trong đó có nhiều chỗ theo đúng nhiều điều ước trước, nên nước ta nay đã đem bỏ đi rồi.

Nước ta đã tặng quan toàn quyền "Hàn Lâm Viện Trục đại học sĩ". Quan toàn quyền muốn tỏ ý ham văn học, giao cho một nghìn đồng bạc, hẹn nếu có ai tìm được chứng cứ nào cho đích xác để nói rõ được giới hạn của nước ta nguyên xưa ở từ đâu kéo thẳng đến bờ phía đông sông Khung, và chép rõ được dân tình, phong tục, chính sự, sản vật, đời sống của các giống Lào, Mường ở trong giới hạn đó, biên thành sách dâng lên chờ sai quan xét duyệt, nếu ai dự vào hạng trúng, xin đem số bạc ấy chia ra ban thưởng (hạng nhất thưởng 800 đồng, hạng nhì thưởng 200 đồng).

Vua cho quan toàn quyền nghĩ ra như thế là có ý muốn kiếm người thực tài. Chuẩn cho thi hành và xuống dụ sai bảo các quan ở trong kinh, ngoài [125a] tỉnh đều phải tìm kiếm, không kể quan lại hay nhân dân, hễ ai là người biết rộng nghe nhiều, hiểu rõ được những vấn đề như quan toàn quyền đã nêu, viết ra thành sách, hạn trong 6 tháng. Ở kinh thì nộp tại Bộ Lễ, ở ngoài thì nộp cho các quan địa phương chuyển về, sẽ sai quan xét duyệt, nếu quả thật là thông hiểu có thể dùng làm tài liệu nghiên cứu được, chia định đẳng hạng. Trừ số bạc quan toàn quyền đã ban thưởng không kể, ngoài ra triều đình còn bạt dụng và chuẩn cho Viện Hàn Lâm thưởng thêm cho hạng nhất 400 đồng, hạng nhì 100 đồng nữa, để rõ ơn đặc biệt và trông cho có thực dụng.

Quan toàn quyền Pháp với quan quyền kinh lược đại sứ xét định lệ thuế ở Bắc Kỳ. Các hạng thuế còn thiếu từ năm ngoái trở về trước đều cho miễn nộp hết. Từ nay về sau nhất loạt phải nộp đủ, không được viện một lý do gì để dây dưa. Bổng lộc của các quan lại, lính tráng chiết cấp cứ mỗi phương gạo là 4 quan tiền tây, nhưng phải hội đồng biên định, mỗi năm trích trong số thu nhập lấy một phần chớ [125b] về kinh, tiền 38 vạn quan, gạo 38 vạn phương (mỗi phương chiết lấy 5 quan tiền kẽm).

Quan Pháp đem các sớ trại quân và kho tàng ở Kinh thành trả lại cho ta. **Tháng Tám**, vua bàn về việc hồi loan. Lúc bấy giờ tỉnh Quảng Bình ở gần bờ biển, gió cát cả ngày lưu lại lâu không tiện mới sai quan Ba Pháp là Cu-tê đáp hỏa thuyền về Hà Nội nói với quan toàn quyền chuẩn bị hỏa thuyền đến Cửa Việt hộ giá, được quan toàn quyền y cho tuân làm. Mới để các quan đường thuộc Viện Cơ Mật và Nội các, với các quan hầu cận lưu lại châu hầu. Còn các quan đường thuộc bộ nha với các quân đều do thuyền buôn về kinh trước.

Nay vua mới đem các quan quân ở hành tại Quảng Bình xuống thuyền (quan toàn quyền phái hai chiếc hỏa thuyền đến Cửa Việt lễ đón rước), qua một ngày thì đến kinh, trăm quan xin làm lễ mừng.

Quan quân Pháp lấy lại hai tỉnh Bình Thuận và Khánh Hòa. Quan [126a] toàn quyền Pháp đánh điện báo triều đình nên đặt quan lại như cũ.

Quan Toàn quyền đại thần Pôn-be đến kinh, kính dâng các đồ tặng phẩm của giám quốc Pháp (một đôi bình hoa hạng lớn bằng sứ trắng men trắng có vẽ hoa nổi, một đôi bình hoa hạng lớn bằng sứ tây trắng men xanh, một cái lọ vuông bằng sứ tây trắng men trắng, một đôi bình hoa sắc trắng hạng nhỏ bằng sứ tây, một đôi bình trà sắc đỏ xanh bằng sứ tây, một bộ chén đĩa đều 6 chiếc và bình đĩa đều 3 chiếc, hình người con gái bằng chất men trắng và bình bằng sứ tây mỗi thứ hai cái).

Đến khi trở về, vua chuẩn đem các đồ phẩm vật để tặng lại. (Tặng viên toàn quyền một khẩu súng điếu thương khảm vàng, một đôi gương cấn đôi mỗi bít bạc, hai cái bình hoa hạng vừa, tặng Ba-lê và Ta-tê mỗi viên một thanh gương bít bạc cấn xà cừ, tặng cho viên Thượng thư Bắc Kỳ Lô-hu-cu-cơ, quan Ba Đê-lê-ti-ê-luy,

đều là người đi theo phái đoàn của quan toàn quyền, mỗi người một mặt kim khánh).

Tháng Chín, quan Toàn quyền đại thần Pôn-be đưa thư đến nói rằng: Y đến kinh để bàn với nước ta xin nhượng cho quân đốc ở Trấn Bình Đài mở rộng thêm và xây dựng doanh trại để chuẩn bị rút quân lính nước Pháp về cư trú ở trong nhượng địa.

Nay nghị định hai khoản:

1. Mở mang đất nhượng lấy đường thủy [126b] từ Cầu Gỗ (tục gọi là Cầu Sơn) thẳng đến Cầu Đá (tục gọi là Cầu Kho), lại từ Cầu Đá xây đắp đường ngăn, thẳng đến cửa Chính Bắc làm giới hạn đất nhượng.

2. Lấy các súng đồng để trên thành phá đúc thành tiền để làm tốn phí xây dựng các đồn trại ở trong đất nhượng và tốn phí xây bức tường ngăn. Hễ khi nào xây xong thì quan quân của Pháp rút hết vào ở trong đất nhượng, còn các sở ở trong thành đều giao lại cho nước ta nhận giữ như trước.

Vua chuẩn y lời đề nghị ấy, sai Viện Cơ Mật làm bằng biên và vẽ bản đồ, giao viên khâm sứ chấp chiếu. [Về khoản xây đắp, lúc đầu viên toàn quyền ý muốn đào sâu sông ngòi, nhưng vua bảo khoản ấy rất không hợp, sai Viện Cơ Mật đem việc phạm đến mạch đất phúc thương với quan khâm sứ, nhờ chuyển tư điện lên quan toàn quyền xét lại. Toàn quyền trả lời rằng: y rất kính trọng Hoàng đế, xin tuân theo ý Hoàng đế mà sửa lại như thế].

Mùa đông, **tháng Mười** năm Bính Tý (1886), Toàn quyền Pháp là Pôn-be mất, thống sứ Vi-an (Vial) quyền làm các công việc toàn quyền. [127a].

Khâm sứ Hách-tô (Hector) tư nói rằng: Hiện nay các tỉnh hoặc có thương chính hoặc có việc binh, triều đình Pháp đã có chọn đặt các quan công sứ ở để giúp việc, nhưng các công sứ ấy

có người mới đến chưa hiểu thể lệ phong tục nước Nam, Viện Cơ Mật nên tư cho các quan tỉnh từ nay về sau, các viên công sứ ở tỉnh có đề nghị gì nếu chưa hợp thể lệ thì nói với công sứ nên đem việc ấy tư về khâm sứ, còn quan tỉnh thì tư về Viện Cơ Mật, hội đồng xét lại, để được thỏa đáng sẽ phúc tư cho thi hành. Vua chuẩn y cho đem thông lục đi khắp các tỉnh tuân làm.

Tháng Chạp, viên khâm sứ nghĩ rằng quan toàn quyền mới chưa biết ngày nào đến. Sai quan đại thần của Viện Cơ Mật là Nguyễn Hữu Độ, Tham tá là Hồ Đệ đi trước ra Bắc Kỳ để đợi đón rước.

Nguyên trước vua sai Viện Cơ Mật đem nhiều việc trong nước cần phải thương thuyết, tư quan toàn quyền trước xét nghĩ đã nhắc lại hai lần [127b] mà chưa thấy trả lời. Nay muốn nhân việc đi đón rước này để nhờ giúp làm luôn. Cho nên mới sai Nguyễn Hữu Độ đi ra Hà Nội và sai Tôn Nhơn đình thần cứu xét các khoản làm đủ giấy tờ rồi chuẩn bị các hạng lễ vật cùng đem theo đi.

Các khoản kê ra như sau:

a. Lâu nay các khoản thường chi và bất thường chi cho ở kinh hàng năm tính hết tiền 200 vạn (2.000.000) quan, gạo 40 vạn (400.000) hộc, đều do xứ Bắc Kỳ trích lấy chở vào để đủ dùng. Trước đây quan Toàn quyền cũ là Pôn-be có nghị định mỗi năm chỉ cho tiền 38 vạn quan, 38 vạn hộc, trong đó gạo chiết lấy mỗi hộc giá tiền 5 quan, tính ra được tiền 190 vạn (1.900.000) quan. Tổng cộng tất cả mới được tiền 228 vạn quan (2.280.000 quan). Lâm thời gạo đắt lấy tiền mua gạo, thì số tiền ấy mới chỉ đủ mua gạo, còn các khoản chi tiêu khác không biết lấy vào đâu. Nay xin chở thêm cho cả tiền lẫn gạo, (do gạo chiết ra tiền) mỗi năm chừng 400 vạn quan (4.000.000 quan) mới đủ chi dùng.

b. Số lính tập ở kinh 1.000 tên, các tỉnh ở ngoài Quảng Nam, Bình Định, Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hóa mỗi tỉnh 500 tên; Quảng Trị, Quảng Nghĩa, Hà Tĩnh, Bình Thuận mỗi tỉnh 400 tên; Phú Yên, Khánh Hòa mỗi tỉnh 300 tên. Số lính tập ấy gần đây quý quốc đã luyện tập xong xin xét giao cho. Nhưng số còn thiếu sẽ xin lấy trong số lính giải điều vào cho đủ và xin cấp cho hai nghìn cây súng.

Khoản này trước đây Nguyễn Hữu Độ đã thư trình quan toàn quyền cũ, xin cấp y số giao nhờ quý quan luyện tập, chiếu số thay nhau canh phòng.

Còn số quý quan và lính tập hiện trú ở kinh thì do Bộ Binh, ở ngoài thì do các tỉnh bắt chọn. Lương bổng quý quan thì theo lệ quý quốc, đều do bản quốc chi cấp. Đến ngày nào bọn lính ấy học tập quen thạo, các hạng lính của bản quốc đủ ngạch rồi, lính quý quốc cần rút về sẽ bàn định sau.

c. Tuân ty các tỉnh đã bãi bỏ rồi, còn các hạng sản vật của bản quốc như: đồng, tơ, dầu, đường, cau khô, bông, vải gai, trầm, vôi, muối, gỗ, ngà voi, sừng tê, trầm hương, tóc hương kỳ nam, trước đây hoặc đánh thuế cần phẩm hoặc cho người trưng thầu. Nhưng các sản vật ấy hoặc có thứ ở trong rừng sâu đất mồi, hoặc có thứ do nhân dân trồng ra, thu hoạch lẻ tẻ [128a] không thống nhất, nếu cứ theo hộ mà đánh thuế thì phần nhiều thường bị ẩn lậu không được bao nhiêu, cho người trưng lĩnh thì tiện lợi hơn. Cũng như các hạng thuế, như thuế rượu, thuế chợ, thuế đồ ngang, thuế nha phiến... ở sáu tỉnh Nam Kỳ. Trước đây Viện Cơ Mật đã kính thương quan toàn quyền đại thần cũ xin các hạng ấy cứ để bản quốc đấu giá cho người lĩnh trưng. Các người lĩnh trưng chỉ được chiếu theo những hạng đã lĩnh trưng mà thu thuế ngoài ra không được lạm thu.

Sau tiếp quan Khâm sứ Hách-tô phúc rằng còn đợi thương thỏa, nay xin tạm y theo lời đề nghị của Viện Cơ Mật, phạm những sản phẩm,

hoặc do sản hộ thu bói hoặc do dân buôn mua bán, đều do người bản quốc lĩnh trưng nạp thuế để được tiện lợi.

d. Hiện nay lương giáo ở các tỉnh đương thù ghét nhau mà các linh mục, giám mục lại hòa theo dân giáo hoặc bắt dân lương bồi thường, hoặc muốn chiếm đoạt ruộng đất, hoặc xin chấn cấp tiền gạo dựa vào thể của quý quốc, bắt buộc quan tỉnh phải theo. Do đó mà lương giáo càng thêm mâu thuẫn, trong đó có một số bị đảng nguy hiểm bắt phải theo, nay muốn ra tục, dân giáo nghe được liền bắt giam giữ, bắt bồi thường. Vì thế mà sợ hãi không dám ra thú, đã hiểu tráp nhiều lần mà mỗi tệ vẫn chưa hết.

Nay xin những việc lương giáo đều do triều đình bản quốc xét xử, các viên giám mục, linh mục không được đến tỉnh can thiệp. Dân giáo không được tự tiện bắt người giam giữ, bắt ép bồi thường để được ăn ở yên ổn với nhau.

e. Các quan lại của bản quốc, như đốc phủ, bố án đều là quan tỉnh, quan to, phủ huyện cũng là kẻ lớn trong dân. Nếu có sự gì sai lầm, nên cách nên giáng đều phải chiếu theo hòa ước do triều đình bản quốc tiêu chuẩn định đoạt. Thế mà gần đây bọn Đồng Sĩ Vĩnh Tuân phủ Ninh Bình, Tri phủ Trần Bạch Lân, Tri huyện Nguyễn Huy Trác cả thấy 5 viên, không biết can về khoản gì, chưa thấy tư báo gì cả, thế mà quý quan đã tự ý hoặc bắt giam, tra hỏi hoặc nghị xử tội chém, tội đầy. Chẳng những là không hợp với hòa ước, phương chi đương lúc bấy giờ, Bắc, Nam chưa yên, lòng người chưa vững mà cách chức quan lại một cách quá dễ dàng như thế làm cho quan lại nhiều người tự ngay đem lòng chán nản, rồi bọn hiếu sự, nhân đó mà gieo rắc hoang mang, làm cho lòng dân ngờ vực, đến sự thể ấy, sợ bản quốc không biết làm sao mà quý quốc cũng không khỏi thêm khó bề xử trí, vì lo sợ như thế nên phải nói rõ.

Nay xin, phàm các quan viên ở các tỉnh Bắc Kỳ nếu có can phạm khoản gì cần phải xử trí, quý quan đều chiếu theo hòa ước, tư cho

Nha Kinh Lược hoặc do quan tỉnh sở tại xét nghị, tâu lên Hoàng đế lượng tùy tình tội xử trí để yên lòng người.

g. Các quan địa phương ở bản quốc như: tổng đốc, tuần phủ, bố chính, án sát, [128b] đề đốc, lãnh binh, chiếu theo lệ trước, hễ khi có khuyết đều do hai Bộ Lại, Bộ Binh tâu xin điều bổ.

Năm ngoái, sau khi xảy việc, các quan Bắc Kỳ từ đốc phủ đến phủ, huyện đều do Nha Kinh Lược điều bổ rồi mới tâu sau. Đây là vì lúc bấy giờ, ngôi lớn chưa định, Nam, Bắc chưa yên, nên phải quyền nghi trong nhất thời để mau xong việc.

Nay Hoàng thượng đã lên ngôi, sự quyền đã thống nhất, nếu các quan tỉnh cũng cứ để do Nha Kinh Lược điều bổ như trước e thiếu long trọng. Sợ rồi đây những người có chí tháo không vui lòng làm việc, và những người bao dụng để trị dân lại không khỏi lạm dụng đến người phu tào, cạnh tranh, vả lại sĩ phu Bắc Kỳ là chỗ nghìn năm văn vật, nếu xử trí không được thích đáng để thu phục lòng người thì những việc ích lợi khó làm nhanh được.

Nay xin từ nay về sau, các văn võ ấn quan ở các tỉnh nếu có khuyết tâu xin, chờ chỉ điền bổ, còn từ phủ huyện trở xuống cứ do Nha Kinh Lược điền bổ. Nếu có thiếu người thì tự do bộ lựa người điền bổ, nếu sau có viên nào kém dở cần phải giáng cách thay đổi, sẽ do quan tỉnh chiếu theo điều ước tuân làm mới mong thỏa thích.

Năm Đồng Khánh thứ 2 (Đinh Hợi, 1887), mùa xuân, tháng Giêng

Quan quân Pháp trú ở Thanh Hóa đánh phá được căn cứ của Phạm Bành ở Ba Đình (thuộc Nga Sơn), đập bằng đồn lũy. [Bốn mặt ruộng sâu hơn 2.000 mẫu ở giữa nổi lên một mô đất rộng hơn 100 mẫu có ba thôn: Thượng Thọ, Mậu Thịnh, Mỹ Khê ở liền nhau, đình miếu ba thôn đều trông thấy nhau (vì thế nên mới gọi là Ba Đình)].

Lúc bấy giờ Phạm Bành cùng với Hoàng Bật Đạt, Đinh Công Tráng (người huyện Nho Quan tỉnh Ninh Bình)⁽¹⁾ hợp đảng ở phần rừng các xã Kim Âu, Thạch Bằng, quân Pháp đuổi đánh, bọn Bành cho chỗ này hiểm trở có thể [129a] dựa được (trông ra bốn mặt đều bùn lầy 2, 3 thước, chỉ có một đường ra vào mà thôi), mới dời quân đến đây, xây đồn lập lũy chứa lương thực làm kế cố thủ lâu dài.

Quân Pháp đánh mãi không được rút về, vài ngày sau lại đem ba đạo quân tiến lên vây đánh, bọn Bành núp bắn, quân Pháp bị nhiều thương vong, không vào được. Mới phi báo cho các đội quân hiện đóng ở Ninh Bình, Nam Định cùng đến phối hợp tiến đánh trong một lúc. Ngày đêm lấy đại bác bắn xả vào, lại làm nhiều bó củi, sai lính Pháp ôm mỗi người một bó bày ra phía trước để đỡ đạn, rồi đốc thúc dân phu đi theo sau xông vào những nơi bùn nước đắp thành đường lớn. Sau hai tháng tiến quân vào đánh, bọn Bành ở trong bắn ra, quân Pháp tuy có bị thương vong, nhưng đánh rất hăng.

Bọn Bành liệu thế không thể giữ được mới phá vây tạm chạy, dân quân bị chết hơn 500 người. Quân Pháp vào đồn lấy hết súng đạn lương thực, san phẳng đồn lũy. Lại bắt được thổ phỉ là Hà Văn Mao mang chém [129b].

Quan Toàn quyền mới của Pháp là Bi-u (Bihouard) đến Hà Nội, Nguyễn Hữu Độ tuân theo chỉ chuẩn, thân đến thăm hỏi và tặng phẩm vật cho các quan Pháp khác nhau.

Tháng Ba, viên khâm sứ đưa thư nói rằng: Hiện nay quan Pháp có phái thêm ba đội quân (hai đội quân Pháp, một đội quân lính tập, mỗi đội 200 người) đến tỉnh Quảng Nam hợp với

⁽¹⁾ Đinh Công Tráng là người huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nội (nay thuộc Hà Nam). Ở đây giữ nguyên theo bản gốc. BT.

quân sơn phòng ở hai tỉnh Quảng Nghĩa, Bình Định và hai đạo khâm sai ở Tả Trục Kỳ, đánh dẹp một phen thật kịch liệt, làm sao cho thật mau yên.

Vua sai Viện Cơ Mật đem khoản "hội tiểu" phi tư cho bọn Nguyễn Thân và Phan Liêm biết mà làm.

Các quan Pháp ở Bắc Kỳ họp bàn việc phổ khuyến góp tiền đúc tượng đồng quan Toàn quyền cũ là Pôn-be để truyền lại lâu dài về sau. Rồi đem việc ấy tư cho Viện Cơ Mật biết làm.

Vua cho là Pôn-be trước đến giúp việc cho ta và có thật lòng giúp đỡ, nay quan Pháp đã có thư báo ta cũng nên [130a] góp phần nào để tỏ biết ơn. Mới chuẩn cấp cho 500 đồng bạc giao quan Pháp nhận làm.

Quan Toàn quyền Pháp là Bi-u đến kinh châu yết. Hôm sau vua sang sứ quán hỏi thăm đáp lễ. Bi-u lưu ở Huế 10 ngày rồi về Bắc. Vua chuẩn ban thưởng cho một chiếc Long bội tinh hạng nhất và các vật phẩm khác.

Khi toàn quyền mới đến Hà Nội, Nguyễn Hữu Độ vâng mệnh đi ra trước để tiếp đón, vua đã chuẩn cho Phủ Tôn Nhơn và đình thần làm đủ thư từ trình bày tình hình hiện tại, nói rõ những công việc cần làm đem ra thương thuyết, nhờ quan toàn quyền giải quyết. Toàn quyền trả lời rằng, chờ ngày nào vào kinh sẽ hay.

Đến khi gần ngày toàn quyền vào kinh, vua lại sai Phủ Tôn Nhơn và đình thần đem các khoản trước bổ sung vào cho đầy đủ, kê như sau:

a. Về thuế lệ Bắc Kỳ ở khoản 11 trong hòa ước có nói rằng: Hệ khi nào thu xong thì quan Pháp quan Nam hội đồng xét định số tiền chi phí các sở và số tiền bạc công tiêu hết bao nhiêu, còn lại bao nhiêu đều nạp

vào kho ở kinh đô nước Nam. Năm ngoái quan Toàn quyền cũ là Pôn-be có nghị định mới nói rằng: Cứ mỗi năm chở vào kinh 38 vạn quan tiền, 38 vạn斛 gạo (mỗi斛 chiết lấy 5 quan). Như thế là tiền với gạo cộng lại chỉ được 228 vạn quan. Chúng tôi thiết nghĩ từ sau khi xảy ra việc, ở kinh thiếu thốn chi dùng không đủ.

Vì vậy chúng tôi đã vâng mệnh Hoàng đế chuẩn cho, kính thư lên quý đại thần xin cho chở tiền và gạo vào kinh (do gạo chiết thành tiền) mỗi năm chừng 400 vạn [130b] quan. Hiện nay chúng tôi (Nguyễn Hữu Độ) ra Bắc, thấy các quý quan ở các tỉnh Bắc Kỳ đương chỉnh lý mọi việc chi dùng rất nhiều, thu thập chưa được đầy đủ. Nay hãy tạm xin cứ như nghị định mới của quan toàn quyền cũ, mỗi năm chở vào kinh tiền 38 vạn quan, gạo 38 vạn斛 (gạo chiết thành tiền), đợi khi nào các công việc ở Bắc Kỳ ổn định, thuế khóa đầy đủ rồi chiếu theo thuế thu nhập. Chia làm 10 thành, lấy mấy thành dùng vào các công việc bảo hộ, trích lấy mấy thành cho vào kinh, hai nước sẽ hội đồng xét định.

b. Quan lại ở Bắc Kỳ từ tổng đốc trở xuống đến phủ huyện, theo nghị định của quan Nguyên soái Cuộc-xy trước đây, đều do Nha Kinh Lược Sứ Bắc Kỳ chọn bổ, rồi sau sẽ về tàu triều đình tiết thứ cử. Viên Quyền kinh lược Nguyễn Trọng Hợp tâu rằng: Hiện nay cần người chọn bổ quan lại ở Bắc Kỳ, hoặc lấy người có sức mạnh, hoặc lấy hạng lại điển, hoặc lấy hạng học trò, lệ dịch chưa có phẩm hàm gì. Chiếu theo thể lệ dùng người của bản quốc có nhiều điều chưa hợp, do đó mà nhân tình chưa được thuận thỏa.

Nay nghĩ do Nha Kinh Lược và các quan tỉnh xét đem những người có thể kham làm được những chức như tổng đốc, tuần phủ, bố chính, án sát, đề đốc, lãnh binh, tâu xin đăng án, đợi khi có khuyết, chờ chỉ chọn điền. Nếu còn thiếu sẽ chọn quan ở kinh sung vào cho đủ.

Đến như các quan phủ huyện trở xuống đều do Nha Kinh Lược và các quan tỉnh đề cử rồi tư về cho bộ xét, những người cử xứng đáng,

tâu xin cho y, còn những người đề cử không đáng ở bộ sẽ lựa người khác ra điều thế. Nhưng chọn bổ viên nào đều phải hầu yết quan quý thống sứ và toàn quyền ở Hà Nội cấp cho văn bằng mới được nhận chức.

Có làm như thế thì mọi người mới thấy làm quan là vinh mà dân tình mới mong yên ổn nhanh được.

c. Từ Thanh Hóa vào Nam đến Bình Thuận, nguyên trước nghị đặt cho 5 vệ lính tập, nhưng các tỉnh hiện nay chưa yên, thôi thúc chưa tiện, gần đây chỉ mới điều thúc cho những tỉnh đã hơi yên mà thôi. Vì vậy chưa cần.

Nay xin đợi khi nào công việc dẹp yên xong đã, sẽ chiếu theo nguyên ngạch của các tỉnh mà chọn điều vào cho đủ số, rồi giao nhờ quý quan luyện tập, còn số lính tập ấy cần giao cho quý quan bao nhiêu để sai phái và trích giao cho bản quốc bao nhiêu nhận khái sẽ xin bàn định sau.

d. Khoản thứ 3 ở trong hòa ước nói rằng: "Địa giới của Đại Nam, từ tỉnh Biên Hòa trở ra bắc cho đến giáp tỉnh Ninh Bình, các quan viên tỉnh đều cứ làm việc trị dân như cũ", lại khoản 11 nói rằng: "Triều đình Đại Nam [131a] cứ y như cũ, quan bổ chánh chiếu lệ thu thuế nộp về triều đình, không có quan Pháp kiêm cố".

Gần đây tình hình các tỉnh chưa yên nên mới phải đặt công sứ và các quan binh đóng đồn để tiện việc đánh dẹp. Nay xin cứ chiếu theo đúng như hòa ước mà làm việc, còn các cửa biển có mở buôn bán cần phải đặt công sứ để quản cố thì không kể. Ngoài ra các viên dân chính ở các tỉnh và các hạng thuế đều xin giao cho các quan tỉnh chiếu theo hòa ước cũ mà làm việc.

Những tỉnh nào còn cần phải lưu quý quan đóng lại để giúp việc, thì cũng chỉ giúp vào những việc đánh dẹp mà thôi.

e. Các nhà hành cung từ tỉnh Thanh Hóa trở vào nam là nơi dùng vào việc trú chân cho Hoàng đế những khi tuần hạnh và làm chỗ cho các

quan làm lễ chúc mừng, hoặc hành lễ trong những ngày khánh tiết. Lâu nay các quý quan đến đây đóng ở, làm cho bọn phi mượn cớ để phiền hoặc lòng người. Nay xin sức cho các quý quan hiện trú ở các tỉnh thành cùng dời đi chỗ khác, trả lại hành cung giao cho các quan tỉnh tu bổ lại, để làm chỗ chiêm bái trong các ngày lễ. Như cùng với các khoản đã kể trong thư trước, phúc cho xin xét lại kỹ càng và biết.

Đến nay, nhân toàn quyền vào kinh triều yết, Viện Cơ Mật lại đem các khoản ra đàm phán trực tiếp.

Quan toàn quyền cứ theo từng khoản trả lời như sau:

a. Về khoản chờ tiền gạo vào kinh đáp rằng: Theo trong hòa ước không thấy nói mỗi năm chờ vào kinh bao nhiêu cả. Năm ngoái quan toàn quyền cũ định ra số ấy, nay xét trong cả bản biên định không có chữ ký của ông Pôn-be, chỉ thấy ký vào biên bản hội đồng định số trưng thu mà thôi. Vả lại hiện nay quân nhu ở Bắc Kỳ và các khoản xây dựng khác tốn phí rất nhiều, nên số tiền chờ vào kinh như thế chưa tiện y cho được. Duy tiền tài tiêu dùng ở nước ta cũng là thiếu thốn. Vậy hãy tạm chiếu theo số thuế hiện thu được ở Bắc Kỳ về năm Bính Tuất (1886) là hơn 750 vạn quan, trích lấy 1/5 phòng chừng 150 vạn quan tiền tây chờ vào kinh. Còn từ năm nay về sau, nên chờ vào bao nhiêu sẽ xin bàn sau.

b. Về khoản từ Thanh Hóa vào nam đến Bình Thuận các tuần ty và thuế ngoại ngạch như nha phiến, cau khô, rượu, muối... Đáp rằng: Chiếu theo hòa ước, đều nên đình lại, giao hết cho Nha Thương Chính Pháp trưng thu. Đồng niên thu được bao nhiêu chiếu trích ít nhiều giao Nam triều chi dụng. Chỉ có những sản vật nào không xuất cảng, [131b] không dự vào các vật phẩm buôn bán, nên giao nước ta, chiếu theo như cũ tìm ra phương pháp mà làm, nhưng chờ giao cho người Tàu lĩnh trưng

để làm hại dân. Hiện nay tài chính nước ta đương còn eo hẹp, nên các hạng tạp thuế ở các hạt hãy tạm giao ta lĩnh trưng đợi sau sẽ nghĩ.

c. Khoản từ Thanh Hóa vào nam, thôi đặt công sứ... Đáp rằng: - Chiếu theo đề nghị của Phủ Tôn Nhơn và đình thần cùng hợp, nhưng vì gần đây các tỉnh chưa yên nên quý quốc phải tạm đặt công sứ để giúp việc, nếu sau đây yên dần sẽ chiếu theo hòa ước mà làm.

d. Về khoản đặt quan lại ở Bắc Kỳ đáp rằng: Năm trước quan toàn quyền cũ đã xin ban dụ chỉ xuống cho Bắc Kỳ tiện nghĩ hành sự, sau mới tâu lên, các lễ đều đã hợp cả rồi, phương chỉ các quan cai trị Bắc Kỳ viên nào có lỗi nên giao quan toàn quyền cách đối. Lâu nay Nha Kinh Lược chọn bổ, đều đã thương với quan toàn quyền xét định, nay nếu giao cho triều đình xét bổ, rất chậm. Đến khi nhận việc, nếu gặp khi có người quan toàn quyền không đồng ý, lại phải tự đối dây dưa ngày tháng, rất phiền, cứ theo như cũ, do Nha Kinh Lược chọn bổ cho tiện.

e. Về khoản trả lại các nhà hành cung... đáp rằng: Những lời lẽ nói ở trong thư của Phủ Tôn Nhơn và đình thần đều phải, nhưng vì lâu nay các tỉnh từ Thanh Hóa vào nam chưa yên, các quý quan đến đánh dẹp không có chỗ ở, bắt buộc dĩ nên phải tạm trú vào đây. Rồi đây sẽ ra sức cho các quý quan trú ở các tỉnh nên làm nhà tạm mà ở, để giao lại các hành cung cho chính phủ Nam triều.

g. Về khoản 5 vệ lính tập, đáp rằng: Đợi khi nào dẹp xong giặc, sẽ chiếu theo ngạch lính của các tỉnh mà bổ sung vào cho đầy đủ, và cho đều nhau, khoản ấy nên y. Lại nói thêm rằng, về khoản đất nhượng quan toàn quyền nghĩ rất đúng. Mới rồi quan toàn quyền đến cũng đã lưu ý liệu biện, chờ khi nào mua

được máy đúc tiền xem có đúc được số nhiều mới cho khởi công. Còn việc cho các súng đồng cũ và bắt phu lấp các hồ ao ở trong khoảng đất nhượng, việc đó Nam triều đã hứa rồi, thì phải cứ theo như thế mà làm mới đúng.

Lại nói đến khoản ba tỉnh: Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận bị thất thủ, ngày tháng 6 năm ngoái, triều đình Pháp đã bàn định chuyển giao cho nguyên soái ở Gia Định, phái quan quân ra đánh lấy lại, còn quân khí hết bao nhiêu, Nam triều đều phải hoàn lại. Nay ba tỉnh đều đã dẹp yên, quân khí phải trả lại bao nhiêu, đợi khi về Bắc Kỳ, tính toán đầy đủ sẽ tư cho quan khâm sứ chuyển giao cho Nam triều biết làm, và phái quan đến cai trị.

Lại nói rằng: Quan toàn quyền thấy hoàng thân quốc thích của nhà vua và số quan lại Nam triều quá nhiều, trong đó không khỏi có hạng chỉ ngồi ăn không. [132a] Mà những người có công việc thật tử tế thì lương bổng lại quá ít ỏi, vì vậy khó giữ được thanh liêm. Từ nay về sau, nên giảm đi một số nhiều, những người ngồi không thì cắt lương bổng, những người có việc thì tăng lương lên cho khá hậu.

Lại thấy Nam triều còn lãng phí khá nhiều vào những công việc không cần thiết. Nếu không tính tiết giảm đi sớm sớm, thì sợ còn sinh ra nhiều điều bất tiện.

Tức như việc xảy ra với nước Pháp năm ngoái đó những người làm cha mẹ dân, sáng chiều chỉ lo ăn chơi vui vẻ, chính sự bỏ bê, mà còn có hạng lại sinh sự nhiều dân để làm cho dân chán ghét nữa là khác. Vì thế mà có người muốn lập ra hội dân chủ, rất là đáng phàn nàn. Nam triều nên lấy đó làm gương.

Phàm mọi việc phải cẩn thận trước, chớ để mất lòng người, đây là điều cần thiết nhất, nhưng bảo sẽ có thư nói đầy đủ

gởi đến sau. Đến khi có thư trả lời thì cũng y như những lời đã nói trước mặt cả.

Quan Pháp trú ở đồn Ô Cẩm (thuộc tỉnh Quảng Bình) vây đánh, bắt chết Nguyễn Phạm Tuấn (nguyên Tri phủ, tự xưng làm chức Tán lý) thu được quả ấn của vua Hàm Nghi. Thường kim khánh một mặt hạng trung cho quan Pháp, thưởng tiền bạc cho các lính tập có thứ bậc.

Mở trường học chữ Pháp. Lấy viên Kiểm thảo kiêm đốc Ty Hành Nhân là Diệp Văn Cương kiêm sung chức chương giáo và viên Tư vụ Ty Hành Nhân là Nguyễn Hữu Mẫn làm Trợ giáo. Phàm con em các quan lại và các binh lính, nhân dân cho tự biện lương thực đến học tập. Mỗi năm, khi hết năm học thì Viện Cơ Mật hội đồng sát hạch một lần, hễ trò nào khá thông cho vào Ty Hành Nhân, [132b] chiếu theo lệ học trò, cấp lương cho ăn mà học tập.

Mùa hạ **tháng Tư**, ban cấp cho viên quan Năm, Tổng lý binh chính đại thần của Pháp là Ca-lê, quan Tư là Lô-suy, Thống binh của Thuận An là Ba-nô, mỗi người một chiếc kim khánh vì lâu nay các viên ấy đều có lòng tốt giúp việc cho ta.

Các quan khâm phái hội đồng của Pháp đến kinh. Hoàng đế chuẩn cho mời vào trong Đại Nội triều yết, đãi tiệc, lưu ở vài ngày rồi về Bắc. Chuẩn ban cấp cho các đồ phẩm vật (hai đồng kim tiền, ngà voi, đồ trà, túi bốn cạnh, mỗi thứ một cái, Nam sa 4 tấm, ngọc bội san hô tốt một cái).

Lúc bấy giờ phái viên Pháp và Viện Cơ Mật thương thuyết rằng: Các lợi quyền nước ta, đều về quý quốc cả rồi, nên phải trù tính ngay những việc lợi ích mới mong tốt được. Nhưng các việc lợi ích, chỉ hai Bộ Hộ, Bộ Công có nhiều. Nước ta nếu muốn có

những người của quý quốc giúp việc thì phạm những việc hưng lợi từ hại, có dính đến sự giao thiệp, đều do các viên giúp việc của Pháp hội đồng với bộ, viện của nước ta bàn định thi hành, mới có ích lợi. Khoản này nếu muốn theo như thế mà làm, thì quý phái viên cũng xin giúp cho. Các quan với Viện Cơ Mật tâu rằng: hiện nay việc ích lợi ở nước ta, cũng phải lần lượt cử hành. Nhưng các khoản khai khoáng, thông thương, nếu không có quý quan giúp vào thì ta khó có thể làm được. [133a] Duy ở kinh đã có quan khâm sứ, nếu nay lại đặt thêm quan khác nữa không khỏi thêm phiền. Tướng nên thương với quan khâm sứ liệu lý, hoặc lấy viên phó công sứ ở tòa hiện nay hoặc một viên thương biện sung vào để được ổn tiện. Phụng chỉ chuẩn cho Viện Cơ Mật qua thương thuyết với phái đoàn ở bên tòa Khâm sứ. Các quý quan cho nghĩ như thế cũng hợp, mới dự định thử soạn ra hơn 10 điều khoản, rồi xin xuống dụ thi hành, để cho nhân dân trong nước khỏi sinh ngờ vực.

Mới sai các quan Viện Cơ Mật phụng nghĩ chuẩn cho viên Khâm sứ Hách-tô thử giúp Viện Cơ Mật nước ta và ba bộ Binh, Hộ, Công thảo bài văn dụ, quý khâm sứ và quý Phái hội đồng xét lại đều đồng ý. Rồi sai chép giao cho quý Phái hai bản, một bản gửi về quý quốc, một bản quan toàn quyền giữ, chờ trả lời rồi sẽ tuân làm.

Sau đó, quan toàn quyền đến kinh cho là không tiện, việc bỏ dỡ không làm nữa.

Tháng Tư nhuận, nghị định bổ sung vào điều lệ trộm cướp.

Gần đây nhân vì có việc số trộm cướp sinh ra nhiều, Khâm sứ Hách-tô báo rằng: Đây là vì luật hình quá khoan dung mới đến như thế.

Vua mới chuẩn cho đình thần tham chiếu luật lệ, hình dung phép nặng để ràng buộc lòng người. Sau bàn định dâng lên 4 điều như sau đều chuẩn cho thi hành.

1. Phàm những đồ đạc của quan Pháp và của nước mình để trong kho tàng không kể trong kinh hay ngoài các tỉnh, hễ ai dám đương đem lủi vào lấy tiền bạc, thóc gạo, súng ống thuốc đạn, các đồ quân dụng và các đồ khác..., nếu chưa lấy được của thì thủ phạm bị tội "trảm giam hậu", tòng phạm "giảo giam hậu". Nếu đã lấy được của rồi, không kể nhiều ít (dưới đây cũng như thế) thủ phạm bị tội "trảm quyết", tòng phạm bị tội "giảo quyết". Oa chủ đã biết tình mà chia của thì cũng đồng tội với bọn phạm, không biết tình mà chia của thì giảm xuống một bậc.

2. Những kẻ đem hôm đột nhập vào văn võ nha thự, doanh xá quân đội hoặc nhà dân trong kinh thành, tỉnh thành trộm cắp tài vật nhưng chưa lấy được tài vật phạt đánh 100 trượng, phát sung quân cận biên, nếu đã lấy được tài vật phạt giảo hậu, phát xung quân viễn biên, lưu tán thiên lý.

Những bọn du đảng quen thói trộm cắp bị nhân dân cung khai là hạng bất lương thì không kể có tang vật [133b] ăn trộm hay không, đều chiếu lệ, phát đi làm quân ở tỉnh khác. Các hạng đây đi làm quân, như đã nói ở trên theo tình hình hiện này, nếu chiếu theo nguyên nghị mà phát vãng đi các tỉnh khác, chưa được thuận tiện, nên những hạng phạm này trừ những người đã phát đi rồi thì không nói nữa, còn những người chưa phát đi thì từ nay sẽ đình chỉ, cứ để giam ở tỉnh sở tại.

Những người phát đi làm quân ở viễn biên, hạn 12 năm, cận biên hạn 11 năm. Lưu tán thiên lý 10 năm và những hạng trảm giam hậu, giảo giam hậu đều đến chiếu cấp cho khẩu lương, công ngân, điệp sắt chắc chắn, ban ngày giao cho người chức

việc (ở kinh giao cho hộ thành, ở tỉnh giao cho tuần thành) bắt đi làm các việc khổ dịch, đêm về nghiêm giam ở nhà lao. Hết hạn giao về xã dân quản thúc.

3. Còn những hạng phạm trăm, giảo giam hậu, phát đi làm quân, đầy đi làm binh lính, nếu ở trong lúc cử giam mà dám bỏ trốn, không kể tái phạm hay không tái phạm và những hạng đầy đi làm quân, làm lính, sau đủ hạn trở về mà lại tái phạm thì không kể có lấy được của hay không, xét quả là ngoan cố không chịu sửa đổi thì đều xử tội thất cổ chết và thi hành ngay.

Nếu tổng lý che giấu không chịu bắt giải ngay, cũng đều phải nghị xử [phạm nhân cùng một làng với lý trưởng thì lý trưởng phải phạt 100 trượng và cách chức, phạm nhân cùng một làng với chánh phó tổng thì chánh phó tổng cũng phải phạt 100 trượng và bãi dịch].

Những tên can phạm về tội trộm cắp, dân xã đã bắt giải đến thì quan nha phủ huyện sở tại phải sức nhận giam xét ngay, nếu chậm trễ không chịu thụ lý, huyện thì do phủ, phủ thì do tỉnh giải về tra xét. Nếu nha nào thoái thác không chịu thụ lý thì sẽ chiếu luật "Bất ứng vi trọng" phạt 80 trượng, giáng ba cấp, ly, để làm cho những người không chịu hết lòng chấp pháp trộm cắp biết răn sợ.

Lại những hạng tù phạm phát đi làm quân, đầy đi làm lính, trừ những hạng giam cầm vĩnh viễn, không được thả giam, còn dư nữa không kể nguyên án can về khoản gì, đã phát phối hay chưa cũng đều chiếu theo hạn năm của bọn phạm án trộm này mà làm để được thống nhất. Sau lại bổ nghị đầy 2.500 dặm, đổi làm khổ sai 9 năm, đầy 2.000 dặm đổi làm khổ sai 8 năm. Kể từ ngày thành án lần đầu, gộp với các khoản trước làm luật lệ.

Tháng Năm, ngày lễ quốc khánh của nước Pháp (ngày 14 tháng 7 tây, tức ngày 24 tháng 5 ta) ban cấp huy chương Long tinh cho 354 [134a] quan viên Pháp (hạng nhất 6 viên, hạng nhì 17 viên, hạng ba 11 viên, hạng tư 81 viên, hạng năm 290 viên) sau lại cấp thêm cho 60 viên nữa (hạng nhất 3 viên, hạng nhì 8 viên, hạng ba 8 viên, hạng tư 17 viên, hạng năm 24 viên) y theo lời đề nghị của quan Toàn quyền Bi-u.

Quan toàn quyền Pháp đến kinh, chuẩn cho vào yết kiến ở điện riêng. Gần đây, tiết thứ Viện Cơ Mật đưa thư đề nghị nhiều khoản vì vậy quan toàn quyền vào kinh để tiện thương định ở trước mặt các quan Nam triều cho tiện. Các khoản kể ra như sau:

a. Kho tàng ở các tỉnh Bắc Kỳ lưu trữ số tiền các năm trước để lại, ước chừng 150 vạn quan tiền tây. Năm nay xin chở số tiền ấy về kinh, nhưng thông tính các món thuế mỗi năm thu được đầy đủ thì số tiền thu được phải là 750 vạn quan tiền tây, số tiền lưu hạ đó sẽ cho chở hết vào kinh. Nếu không đủ thì chưa chắc đã cho chở vào hết được, vậy xin xuống chỉ tư trước cho Nha Kinh Lược, nghiêm sức cho các quan phủ huyện phải hết sức thôi thu để số tiền định chở vào kinh khỏi thiếu.

b. Về khoản tiền bồi phí của hai tỉnh Bình Định và Phú Yên, khoản này có nên giao cho các quan Pháp tìm phương pháp thu các hạng thuế, hoặc phạt tiền để sung vào hay không? Hoặc do các quan tỉnh thu lấy, rồi giao lại cho quan nguyên soái ở Gia Định, cái đó tùy Nam triều quyết định.

Viện Cơ Mật trả lời, nếu như tiền thu phạt để bồi phí thì nên giao cho quan Pháp thu lấy, nhưng chưa biết cách phạt như thế nào? Toàn quyền Pháp đáp rằng: Cách phạt rất công bằng, đời sẽ phúc bằng công văn rõ ràng sau.

c. Các khoản thuộc về việc Bộ Hộ, Bộ Công, những số tiền tiêu phí của các quan Pháp từ Thanh Hóa trở vào nam, đều do Nha Thương

Chính cấp phát cả. Nếu còn thừa sẽ trích lấy một phần giao Nam triều tiêu dụng. Duy các hạng tạp thuế, quý quan thu được bao nhiêu, chi hết bao nhiêu đều có sổ sách đầy đủ phân minh, sẽ giao nước ta chiếu tính.

Còn sau này, nước ta [134b] muốn cho lĩnh trưng, thì chỉ có thuế rượu, thuế nha phiến, những ai muốn lĩnh trưng thì phải đấu giá, hễ ai đấu giá cao thì được lĩnh trưng từ Thanh Hóa trở vào để khỏi lĩnh tỉnh. Và lại thuế rượu, nếu cứ đánh thuế theo số lô như trước thì cũng không có lợi được nhiều. Hiện nay thuế rượu ở Bắc Kỳ đã cho một người trưng thu hết thủy từ Thanh Hóa trở vào nam. Nếu Nam triều muốn cho người lĩnh trưng, thì quan toàn quyền sẽ sức cho người buôn đã lĩnh trưng ở Bắc Kỳ, do bộ đấu giá lĩnh trưng.

d. Về khoản chuẩn cho quan khâm sứ định liệu trước các công việc cho Nam triều... Đáp rằng: Lấy quan khâm sứ của quý quốc mà dự định các công việc chính sự cho nước Nam, sợ không hợp với hòa ước. Duy nước Nam muốn làm việc gì, thì phải thương thuyết với quan khâm sứ thỏa thuận rồi mới làm, như thế cũng không ngại gì. Nghĩ cũng nên phòng sự không rõ ràng, nên có phụng chỉ chuẩn rõ ràng bằng giấy tờ. Vì quan khâm sứ là một quan lớn của Pháp đến giúp việc cho nước Nam, thì hễ có bàn định việc gì nước Nam đều phải nghe theo hết, nếu không nghe theo thì sợ phạm đến thể thống của quý quốc. Mới rồi đây, quan khâm sai đến Huế, cũng là do quan toàn quyền phái đến để kiểm soát các công việc buôn bán và kỹ nghệ. Đến như chính sự nước Nam, nếu có thi hành việc gì cũng phải do quan toàn quyền bàn định. Vì quý quan đã không làm toàn quyền thì thôi, chớ đã làm toàn quyền thì những quyền pháp ấy đều phải do tự tay quan toàn quyền mà ra cả, người khác không được dự vào.

e. Về khoản Nha Kinh Lược Bắc Kỳ. Đáp rằng: Đã có phụng chỉ phái Nguyễn Hữu Độ ra làm Kinh lược đại thần. Nay quý đại thần vào kinh cũng muốn tỏ thêm lòng đón tiếp, đồng lòng lo việc để mong cho

yên ổn. Nếu bất kỳ lúc nào ở kinh có cần bàn bạc việc gì mà phải triệu về thì quý đại thần cũng xin vâng mệnh.

Khi Nguyễn Hữu Độ đã ra Bắc rồi, nếu ở trong kinh có gặp việc gì khó khăn thì Viện Cơ Mật chịu cử một hai viên quan ra Bắc hội thương, quý đại thần cũng xin sẵn lòng tiếp đãi không có gì là ngăn trở cả.

g. Về khoản hành cung, đã sức cho quan Pháp ở các tỉnh dời đi nơi khác, trong đó có tỉnh Quảng Bình thế đất chật hẹp chưa thể dời đi đâu được. Nếu Viện Cơ Mật tìm được chỗ nào thuận tiện thì các quý quan sẽ dời đi ngay.

h. Về khoản công sứ các tỉnh, chiếu theo hòa ước, từ Thanh Hóa trở vào nam, các cửa biển ở tỉnh nào có Nha Thương Chính, thì đều có quý quan đóng ở cả. Và lại tình hình hiện nay chưa yên ổn thì lại cần phải đặt công sứ để tiện kiểm soát, nên nay chưa thể bãi bỏ được. Đợi khi nào hơi yên, thì trước sẽ rút quân Pháp rồi sau đến rút công sứ.

Nếu ta biết được viên công sứ nào đối với ta không tốt thì cứ nói rõ để sứ đại thần [135a] xét nghĩ. Và lại nếu quý công sứ mới có một vài điều không đúng, mà đã vội vàng cách đối xử có quá khắt khe, cũng như các quan đầu tỉnh của nước Nam nếu có một vài điều không hợp, lẽ nào quý đại thần đã vội vàng thương tư cách đối hết cả được.

h. Về khoản chọn bổ các quan lại ở Bắc Kỳ. Trước đây quan Toàn quyền Pôn-be đã thương xin xuống dụ chuẩn cho viên kinh lược ở Bắc Kỳ được "tiện nghi hành sự". Gần đây viên Quyền kinh lược Nguyễn Trọng Hợp đã tuân theo dụ chỉ mà làm việc. Nay Nguyễn Hữu Độ ra làm Kinh lược, nếu không tuân theo chỉ dụ trước mà làm việc, thế là quyền hạn của viên chính kinh lược lại hẹp hơn viên quyền kinh lược, sợ nhân tình lại thêm bàn tán. Phương chi chọn bổ quan ở kinh ra làm việc ở Bắc Kỳ, nếu sợ có gì không đúng với hòa ước, thì quan toàn quyền thương tư cách đối, sao bằng lấy người Bắc Kỳ, do quan kinh lược chọn lựa rồi thương qua quan toàn quyền hội đồng quyết định

đã gần tiện lại nhanh chóng hơn. Phương chỉ chọn bố rồi cũng phải tâu về cho triều đình biết. Trước đây có việc chậm tâu, đây là sự lầm lỗi của Nguyễn Trọng Hợp. Nay Nguyễn Hữu Độ là người thạo việc, sau đây sẽ một mặt chọn bố, một mặt tâu về triều chắc là sẽ không chậm muộn như trước nữa.

Sau đó quan toàn quyền trở về Bắc, Hoàng đế chuẩn ban thưởng cho các quan thuộc khác nhau. [Tặng quan toàn quyền một cái khánh ngọc tốt, một bức hình tam thọ bằng vàng, một cái chén bằng ngọc, một cái quạt bằng ngọc tinh quang có dây tua bằng san hô, 3 tòa chậu lung. Tặng quan Ba quản đốc hỏa thuyền một cái kim khánh hạng nhỏ. Tặng cho một viên quan Năm, một viên quan Hai, một viên ký lục, mỗi người một kim tiền hạng lớn có chữ “Vạn thế vĩnh lại”].

Nguyên lúc kinh thành xảy ra việc, các hạng súng đồng để ở xưởng Tả, Hữu tướng quân và do các tỉnh đưa về (ở kinh và ở các [135b] đồn chuyển về 1.440 khẩu, các tỉnh đưa về 1.440 khẩu) đều do quý quan thu giữ.

Tháng Bảy năm ngoái, quan Toàn quyền Pôn-be đưa thư nói rằng: Nam triều nhận lấy các hạng súng đồng cũ để đúc thành tiền, số tiền ấy sẽ tiêu dùng về khoản phí tổn quý quan xây đắp trụ sở mới ở Trấn Bình Đài. Còn thừa bao nhiêu sẽ trích giao Nam triều nhận dùng. Việc ấy đã được chuẩn y cho làm. Nhưng tư nhờ quý đại thần giúp mua máy móc và thuê chở đến kinh do Nam triều đúc làm.

Ngày tháng 4 năm nay, quan toàn quyền mới đưa thư nói rằng: Về khoản phá súng đồng ra đúc tiền, máy móc mua được rất khó, nghĩ nên phá các hạng súng ấy ra thành đồng bán đi lấy tiền để chi vào khoản tổn phí thuê thợ xây dựng Trấn Bình Đài.

Nay lại có chỉ chuẩn cho đình thần thương với quan khâm sứ rằng: Trong hạng súng đồng có 9 vị “Hùng dũng vô địch Đại tướng quân”, đây là di tích của tiền triều đúc ra để giữ nước, xin cho giao lại [136a] để làm quốc hữu. Còn dư nữa nên phái người đến kiểm kê xem được bao nhiêu chia làm 10 phần, trong đó 7 phần để quý quốc đem bán lấy tiền tiêu dùng, còn 3 phần xin giao Nam triều đúc thành tiền để tiêu dùng.

Đến nay quan toàn quyền mới phúc rằng: Khoản súng đồng này, muốn đúc thành tiền phải 10 năm mới xong. Nếu cứ đúc được bao nhiêu dùng bấy nhiêu thì các công việc xây dựng cũng phải đợi ngoài 10 năm mới xong, rất là chậm trễ. Từng vị đại tướng quân trú ở 9 nơi, nên giao trả lại không kể còn bao nhiêu, sẽ tùy tiện phá ra từng mảnh nhỏ phát mãi lấy tiền, hoặc giao cho Nam triều chiếu giá trả tiền để có tiền mà làm việc cho kịp thời.

Và hạng súng ấy, (trừ 9 vị tướng quân ngoại hiệu) còn hơn 600 khẩu, ước được 70 vạn cân tây (thành 120 vạn cân Nam). Thành 70 vạn tiền quan tây. Nay giao đồng lại Nam triều nhận giữ, nói giao tiền cho quý đại thần nhận. Tính thành hơn 50 [136b] vạn quan tiền Tây (tính thành tiền Nam 65 vạn quan) tính thành bạc 120.500 đồng⁽¹⁾, để kịp thuê người xây dựng Trấn Bình Đài.

Các quan ở Viện Cơ Mật tâu: Quan toàn quyền đã nói như thế, thì Nam triều cũng không nên so đo gì nữa, xin chuẩn y cho. Hoàng đế bảo rằng: Từ sau khi xảy ra việc, kho tàng Nam triều đều đã trống không. Nay quý đại thần bảo việc này đến 10 năm mới xong. Phương chi tình thế nước ta hiện nay như thế

⁽¹⁾ DNTL (Sđd, tập 9, tr. 344) và Việt Nam những sự kiện lịch sử (Sđd, tr. 182) đều ghi 50 vạn phrăng quy ra bạc là 12.050 đồng. BT.

chỉ sợ đến 30 năm đã thành hay chưa, cũng chưa biết được. Thật như tục ngữ đã nói: "Tiền mất tật còn" cũng có thể lấy đấy làm gương được.

Khoản này còn cần phải cân nhắc kỹ. Một mặt thì sợ thương tổn đến sự giao hảo, một mặt thì sợ tổn phí. Nhưng sự thể to lớn, nên giao xuống cho Phủ Tôn Nhơn và các quan đình thần họp bàn để trả lời cho quan toàn quyền.

Sau phúc cho quan toàn quyền rằng: Nước Nam hiện nay đã nhận sự bảo hộ của quý quốc, thì tiền bạc có đủ mua hay không, đã rõ ràng hết. Phương chi quý đại thần đến đây nói hai tỉnh Thuận, Khánh rồi đây [137a] cũng sẽ trả lại cho ta, thì ta còn nhờ vào quý quốc nhiều. Nay nếu bảo là có thiếu tiền, không muốn nhận mua, như thế chẳng những là tỏ ra hẹp hòi mà còn sợ can ngại đến tình hòa hảo. Sau đây nếu có thương thuyết sự gì ắt sẽ gặp nhiều khó khăn, xin cứ tạm nhận để tỏ ý hân hậu.

Vua mới nghe theo chuẩn cho viên Khâm đại sứ ở Hữu Trực kỳ là Hoàng Tá Viêm rút quân về kinh chờ chỉ.

Lúc bấy giờ quan khâm sứ tư nói rằng: Tá Viêm làm việc có nhiều điều không hợp ý các quan Pháp, các quan ở Viện Cơ Mật tâu xin cho rút về chờ chỉ. Vì vậy mới có mệnh này.

Ngày tết quốc khánh nước Cộng hòa Pháp, quan khâm sứ duyệt binh, mời Hoàng đế đến dự duyệt. Hôm ấy bày quân ở trước lầu Ngọ Môn, Hoàng đế vận đồ quân phục đến xem, sau lại cưỡi ngựa đi duyệt quân. Ban cho viên thống binh Pháp một cái ngọc bội ngự dụng (có dây tua) và thưởng cho quan quân Pháp ngân tiền lớn nhỏ khác nhau, (thưởng cho 39 viên quan Pháp mỗi người một đồng long văn hạng lớn, 48 viên suất đội mỗi viên mỗi đồng hạng "tứ mỹ", 586 tên lính, mỗi tên một đồng "nhị thắng", "nhị nghi". Về sau hằng năm đều làm như thế.

[137b] Ngày tết cộng chính duyệt binh và mời Hoàng thượng đến ngự duyệt, bắt đầu từ năm nay).

Khâm sứ Pháp đưa thư nói rằng: Hiện nay sứ quán Pháp có lập một nhà dưỡng bệnh, phái quan thầy thuốc Pháp đến chữa bệnh, đã có hiệu nghiệm nhiều. Nước ta nên làm thêm một tòa nhà dưỡng bệnh gần ở bên đó mà điều trị. Lại nên phái một vài viên thầy thuốc ta đến đây ở thường xuyên, để thầy thuốc Pháp chỉ vẽ cho phương pháp trị bệnh. Các quan Viện Cơ Mật tâu xin chuẩn cho theo lời tư của quan khâm sứ mà làm.

Tháng Sáu, Khâm sai của Pháp ở hai tỉnh Bình, Phú là Trần Bá Lộc, đem quân lính quan viên xuống hóa thuyền về Gia Định.

Khâm sứ Pháp là Hách-tô đến yết kiến, vua mời vào điện riêng, có thương thuyết 5 khoản:

1. Hai tỉnh Thuận, Khánh mới được trả lại công việc rắc rối nhiều, có viên Khâm sai Hữu Trục kỳ là Phan Liêm, những việc trị dân, giao thiệp rất là quen thạo, nên cho viên ấy làm Tổng đốc Thuận, Khánh.

2. Kinh thành chưa được quý quan trả lại, dân tình rất là mong mỏi, quý khâm sứ có lòng giúp đỡ, nhờ tư báo cho quan toàn quyền xin trả lại sớm, để sức cho [138a] nhân dân bản quốc về ăn ở như cũ, lập ra phường ấp canh giữ để đề phòng bọn gian ác.

3. Theo luật lệ của bản triều, hễ người nào phạm tội tất phải xét hỏi kỹ càng, nếu quả là có tội không thể tha được, rồi sau mới xử tội chết.

Nay cứ các tỉnh, hễ bắt được phạm trốn, quý quan không hề xét hỏi tình tội nặng nhẹ như thế nào, liền thương với quan tỉnh đem bắn chết ngay, quan tỉnh cũng sợ không dám xét hỏi.

Và thường tình dân gian, nhiều khi vì thù oán, rồi vu hãm nhau, quý quan tỉnh cấp thiết, còn các quan đốc phủ ở các tỉnh thì không thể biết hết được. Nếu cứ làm một cách đại khái như thế thì trong đó

hoặc có người mượn việc công để trả thù riêng, rồi có khi tràn lan đến người không tội. Khoản này trừ những khi đương trường bắt được, có đủ tang trạng rồi bắn chết thì không kể, còn ngoài ra bắt được phạm trốn, thì nên giao cho quan tỉnh giam giữ xét hỏi, hễ có đầy đủ tội trạng sẽ xử trí sau, để tỏ lòng quý trọng mạng người.

4. Các quý quan hiện trú ở các tỉnh, đều sẵn lòng giúp đỡ mọi việc, bản quốc có ích lợi rất nhiều, những việc nhỏ mọn không nên so đo. Duy gần đây, các tỉnh tư về nói trong đó có một vài quý quan sức mua củi đuốc và các hạng cần dùng như ở Thanh Hóa chẳng hạn, sợ các tỉnh thuộc, dưới lúc thừa hành có nài mượn có để xâm nhiễu chăng?

Vậy từ nay về sau, nếu các quý quan có cần mua sắm vật hạng gì, nên tư cho quan khâm sứ, chuyển tư sang Viện Cơ Mật biết, để tùy tiện sức làm cho dễ việc tính tiền tiêu phí về sau.

5. Kinh thành từ sau khi xảy ra việc, thuyền quan mất rất nhiều, nay cũng không cần truy vấn làm gì. Duy trong đó có những hạng thuyền ngự dụng do các triều trước đóng ra, gần đây thấy trôi ở trên mặt sông, quý quan không dùng làm gì, chỉ thấy những bọn làm thuê người bản quốc chèo chống qua lại rất là khó coi. Nay nhờ quan khâm sứ thương tư với quan toàn quyền, trích trả cho những thuyền ngự dụng ấy để tiện sửa chữa lại. Nếu không dùng được nữa thì cho phá hủy để khỏi tiết độc⁽¹⁾.

Quan khâm sứ trả lời rằng: Về khoản cho quan Phan Liêm làm Tổng đốc Thuận, Khánh xin y. Về khoản thuyền ngự, xin sẽ kiểm điểm lại nên thế nào sẽ làm sau. Còn các khoản khác, xin đợi tư quan toàn quyền và các công sứ các tỉnh biết làm.

Quan Toàn quyền Bắc Kỳ [138b] tư cho Nha Kinh Lược nói rằng: Toàn hạt xứ Bắc Kỳ, từ năm nay về sau hễ đến kỳ thuế, nhân dân đưa thuế đến nộp ở tại tòa Bô thì quan công sứ đến đây

⁽¹⁾ Tiết độc: khinh nhờn, tỏ ra không kính trọng.

hội thu và biên chữ "đã nạp" vào sổ nạp của hàng xã. Hiện thu được bao nhiêu, quan tỉnh phải làm một bản sổ giao quan công sứ chấp chiếu. Lại phải xét rõ sổ thuế của xã nào là bao nhiêu, dịch ra chữ Pháp để giao quan công sứ chiếu cứu. Hiện thu được số bạc hoa xòe là bao nhiêu để nạp vào kho bảo hộ.

Mùa thu, **tháng Bảy**, Khâm phái Pháp là Trần Bá Lộc, nghị đem các thân hào khởi sự ở hai tỉnh Bình, Phú ra trừng phạt (chia làm 5 hạng: đại, trung, tiểu phú, sảo bản và cực bản) bắt nạp số bạc là 136.210 đồng (tỉnh Bình Định 75.690 đồng, Phú Yên 60.520 đồng) để sung vào quân nhu. Tự giao cho hai tỉnh ấy xét làm.

Mùa đông, **tháng Mười**, nước Pháp sai viên Khâm sứ ở Trung Quốc trước là Công-tăng (Constans) đến làm chánh Toàn quyền ở Gia Định [139a] kiêm thống Nam, Bắc Kỳ.

Nguyên quan Toàn quyền Bắc Kỳ là Bi-u về nước, sai Lại Bộ Thượng thư, sung Cơ Mật đại thần hiện sung chức Tuyên úy sứ ở Tả Trực kỳ là Nguyễn Thuật, Hộ Bộ Thị lang sung Cơ Mật viện tham tán là Đào Tấn đem các đồ lễ vật di đường thủy vào Gia Định để tặng (Tặng quan toàn quyền: Một bức ảnh của vua, một kim khánh hạng lớn, một cây gương, hai ngà voi, một cái hộp đựng trà hình vuông bằng ngà voi bít vàng, một cái hộp như ý bằng ngà voi, một cái nghiên bằng đá lương ngọc, một tấm gấm hoa. Tặng bà toàn quyền: một cái ngọc bội, hai tấm đoạn hoa). Khi xong việc rồi, Nguyễn Thuật lại trở về Quảng Nam làm việc như cũ.

Quan giám quốc Pháp là Ta-xuy-bi về hưu, Viện Trọng chính bầu ông Xi-đi-ca-nô lên thay. Khâm sứ Hách-tô tư giao bản sổ cho Phủ Toàn quyền kê thưởng Long tinh cho các quan Pháp 191 người (hạng nhì 14 người, hạng ba 14 người, hạng tư 52 người,

hạng năm 111 người). Quan Nam 16 viên (hạng nhì Nguyễn Hữu Độ, hạng ba Nguyễn Trọng Hợp, Đoàn Văn Hội, hạng tư Nguyễn Thuật, Hoàng Hữu Thường, Tôn Thất Phiên, Lê Hữu Thường, Nguyễn Chính, Lê Đình, Vũ Văn Báo, Nguyễn..., Nguyễn Xuân Duẩn, Hồ Lệ, Hồ Đệ, Phạm Hữu Dụng).

[139b] Lúc trước Toàn quyền Bắc Kỳ là Bi-u tư cho Nha Kinh Lược nói rằng: Viên thông ngôn là Lê Văn Quyền làm việc giỏi xin thăng cho hai trật (nguyên thưởng hàm Tri phủ), Nguyễn Hữu Độ xin cho thăng Thị độc học sĩ (thế là thăng ba trật). Bộ Lại nói: Thị độc học sĩ là chức thanh yếu chưa hợp, nghĩ chuẩn thăng cho làm Quang lộc tự thiếu khanh. Rồi do viên khâm sứ không hài lòng, nên phải chuẩn cho như lời xin của Nguyễn Hữu Độ cho Văn Quyền thăng hàm Thị độc học sĩ.

Tháng Chạp, Đinh Hợi (1887)

Quan Pháp giao trả lại miếu công thần và các trại lính ở trong Kinh thành, từ cửa Tây Nam đến cửa Chính Tây.

Năm Đồng Khánh thứ 3 (Mậu Tý, 1888), mùa xuân, tháng Giêng

Chuẩn cho chép thể lệ Bộ Hình giao cho quan khâm sứ nhận làm. [140a] Do quan khâm sứ đưa thư nói rằng: Hiện nay quan Pháp ở ba tòa tại Gia Định, hiện đương tập hợp những luật lệ của các nước, nhờ sao các điều lệ về luật hình của nước ta từ đời Gia Long trở về sau, giao cho ba tòa ấy để tiện tham khảo, xét làm. Vì vậy sai chép giao cho quan khâm sứ nhận chuyển.

Năm Đồng Khánh thứ 3, (Mậu Tý, 1888), tháng Hai

Quan Toàn quyền Công-tăng đến kinh, yết kiến Hoàng đế và đưa quốc thư, trong thư đại ý nói như sau:

Giám quốc nước Pháp là Ca-đô⁽¹⁾ kính thư trình Hoàng đế nước Đại Nam là bậc đức lớn tài cao, bạn thân của nước Đại Pháp xem rõ. Nguyên giám quốc nước chúng tôi là Kỳ-di-huy đã về hưu, nước chúng tôi họp Viện Nguyên lão và Viện Thứ dân, theo điều lệ trong Hiến chương cộng hòa, cùng nhau bàn bạc thỏa đáng, theo lối công bằng tuyển cử, bầu tôi lên làm Giám quốc để chủ trương về quốc sự nước thống trị trăm quan, chế ngự quan viên trong ngoài, đã chọn chính ngày mùng 3 tháng này. Một khi đã lên chấp chính rồi rất lấy làm lo âu vì công việc nặng nề khó khăn, ngày đêm lo lắng chỉ sợ không xứng chức.

Nay nhân dịp tiện xin gởi ít lời, để trình bày sự thể giải tỏ nỗi lòng, mong Hoàng đế có thể tác thành cho, tôi xin gắng sức thi thố, trù hoạch, khiến cho tình hữu nghị của nước Pháp với các nước ngoài ngày càng khấn bó (giao hòa) để cùng nhau thái bình vô sự, [140b] ăn ở êm thấm không có sự xích mích nữa, mà y thường ngọc bạch (giao hảo hòa hợp) lâu bền, không thấy lại cảnh can qua. Tôi thiết nghĩ lòng Hoàng đế với lòng tôi tất phải giống nhau vì ai cũng mong muốn như thế cả. Vì vậy mới dám thẳng bày tâm phúc, muôn mong Hoàng đế soi rõ lòng tôi, tin tưởng lời nói tôi, mà không bao giờ quên cả, tôi rất lấy làm vui mừng.

Vua đi qua sứ quán thăm hỏi an ủi, rồi sai Phủ Tôn Nhơn và đình thần viết thư trả lời. Đại ý như sau:

“Bản quốc với quý quốc có tình hữu nghị khấn bó đã lâu. Mới rồi vì bọn quyền thần sinh sự, làm mất tình vui, may nhờ quý triều đình rộng lòng nhân thứ nổi lại tình xưa, định ngôi lớn, dựng triều đình, bảo hộ cho được an toàn, cái ơn tái tạo đó

⁽¹⁾ Tức Tổng thống Pháp Mari François Sadi Carnot, tại nhiệm từ 03/02/1887 đến 25/6/1894. BT.

cảm đội vô cùng. Gần đây vì nhiều công việc, chưa kịp sai sứ qua tạ ơn tự biết là thiếu sót.

Năm Bính Tuất (1886), quý triều đình lại chuẩn cho đem hòa ước năm Giáp Thân (1884) bộ giao cho nước chúng tôi, thật là có lòng bảo hộ soi thấu nước chúng tôi rất nhiều. Duy tiết thứ các quý triều đình, có nhiều việc thi hành chưa đúng điều ước, chưa hợp với lẽ công bằng.

Ngày tháng Tư nhuận năm ngoái, quý khâm sứ đại thần đến kinh thành chúng tôi thăm hỏi tình hình hiện tại, đã chuẩn cho Hoàng đế nước chúng tôi viết quốc thư gửi sang Hoàng đế quý quốc soi xét, may nhờ soi thấu tình xa.

Nay quý đại thần công bình chính trực ai ai cũng biết. Trước đây quý đại thần đã từng làm đại sứ nước Pháp ở Bắc Kinh, tiếng tăm lừng lẫy. Nay lại vâng mệnh đến nhận chức ở nước chúng tôi, thật là dịp may cho nước chúng tôi, được có sự giúp ích. Như thế công đức của quý đại thần chẳng những nhân dân chúng tôi hiện nay được chịu ơn, mà còn ghi nhớ về sau mãi mãi, không bao giờ quên được.

Phụng mệnh Hoàng đế, nay xin nêu một số điều đã có trong hòa ước nhưng chưa được thực thi nghiêm cẩn, mong quý đại thần xem xét và giúp đỡ cho. Mấy điều khoản xin kể như sau [141a]:

1. Khoản 11 ở trong hòa ước có nói rằng: "Từ giáp tỉnh Biên Hòa cho đến giáp tỉnh Ninh Bình, quan bố chánh chiếu thu lệ thuế, nộp vào triều đình nước Nam như cũ. Quan Pháp không kiêm cổ đến việc ấy. Duy địa hạt Bắc Kỳ thì các quan công sứ hợp với quan Nam chuẩn định các khoản tiêu phí và các khoản công nhu, xem hết bao nhiêu, còn lại bao nhiêu đều nộp vào kho triều đình nước Nam...". Thế mà gần đây phạm các khoản thuế từ tỉnh Thanh Hóa vào nam cho đến Bình Thuận và các

Nha Thương Chính mới lập ra ở các cửa biển không can thiệp gì vào hòa ước, mà nhiều nơi quý quan cũng sức bãi bỏ, không cho trưng thu.

Xét ra 6 tỉnh ở Nam Kỳ, bản quốc đã nhượng cho quý quốc quân hạt, còn Bắc Kỳ gần đây lại xảy ra nhiều việc, chỉ còn mấy tỉnh ở Trung Kỳ. Các hạng thuế thuộc xứ Trung Kỳ nếu hàng năm có thu được hết, còn chưa đủ để cung cấp cho các món tiêu dùng trong nước. Phương chi quý quan lại không cho trưng thu, thì lấy đâu mà tiêu dùng cho đủ, và lại chiếu theo hòa ước như thế cũng chưa đúng.

Các hạng thuế đình điền ở Bắc Kỳ quý quan đều cho chiết nộp bằng tiền bạc, thu được bao nhiêu đều do quý quan nhận trữ, về sau quý quan chi tiêu khoản gì, quan tỉnh cũng không được biết. Còn như thuế các sản vật trước đây đều do quan tỉnh địa phương thu chở về kinh tiêu dùng.

Nay quý quan cũng cho biết nạp bằng tiền, bằng bạc, nhưng số chở về kinh năm Bính Tuất quan Toàn quyền Pôn-be trước phỏng định mỗi năm cho chở vào kinh tiền 38 vạn quan, gạo 38 vạn hộc, gạo chiết lấy tiền mỗi hộc 5 quan còn chưa chở đủ. Đến quan Toàn quyền Bi-u lại bớt số chở mỗi năm chỉ còn 150 vạn quan tiền tây, tính thành tiền Nam 1.875.000 quan. Nhưng tiết thu đã chở và sẽ chở, thông tính mới được 1.530.300 quan tiền Nam, còn nữa chưa thấy chở đến.

Còn như số chở năm Đinh Hợi, căn cứ quan Toàn quyền Bi-u tới kinh nói rằng: Khoản tiền ở Bắc Kỳ chở vào kinh, quan Toàn quyền Pôn-be trước bàn định trích chở mỗi năm tầm 38 vạn quan, gạo 38 vạn hộc, nhưng xét trong biên bản không có chữ ký của quan Toàn quyền Pôn-be làm bằng cứ, duy bản quốc gần đây tiền tài thiếu thốn, xét thấy số tiền lưu hạ mấy năm trước của các tỉnh Bắc Kỳ hiện được 1.500.000 quan tiền tây, tạm cho lính chở vào kinh số tiền ấy. Nhưng thông tính số thuế toàn xứ Bắc Kỳ mỗi năm thu được tiền 1.500.000 quan, gạo 1.500.000 hộc sung vào các chi phí của Bảo hộ. Nếu thu đủ được toàn số,

thì số tiền [141b] lưu hạ trước có thể cho chờ đi được. Còn như số tiền phải chờ vào kinh năm Bính Tuất còn thiếu lại bao nhiêu có cho chờ vào thanh khoản các lễ...

Sau đó căn cứ Nha Kinh Lược trình báo, thì thuế năm ấy hiện thu được tiền hơn 6.540.400 quan, cộng với số tiền lưu hạ 1.500.000, tổng cộng hơn 8.040.000. Trừ bảo hộ chi phí đồng niên 7.500.000 quan. Thế là còn được chờ vào hơn 540.000 quan, y như đã tư xin trích nhận tiền 540.400 quan chờ vào kinh nạp, nhưng chưa thấy phúc.

Hiện nay chi phí rất nhiều, mà số chờ năm trước còn thiếu, chưa được chờ vào cho đủ. Gia dĩ từ tỉnh Thanh Hóa vào nam sau lúc bị tàn phá, thuế má khó thu, không biết lấy gì tiêu dùng, tình hình rất là khẩn thiết mong chờ xét nghĩ cho đồng niên chờ vào số tiền như thế nào để được đủ dùng.

2. Khoản 15 trong hòa ước nói rằng: "Nước Pháp hứa từ nay về sau xin giúp cho nước Nam mọi sự hoàn hảo để cho khỏi giặc cướp ở trong ngoài phá hoại, vì thế nên ở bất cứ đâu trong nước, trong Nam hay ngoài Bắc Kỳ hễ nơi nào náo động cần phải đóng quân thì đem quân đến đóng để bảo vệ...", thế là bảo trợ nước Nam, xuất từ lời hứa của quý quốc, vì vậy hễ đâu có giặc cướp là quý quan quân đến đóng để đánh dẹp. Đây cũng là làm theo lời hòa ước.

Trước đây nguyên soái Gia Định sai Trần Bá Lộc đem quân ra đánh lấy lại các tỉnh Bình Thuận, Phú Yên, Khánh Hòa rồi đòi quan phí, phạt tỉnh Khánh Hòa 1.000 điều, mỗi điều trị giá 15 đồng bạc, tính thành 15.000 đồng. Lại phạt tỉnh Bình Thuận cũng một số nhiều và thu bạc thuế lĩnh trưng hơn 18.000 đồng. Sau lại phạt hai hạt Bình Định, Phú Yên đến 136.210 đồng. (Trong đó Bình Định 75.690 đồng, năm ngoái đã thu được 15.209 đồng. Phú Yên 60.520 đồng, năm ngoái đã thu được 21.115 đồng, đều đã giao viên công sứ kiểm chặn). Nhân dân nước Nam vốn đã đói khổ, nay phạt quá nặng như thế thì dân đến kiệt quệ.

Chiếu theo nghĩa xin giúp ở trong hòa ước sợ chưa phù hợp, và lại sau khi bị tàn phá dân tình rất là [142a] kiệt sức, không thể chịu nổi, kêu xin luôn luôn. Quý đại thần đối với nhân dân đâu cũng một lòng nhân ái cả. Xin xét nghĩ thế nào cho nhân dân mấy tỉnh ấy được đội ơn đức.

3. Khoản 12 trong hòa ước nói rằng: “Các Sở Thương Chánh trong nước Đại Nam lại cho lập lại đều giao hết cho nước Pháp chuyên coi, những Sở Thương Chánh được lập, chỉ lập ở những nơi gần bờ biển và gần biên giới mà thôi. Các Sở Thương Chánh trước, do các quan võ của Pháp lập ra, nay nước Nam cũng nên thôi, không nên bàn tính đến nữa. Còn như các điều lệ về thương chánh, các lệ thuế ngoại ngạch và các khoản lệ cấm không cho thuyền buôn vào cửa biển trong khi có các bệnh dịch tễ, thì trong nước Nam ở xứ Bắc Kỳ cũng như điều lệ ở 6 tỉnh Nam Kỳ.

Ngày tháng Mười Một năm ngoái, quan phó khâm sứ tư tiếp rằng: “Tiếp quý đại thần điện rằng chiếu theo nghị định 12 ngày 2 tháng 3 năm 1886 nói rằng hễ cho người lĩnh trưng thuế nha phiến và thuế rượu phải trình quý đại nhân xét duyệt đã rồi sau mới được thi hành. Các lễ...”.

Cứ như lời điện ấy bản quốc rất lấy làm quan ngại. Vì rằng quý đại thần trú ở Gia Định, nên chỉ khi nào ở kinh có ai lĩnh trưng khoản thuế gì đều tư cho quan khâm sứ ở kinh xét định. Nay nếu việc lĩnh trưng nào cũng tư cho quý đại thần duyệt y cả rồi mới được thi hành, thì đường sá xa xôi, không khỏi chậm trễ, nhân tình lo sợ, chỉ sợ làm không trôi việc. Xin quý đại thần xét nghĩ lại như thế nào để được thuận lợi, rất mong.

Quan toàn quyền đáp lại rằng:

Về khoản chở tiền ở Bắc Kỳ vào kinh, gần đây tiếp quan Phó toàn quyền ở Bắc Kỳ là Bi-dơ điện rằng: Lần này Nha Kinh Lược

sắp chở vào kinh số tiền hơn 540.000 quan, xét đã đúng số rồi, chừng trong tháng này thì sẽ chở đủ. Còn được chở thêm bao nhiêu nữa, chờ Nguyễn Hữu Độ ra Bắc, sẽ bàn định sau.

Về khoản các tỉnh Thuận, Khánh, Bình, Phú phải bồi phí, theo lời lẽ trong thư thì dân tình các tỉnh ấy kiệt cứ, luôn luôn kêu xin giảm, quý đại thần cũng đã xét thấu, thương hại dân tình sẽ đánh điện cho quan công sứ Phú Yên xét lại mà cho giảm miễn.

Còn như các hạng tạp thuế, sẽ do Nam triều tùy tiện thương tư với quan khâm sứ mà cho đầu giá lĩnh trưng, quý đại thần không ngăn trở gì. Quý đại thần sang đây lần này là cốt để hết lòng giúp đỡ nước Nam, còn nhiều việc phải châm chước sửa đổi cho tốt đẹp hơn, nay chỉ mới tạm nên quan tâm một vài khoản, để chứng tỏ tấm lòng thật muốn bảo trợ nước Nam đầy thôi, nhờ các quan tâu trình lên Hoàng đế thấu suốt, [142b] ý cũng muốn nước Nam châm chước, xong việc rồi về nước.

Vua sai viết quốc thư đáp tạ, đại ý như sau:

Hoàng đế nước Nam, kính phúc thư cho Đại Hoàng đế nước Pháp.

Nay được tiếp quan Tổng thống Đông Dương toàn quyền đại thần Công-tăng đến kinh đô nước quả nhân, giao cho quả nhân bức thủ thư của Đại Hoàng đế. Quả nhân rất lấy làm vui mừng kính cẩn mở đọc, xét theo lời lẽ trong thư, biết được Đại Hoàng đế là bậc cao minh quảng đại. Trong đó có nói rằng: Đại Hoàng đế được hai Viện đồng lòng cử lên để chủ trương việc nước. Đại Hoàng đế tự nghĩ ngôi trời lớn nặng, việc nước khó khăn chỉ lo mở rộng lòng thành làm sao cho nước Pháp với các nước đồng minh đều được càng thêm giao hảo. Lại hết lòng giúp đỡ cho nước chúng tôi để được lâu dài tốt đẹp, ngày càng mạnh giàu.

Quý hóa thay lời nói ấy, rồi đây bốn biển chung vui, muôn nơi ghi tạc...

Vả lại quý tổng thống toàn quyền đại thần là người có danh vọng lớn, đã từng làm đại diện cho quý quốc ở nước Thanh, trí thức có thừa, quả nhân nay may được gặp, đã cùng với quý quan bàn tính các khoản việc nước.

Quý tổng thống nói rằng: Quý tổng thống thay mặt cho quý triều đình, y theo nguyện vọng của quả nhân, quả nhân rất lấy làm cảm bội và tất cả nhân dân của hạ quốc cũng đều vui mừng. Hằng ngày trông mong quý tổng thống thi hành cho hết những điều đã nói, đã hứa, để cho hạ quốc ngày càng thịnh vượng hơn trước. Lần trước quan cố Toàn quyền Pôn-be đến kinh đô, cũng đã hết lòng giúp đỡ cho nhiều việc, không may qua đời chưa thi hành được.

Nay có quý tổng thống toàn quyền đến thay thế, trù tính cho mọi việc ích lợi trong mấy ngày. Nay đã gần đến kỳ về nước, quả nhân xin tạm đem mấy khoản quan trọng ra thương thuyết trước như sau:

1. Trước đây quan Toàn quyền cũ là Pôn-be, Bi-u đã thương định rằng tất cả những món thuế ở Bắc Kỳ, trừ chi phí bảo hộ, còn thừa ra bao nhiêu đều cho chở về kho ở kinh đô hạ quốc, để hạ quốc chi dùng.

2. Về khoản bắt các tỉnh Thuận, Khánh, Bình, Phú phải bồi phí tổn về việc quan quân đánh dẹp, trừ số tiền đã thu rồi không kể, còn hiện thiếu bao nhiêu xin cho miễn thu.

3. Hiện nay bọn phi đã dẹp yên, nhân dân đã ăn ở ổn định, nếu cứ để quan quân quý quốc đóng đồn tuần phòng nhiều chỗ, sẽ làm cho nhân dân nghi sợ, xin rút bớt đi. Lâm thời có chỗ nào không yên sẽ cho các quan địa phương tư [143a] cho các quan công sứ giúp làm. Ba khoản trên đây quý tổng thống đã xét rõ hiện tình, xin cho y thể mà làm.

4. Nếu quan khâm sứ ở kinh nghe theo quan toàn quyền ở Bắc Kỳ như thế sợ chưa đúng với hòa ước. Nếu được riêng đặt một quan toàn quyền ở kinh, phạm có việc gì thương thuyết đều được tiện dễ. Nay hiện có quan Khâm sứ ở kinh là Hách-tô vốn người thông hiểu mẫn cán, nếu được quý quan ấy sung làm chức Toàn quyền ở kinh càng thấy rõ tấm lòng thượng quốc giúp đỡ hạ quốc rất là đến nơi đến chốn.

Từ lời thương thuyết của quý tổng thống, thì quý triều đình sở dĩ không muốn thay đổi khoản gì, là sợ hạ quốc có nghi ngại gì chẳng. Và lại theo ý của quý tổng thống, vốn không muốn quý khâm sứ ở kinh nghe theo mệnh lệnh của quý toàn quyền ở Bắc Kỳ, chỉ muốn phạm có việc gì quý khâm sứ ở kinh cứ tư thẳng cho quý tổng thống để tiện xử trí mà thôi. Nay hạ quốc muốn đặt riêng một viên toàn quyền ở kinh đô, quý triều đình cũng muốn y cho. Quý tổng thống xin hết lòng khẩn khoản tư xin cho Hách-tô được thực thụ chức Khâm sứ ở kinh được đủ quyền pháp để thỏa lòng mong muốn của hạ quốc.

Và quý tổng thống vốn có trọng danh, mà hạ quốc còn cần phải trù liệu xử trí nhiều việc như: Lập thương chánh, sửa đường sá, đặt điện báo... ắt phải có quý quốc giúp đỡ cho rất nhiều mới mong ổn tề được.

5. Địa giới của hạ quốc giáp các xứ Cam Môn, Cam Kết, gần đây nhân nước Xiêm mạo nhận xâm lấn, đem quân đến đóng. Nay xin thượng quốc chiếu theo hòa ước, trù liệu thế nào để hạ quốc khỏi mất lãnh thổ.

Hai khoản này, đã thương nhờ quý tổng thống vì hạ quốc mà tâu đặt thay, mong được làm sớm. Và quý tổng thống đến hạ quốc lần này quả nhân thật lấy làm trông cậy.

Các khoản liệt kê ra trên này cùng với các khoản đã nói rõ trong quốc thư năm ngoái, gởi quý khâm phái đại nhân đem về tâu đặt, tướng quý tổng thống ắt có thể nhận lòng khoan nhân quảng đại của Đại Hoàng đế, đoái thương lòng thành kêu xin của hạ quốc tâu đặt mà cho hết thấy,

may được Đại Hoàng đế nghe theo nguyện vọng khiến cho hạ quốc đội nhiều ơn, thì chẳng những may mắn riêng cho quả nhân, mà cũng rất may mắn cho thần dân hạ quốc nữa. Quả nhân rất lấy làm mong đợi.

Từ khi quan toàn quyền đến cho đến kỳ về nước, các khoản đón rước, khoản đãi, tiền tống, đều làm theo lệ trước.

Tháng Chạp năm ngoái, [143b] triều đình Pháp đưa tặng ngọc quý, vàng ròng màu lửa xám⁽¹⁾. Vua sai viết thư đáp tạ. [Đại lược nói rằng: Quý quốc Pháp tặng ngọc tỷ, đây là điều tốt trên trời giáng xuống, cái rất quý ở trong đá 19 năm trước được nước Pháp chế toàn khối lấy ra chế làm ấn ngọc, rất là quý hóa. Nay nước Đại Pháp không tiếc của quý trời cho, mà đem biểu nước Nam để tỏ rõ nghĩa sáng, để truyền đến lâu đời về sau...]. Gởi (thư ấy) cho quan toàn quyền về nước Pháp và xuống dụ bảo rõ cho nhân dân trong ngoài đều biết.

Ý dụ nói rằng: Nước ta với nước Đại Pháp trước đây kết nghĩa có đủ thề ước, trung gian gặp phải vận ách, đến phải chia lìa. Nay may được Hoàng đế nước Pháp nối lại tình cũ, đặc cách sai quý đại thần cùng với các quan đại thần nước ta rước Trẫm lên ngôi, rồi đem hòa ước hồ giao, thi hành. Thật là hòa hảo tin tưởng, tốt đẹp với láng giềng, trước sau không sai trái, mới được như thế đây. Nhưng vì nước ta cùng với nước Pháp cách xa muôn dặm chỉ sợ không có bằng chứng thì không biết lấy gì để tỏ lòng tin. Nay tiếp quan Trú kinh khâm sứ đại thần Hách-tô, vâng mệnh nước Pháp đem một quả ấn ngọc cho cửu khanh của triều đình Pháp hội đồng chế khắc 4 chữ "Triều đình lập tín" đến tặng. Cứ ấn ngọc này do Hoàng đế nước Pháp thân tặng, vốn là điềm lành của trời giáng xuống, ngọc ở trong đá,

⁽¹⁾ ĐNTL ghi "triều đình Pháp đưa tặng các ấn bằng ngọc, tinh kim, hắc hỏa", rồi chú "Tinh kim là vàng tốt, còn hắc hỏa không hiểu nghĩa là gì?". ĐNTL, Sdd, Tập 9, tr. 395. BT.

19 năm trước đây, được ở trong nước Đại Pháp, bỏ khối vàng mà lấy ra, chế thành ấn ấy, rất là hiếm có. Phương chỉ lại bỏ trong khối đá lấy ra mà đưa mài thành ấn, thì lại là sự rất khéo ở trong cái khó. Dem đến dâng tặng, để từ nay về sau, nếu có sự cần phải thông cáo với nước Pháp thì dùng ấn quý được tặng này để làm tin, rất là cảm ơn. Phàm thần dân nước ta, đều nên biết lòng tốt của nước Pháp, hết lòng bảo hộ ta. Trao đổi ngọc với đồng minh, nhờ ngọc quỳnh giao mà tốt đẹp lâu dài, ở khéo với láng giềng để giữ nước, chỉ ở lòng thật tin. Từ nay về sau, hai nước thông cảm nhau, tình hữu càng thêm khấn bó để hưởng phúc hòa bình lâu dài, ngó không tốt đẹp lắm ư! [144a].

Tháng Ba, xứ Bắc Kỳ đặt tỉnh Phương Lâm. Nguyên quan Toàn quyền Pôn-be trước nghị định, các đất mọi đất làm một tỉnh. Đến nay đặt tòa công sứ tại xã Phương Lâm, thuộc huyện Bất Bạt, trích lấy các hạt ở tỉnh Sơn Tây, đạo Mỹ Đức tỉnh Ninh Bình, phạm dân đất thuộc về người mọi đều do quan công sứ cai trị, gọi là tỉnh Phương Lâm. Đặt một đề đốc ngũ châu, một án sát, để thống trị ba tỉnh, đạo đất mọi, đặt ba quản đạo (mỗi tỉnh đạo đều một), 6 phó quản đạo (mỗi tỉnh đạo đều hai) để chia trị ba tỉnh, đạo đất mọi cộng 11 viên. Nha Kinh Lược đem việc ấy tâu trình lên, được chuẩn y.

Mùa hạ **tháng Tư**, nước Pháp mới đặt Cục Nhật Báo. Quan Pháp đổi lập Sở Thương Chánh tỉnh Quảng Nam ở cửa Đại Chiêm (nguyên đặt ở cửa Hội An, sau bị bãi bỏ) [144b].

Tháng Sáu, quan Toàn quyền là Bi-dê về nước, quan Thượng thư là Ba-tô đến thay (Nam triều phái Thị lang Bộ Lễ là Tạ Thúc Dĩnh, Hiệp lĩnh thị vệ là Nguyễn Văn Thiện ra Bắc Kỳ đón tiếp).

Khâm sứ đại thần tư nói rằng: Người buôn Pháp tên là Đô-phối trước lĩnh trưng ba hạng: gỗ tốt, tre, mây, ở hai tỉnh Thanh, Nghệ, nay xin trưng luôn ba năm các hạng thuế lâm sản.

Chuẩn cho Bộ Hộ, nghị định điều khoản, phát giao cho Đô-phối nhận làm.

Khoản 1: Nước Nam thuận để cho Đô-phối, người buôn Tây, thầu luôn ba năm các hạng thuế lâm sản ở hai tỉnh Thanh, Nghệ. Bắt đầu từ ngày mồng một tháng Bảy năm nay. Đến ba năm hết hạn rồi, nếu Đô-phối muốn tiếp tục trưng nữa, sẽ do Bộ Hộ kỳ trước sức cho các nhà buôn do Bộ Hộ đấu giá, hễ người nào đấu thắng thì được lĩnh trưng. Nếu Đô-phối đấu được thắng giá mới cho tiếp tục lĩnh trưng.

Khoản 2: Đô-phối lĩnh trưng khoản thuế này, trừ khoản trước đã trưng ba hạng là gỗ, tre, mây. Giá bạc 1.000 đồng ngoại. Nay giá thuế lâm sản khác, đồng niên phải nạp 6.471 đồng. Chia làm 4 quý, nạp đủ cho Bộ Hộ nước Đại Nam, hoặc Nha Kinh Lược ở Bắc Kỳ.

Khoản 3: Lĩnh trưng thuế các hạng lâm thổ sản (ở thượng du chở xuống) như sa nhân, hoàng thảo, hạt dầu, cau khô, củi, nẫu... ở hạ du chở lên như: cá mắm, nước mắm... chiếu thu cứ 40 phần lấy một phần (1/40), nhưng trong hạn 3 năm, hễ thấy có khuyết hạng gì, phải báo cáo ngay cho quan Nam biết.

Khoản 4: Gặp khi Nam triều có lấy rừng đá Thanh thì không được đánh thuế, lại trên núi trong ngoài những xã có giấy khoán cấm tại núi Triệu Tường huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa; nhất thiết không được cho người đến chặt lấy các hạng sản vật ở trên núi đó [145a].

Khoản 5: Hễ khi nào có thứ lâm sản gì khác, phát hiện ra trong hai hạt ấy thì phải bẩm ngay cho Bộ Hộ biết để xét làm, Đô-phối không được tự quyền đánh thuế. Đô-phối được đặt trạm thu thuế tổng hạn ba năm nếu có sự gì trở ngại thì phải bẩm xin quan địa phương xét xử.

Khoản 6: Nếu ngày sau, do ai báo hộ nghị định bãi bỏ thuế đầu nguồn, chứ không phải Nam triều muốn bãi thì lúc đó Đô-phối không được kêu xin bồi thường, chỉ được trả lại cho số tiền do Đô-phối đã nạp trước cho Nam triều, trong mấy tháng không được thu thuế mà thôi.

Khoản 7: Nếu Đô-phối hoặc người đại diện cho Đô-phối, không kiểm soát được những người do Đô-phối đã đặt ra ở các sở để cho các người ấy thừa thế lạm thu quá số thuế đã định trước, hoặc lấy các hạng sản vật ở những chỗ mà trong điều khoản đã giao phải trừ ra rồi, đã được quan địa phương sức rõ cho một lần rồi, mà bọn người nói trên cứ làm ngang thu thuế thì Nam triều sẽ thu hồi giấy phép cho linh trưng, khi ấy Đô-phối không được kêu nại gì hết.

Mùa thu **tháng Bảy**, chuẩn cho Bắc Kỳ khai khẩn các ruộng đất hoang. Nguyên trước Nha Kinh lược nói rằng: quan Toàn quyền My-sô, thương rằng rừng núi ở xứ Bắc Kỳ còn nhiều đất hoang, nên cho nhân dân khai khẩn, đây cũng là việc cần chiều dân, để thu được thêm thuế. Các quan ở Viện Cơ Mật tâu xin, chuẩn cho y nghĩ.

Quan khâm sứ giao cho Nam triều một bức thư (đã dịch ra tiếng Việt) của viên quan Ba tên là Lô-sơ, được sai đi đóng đồn để xét biên giới hạn. Bức thư như sau: Đã xét sách vở, bản đồ của bản quốc, và các sự tích do phái đoàn của Lãng-sa năm trước phái đi dò xét, nay thì xét được miền thượng du của các hạt nước Nam giáp với Xiêm La từ tỉnh Thừa Thiên vào nam cho đến tỉnh Khánh Hòa. [145b], cùng với các phủ như: Cam Lộ ở bắc Quảng Trị, Lạc Biên, Trấn Biên ở Hà Tĩnh, Trấn Ninh, Trấn Biên ở Nghệ An. Các sách (làng Mường) ở thượng du Hưng Hóa, Thanh Hóa, nguyên trước hoặc không thống thuộc vào nước nào, hoặc vốn do nước ta quản hạt.

Khoảng năm Minh Mạng, đã có sự sắp đặt xử trí, gần đây Xiêm La ý muốn xâm chiếm. Nghĩ do Viện Cơ Mật tư cho quan các tỉnh xét rõ sổ sách vở về dân mọi, giao thông buôn bán, xét rõ tình hình, khiến cho chúng theo quyền phép ta. Những đất đai nguyên trước thuộc về nước Nam, từ trước đã có đặt quan

thu thuế, cần phải có sắc bằng chính xác, và theo phái đoàn để thường qua lại bảo cho chúng biết, đất đây là lãnh thổ của nước Nam. Chờ nước Pháp phái quan đến hội đồng xét định địa giới, mới tiện đổi chất mới Xiêm La được.

Các quan ở Viện tâu rằng: Nước ta tiếp giáp với nước Xiêm La, lấy Sông Khung làm giới hạn chỉ bằng vào sổ sách tương truyền mà thôi, còn như trước đây là hai nước có hội đồng lập mốc giới không, thì mờ mịt không có sự tích gì có thể khảo cứu được cả. Các triều đại trước kinh lý cũng ít khi đến nơi.

Bản triều sau khi định vực, gián hoặc cũng có cho chúng quy khoản đặt làm châu phủ, sau nhân nhiều việc nên việc bờ cõi cũng bỏ lơ là. Nay quan Pháp đến trú ở xét làm thế là đã có cơ hội để xét định giới hạn, mở mang thượng du, thì những khoản như phái quan vỗ về, khiến chúng quy phục. Xin cho các [146a] quan tỉnh xét những người hiểu rõ tình thế, quen thuộc phong tục, tiếng nói của các bọn Mường, bổ cho chức hàm, phái đi dò xét, xem những công việc gì nên làm để vỗ về dân mọi, mở mang bờ cõi của nước ta được cần phải trù tính hết. Chuẩn y cho làm.

Tháng Tám, hai quan toàn quyền của Pháp đến yết kiến (Tổng thống Gia Định Chánh toàn quyền là Ri-sô, Phó toàn quyền ở Bắc Kỳ là Ba-tô). Tổng thống Chánh toàn quyền Ri-sô (Richaud), Phó toàn quyền Ba-tô vào yết, thương định số tiền bốn năm chớ ở Bắc Kỳ vào kinh (năm sau chớ vào kinh 500.000 quan, năm thứ hai 1.000.000 quan, năm thứ ba 1.500.000 quan, năm thứ tư 2.000.000 quan) và giao trả lại Kinh thành (Huế) để cho nhân dân vào ở.

Sau khi ra Bắc, lại có thư vào nói, nay trích chớ 100.000 quan, còn như từ năm sau về sau, đợi tăng thêm ngạch thuế, sẽ nghĩ sau.

Nhượng giao các xứ đất ở Hà Nội, Hải Dương và Quảng Nam (mặt phố ở Hà Nội, Hải Phòng ở Hải Dương, Đà Nẵng ở Quảng Nam) đều do quan toàn quyền kinh lý mở việc buôn bán [146b].

Mùa đông, **tháng Mười**, Khâm sứ Hách-tô về nước, đến bệ từ. Vua nghĩ sứ thần lâu nay trú ở làm việc, có lòng giúp đỡ, chuẩn cho trích lấy bạc kho ra tặng hảo (các hạng ngà voi, đồ trà, xà cừ, gấm vóc, ngọc vàng...) và thiết tiệc tiễn đưa.

Quan Pháp đồn trú ở Quảng Bình đưa vua Hàm Nghi về cửa biển Thuận An, rồi đáp hỏa thuyền đi qua đất Anh-xa-nhi (Algérie) [gần địa giới Pháp] cư trú.

Nguyên trước Trương Quang Ngọc, Nguyễn Đình Tinh ra đầu thú ở đồn Pháp, xin đưa vua Hàm Nghi về, quan Pháp mới cùng bọn kia đi đến xứ Thăng Cục (thuộc thượng du Tuyên Hóa). Lúc bấy giờ vua Hàm Nghi đương cùng vài người tùy tùng gói gươm nằm ngủ, nghe tin quan Pháp đến, bất thành lĩnh vùng dậy chống cự, quan Pháp nắm lấy tay vua, Lê Hạp (con Lê Thuyết) tung gươm, một là muốn đâm quan Pháp, một là muốn giết chết vua, không để cho bị bắt sống, quan Pháp liền bắn chết Hạp ngay, rồi hộ xuất để về tỉnh.

Triều đình nghe được tin, liền ban sắc xuống sai các tỉnh phái người mẫn cán hộ vua Hàm Nghi về kinh chiêm cặn. Bộ Binh phái người đến địa đầu phủ Thừa Thiên tiếp đón và sửa sang tiềm để để tiện đưa vua về đó cư trú.

Liên tiếp quan Toàn quyền Lê-na đến Viện Cơ Mật thương thuyết, nói rằng được quan đồn đánh điện cho biết là "Xuất để" (Hàm Nghi) tính không được thương, có ý muốn chống lại, nay nếu rước về tiềm để rất ngại, nên đem đi chỗ khác trú ở, đợi vài ba năm khi nào nước ta thiết yên lặng sẽ cho rước về. Viện Cơ Mật đem việc ấy tâu lên, vua Đồng Khánh mới chuẩn cho

bọn quan Cơ Mật là Đoàn Văn Bình, Lê Trinh và Tham tri Bộ Công Phạm Bình, ba người biết rõ trạng mạo của "Xuất đế" ra cửa Thuận thăm dò. Bọn đầy tớ trở về tâu rằng: hầu thấy dung nhan quả đúng 10 phần là đích xác, nhưng mặt mũi xanh xao, nghe nói mấy ngày gần đây bị cảm, lúc ngồi nói chuyện với quan Pháp, tính tình không thường. Còn như ngày nào đáp tàu đưa đi, quan Pháp tỏ ý rất là cẩn mật, không dám hỏi rõ.

Vua cho "Xuất đế" đã đưa về, [147a] xuống dụ bá cáo khắp cho trong ngoài biết.

Quan Toàn quyền Ba-tô tư xét Vũ Văn Báu (nguyên Tổng đốc Sơn Tây) là người thạo việc cần cù, xin lưu làm hậu bổ ở Nha Kinh Lược, Nguyễn Hữu Độ đem việc ấy tâu xin, Viện Cơ Mật đã trả lời y cho.

Tháng Mười Một, quan Toàn quyền Lê-na, thương cho biết là quân công Ưng Lịch (tức vua Hàm Nghi) đã đáp tàu qua Pháp để điều trị, chi phí đồng niên cũng tương đối nhiều, nước Pháp cấp cho cũng được, nhưng không khỏi bề ngoài bàn tán không tiện, nên do nước Nam chi cấp, mới là ổn thỏa [Cấp đồng niên tiền tây 20.000 quan, tính thành bạc 4.981 đồng cấp cho người theo hầu tiền tây 1.200 quan, tính thành bạc 299 đồng]. Đợi sau Bắc Kỳ có khoản thuế gì sẽ nghĩ. Viện Cơ Mật đem việc ấy tâu lên.

Vua cho Nam triều phàm việc gì đều là thành lệ, việc này giao cho Viện Cơ Mật thương thỏa.

Toàn quyền Lê-na thương rằng: Danh khí của triều đình là rất quý trọng. Để có bổ bán thẳng trật, nên theo quy chế [147b] mà làm, để khỏi tràn lan. Các tỉnh Bắc Kỳ trước đây do Nha Kinh Lược với các quan toàn quyền tự quyết làm lấy. Các quan ở bộ phần nhiều y theo. Từ nay về sau, ở Bắc Kỳ chọn bổ quan viên,

từ những việc tầm thường cứ đúng theo tư cách mà thăng chuyển thì không nói, còn ngoài các án quan ở tỉnh và các quan phủ, huyện, phải tư lên quan toàn quyền xét phúc, rồi sẽ phụng chiếu tâu về, chờ chuẩn y cho mới được làm, các bộ sổ quan cũng thế [148a].

Hòa ước mới định gồm 22 khoản đã thành. Bổ sung thêm vào hòa ước ký ngày 27 tháng Giêng năm Tự Đức thứ 27 (Giáp Tuất, 1874). Hòa ước nói rằng:

Nay Đại Hoàng đế nước Đại Nam và Đại Hoàng đế nước Đại Pháp, khẩn thiết xin kết làm bạn đồng minh bền vững, hòa hảo, mục hựu để cho hai nước giao thiệp với nhau lâu dài. Vì thế nên cùng nhau bàn định, lập hòa ước mới để thay thế cho bản hòa ước đã ký vào ngày 9 tháng 5 năm Tự Đức thứ 15 (Nhâm Tuất) tức là ngày 5 tháng 6 năm 1862. Nên đặc cách phái đoàn Toàn quyền đại thần để tiện làm việc.

Đại Hoàng đế nước Đại Nam đặc phái quan Hình Bộ Thượng thư khâm sung Định ước chánh sứ toàn quyền đại thần Lê Tuấn, Lễ Bộ Tả Tham tri khâm sung Định ước phó sứ toàn quyền đại thần Nguyễn Văn Tường.

Đại Hoàng đế nước Đại Pháp đặc phái quan Tổng thống Nam Kỳ thủy lục quân đại nguyên soái, ngự tứ đệ nhất đẳng thường công đại bội tinh, tuyên giáo bội tinh, khâm sung Định ước toàn quyền đại thần Du-bi-lê (Dupré).

Hai bên đã đem chiếu sắc khâm sai Toàn quyền ra trình bày trao đổi, xem xét đều là đúng đắn thỏa đáng; liền đem những điều ước đã lập ra kê bày như sau:

Khoản 1: Từ nay về sau, nước Đại Nam và nước Đại Pháp, đời đời giao kết hòa hảo, hữu nghị đôn đốc.

Khoản 2: Đại Hoàng đế nước Pháp biết Hoàng đế nước Đại Nam vẫn nắm quyền tự chủ không phải phục tùng nước nào cả. Do đó mà Hoàng đế nước Đại Pháp tự hứa giúp đỡ. Lại giao ước hễ khi nước Đại Nam có giặc giã nổi lên, hoặc bị nước ngoài xâm nhiễu, mà Hoàng đế nước Đại Nam yêu cầu viện trợ thì Hoàng đế nước Đại Pháp liền tùy cơ viện trợ cho đến khi dẹp yên và cũng tự nguyện dẹp yên bọn giặc biển xâm phạm đến phần biển của nước Đại Nam, còn tổn phí đều do nước Đại Pháp chịu, không đòi trả lại.

Khoản 3: Đại Hoàng đế nước Đại Nam đáp lại mỗi tình hứa giúp đỡ, ước định, nếu có giao thông với các nước ngoài, thì phải được nước Đại Pháp đồng ý. Nếu về trước đã giao thông với nước ngoài nào, có sứ đi lại nay cứ như cũ không thể biến đổi, duy nước Đại Nam muốn giao thông buôn bán với nước ngoài nào, bàn định giao ước buôn bán đều cho tùy tiện, nhưng không được trái với hòa ước mà nước Đại Nam và nước Đại Pháp đã ký hiện nay và ngày nào ký thương ước với nước nào đó [148b] thì phải tin cho triều đình nước Đại Pháp biết trước.

Khoản 4: Đại Hoàng đế nước Đại Pháp ước định cho thêm Đại Hoàng đế nước Đại Nam các khoản cần dùng, mà không đòi trả, kê ra như sau:

Thuyền chiến bằng máy 5 chiếc (thân thuyền dài, rộng, lớn nhỏ, sẽ có biên bản chấp chiếu) sức mạnh của 5 chiếc thuyền ấy thông tính được 500 mã lực. Những máy móc, ván gỗ và nối dẫn nước của 5 thuyền ấy đều vững chắc thiết tốt. Các hạng vật liệu, súng đại bác, đồ tùy tùng theo với thuyền đầy đủ y như hạng chiến thuyền thường dùng của nước Đại Pháp. 100 khẩu đại bác đường kính của hạng súng rộng từ 7 phân đến 1 tấc 6 phân (đều dùng thuốc của nước Đại Pháp) mỗi khẩu đều có 200 phát đạn và thuốc, 1.000 khẩu súng tiểu thương, thuốc đạn và hột nổ 500.000 phát. Các hạng kê trên này phải đợi sau khi hồ giao hòa ước xong, hạn một năm, sẽ đệ đến tỉnh Gia Định giao nước Đại Nam nhận dùng.

Lại nếu như nước Đại Nam muốn mượn người nước Đại Pháp để huấn luyện quân thủy, quân bộ và các hạng thợ giỏi để giúp đỡ sửa chữa máy móc, thông thạo các lệ thuế để giúp thu thuế ở các cửa và các người am hiểu văn học, kỹ nghệ, mở trường dạy học, mua thêm thuyền chở súng đạn, để đủ dùng cho các khoản quân bị thì nước Đại Pháp sẽ giúp đỡ làm thay cho. Còn nữa, số tiền mượn các nhân công và giá tiền mua các thứ súng đạn, lâm thời hai nước sẽ họp lại bàn định cho thỏa đáng.

Khoản 5: Đại Hoàng đế nước Đại Nam biết rõ rằng địa hạt hiện nay do nước Đại Pháp quản trị là 6 tỉnh: Gia Định, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên, đông giáp biển và địa đầu phía tây tỉnh Bình Thuận của nước Đại Nam, tây giáp biển, nam giáp biển, bắc giáp Cao Miên và địa đầu phía nam tỉnh Bình Thuận của nước Đại Nam, đều thuộc về quản hạt của nước Đại Pháp, thuộc độc quyền sở hữu của nước Đại Pháp. Duy nước Đại Nam có 14 sở mỏ mỏ than ngoại của hai họ Phạm và Hồ ở trong đó. Trong đó họ Phạm có 11 sở ở làng Tân Viên Đông và Tân Quan Đông thuộc tỉnh Gia Định. Họ Hồ có 3 sở ở làng Linh Chiểu Tây và xã Tân Mai thuộc tỉnh Biên Hòa. Các sở phần mộ đó nghiêm cấm các hạng người không được xâm phạm. Nước Đại Pháp lại xin trích 200 mẫu ruộng đất ở gần các phần mộ ấy (100 mẫu giao cho họ Hồ, 100 mẫu giao cho họ Phạm) giao cho hai họ Phạm, Hồ canh quản để làm phí tổn cho các phần mộ đó. Còn như thuế các ruộng đất đó và thuế binh đinh giao dịch của nhân đinh thuộc hai họ đó, nước Đại Pháp [149a] đều cho miễn hết.

Khoản 6: Chiếu theo hòa ước cũ của năm Nhâm Tuất, nước Đại Nam còn thiếu bạc bồi cho nước Đại Pháp 1.000.000 đồng (mỗi đồng nặng 7 đồng 2 phân) nay đều cho trừ hết không đòi nữa.

Khoản 7: Nguyên ước cũ năm Nhâm Tuất (1862), nước Đại Nam còn thiếu bạc bồi phí cho nước Y-pha-nho 1.000.000 đồng (mỗi đồng nặng 7 đồng 2 phân). Hoàng đế nước Đại Nam ước định nhờ triều đình nước Đại Pháp chuyển giao cho nước Y-pha-nho. Đợi khi nào nước

Đại Nam thu thuế quan ở các cửa biển mở ra cho các nước Tây dương và các nước Tân thế giới buôn bán, mỗi năm thu được bao nhiêu, trừ các khoản chi phí trong năm rồi không kể, còn thừa được bao nhiêu chia làm 2 phần, lấy một phần bồi khoản bạc ấy. Mỗi năm bồi được bao nhiêu, giao quan nguyên soái Pháp đóng ở Gia Định biên nhận, chuyển giao cho nước Y-pha-nho, lấy đủ giấy tờ biên lai của nước ấy, giao cho nước Đại Nam chấp chiếu, không kể năm nào, mấy năm, hễ bồi đủ là thôi.

Khoản 8: Người nước Đại Nam có giúp cho người Đại Pháp việc gì hoặc người nước Đại Pháp có giúp nước Đại Nam việc gì, tự trái với bản quốc mà can phạm đến quốc pháp, trước khi ký hòa ước này đã bị tịch thu gia sản. Nay Đại Hoàng đế nước Đại Pháp và Đại Hoàng đế nước Đại Nam đều khoan tha và trả lại gia sản cho hết, nếu gia sản ấy đã bị biến mất đi rồi mà không còn ở quan nữa thì thôi, không cần phải bồi hoàn nữa.

Khoản 9: Đại Hoàng đế nước Đại Nam biết rõ rằng đạo Thiên Chúa vốn khuyên người ta làm điều lành. Nay đem tất cả những giấy tờ gì từ nay về trước cấm đạo Thiên Chúa hủy bỏ đi hết, lại cho người nước Đại Nam ai muốn theo đạo Thiên Chúa thì cứ tự do mà theo, và những người trong nước đã theo đạo Thiên Chúa rồi, đều được tự do làm những việc như: Hội họp, đọc kinh, lễ bái nhiều ít bao nhiêu cũng được. Người ngoài không được vin lý do gì để ép những người theo đạo Thiên Chúa phải làm việc gì trái với đạo Thiên Chúa, và cũng không bắt dân giáo phải khai sổ sách riêng. Từ nay về sau dân giáo đều được đi thi, làm quan mà không bắt phải bỏ đạo. Hoàng đế nước Đại Nam định ước đem những sổ riêng từ xưa đến nay xóa bỏ hết. Tất cả những binh đao, thuế khóa mọi việc đều nhất luật như trăm họ, không phân biệt và cấm từ nay về sau phạm những ngôn ngữ từ trái, không được dùng những chữ gì mà có nhục đến đạo Thiên Chúa. Và ở trong “thập điều” nếu có những chữ gì, [149b] câu gì tương tự như thế cũng phải cải chính hết. Những giám mục, linh mục của nước Đại Pháp cư trú ở trong nước

Đại Nam để giảng đạo, hễ người nào đã trình giấy thông hành do quan nguyên soái Pháp ở Gia Định cấp phát, có đủ Bộ Lễ nước Đại Nam hoặc quan tỉnh phê ký hai chữ “đã trình” rồi, đều được vào nước Đại Nam và tùy tiện đi lại tự do giảng dạy ở trong địa hạt thuộc giám mục, linh mục ấy quản cố, không được sai người quản thúc riêng, còn khi nào ra đi nơi khác, không được bắt các xã thôn sở tại khai báo như trước. Các giám mục, linh mục người nước Đại Nam cũng được giảng kinh, hành đạo như các quan giám mục, linh mục người nước Đại Pháp. Nếu các linh mục người nước Đại Nam có phạm một tội trạng xuy⁽¹⁾ nào thì chiếu lệ cho nạp tiền chuộc chứ không cần phải thi hành tội trạng xuy thật. Các giám mục, linh mục người nước Đại Pháp và các giám mục, linh mục người nước Đại Nam đều được thuê mua đất ruộng, cất dựng đạo đường, đạo quán, nhà dục anh, nhà dưỡng bệnh và các nhà hành giáo. Những dân giáo trước đây bị giam, bị tháp, gia sản đã bị tịch thu rồi, nay nếu còn ở quan thì đều phải trả ngay lại cho dân giáo ấy nhận lấy, nếu đã biến mất đi rồi, không còn ở quan nữa thì thôi.

Các khoản nói trên đây, những giám mục, linh mục người nước Y-pha-nho cũng đều được mang ơn một thể như thế cả. Hòa ước này, sau khi đã được hồ giao rồi, phải có một sắc dụ ban xuống, bá cáo khắp trong nước, cho dân xã đều biết rằng Đại Hoàng đế nước Đại Nam đã mở rộng ân trạch, chuẩn cho dân giáo được tự do theo đạo như thế.

Khoản 10: Nước Đại Nam có mở các trường học ở thành Gia Định, để dạy bảo học trò, thì nay có quan Bộ Lại của nước Đại Pháp ở Gia Định quản cố, ở trong những trường học ấy không được dạy bảo sự gì trái với phong hóa, phạm đến tội quyền của nước Đại Pháp. Nếu có xây dựng miếu điện thờ cúng khoản gì đều cho tùy tiện. Nếu các thầy giáo ở các trường đó có làm trái khoản nào thì sẽ trả về cho nước Đại Nam, hoặc có làm phạm khoản nào nặng hơn thì trường đó sẽ bị đóng cửa.

⁽¹⁾ Xuy là hình phạt đánh bằng roi, một trong năm hình phạt (ngũ hình) thời Nguyễn: Xuy, Trượng, Đò, Lưu, Tử. BT.

Khoản 11: Cửa biển Thi Nại ở tỉnh Bình Định, cửa biển Ninh Hải ở tỉnh Hải Dương của nước Đại Nam và một dải đi ngược lên sông Hồng Hà, suốt đến biên giới tỉnh Vân Nam của nước Đại Thanh và ở phố Hà Nội, thì triều đình nước Đại Nam nên mở ra cho người các nước Tây dương, các nước Tân thế giới thông [150a] thương, sẽ có thương ước riêng, đính vào hiệp ước này. Còn các điều khoản thương ước mới cũng sẽ chiếu theo hiệp ước này mà tuân tuân một thể. Trong đó cửa biển Ninh Hải với phố Hà Nội cùng ngược theo dòng sông Hồng Hà suốt đến biên giới tỉnh Vân Nam của nước Đại Thanh, thì nên đợi ngày hiệp ước này đã được hồ giao, hoặc là trước ngày hồ giao, nên lấy ngày nào khai thương làm tiện. Lâm thời sẽ do hai nước bàn định. Duy cửa biển Thi Nại ở tỉnh Bình Định, nên đợi sau hồ giao một năm, sẽ khai trương. Còn như các cửa sông khác, đợi sau buôn bán, nếu có phần thịnh, lợi ích, nếu khai trương mà có lợi thì sẽ do nước Đại Nam nghĩ làm.

Khoản 12: Những người nước Đại Pháp, các nước thuộc địa, các nước phương Tây và các nước Tân thế giới, hễ người nào biết tuân theo luật lệ nước Đại Nam đều được định ước mở hàng buôn bán ở các cửa biển, mua đất dựng nhà, tùy ý buôn bán ở trong đất nước Đại Nam, và đặt làm máy kỹ nghệ, nhưng phải tuân theo sự chỉ định xứ sở của quan nước Đại Nam, không được hỗn tạp. Những đất ở trong đó, hoặc công hoặc tư, phải chiếu giá thuận mại, và những nhà ở nên nộp thuế bao nhiêu thì chiếu theo lệ định nộp cho quan nước Đại Nam. Các người buôn bán được đi lại buôn bán, từ cửa biển Ninh Hải ngược sông Hồng Hà suốt đến tỉnh Vân Nam. Phải nộp lệ thuế hàng hóa chở trong thuyền là bao nhiêu cũng phải chiếu lệ nộp cho quan nước Đại Nam.

Còn như từ cửa biển Ninh Hải do sông Hồng Hà đến Hà Nội, lại từ Hà Nội dọc theo đất liền ở các bờ sông, suốt đến tỉnh Vân Nam, người Tây đều không được buôn bán, những người các nước đã nói ở trên đây, đều được tùy tiện thuê người nước Đại Nam giúp các công việc, tài phúc thông ngôn, thư ký, thợ thuyền, phu chèo thuyền, công việc trong nhà, làm công...

Khoản 13: Nước Đại Pháp muốn xét đặt một viên lãnh sự hoặc một viên chuyên ở các cửa biển đã khai thương của nước Đại Nam, mỗi sở đều có binh lính vừa đủ sai phái, nhưng không được quá số 100 tên, để tiện tự vệ và tuần phòng canh giữ khỏi người nước khác sinh việc dấy ngày nào yên ổn, không có việc gì đáng ngại nữa thì quan lãnh sự ở lại làm việc, còn binh lính rút về hết.

Khoản 14: Người nước Đại Nam cũng được đi lại buôn bán ở đất đai nước Pháp và các nước thuộc địa và các khoản mua đất làm nhà, nhưng phải tuân theo luật lệ của nước Đại Pháp. Nếu Đại Hoàng đế nước Đại Nam muốn [150b] đặt lãnh sự ở các cửa, các phố ở nước Đại Pháp và các thuộc địa để tiện chiếu quản người bản quốc thì cũng đều được tùy tiện.

Khoản 15: Những người buôn của nước Đại Pháp, với các nước thuộc địa và các nước khác, muốn đến buôn bán cư trú ở trong các cửa biển thuộc đất nước Đại Nam, thì phải kê khai sổ sách, trình nạp cho quan Pháp, quan nước Đại Pháp lại chuyển trình qua quan nước Đại Nam biết làm, nếu nhân dân nước Đại Nam muốn qua nước Đại Pháp và các nước thuộc địa để cư trú buôn bán, thì cũng phải chiếu theo thể lệ mà làm nhất luật như thế. Nếu người buôn của nước Đại Pháp và các nước khác muốn qua lại làm việc gì ở xứ khác trong nước Đại Nam, thì phải có giấy thông hành do quan của nước Đại Pháp cấp phát và có chữ của quan nước Đại Nam phê ký hai chữ "Đã trình" mới được thông hành. Nhưng cấm không được mua các hạng vật gì ở dọc đường. Nếu trái cấm, thì những hàng hóa đó sẽ bị quan sở tại của nước Đại Nam tịch thu hết. Nhưng hiện nay nhân dân trong nước Đại Nam còn chấp nệ "bỉ thủ" chưa yên ổn, nên người nước ngoài chưa tiện đi lại, nên đợi ngày nào các quan nước Nam, cùng với quan khâm sứ nước Đại Pháp xem xét hiện tình quả đã yên lặng thì mới cấp giấy cho đi. Với nếu người nước Đại Pháp muốn qua tìm học bấu vật ở một xứ nào của nước Đại Nam, cũng phải chiếu bội cho các quan Đại Nam biết rằng

người đó hề có trí cầu học, ắt phải hết lòng giúp đỡ, bảo hộ, và cấp phát cho giấy tờ đầy đủ và giúp cho mọi việc để người đó được đi lại thông hành cầu học cho thuận tiện.

Khoản 16: Người nước Đại Pháp kiện nhau, hoặc người nước Đại Pháp kiện nhau với người nước khác đều do quan lãnh sự nước Đại Pháp phân xử. Người nước Đại Pháp và người nước khác kiện nhau với người nước Đại Nam, hoặc xin phân xử một việc gì, trước hết đều do quan lãnh sự nước Đại Pháp hết sức lấy lẽ công bình phân xử cho thỏa. Nếu có khoản gì trở ngại một mình quan nước Đại Pháp khó bề xử đoán, thì tự xin quan nước Đại Nam hội đồng xử đoán. Quan hai nước xét xử đã được công bình thì hai bên đều phải tuân theo. Người nước Đại Nam và người nước Đại Pháp kiện nhau với người nước khác, trước hết phải do quan nước Đại Nam hết sức lấy lẽ công bình xét xử cốt làm sao cho thỏa thuận, nếu có khoản gì trở ngại một mình quan nước Đại Nam khó bề xét xử, thì tự mời quan nước Đại Pháp đến hội đồng xét xử, khi quan hai nước xử đoán đã được công bình rồi thì hai bên đều phải tuân theo. Nếu người Đại Pháp [151a] kiện nhau, hoặc kiện với người nước khác, thì chuyển cho quan nước Đại Pháp xử đoán.

Khoản 17: Người nước Đại Pháp và người nước khác đến ở trong địa hạt nước Đại Nam mà phạm tội thì đều giao về cho các quan tòa ở Gia Định xét xử. Nếu những người đó trốn tránh vào ở địa phận nước Đại Nam mà tư cho quan nước Đại Nam lòng bắt, thì quan nước Đại Nam nên hết lòng tìm bắt giải giao cho quan nước Đại Pháp nhận xét. Nếu người nước Đại Nam sang ở bên địa phận nước Đại Pháp mà phạm tội, thì quan nước Đại Pháp chiếu theo luật lệ nước mình mà xét xử, nhưng phải tư cho quan hình sự nước Đại Nam biết, y lệ tra xét.

Khoản 18: Nếu có bọn gian ác ở địa phận nước Đại Pháp phạm tội làm loạn, trộm cướp, rồi trốn đến địa phận nước Đại Nam, quan nước Đại Pháp đã tư nhờ quan nước Đại Nam lòng bắt, thì các quan nước Đại Nam phải hết sức lòng bắt cho kỳ được, rồi giải giao cho quan nước

Đại Pháp xét xử. Nếu có bọn gian ác ở địa hạt nước Đại Nam phạm tội làm loạn, trộm cướp, rồi trốn qua ẩn núp ở địa hạt nước Đại Pháp, quan nước Đại Nam đã tư nhờ quan nước Đại Pháp tìm bắt, thì quan nước Đại Pháp phải hết sức tìm bắt cho kỳ được, giải giao quan nước Đại Nam xét xử.

Khoản 19: Nếu có người nước Đại Pháp hoặc người nước khác chết trên địa hạt nước Đại Nam và nếu người nước Đại Nam chết trên địa hạt nước Đại Pháp, thì gia sản của những người chết đó được giao cho con cháu, người thừa kế của người ấy quản nhận, nếu hiện tại không có người đáng được ăn gia sản đó thì gia sản của người chết đó được giao cho quan bản quốc để quan bản quốc chuyển giao cho người thân thuộc của người chết ấy ở nước mình nhận lấy.

Khoản 20: Từ nay, các quan đại thần hai nước đã ký áp vào hiệp ước rồi, đợi đầy một năm sau, Đại Hoàng đế nước Đại Pháp sẽ đặc phái một viên quan khâm sứ hạng hai, đến trú ngụ ở kinh đô nước Đại Nam để tiện tuân giữ và thi hành, các khoản đã định trong hiệp ước. Các công việc của viên khâm sứ ấy phải làm là để cho tình hữu nghị của hai nước thường được hòa hảo tốt đẹp. Nếu Đại Hoàng đế nước Đại Nam muốn đặt một viên khâm sứ đến trú ngụ tại kinh đô nước Đại Pháp, thì cũng phải chiếu theo nhất luật như thế mà làm. Duy nghị chế phẩm trật của quan khâm sứ ấy [151b] như thế nào, sẽ đợi hai nước bàn định cho được thỏa đáng. Còn như lương bổng của các quan khâm sứ ấy và các hạng chi phí đều do bản quốc chiếu cấp.

Khoản 21: Hiệp ước mới này đem thay thế cho hiệp ước cũ năm Nhâm Tuất. Nước Đại Pháp lại muốn nói với nước Đại Y-pha-nho cũng tuân giữ hiệp ước mới này mà bỏ hiệp ước cũ. Nếu như nước Y-pha-nho không chịu thay đổi các khoản trong hiệp ước cũ thì nước Đại Pháp và nước Đại Nam đều cứ giữ hiệp ước mới này. Còn những khoản trong hiệp ước cũ, hễ thuộc nước Y-pha-nho với nước Đại Nam

ấn định ra, đều để như cũ. Duy nước Đại Nam còn thiếu nước Y-pha-nho một khoản bạc bồi phí thì nước Đại Pháp tự nhận bồi thế. Nước Đại Nam lại chiếu theo khoản 7 trong hiệp ước mới trả lại dần dần đủ số bạc nợ đó cho nước Đại Pháp.

Khoản 22: Nay hiệp ước mới đã định xong, hai nước cùng nhau giữ chung hiệp ước này, đời đời không trái, đợi đầy một năm hoặc chưa đến một năm, đợi Đại Hoàng đế hai nước phê chuẩn liền đem đến hồ giao tôn chiếu tại Kinh thành nước Đại Nam, xong việc rồi lại đem hiệp ước này tuyên bố khắp trong nước, để mọi người đều biết.

Hiệp ước này làm thành bốn bản, quan toàn quyền hai nước, đối chiếu phù hợp đóng ấn ký tên.

Hiệp ước này định xong, ký kết tại phủ Nguyên soái thành Gia Định ngày 27 tháng Giêng năm Tự Đức thứ 27, tức là ngày 15 tháng 3 năm 1874 [152a].

TỤC ĐỊNH HÒA ƯỚC [Phàm 29 điều khoản]⁽¹⁾

Hòa ước nói rằng: Nay Đại Hoàng đế nước Đại Nam và Đại Hoàng đế nước Đại Pháp vì muốn củng cố sự giao kết đồng minh của hai nước và muốn sự thông thương được tiện dễ, để mở rộng đường giàu thịnh của hai nước; vì vậy Đại Hoàng đế nước Đại Nam đặc phái quan Hình Bộ Thượng thư Kỳ Vi bá, Chánh sứ Nguyễn Văn Tường, quan Lại Bộ Tả Thị lang, Phó sứ Nguyễn Tăng Doãn đều sung chức Khâm sứ giảng định thương ước; Toàn quyền đại thần Đại Hoàng đế nước Đại Pháp đặc phái quan Khâm sai Tổng thống Nam Kỳ thủy lục quân dân, kiêm thống Đại Thanh, Nhật Bản lương quốc ngoại dương chư binh thuyền Đại Nguyên soái Ca-răng-du-ly Pha-lay-sa Ê-my-ly⁽²⁾, khâm thường đại hạng Công kim bội tinh, làm chức Khâm sai giảng định thương ước toàn quyền đại thần. Hai bên đều đưa sắc chiếu được phong làm Toàn quyền của mình ra công khai so sánh kiểm điểm thẩm tra đều là đúng đắn. Liền cùng nhau bàn lập điều khoản hòa ước, kê rõ như sau:

Khoản 1: Chiếu theo khoản 11 trong hiệp ước mới năm nay (ngày 27 tháng Giêng lịch Nam, 15 tháng 3 lịch Tây) có phân biệt nghị định Đại Hoàng đế nước Đại Nam chuẩn cho mở các cửa biển như cửa Hải Ninh tỉnh Hải Dương, ngược dòng sông Nhị suốt đến địa giới tỉnh Vân Nam nước Đại Thanh, phố Hà Nội

⁽¹⁾ Tức Hiệp ước Thương mại (Traité de Commerce), ký ngày 31/8/1874. Ngoài 29 điều của bản Hiệp ước chính, còn có một "Điều khoản bổ sung" ký cùng ngày 31/8, và một Quy ước phụ, ký ngày 23/11/1874. BT.

⁽²⁾ Tức Jules François Esmele Krantz. BT.

và cửa Thi Nai, thuộc tỉnh Bình Định, cho thuyền buôn các nước ngoài không kể nước nào, hiệu cờ gì đều được qua lại buôn bán ở các cửa ấy.

Khoản 2: Phàm ở những cửa biển được chuẩn cho khai thương, đã nói trong hòa ước này, phải nên chiếu theo giá trị của các hàng hóa chở ra vào, cứ 100 phần rút ra 5 phần nạp thuế quan, xong rồi mới được tự do thông thương, mua bán. Duy muối trắng phải chiếu giá 100 phần thu thuế 10 phần. Còn như các hạng súng ống thuốc đạn và mọi thứ quân giới khác đều không được buôn bán, không được chở ra, chở vào. Lại như buôn bán nha phiến, thuốc lá phải chiếu theo lệ định riêng của nước Đại Nam, còn như người buôn gạo thường được tùy tiện chuyên chở ra, vào các cửa, các phố phải nạp thuế 5 phần 100 (5/100). Còn như chở ra ngoài cửa biển thì phải có giấy "Tạm chuẩn" phân minh của triều đình nước Đại Nam, tư cho quan khâm sứ nước Đại Pháp trú ở kinh biết đã rồi mới được chở. Thuế gạo chở ra, phải nạp 10%. Lại như chuyên chở [152b] tơ sống và gỗ lim thường được vào cửa. Nếu chở ra cửa thì phải nạp thuế sản vật cho các xã thôn sở tại xong xuôi, lại phải đợi triều đình nước Đại Nam "hòa mại" các hạng ấy đủ dùng xong đã rồi mới được chở ra. Còn thuế thì phải nạp 5%. Hai hạng này, lâm thời triều đình nước Đại Nam có cho chở ra hoặc không cho chở ra đều phải tư cho quan khâm sứ nước Đại Pháp trú ở kinh biết trước một tháng. Tự trung các hạng cấm, trừ các hạng khí giới, súng ống thuốc đạn, những đồ quân dụng, không có phép của triều đình nước Đại Nam cho chuyên chở thì không được chở. Triều đình nước Đại Nam đặt ra và quy định lệ này để phòng có những kẻ liều lĩnh gian trá chở các hàng cấm từ ngoài vào. Còn các hạng có lệ cấm khác đều cho chở từ nước ngoài đi qua Vân Nam và chở từ Vân Nam đi qua ra ngoài biển, mỗi khi

chở qua địa hạt nước Đại Nam chỉ chiếu lệ nạp thuế quan một lần mà thôi. Phàm những hàng hóa chở vào cửa biển, đã chiếu lệ nạp thuế quan một lần rồi, sau từ tỉnh này chở qua tỉnh khác hoặc từ phố này chở qua phố khác để buôn bán đều không phải chịu thêm một thứ thuế gì riêng nữa. Lại muốn tránh cho hai nước khỏi sinh dị nghị vì vậy phải nhất định như thế.

Phàm các hàng hóa do thuyền buôn nước Đại Thanh chở vào, chở ra những hạng cấm và thuế quan đều phải chiếu theo y như các hiệu thuyền phương Tây và Tần thế giới (tức là trong hòa ước bảo là cờ các nước ngoài đấy), chở các hàng hóa vào, ra mà nạp thuế nhất luật. Duy các thuyền buôn của nước Đại Thanh và nước Đại Nam phải nộp thuế bao nhiêu, đều do quan thu thuế của nước Đại Nam thu riêng, trừ riêng, nếu muốn chi tiêu việc gì chỉ quan Đại Nam liệu riêng mà thôi. Còn như các hạng cấm thì thuyền buôn của nước Đại Nam cũng y như của các nước khác.

Khoản 3: Phàm thuyền buôn vào cửa ra cửa, hai lần đều có chở hàng hóa cả thì cứ theo trọng tải, mỗi tấn nạp tiền thuế vọng đăng, và thuế bỏ neo, ba đồng cân bạc, nếu thuyền nào khi vào không có hàng hóa, mà khi ra có chở hàng hóa, hoặc là lúc vào có hàng hóa mà lúc ra lại không có hàng hóa thì cứ theo trọng tải mỗi tấn nạp bạc thuế 1 đồng 5 phân bạc. Nếu lúc ra lúc vào đều không có hàng thì miễn thuế. Lại như sức trọng tải của thuyền có 20 phần mà trong thuyền [153a] chở không được một phần, giá trị mỗi tấn lại không được 5 quan tiền thì cũng xem như thuyền vào ra không chở hàng hóa, đều được miễn thuế hết.

Khoản 4: Phàm những hàng hóa từ tỉnh Gia Định chở đến buôn bán ở các cửa biển của nước Đại Nam hiện đã được chuẩn cho khai thương, hoặc muốn từ sông Nhị Hà chở thẳng đến

địa giới tỉnh Văn Nam. Lại từ địa giới tỉnh Văn Nam của nước Đại Thanh hoặc chở thẳng từ trên Văn Nam đến Văn Nam rồi chở thẳng đến các cửa khẩu của nước Đại Nam đã được chuẩn cho khai thương để chở đi nơi khác hoặc chở đến tỉnh Gia Định thì những hàng hóa ấy nên chiếu theo các hàng hóa từ xứ khác chở đến các cửa biển của nước Đại Nam đã được chuẩn cho khai thương rồi lại chở đi nơi khác, chỉ đánh một nửa lệ thuế đã định mà thôi. Lại muốn ngăn ngừa các tệ dối trá, mà cần phải có bằng có chính xác, vì vậy phàm những thuyền từ tỉnh Gia Định chở qua, tất phải có giấy "bằng biên", đủ chữ ký ấn tín của quan tân thủ nước Đại Pháp và quan lãnh sự của nước Đại Nam ở tỉnh Gia Định cấp cho, mới được chước giảm. Hễ những thuyền nào từ biên giới tỉnh Văn Nam, hoặc từ cửa biển nước Đại Nam đã được chuẩn cho khai thương mà chở đến tỉnh Gia Định thì Ty Thuế quan có thể tùy tiện bắt phải có người đứng ra bảo lãnh nửa phần thuế được giảm, như các khoản đã nói ở trên. Nếu không có người bảo lãnh hoặc có người bảo lãnh mà không đủ giấy tờ bằng chứng thì phải bắt nạp luôn cả số tiền thuế một nửa được chước giảm đã, chờ khi nào có đủ giấy tờ, bằng chứng đích xác sẽ trả lại cho.

Khoản 5: Những người do đường bộ đi lại buôn bán ở hai tỉnh Bình Thuận và Biên Hòa từ trước đến nay có trưng thu lệ thuế hạng gì hay không, nay cứ để thu như cũ không thêm bớt thay đổi gì cả. Đợi sau khi hồ giao thương ước này, hạn trong một năm, sẽ nghị định điều lệ do đường bộ buôn bán, phụ theo hiệp ước này. Thế nhưng có hạng mua ngựa ở địa hạt nước Đại Nam đem đến bán ở tỉnh Biên Hòa, thì phải chiếu thu theo lệ thuế hiện hành, không nên thu nặng hơn.

Khoản 6: Muốn cho việc thu thuế quan được gọn gàng và khỏi xảy ra việc trở ngại giữa khách buôn với các nước ngoài,

với các quan của nước Đại Nam, vì vậy triều đình nước Đại Pháp vì triều đình nước Đại Nam xét chọn quan viên người nước Đại Pháp, nhưng tùy theo sự chỉ thị của các quan Bộ Hộ của nước Đại Nam để đủ theo giúp trong các công việc quan thuế. [153b] Triều đình nước Đại Pháp cũng vì triều đình nước Đại Nam đặt cách tuần phòng ngoài biển, làm sao cho được nghiêm mật, để bảo vệ dân buôn.

Hể trước khi chưa bồi xong món bạc quân phí của nước Y-pha-nho, thì không nên thuê người phương Tây nào khác người nước Đại Pháp, mà quan khâm sứ hoặc quan lãnh sự không đồng ý, để giúp vào việc thu thuế quan. Đợi khi nào bồi xong số bạc còn thiếu của nước Y-pha-nho và người nước Đại Nam đã quen thuộc các công việc thu thuế quan rồi, không cần phải có người nước Đại Pháp giúp việc nữa, lúc đó hai nước sẽ hội họp bàn định, nên tùy nghị sửa đổi như thế nào.

Khoản 7: Phàm những người nước ngoài thông thương ở các cửa biển đã được chuẩn cho khai thương, thì Ty Thuế quan đều do một viên quan của triều đình nước Đại Nam trú ở cửa biển Hải Ninh quản lý, lại có một viên quan người nước Đại Pháp giúp việc cho nước Đại Nam ở Ty Tây thương quan thuế sự vụ cũng trú ở cửa biển ấy. Phàm những luật lệ thuế buôn ở các quan tãn (bến cảng), đều do hai viên quan ấy công đồng thỏa biện. Những người Tây làm việc ở các quan tãn, đều do viên quan người Đại Pháp ấy thống nhiếp⁽¹⁾. Viên quan này cũng có thể thường thường viết thư cho lãnh sự và quan khâm sứ nước Đại Pháp để báo cáo các công việc thông thương quan thuế. Hai viên quản lý và thống nhiếp khi đến mùa thuế, nếu có khoản gì cần trả cho quan Bộ Hộ nước Đại Nam thẩm thị, thì đều phải hội hàm mà tư làm. Trong đó nếu có khoản nào mà hai viên quan

(1) Thống nhiếp: Kiểm thêm quyền cai quản, điều hành.

không đồng ý thì cứ đem ý kiến của mình tư lên quan Bộ Hộ xét đoán.

Khoản 8: Phàm những người của nước Đại Pháp theo giúp việc cho nước Đại Nam, nên được phẩm trật bổng lộc như thế nào và cùng với quan nước Đại Nam đi lại lễ tết, nên ở vào thứ bậc nào, sẽ chờ hai nước hội đồng bàn định.

Khoản 9: Phàm những sổ sách biên thu lệ thuế phải làm hai bản, một bản để ở trong Tây thương quan thuế, một bản để ở Ty Thương [Thường do triều đình nước Đại Nam lập ra để thu các hạng thuế quan]. Còn đơn nạp thuế, các giấy bằng biên hoặc chi xuất tiền ở trong kho ấy ra, để đăng trữ vào kho khác, cũng cần phải có chữ phê ký đóng ấn của quan nước Đại Nam và quan nước Đại Pháp. Mỗi khi đến nguyệt để, đều đem sổ thuế ra hội đồng chiếu tính.

Khoản 10: Phàm các khoản tiền chi phí trong năm, nên lấy trong sổ tiền thuế vọng đăng và bỏ neo mà chi dùng, nếu [154a] hạng thuế ấy không đủ thì phải cho lấy ở thuế quan, nhưng không được tiêu quá nửa phần. Phàm những việc nên chi tiêu: Một là để cấp phát lương bổng cho những người Tây giúp việc thuế quan cho nước Đại Nam, những người nước Đại Nam, những người khác giúp việc thuế, với quan viên người các nước khác ở phương Tây chẳng hạn. Hai là để xây dựng các sở nha môn, sảnh, thự cho Ty Thuế quan. Ba là để tu bổ các thứ như: đèn pha, đèn thuyền, cầu phao... Bốn là để đào sông dẫn nước, với tất cả những việc có ích lợi cho đường buôn bán.

Khoản 11: Phàm những lệ thuế đã do hiệp ước này định ra, nên phải tuân giữ, kể từ sau ngày hồ giao đủ hạn 10 năm. Trong thời hạn ấy nếu có khoản nào cần phải cải chính thì từ ngày một trong hai nước đề xướng ra về sau, đủ hạn một năm, đã trải qua hai nước hội đồng bàn định mới được sửa đổi.

Khoản 12: Phàm những người buôn bán của các nước, với các quan viên ở Ty Thuế quan, nếu có vì việc thể lệ thuế quan, mà bất bình sinh kiện, thì do quan sở tại của nước Đại Nam với quan lãnh sự của nước Đại Pháp, hội đồng xét xử.

Khoản 13: Phàm những thuyền của nước Đại Pháp và thuyền của các nước khác đến cửa biển đã được chuẩn cho khai thương của nước Đại Nam, đều được thuê người dẫn thủy đưa đường vào cửa. Hôm nào những thuyền ấy đã theo thể lệ nạp thuế xong rồi mà muốn ra cửa thì cũng được thuê người dẫn thủy dẫn ra, không có gì ngăn trở làm chậm trễ cả. Người nào muốn làm nghề dẫn thủy thì cần phải có ba người chủ thuyền biên bằng nhận thực là người ấy quả là có thể làm được, thì quan lãnh sự nước Đại Pháp và quan tấn thủ nước Đại Nam mới cấp bằng cho làm dẫn thủy. Còn giá tiền công làm dẫn thủy thì do quan tấn thủ, quan lãnh sự và quan phó lãnh sự chiếu theo cửa biển gần xa, khó dễ mà xét định.

Khoản 14: Hễ người dẫn thủy đưa thuyền buôn các nước ngoài vào cửa xong rồi, thì quan ở Ty Thuế quan liền phái một hai người canh giữ, để phòng chủ thuyền ấy âm thầm làm những việc trái với điều lệ thuế quan. Những người canh gác ấy được tùy tiện hoặc ở trong thuyền mình hoặc ở trong thuyền buôn, còn số tiền lương bổng tiêu phí ăn uống hàng ngày sẽ do quan thuế quan chi cấp, không được theo chủ thuyền, chủ hàng hóa mà đòi hỏi. Nếu ai làm sai trái thì sẽ chiếu theo số tiền sách nhiễu đó nhiều ít mà trị tội và truy đòi lấy lại số tiền đó để trả lại cho chủ buôn.

Khoản 15: Phàm những người thuyền buôn nước ngoài chở đến các cửa biển hiện được chuẩn cho khai thương của nước Đại Nam, [154a] hạn một ngày đêm (trừ có duyên cớ gì trở ngại không kể) thì người chủ thuyền, chủ hàng hóa, hoặc người đại diện

phải đem ngay bài thuyền, đơn kê hàng hóa, tên người trình với cơ quan lãnh sự nước Đại Pháp, lại hạn trong một ngày một đêm quan hình sự phải đem đủ tên thuyền, tên người và sức trọng tải và các sắc hàng hóa là bao nhiêu kê khai rõ ràng chuyển báo cho quan ở Ty Thuế quan biết. Nếu vì chủ thuyền ấy lười biếng xem thường, mà để đến sau khi vào cửa đã quá hai ngày đêm rồi, mà không làm theo lệ định, thì hể cứ quá một ngày đêm là phạt bạc 50 đồng, nhưng số bạc phạt không quá 200 đồng. Số bạc phạt ấy sẽ nạp vào kho thuế quan. Còn các quan ở Ty Thuế quan, hể đã tiếp được tờ tư của quan hình sự rồi thì phải cấp ngay bằng biên cho chủ thuyền, mở thuyền dỡ hàng hóa. Nếu chủ thuyền chưa nhận được bằng biên, mà đã vội vàng mở thuyền dỡ hàng hóa lên thì có thể phạt bạc đến 500 đồng và những hàng hóa đã dỡ ra khỏi thuyền đều có thể tịch thu bỏ vào kho thuế quan.

Lại những thuyền buôn vượt biển, nếu có mang theo súng ống thuốc đạn để tự vệ, mà đã biên rõ vào trong bài thuyền, thì lúc đầu mới đến đồn cửa biển, kê khai các hàng hóa cũng phải kê khai vào đó luôn một thể. Nếu quan nước Đại Nam cho những thứ khí giới ấy để lại dưới thuyền không tiện, thì chủ thuyền phải đem những thứ khí giới ấy lên bộ, do quan tấn thủ đồn địa đầu canh giữ, và phải ký nạp cho quan lãnh sự nước Đại Pháp. Đợi ngày nào thuyền ấy ra cửa hoặc chờ về tỉnh Vân Nam của nước Đại Thanh, thì sẽ trả lại. Lại như từ cửa biển Ninh Hải chuyển qua tỉnh Vân Nam, lâm thời phải mang theo súng ống thuốc đạn để tự vệ, thì sẽ do quan quản lý của nước Đại Nam và quan lãnh sự của nước Đại Pháp hội đồng xét định. Nếu ai làm sai trái thì các thứ khí giới thuốc đạn ấy sẽ bị tịch thu vào kho của quan nước Đại Nam, lại có thể phạt bạc đến 500 đồng. Lại nếu thuyền nào của người phương Tây, hoặc người các nước Tân thế giới chở trộm khí giới thuốc đạn, dỡ đem lên để địa phận

nước Đại Nam, cũng sẽ bị tịch thu vào kho của quan nước Đại Nam, lại có thể bị phạt đến 500 đồng.

Khoản 16: Nếu thương nhân người nước ngoài tùy ý thuê [155a] thuyền nhỏ của những chủ thuyền nhỏ đậu quanh đây chở thuê hàng hóa các loại của thương nhân bằng thuyền nhỏ vào bờ. Trường hợp các thuyền nhỏ này làm tổn thất hàng hóa của thương nhân, quan quản lý nước Đại Nam bắt tất (không cần phải) chiếu cố. Nếu có tin bằng chứng minh thuyền nhỏ đó làm tổn thất tài vật của thương nhân thì quan nước Đại Nam cũng không bảo hiểm.

Khoản 17: Phàm những người buôn nước ngoài khi vào cửa biển của nước Đại Nam đã được chuẩn cho khai thương, mỗi lần muốn dỡ hàng xuống, trước tiên phải liệt kê rõ ràng các loại hàng hàng hóa mang trình với quan lãnh sự thuế quan xét chiếu, tính thuế, nhận bằng biên dỡ hàng, sau đó mới được cho dỡ hàng hóa xuống bến bãi. Nhưng trong khoảng thời gian thỏa đáng để hàng hóa không bị hư hỏng [155b] vì phải mất thời gian đợi nộp thuế. Thương nhân không phải đối ép, có thể ủy quyền cho người thay thế lo liệu.

Khoản 18: Phàm các thuyền buôn đã ghé vào các cửa biển hiện được chuẩn cho khai thương mà chưa nhận bằng biên dỡ hàng xuống, như khoản trên đã nói, đương ở trong hạn hai ngày đêm mà lại chờ đi cửa biển khác, thì thuế hàng hóa, thuế cập bến, cửa biển này không cần phải thu, đợi đến cửa biển khác hàng sẽ chiếu lệ thu nạp.

Khoản 19: Phàm chủ thuyền hoặc người buôn đã dỡ hàng xuống xong, chiếu theo lệ thuế đều xét hàng hóa đã khám nghiệm cho dỡ xuống theo thứ nộp thuế. Những hàng hóa bỏ xuống thuyền đưa xuất khẩu, cũng chiếu lệ ấy mà làm.

Các hạng thuế thuyền, thuế hàng hóa đã nạp xong xuôi, thì quan thuế quan nên cấp cho giấy bằng biên toàn thu, đệ trình quan lãnh sự xét nghiệm rõ, rồi liền đem những bài thuyền đã nạp trước, và các giấy bằng biên đã trả lại chuẩn cho xuất khẩu. Tuy nhiên nếu chủ thuyền và Ty Thuế quan hợp ý mà muốn cho việc buôn bán được thuận tiện thì cũng có thể tùy tiện xét trong hóa đơn bài thuyền mà thu thuế, không cần phải đợi dỡ hàng lên, khám nghiệm đã rồi mới thu thuế.

Khoản 20: Phàm thuyền buôn vào cửa chiếu theo khoản thứ 18, chuẩn định đã quá hạn hai ngày đêm, và trước khi chưa dỡ hàng xuống, đã nạp đủ thuế vọng đăng, dừng neo, trọng tải thuyền, y như khoản thứ 3 đã định, không được cải sinh ra mới gì khác, để yêu sách phí tổn. Còn khi nạp thuế quan thuế quan phải cấp ngay cho giấy chấp chiếu khai rõ thuế mà thuyền đã nạp đầy đủ hoàn toàn. Nếu thuyền đó tùy tiện chở đi cửa khác, thì đem giấy chấp chiếu ấy trình quan thuế quan xét nghiệm quả thật sẽ khởi phải nạp thuế thuyền lần nữa. Lại hễ thuyền buôn của các nước ngoài đến buôn ở cửa biển của nước Đại Nam đã được chuẩn cho khai thương, thì mỗi khi từ nước ngoài chở đến nước Đại Nam một chuyến chỉ phải nạp thuế một lần mà thôi.

Khoản 21: Phàm thuyền buôn các nước ngoài đã tiến vào các cửa biển của nước Đại Nam hiện được chuẩn cho khai thương, nếu đem một ít hàng hóa dỡ lên cửa ấy, thì chỉ chiếu theo số hàng đã dỡ lên mà nạp thuế. Còn dư thì tùy ý mang qua cửa khác dỡ lên bán, thì đợi khi nào đến cửa khác sẽ nộp thuế. Nếu khi ở cửa này đã nạp thuế hết thảy, rồi lại muốn chở đi cửa khác để bán, thì phải báo rõ ra cho quan lãnh sự biết, để quan lãnh sự tư cho quan thuế quan khám nghiệm quả là nguyên [156a] phong, không hề động đến, thì nên cấp cho bằng biên chú rõ là

hàng hóa này đã nạp thuế ở cửa nào rồi để người buôn khi đến cửa khác, chỉ đem bằng biên trình quan lãnh sự, quan lãnh sự chuyển báo với quan thuế quan sở tại xét nghiệm mà miễn thuế, rồi cấp ngay cho bài chỉ dỡ hàng, miễn hết cho tất cả các thứ tổn phí. Nếu khi quan thuế quan xét nghiệm hàng hóa, mà phát hiện ra được các hàng hóa lậu thuế, với các tình tiết gian trá có chứng cứ xác thực thì liền đem các thứ hàng hóa ấy tịch thu bỏ vào kho thuế quan hết.

Khoản 22: Phàm các hàng hóa để trong thuyền buôn, trừ những hạng khi có cấp văn bằng riêng, và gặp có việc cần phải chuyên chở gấp thì không kể, ngoài ra không được tự tiện chuyên chở thuyền hàng này đến nơi khác, nếu có gặp sự nguy hiểm gì thì người buôn ấy phải trình báo rõ với quan lãnh sự, cấp cho giấy chấp chiếu, đệ trình lên quan thuế quan phê chuẩn, nhưng phải sức cho nha thuộc phải đến khám xét tại chỗ, nếu không phải gặp sự nguy hiểm và chưa lĩnh văn bằng, mà dám tự tiện vận chuyển, thì những hàng hóa vận chuyển đó đều tịch thu hết sung vào kho thuế quan.

Khoản 23: Phàm các nha thự thuế quan ở các cửa biển của nước Đại Nam đã được khai thương, đều phải lĩnh mỗi nơi một bộ đủ hạng cân, mã, trượng, xích, do Bộ Hộ của nước Đại Nam ban cấp và lại phải nhận thêm một bộ nữa đưa đến sở quan lãnh sự thu trữ. Còn các hạng cân, thước nặng nhẹ, dài ngắn đều y một dạng như của nước Đại Nam thường dùng không khác gì hết. Mỗi cái đều khắc dấu tích của Bộ Hộ để làm mẫu mực. Hễ cân đo hàng hóa trong thuyền và để đánh thuế và chỉ cấp sổ bạc, thường dùng số cân mã ấy mà cân giao. Gặp khi hai bên tranh chấp vì sự nặng nhẹ dài ngắn không chuẩn định được, thì lấy cân thước ấy mà định.

Khoản 24: Phàm các người buôn, chủ thuyền ra vào thông thương ở các cửa, có ai dám chở trộm hàng hóa gì ra vào các cửa, không kể chở nhiều hay ít, hạng gì, giá nào, với chở hàng cấm vận mà giả mạo trá hình để bốc lên bộ, đều do các quan địa phương xét bắt tịch thu nạp vào kho công, triều đình nước Đại Nam lại có thể sức cho những phường buôn bán gian ấy phải nạp thuế xong rồi thả ra ngay; sau này không được trở lại buôn bán ở các cửa biển của nước Đại Nam nữa. Lại như thuyền buôn của nước này mà lại dám mạo dụng hiệu cờ của nước khác, thì do quan nước Đại Pháp tùy tiện kiếm cách ngăn cấm trừng phạt, để triệt thói điều. Lại hễ bạc phạt và hàng hóa tịch thu phát mãi được bao nhiêu đều bỏ vào kho thuế quan hết.

Khoản 25: Đại Hoàng đế nước Đại Pháp [156b] có thể tùy tiện phái binh thuyền đến đóng tại các cửa biển hiện chuẩn cho được khai thương của nước Đại Nam, để trấn áp thủy thủ các thuyền buôn và để giúp thêm uy lực cho quan lãnh sự. Lại định quy chế ước thúc riêng để cho các binh thuyền ấy đóng ở các cửa, khỏi xảy ra những trở ngại khác. Những binh thuyền ấy đều khỏi phải nạp các hạng tiền lương.

Khoản 26: Các binh thuyền của nước Đại Pháp qua lại bảo vệ các thuyền buôn hễ đến cửa biển nào của nước Đại Nam, đều lấy tình hữu nghị mà tiếp đãi. Các binh thuyền ấy cho được phép tùy tiện mua sắm các thứ ăn dùng. Nếu có bị hư hỏng, cũng có thể mua các hạng liệu để sửa chữa lại, đều không trở ngại gì. Thuyền buôn của các nước ngoài, nếu có hư hỏng, hoặc bị nạn gió nguy cấp... cần phải vào cửa ngay để ỉn núp, không kể là vào cửa nào, cũng phải đối đãi theo lệ ấy, nhưng các thuyền ấy cũng chỉ nên ở tạm, đợi lặng gió là phải đi ngay, không được ở lâu cản trở hàng hóa lên buôn bán. Nếu các thuyền ấy không may bị chìm, hoặc vỡ ở gần bờ biển của nước Đại Nam, khi quan

sở tại đã được tin báo, thì phải cho cấp cứu ngay và phải tìm cách giúp đỡ cho các thứ cần dùng, cứu vớt những hàng hóa của các thuyền ấy, rồi phải tư báo cho quan lãnh sự ở gần nhất, để quan lãnh sự hội đồng với quan địa phương, giúp cách gì cho những người thủy thủ được trở về nước, và quy trí các hạng của cải ván gỗ hiện vớt lên được lại một chỗ. Nếu vớt lên được hàng hóa hạng gì, số là bao nhiêu sẽ trả lại cho nguyên chủ. Còn như cửa Thuận An, là chỗ gần đường sông của kinh thành nước Đại Nam, vì vậy các hạng binh thuyền ấy không được chèo đến trú nghỉ. Nếu như binh thuyền của nước Đại Pháp có vâng mệnh phái đệ một công việc gì cho triều đình nước Đại Nam, hoặc cho quan khâm sứ mà khẩn thì lúc đó phải được nước Đại Nam phê chuẩn cho vào cửa, mới được vào.

Khoản 27: Những thuyền buôn của nước Đại Nam đến buôn bán ở nước Đại Pháp, hoặc ở các cửa biển thuộc 6 tỉnh Nam Kỳ thuộc địa, cũng chỉ được chiếu theo thể lệ thuyền buôn của các nước rất thân của nước Đại Pháp mà nạp các hạng thuế thuyền một loạt như nhau.

Khoản 28: Triều đình nước Đại Pháp lại muốn xin y những điều đã nói trong khoản thứ 2 của Hòa ước ngày 15 tháng 3 dương lịch năm nay, ra sức đánh dẹp hết những bọn phi làm ngáng trở các đường buôn thủy và bộ, nhất là ở những cửa biển, những phố, hiện tại mới đương khai thương, để cho những người buôn nhờ thế mà được đi lại buôn bán làm ăn sinh sống.

Khoản 29: Bản Thương ước cũng nên cùng với bản Hòa ước mới năm nay (ngày 27 tháng Giêng lịch Nam, ngày 15 tháng 3 lịch Tây) tham chiếu thi hành một thể. [157a] Hễ khi nào việc hồ giao xong, thì hai nước nên tuân theo ngay. Nếu thương ước này có thể làm được xong với hòa ước cũng giao một thể,

hoặc có hơi chậm cũng không được quá ngày 15 tháng 3 Tây năm sau. Do đó mà các quan khâm sứ giao toàn quyền của hai nước đến ký tên đóng ấn, để làm bằng cứ. Thương ước này làm bằng chữ Nam, chữ Tây mỗi thứ đều hai bản, đối chiếu hai thứ chữ đều phù hợp thỏa định ở phủ Nguyên soái thành Gia Định, ngày 20 tháng Bảy năm Tự Đức thứ 27, tức là ngày 31 tháng 8 năm 1874./.

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

26 Lý Thường Kiệt - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: 024.39719073 - Fax: 024.39719071

Website: <http://nxbkhh.vass.gov.vn>

Email: nxbkhh@gmail.com

Chi nhánh Nhà xuất bản Khoa học xã hội

57 Sương Nguyệt Ánh - Phường Bến Thành - Quận I - TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 028.38394948 - Fax: 028.38394948

BỘ SƯU TẬP SỬ LIỆU PHÁP XÂM LƯỢC VIỆT NAM (1847 - 1887)

(Bản dịch trọn vẹn *Đương sự thủy lục*)

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. LÊ HỮU THÀNH

<i>Biên tập nội dung:</i>	ĐẬU VĂN NAM
<i>Kỹ thuật vi tính:</i>	NHẬT THIÊN QUANG
<i>Sửa bản in:</i>	ĐẬU VĂN NAM
<i>Trình bày bìa:</i>	GIA LONG

Liên kết xuất bản

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRI THỨC VĂN HÓA SÁCH VIỆT NAM
(VINABOOK JSC)**

Địa chỉ: 44 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (028) 35140632 * Fax (028) 35140635

In 500 bản, khổ 15x23cm, tại Công ty Cổ phần In SCITECH

Địa chỉ: D20/532H, Nguyễn Văn Linh, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh,
TP. Hồ Chí Minh

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 522-2019/CXBIPH/4 - 29/KHXX

Số quyết định xuất bản: 29/QĐ - NXBKHXH cấp ngày 05/03/2019

Mã số quốc tế - ISBN: 978-604-956-541-0

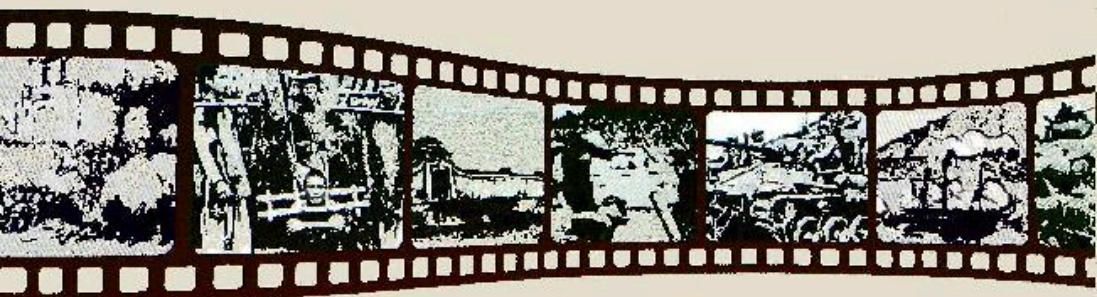
In xong và nộp lưu chiểu năm 2019.

BỘ SƯU TẬP SỬ LIỆU

PHÁP XÂM LƯỢC VIỆT NAM

1847 - 1887

(Bản dịch trọn vẹn Dương sự thủy mật)



Giá: 119.000 Đ



ISBN: 978-604-956-541-0

